

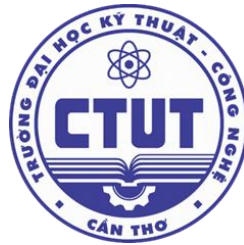
ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT - CÔNG NGHỆ CẦN THƠ



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH CÔNG NGHỆ SINH HỌC, TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Cần Thơ, tháng 12 - 2023

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT - CÔNG NGHỆ CẦN THƠ



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH CÔNG NGHỆ SINH HỌC, TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Cần Thơ, tháng 12 - 2023



**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH CÔNG NGHỆ SINH HỌC**

Quyết định số: 739/QĐ-ĐHKTCN ngày 30 tháng 12 năm 2023
Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Ký tên
1	Ông Huỳnh Thanh Nhã	PGS. TS, Hiệu trưởng	Chủ tịch	
2	Ông Trương Minh Nhật Quang	TS, Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch	
3	Bà Đoàn Thị Kiều Tiên	TS, Trưởng khoa Công nghệ sinh học - Công nghệ hóa học - Công nghệ thực phẩm	Phó Chủ tịch	
4	Ông Lê Anh Tuấn	ThS, Trưởng phòng Thanh tra - Pháp chế - Khảo thí - Đảm bảo chất lượng	Thư ký	
5	Ông Nguyễn Minh Tuấn	TS, Trưởng phòng Đào tạo	Thành viên	
6	Ông Nguyễn Đăng Hoa Nghiêm	TS, Phó Trưởng phòng Quản lý khoa học - Hợp tác quốc tế	Thành viên	
7	Ông Nguyễn Chí Hiếu	ThS, Trưởng phòng Công tác chính trị và Quản lý sinh viên	Thành viên	
8	Ông Lê Anh Xuân	TS, Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính	Thành viên	
9	Ông Võ Khắc Tâm	ThS, Trưởng phòng Quản trị - Thiết bị	Thành viên	
10	Ông Trần Long Hải	ThS, Trưởng phòng Tài chính - Kế toán	Thành viên	
11	Ông Nguyễn Hoàng Viện	ThS, Thư ký Hội đồng Trường	Thành viên	
12	Bà Lê Vũ Lan Phương	TS, Trưởng Bộ môn Công nghệ sinh học	Thành viên	
13	Bà Đinh Hoàng Lan Chi	TS, Giảng viên	Thành viên	
14	Ông Nguyễn Phúc Huy	ThS, Giảng viên	Thành viên	
15	Bà Nguyễn Thị Hồng Xuyên	ThS, Giảng viên	Thành viên	
16	Bà Nguyễn Ngọc Trang Thùy	ThS, Giảng viên	Thành viên	
17	Bà Nguyễn Xuân Hồng	ThS, Giảng viên	Thành viên	
18	Bà Trần Thị Thùy Linh	ThS, Giảng viên	Thành viên	
19	Bà Lê Tiểu My	Sinh viên lớp CNSH 2020	Thành viên	

(Danh sách gồm có 19 người)

MỤC LỤC

MỤC LỤC	i
DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT	iii
Phần I. KHÁI QUÁT	1
1. Đặt vấn đề	1
2. Tổng quan chung.....	6
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ.....	13
Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	13
Kết luận về Tiêu chuẩn 1:	21
Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo	22
Kết luận về Tiêu chuẩn 2:	27
Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung CTDH	28
Kết luận về tiêu chuẩn 3:.....	36
Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học	37
Kết luận về Tiêu chuẩn 4:	43
Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học	44
Kết luận về Tiêu chuẩn 5:	53
Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên	54
Kết luận về Tiêu chuẩn 6:	72
Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên	73
Kết luận về Tiêu chuẩn 7:	85
Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học	86
Kết luận về Tiêu chuẩn 8	96
Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị	97
Kết luận Tiêu chuẩn 9:	108
Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng	109
Kết luận Tiêu chuẩn 10:	123
Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra	124
Phần III. KẾT LUẬN.....	138
1. Tóm tắt những điểm mạnh và những điểm cần phát huy của CTĐT.....	138
2. Tóm tắt những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của CTĐT.....	144
3. Tóm tắt các kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT	148
4. Tổng hợp kết quả TĐG CTĐT	156
Phần IV. PHỤ LỤC	159
Phụ lục 1. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng chương trình đào tạo.....	159

Phụ lục 2. Quyết định thành lập Hội đồng TĐG, Ban thư ký và các Nhóm công tác chuyên trách.....	180
Phụ lục 3. Danh mục minh chứng	189

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

TỪ VIẾT TẮT	TỪ VIẾT ĐẦY ĐỦ
BGDĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo
BGH	Ban Giám hiệu
BLQ	Bên liên quan
Bộ GD&ĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo
CB	Cán bộ
CBVC	Cán bộ viên chức
CĐR	Chuẩn đầu ra
CLB	Câu lạc bộ
CLGD	Chất lượng giáo dục
CNSH	Công nghệ sinh học
CNSH-TP	Công nghệ Sinh Hóa - Thực phẩm
CNTT	Công nghệ thông tin
CSDL	Cơ sở dữ liệu
CSGD	Cơ sở giáo dục
CSVC	Cơ sở vật chất
CTCT&QLSV	Công tác chính trị và Quản lý sinh viên
CTDH	Chương trình dạy học
CTĐT	Chương trình đào tạo
CVHT	Cổ vấn học tập
ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
ĐCCT	Đề cương chi tiết
ĐH	Đại học
ĐHKTCNCT	Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ
DN	Doanh nghiệp
ĐT	Đào tạo
ĐTBD	Đào tạo bồi dưỡng
GDĐH	Giáo dục đại học
GS	Giáo sư
GV	Giảng viên
HĐKH&ĐT	Hội đồng khoa học và đào tạo
HP	Học phần
KĐCLGD	Kiểm định chất lượng giáo dục
KH&CN	Khoa học và công nghệ

TỪ VIẾT TẮT	TỪ VIẾT ĐẦY ĐỦ
KHCN	Khoa học công nghệ
KQHT	Kết quả học tập
KTĐG	Kiểm tra đánh giá
MC	Minh chứng
NCKH	Nghiên cứu khoa học
NCV	Nghiên cứu viên
NH	Người học
NTD	Nhà tuyển dụng
NV	Nhân viên
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
PGS	Phó Giáo sư
PPDH	Phương pháp dạy học
PPGD	Phương pháp giảng dạy
PPKTĐG	Phương pháp kiểm tra đánh giá
PVCĐ	Phục vụ cộng đồng
QLCL	Quản lý chất lượng
QLKH-HTQT	Quản lý khoa học - Hợp tác quốc tế
QTTB	Quản trị thiết bị
SV	Sinh viên
TCHC	Tổ chức hành chính
TĐG	Tự đánh giá
ThS	Thạc sĩ
TLGD	Triết lý giáo dục
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TS	Tiến sĩ
TT-PC-KT-ĐBCL	Thanh tra - Pháp chế - Khảo thí - Đảm bảo chất lượng
UBND	Ủy ban nhân dân
XH	Xã hội

Phần I. KHÁI QUÁT

1. Đặt vấn đề

1.1. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo

Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ được thành lập theo Quyết định số 249/QĐ-TTg ngày 29 tháng 01 năm 2013 của Thủ tướng chính phủ, trên cơ sở nâng cấp Trung tâm Đại học Tại chức Cần Thơ được hình thành từ năm 1981. Trường là cơ sở giáo dục đại học công lập duy nhất trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ, có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực có đạo đức tốt, có chuyên môn cao, có khả năng tiếp cận nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ tiên tiến trong các lĩnh vực quản lý, kỹ thuật, công nghệ, đáp ứng nhu cầu phát triển của thành phố Cần Thơ, vùng đồng bằng sông Cửu Long và cả nước. Năm 2020, Trường đã tiến hành kiểm định chất lượng trường đại học và được Trung tâm Kiểm định CLGD - Đại học Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục cho Trường ĐHKTCNCT (Quyết định số 26/QĐ-CEA.UD ngày 19/01/2021 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Đà Nẵng). Trường tích cực triển khai nhiều hoạt động như: cải tiến, nâng cao chất lượng cơ sở giáo dục trên các lĩnh vực đào tạo (ĐT), nghiên cứu khoa học (NCKH), phục vụ cộng đồng (PVCD) và tập trung triển khai tự đánh giá các chương trình đào tạo (CTĐT) có sinh viên tốt nghiệp theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ GD&ĐT; Hướng dẫn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng; Hướng dẫn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng. Đến tháng 10 năm 2023, Trường có 6 ngành đạt kiểm định CTĐT (Công nghệ thực phẩm; Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng; Hệ thống thông tin và Quản lý công nghiệp).

Ngành Công nghệ sinh học (CNSH) trình độ đại học (ĐH) của Trường ĐHKTCNCT được Bộ GD&ĐT cho phép đào tạo từ năm 2018. Trong giai đoạn 2018 - 2023, Trường đã tuyển sinh được 06 khóa (từ khóa 2018 đến khóa 2023), trong đó có 02 khóa đã tốt nghiệp (khóa 2018 và khóa 2019). Thông qua CTĐT này, Trường đã góp phần đào tạo nguồn nhân lực quản lý chất lượng cao cho xã hội. Trong xu thế đổi mới cơ chế hoạt động theo hướng tự chủ, nâng cao trách nhiệm giải trình trước xã hội, Trường lập báo cáo tự đánh giá (TĐG) các CTĐT, trong đó có CTĐT ngành CNSH trình độ ĐH. Nội dung báo cáo được khái quát như sau:

- Về mục tiêu và chuẩn đầu ra (CDR) của CTĐT: Trường và Khoa đã tập trung nghiên cứu xây dựng CTĐT với những yêu cầu về CDR được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Trường và đáp ứng yêu cầu của người học (NH).

- Về bản mô tả CTĐT: CTĐT được mô tả với đầy đủ các thông tin và được công

bổ công khai, phục vụ nhu cầu tìm hiểu của NH trước khi đăng ký tham gia hoặc cho người đang học chủ động trong công tác học tập và nghiên cứu. Đề cương các học phần cũng được xây dựng và công bố công khai nhằm hỗ trợ NH chuẩn bị cho từng học phần trước khi chính thức bắt đầu học tập. CTĐT và các đề cương định kỳ được rà soát và bổ sung cập nhật theo quy định cũng như yêu cầu của thực tế.

- *Về cấu trúc và nội dung chương trình dạy học (CTDH):* CTDH có cấu trúc hợp lý giữa các khối kiến thức, đảm bảo tính liên mạch, bổ sung hỗ trợ nhau trong quá trình triển khai. Nội dung CTDH được giảng viên (GV) biên soạn cho từng học phần, bao gồm đầy đủ các thông tin về phương pháp giảng dạy (PPGD), cách thức học tập nghiên cứu, đánh giá kiểm tra, tài liệu tham khảo nhằm giúp NH từng bước đạt CĐR sau quá trình học tập.

- *Về phương pháp tiếp cận trong dạy và học:* Trường đã chú trọng và xác định công tác đổi mới xây dựng các CTĐT, phương pháp tiếp cận dạy và học, phương pháp kiểm tra đánh giá (PPKTĐG) nhằm đạt được các yêu cầu của CĐR. Sự đổi mới này thực hiện dựa trên những định hướng chung của Đảng, Nhà nước và Bộ GD&ĐT tăng cường tính chủ động sáng tạo, phát huy năng lực tự học, tự nghiên cứu, và khả năng làm việc theo nhóm của NH trong trường ĐH. Chủ trương của Trường không ngừng đa dạng hóa các phương pháp dạy học (PPDH), tăng cường áp dụng công nghệ thông tin (CNTT) vào quá trình dạy học.

- *Về đánh giá kết quả học tập (KQHT) của NH:* Việc đánh giá kết quả học tập của NH được thiết kế để đo lường được mức độ đạt được của CĐR, bao trùm được cả kiến thức và kỹ năng chung cũng như chuyên ngành. Các quy định về đánh giá KQHT của NH theo CTĐT đều được thông báo công khai tới NH qua nhiều kênh để đảm bảo tất cả NH đều hiểu rõ. Phương pháp đánh giá KQHT đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng đồng thời được ghi chép lại để đánh giá, phát triển và thử nghiệm các phương pháp mới. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để NH cải thiện việc học tập và nghiên cứu của mình, đồng thời tạo điều kiện cho NH tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về KQHT của mình.

- *Về đội ngũ GV:* Đội ngũ GV tham gia giảng dạy và hướng dẫn chương trình sau đại học được quy hoạch, tuyển dụng đáp ứng yêu cầu ĐT, NCKH và các hoạt động PVCĐ. Đội ngũ GV có năng lực chuyên môn cao, tích cực tham gia các hoạt động NCKH và thương mại hóa kết quả nghiên cứu. Việc tuyển dụng, đề bạt cán bộ được thực hiện công khai, đúng quy định và dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm giảng dạy và thành tích học thuật. Việc phân công trách nhiệm ĐT và mối quan hệ công tác được phân định rõ ràng, phù hợp với trình độ, kinh nghiệm kỹ năng của GV. Việc quản lý theo kết quả công việc và ghi nhận thành tích của GV, tạo động lực cho việc hoàn thành trách nhiệm giảng dạy, nghiên cứu và các hoạt động PVCĐ.

- *Về đội ngũ nhân viên (NV)*: Đội ngũ NV của Trường được quy hoạch, tuyển dụng đáp ứng yêu cầu ĐT, NCKH và các hoạt động PVCD. Đội ngũ NV của Trường có tinh thần phục vụ cao, có năng lực chuyên môn và luôn sẵn sàng tham gia các khóa ĐT nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Với mục tiêu nâng cao chất lượng ĐT, Trường ĐHKTCNCT luôn xác định xây dựng và phát triển đội ngũ NV là nhiệm vụ hết sức quan trọng. Trường đã thực hiện tốt kế hoạch tuyển dụng viên chức, tạo điều kiện thuận lợi cho nhiều NV được ĐT, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Đội ngũ hỗ trợ của Trường đáp ứng được các yêu cầu về phẩm chất, đạo đức và năng lực công tác.

- *Về NH và hoạt động hỗ trợ NH*: Trường và Khoa đã xây dựng bộ máy, phân công trách nhiệm hỗ trợ sinh viên (SV) trong quá trình học tập tại Trường; xác định chính sách tuyển sinh rõ ràng, phù hợp với quy định pháp luật, công bố công khai và có điều chỉnh, cập nhật; xây dựng tiêu chí tuyển sinh, xác định các đối tượng ưu tiên, có sự tham gia của các cơ quan, đơn vị sử dụng lao động; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá tiến độ của SV cả về khối lượng lẫn chất lượng học tập; đã triển khai các hoạt động tư vấn, ngoại khóa và các hoạt động hỗ trợ khác cho SV. Trường quan tâm và tạo môi trường, cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động ĐT, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân NH.

- *Về cơ sở vật chất (CSVC) và trang thiết bị*: Trường đã từng bước hoàn thiện về CSVC, có kế hoạch đầu tư cụ thể nhằm tăng diện tích phòng học, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy, phục vụ SV, tăng cường ứng dụng CNTT vào hoạt động quản lý, điều hành. Với nguồn lực hiện có, Trường luôn đảm bảo các điều kiện về CSVC và trang thiết bị học tập để triển khai các hoạt động ĐT và NCKH nhằm đạt được mục tiêu và nhiệm vụ đã đề ra. Điều này được thể hiện qua hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng thực nghiệm và hệ thống tài liệu, tư liệu khoa học ngành CNSH phục vụ cho công tác giảng dạy, học tập, NCKH và các hoạt động khác.

- *Về nâng cao chất lượng*: Trường và Khoa đã đánh giá nhu cầu của các bên liên quan (BLQ) và sử dụng thông tin phản hồi làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTĐT. Quá trình này lặp lại với tần suất 02 năm/lần kể từ năm 2018, được đánh giá và cải tiến trong quá trình thực hiện. Trong quá trình tổ chức và quản lý ĐT, hoạt động giảng dạy, học tập và KQHT của SV được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích tại Thư viện và các dịch vụ hỗ trợ khác thường xuyên được đánh giá và cải tiến.

- *Về kết quả đầu ra*: Trường đã từng bước xây dựng và hoàn thiện hệ thống quản lý tiến độ ĐT ngành CNSH trình độ ĐH; xây dựng quy trình, phân công bộ phận chịu trách nhiệm theo dõi, đánh giá tiến độ học tập, tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học; phân tích nguyên nhân và đề ra các giải pháp đảm bảo tiến độ học tập và nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp. Trường xây dựng cơ sở dữ liệu về việc làm của SV, định kỳ tiến hành khảo sát NH tốt

ng nghiệp và nhà tuyển dụng (NTD) về cải thiện cơ hội việc làm sau tốt nghiệp. Trường cũng đã xây dựng quy trình, phân công bộ phận tiếp nhận phản hồi từ các BLQ; định kỳ triển khai các hoạt động khảo sát ý kiến phản hồi, làm cơ sở để cải tiến CTĐT.

Kết cấu báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành CNSH: Báo cáo TĐG CTĐT ngành CNSH trình độ ĐH là sản phẩm của quá trình TĐG khách quan, trung thực, công khai, minh bạch. Báo cáo TĐG dựa trên bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ GD&ĐT ban hành. Cấu trúc của báo cáo TĐG CTĐT ngành CNSH gồm 04 phần như sau:

Phần I: Khái quát, bao gồm việc mô tả tóm tắt báo cáo TĐG CTĐT; các tiêu chí được đánh giá theo các tiêu chuẩn cụ thể, tổng quan chung về cơ sở giáo dục (CSGD) và đơn vị ĐT là Khoa Công nghệ sinh học - Công nghệ hóa học - Công nghệ thực phẩm.

Phần II: Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí với các tiêu mục lần lượt là: (1) Mô tả - phân tích chung về toàn bộ tiêu chuẩn và chỉ ra các minh chứng cụ thể; (2) Điểm mạnh - nêu những điểm mạnh của CTĐT; (3) Điểm tồn tại; (4) Kế hoạch hành động; (5) Tự đánh giá.

Phần III: Kết luận về những điểm mạnh, điểm cần phát huy của đơn vị ĐT, được tổng hợp theo từng tiêu chuẩn, tóm tắt những tồn tại, cần cải tiến chất lượng, kế hoạch cải tiến chất lượng và tổng hợp kết quả TĐG.

Phần IV: Phụ lục, bao gồm bảng tổng hợp kết quả TĐG CTĐT theo Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD của Cục QLCL - Bộ GD&ĐT, bao gồm cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng giáo dục CTĐT, các quyết định văn bản liên quan khác và các danh mục minh chứng (MC).

Mã hóa MC: Phương pháp mã hóa MC được thực hiện theo hướng dẫn của Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD của Cục QLCL - Bộ GD&ĐT. Mã thông tin và MC được ký hiệu bằng chuỗi có ít nhất 11 ký tự, bao gồm 1 chữ cái, ba dấu chấm và 7 chữ số; cứ 2 chữ số có 1 dấu chấm (.) để phân cách theo công thức sau: **Hn.ab.cd.ef**

Trong đó:

- H: viết tắt “Hộp minh chứng” (Minh chứng của mỗi tiêu chuẩn được tập hợp trong 1 hộp hoặc một số hộp)

- n: số thứ tự của hộp minh chứng được đánh số từ 1 đến hết (trường hợp $n \geq 10$ thì chuỗi ký hiệu có 12 ký tự trở lên).

- ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10)

- cd: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 01, tiêu chí 10 viết 10)

- ef: số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí (thông tin và minh chứng thứ nhất viết 01, thứ 15 viết 15...)

Ví dụ:

H1.01.01.01: là MC thứ nhất của tiêu chí 1 thuộc tiêu chuẩn 1, được đặt ở hộp 1;

H3.03.02.15: là MC thứ 15 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 3, được đặt ở hộp 3;

H4.04.03.25: là MC thứ 25 của tiêu chí 03 thuộc tiêu chuẩn 4, được đặt ở hộp 4;

H8.10.02.04: là MC thứ 4 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 10, được đặt ở hộp 8;

H10.10.02.04: là MC thứ 4 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 10, được đặt ở hộp 10.

1.2. Mục đích, quy trình TĐG CTĐT, phương pháp và công cụ đánh giá

Mục đích TĐG: Đánh giá tổng thể các hoạt động của ngành CNSH theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT của Bộ GD&ĐT là một khâu quan trọng trong việc đảm bảo chất lượng CTĐT của Trường ĐHKTCNCT. Quá trình tự đánh giá giúp Trường nói chung và Khoa CNSH-TP nói riêng tự rà soát, xem xét, đánh giá thực trạng của CTĐT ngành CNSH, hiệu quả hoạt động ĐT, NCKH, nhân lực, CSVC và các vấn đề liên quan khác thuộc CTĐT; xây dựng và triển khai các kế hoạch hành động nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng CTĐT; từ đó tiến hành điều chỉnh các nguồn lực nhằm đạt tiêu chuẩn chất lượng ĐT, tiệm cận tiêu chuẩn quốc tế của khu vực và các nước trên thế giới. TĐG là cơ sở để đăng ký đánh giá ngoài và đề nghị công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng CTĐT ngành CNSH.

Quy trình TĐG được thực hiện gồm các bước sau:

Bước 1: Thành lập Hội đồng TĐG chất lượng CTĐT ngành CNSH;

Bước 2: Lập kế hoạch TĐG chất lượng CTĐT ngành CNSH;

Bước 3: Thu thập, phân tích, xử lý thông tin và minh chứng;

Bước 4: Viết báo cáo TĐG;

Bước 5: Lưu trữ và sử dụng báo cáo TĐG;

Bước 6: Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo TĐG.

Trường ban hành quyết định thành lập Hội đồng TĐG cho CTĐT ngành CNSH và thành lập các nhóm công tác chuyên trách phụ trách theo tiêu chuẩn cụ thể. Hội đồng TĐG đã được tham gia các buổi tập huấn và hướng dẫn chi tiết quy trình TĐG. Sau đó, Hội đồng TĐG xây dựng kế hoạch chi tiết cho quá trình đánh giá CTĐT, tổ chức họp để phổ biến kế hoạch và phân công công việc cho các thành viên. Tiếp đến tiến hành thu thập, phân tích, xử lý thông tin và minh chứng. Các nhóm công tác chịu trách nhiệm thu thập thông tin và minh chứng liên quan đến các tiêu chí đánh giá. Các dữ liệu thu được sẽ được xử lý và phân tích nhằm đánh giá mức độ đáp ứng của CTĐT so với các tiêu chuẩn. Báo cáo TĐG được viết dựa trên các tiêu chuẩn với sự tham gia và thống nhất của tất cả các thành viên Hội đồng. Quá trình viết báo cáo được thực hiện cẩn thận, có sự nỗ lực của toàn bộ các nhóm nhằm đảm bảo chất lượng và tính khách quan của báo cáo. Sau khi hoàn thành, báo cáo TĐG được lưu trữ cẩn thận tại trường, khoa. Dựa trên những điểm mạnh và yếu được xác định trong báo cáo TĐG, trường sẽ triển khai các hoạt động cải tiến, điều chỉnh CTĐT để nâng cao chất lượng.

Phương pháp TĐG: Phương pháp TĐG chủ yếu là thu thập thông tin, minh chứng

từ các nguồn ở trong và ngoài trường giai đoạn 2018 - 2023, trên cơ sở đó mô tả phân tích thực trạng, đánh giá điểm mạnh, điểm tồn tại từ đó đưa ra kế hoạch hành động phù hợp và khả thi.

Công cụ TĐG: Bản “*Báo cáo tự đánh giá CTĐT CNSH, trình độ ĐH*” là sản phẩm của một quá trình TĐG khách quan, trung thực, dân chủ, minh bạch và công khai CTĐT ngành CNSH - Khoa CNSH-TP theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT của Bộ GD&ĐT (Thông tư 17/2021/TT- BGDDĐT ngày 22 tháng 06 năm 2021).

Trường đã ban hành Quyết định số 711/QĐ-ĐHKTCN ngày 05 tháng 10 năm 2022 về việc thành lập Hội đồng TĐG chương trình CNSH, trình độ ĐH và Kế hoạch số 939/KH-ĐHKTCN ngày 05 tháng 10 năm 2022 Kế hoạch TĐG CTĐT CNSH trình độ ĐH, hình thức ĐT chính quy. Ban thư ký thuộc Hội đồng TĐG đã được tập huấn, hướng dẫn chi tiết quy trình TĐG và viết báo cáo; các nhóm công tác chuyên trách chịu trách nhiệm một số tiêu chuẩn được phân công. Hội đồng TĐG bao gồm đại diện Ban giám hiệu, giảng viên Bộ môn CNSH, khoa CNSH-TP và đại diện các viên chức thuộc phòng ban, Trung tâm trong trường. Công tác TĐG được tiến hành dưới sự chỉ đạo chung của BGH. Các phòng ban có liên quan huy động toàn bộ nguồn lực GV, SV để hỗ trợ thực hiện các bước quy trình TĐG. Để triển khai TĐG, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL tiến hành họp phổ biến kế hoạch tiến độ chi tiết và phân công rõ ràng từng mảng công việc như: điều tra khảo sát ý kiến các BLQ như giảng viên, sinh viên, nhà tuyển dụng, chuyên gia để thu thập thông tin phản hồi về chất lượng hoạt động; thu thập, phân loại, mã hóa MC theo các tiêu chí đánh giá; viết báo cáo tiêu chí; dự thảo báo cáo TĐG; sắp xếp MC. Ngoài ra, các đơn vị thuộc Trường cung cấp số liệu, thông tin MC cần thiết khi có yêu cầu từ Phòng TT-PC-KT-ĐBCL.

2. Tổng quan chung

2.1. Giới thiệu về Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ

Trường ĐHKTCNCT được thành lập theo Quyết định số 249/QĐ-TTg ngày 29 tháng 01 năm 2013 của Thủ tướng chính phủ, trên cơ sở nâng cấp Trung tâm Đại học Tại chức Cần Thơ được hình thành từ năm 1981. Trường là cơ sở giáo dục ĐH công lập duy nhất trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ, có sứ mạng ĐT nguồn nhân lực có đạo đức tốt, có chuyên môn cao, có khả năng tiếp cận NCKH, ứng dụng và chuyển giao công nghệ tiên tiến trong các lĩnh vực quản lý, kỹ thuật, công nghệ, đáp ứng nhu cầu phát triển của thành phố Cần Thơ, vùng đồng bằng sông Cửu Long và cả nước. Năm 2020, Trường đã tiến hành kiểm định chất lượng trường ĐH và được Trung tâm Kiểm định CLGD - Đại học Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục cho Trường ĐHKTCNCT (Quyết định số 26/QĐ-CEA.UD ngày 19/01/2021 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Đà Nẵng). **Sứ mạng - Tầm nhìn** của Trường được công bố:

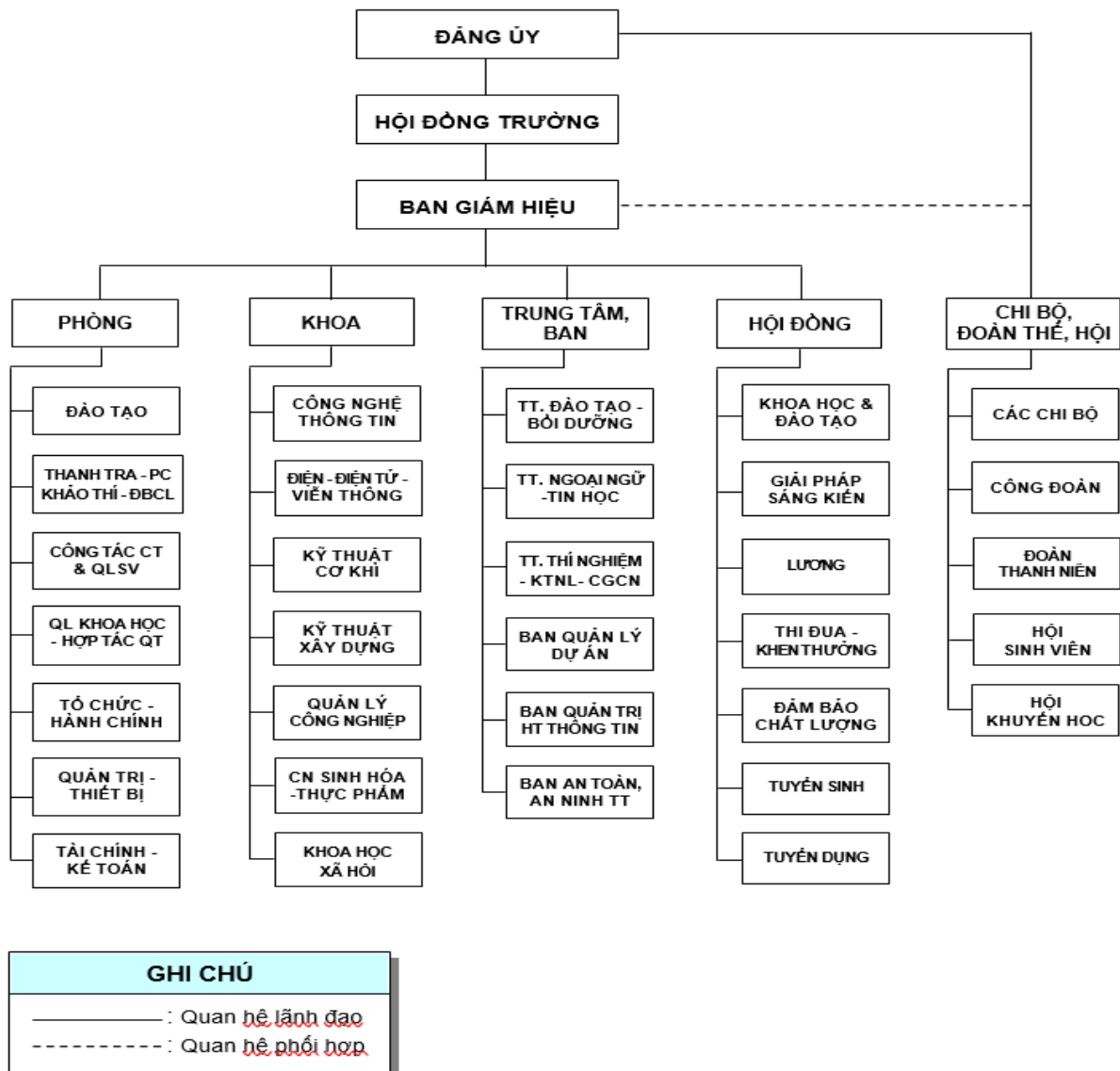
Sứ mạng: Trường ĐHKTCNCT có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực có đạo đức tốt, có chuyên môn cao, có khả năng tiếp cận nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ tiên tiến trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ, đáp ứng nhu cầu phát triển của thành phố Cần Thơ, vùng Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước.

Tầm nhìn: Đến năm 2030, Trường ĐHKTCNCT trở thành trường đại học theo định hướng ứng dụng, quản lý liên ngành kỹ thuật công nghệ phù hợp với xu thế phát triển trong thời kỳ Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

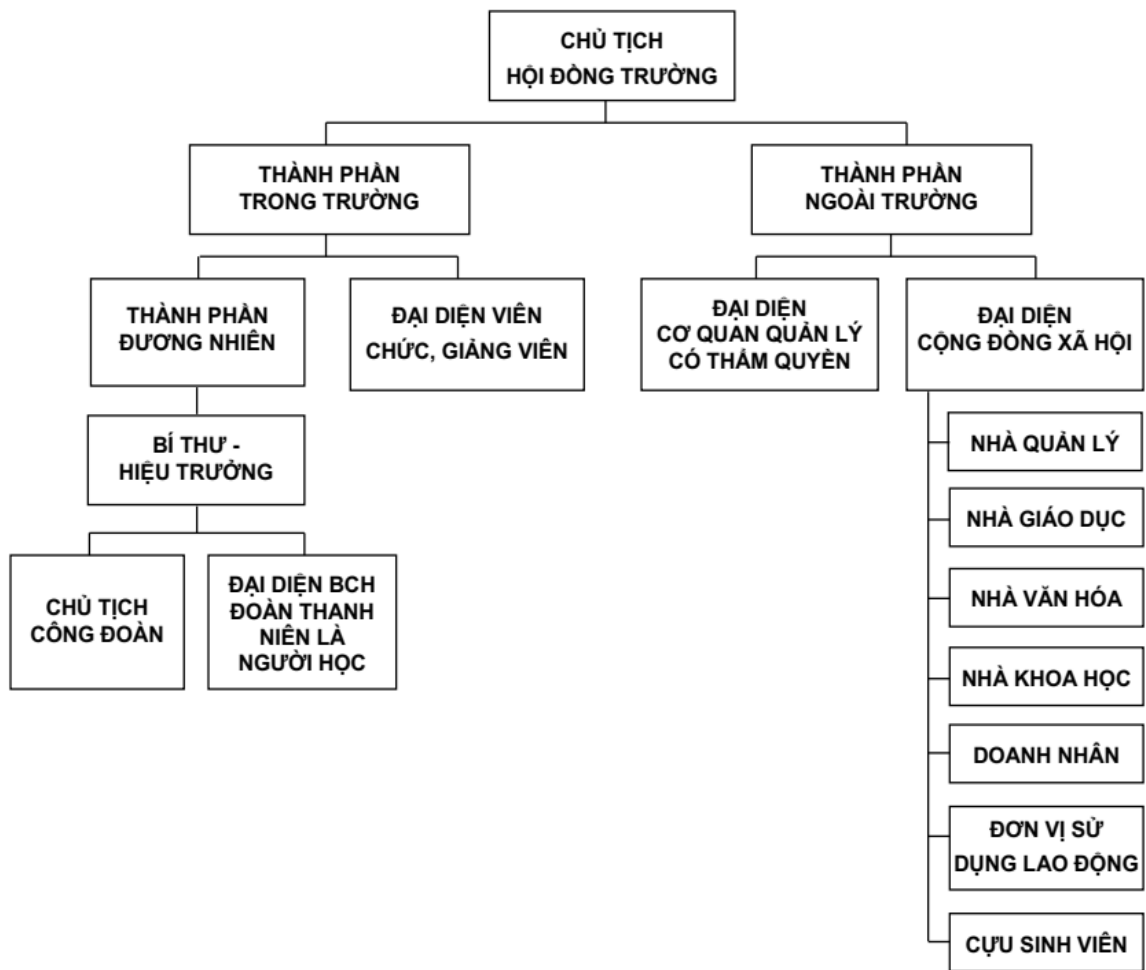
Giá trị cốt lõi: “Chất lượng - Sáng tạo - Năng động - Phát triển”.

Triết lý giáo dục: “Đức trí - Kỹ năng - Sáng tạo - Hội nhập”.

Cơ cấu tổ chức Trường ĐHKTCNCT gồm Hội đồng trường, Đảng ủy và các đoàn thể, Ban Giám hiệu (01 Hiệu trưởng, 02 Phó hiệu trưởng), 07 phòng chức năng, 07 Khoa chuyên môn, 03 Trung tâm, đơn vị phục vụ đào tạo, nghiên cứu. Cơ cấu tổ chức trường ĐHKTCNCT được thể hiện ở hình 0.1 và cơ cấu tổ chức của Hội đồng Trường được thể hiện hình 0.2.



Hình 0.1. Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Trường



Hình 0.2. Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Hội đồng Trường

Về nhân lực: Tính đến tháng 12/2023, Trường có 07 phòng, 07 khoa và 03 trung tâm trực thuộc. Tổng số cán bộ (CB), GV và NV của trường 266 người, trong đó GV cơ hữu 246 người, viên chức quản lý hành chính 20 người. Phân loại GV cơ hữu theo trình độ, Trường có 04 Phó Giáo sư (PGS), 47 Tiến sĩ (TS), 189 Thạc sĩ (ThS) và 06 ĐH. Trường có thỉnh giảng 45 GV hỗ trợ công tác giảng dạy, trong đó có 02 PGS, 17 TS, 36 ThS.

Về ĐT: Tổng số SV của trường là 5184 SV thuộc 22 ngành ĐT trình độ ĐH chính quy. Khoa CNSH-TP chịu trách nhiệm ĐT 03 ngành (Công nghệ sinh học, Công nghệ kỹ thuật hóa học, Công nghệ thực phẩm) với 738 SV đang học, trong đó ngành CNSH có 225 SV đang học.

Về NCKH: Trường rất chú trọng công tác NCKH và xem hoạt động NCKH là biện pháp nâng cao chất lượng ĐT của Trường. Từ năm 2018 tới nay, Trường có 98 đề tài NCKH cấp cơ sở được nghiệm thu, đưa vào ứng dụng; 02 đề tài NCKH cấp Thành phố đã nghiệm thu, đăng ký giải pháp hữu ích; 01 đề tài NCKH cấp huyện đã hoàn tất. Trong năm 2023, Trường có 23 đề tài NCKH cấp cơ sở đã được Hiệu trưởng ra quyết định công nhận kết quả thực hiện. Tính đến nay, Trường đã có 200 bài báo khoa học

đăng trên tạp chí quốc tế, 240 bài báo khoa học đăng trên tạp chí trong nước có phản biện và 01 sách chuyên khảo xuất bản quốc tế. Bên cạnh đó, NCKH trong SV cũng được quan tâm, có 35 đề tài sinh viên được nghiệm thu, 13 bài báo sinh viên tham gia xuất bản và một số đề tài đã đạt được thành tích cao trong các cuộc thi khoa học và công nghệ (KH&CN). Hằng năm, Trường tổ chức các buổi báo cáo khoa học cấp khoa và cấp trường thu hút sự quan tâm của GV, cán bộ viên chức (CBVC) và SV. Tính đến nay, Trường có 261 báo cáo khoa học cấp khoa, 59 báo cáo khoa học cấp trường. Năm 2023, Trường đã tổ chức được 12 Báo cáo khoa học cấp Khoa và 07 Báo cáo khoa học cấp Trường.

Hoạt động quan hệ hợp tác, đối tác: Trường ĐHKTCNCT luôn tìm kiếm cơ hội hợp tác với các đối tác là các trường ĐH, các công ty trong và ngoài nước. Tính đến năm 2023, Trường đã ký kết được 15 Thỏa ước khung và Biên bản ghi nhớ hợp tác với các trường ĐH và công ty nước ngoài như: Trường ĐH Ruse (Bulgaria), Trường ĐH Soonchunhyang (Hàn Quốc), Trường ĐH Victoria Wellington (New Zealand), Trường ĐH Califonia Baptist (Hoa Kỳ), Trường ĐH Rajabhat Rajanagarindra (Thái Lan), Trường ĐH Khoa Học và Công Nghệ Quốc Gia Cao Hùng (Đài Loan), Công ty TNHH LinQ (New Zealand), Trường ĐH Chodang (Hàn Quốc), Học viện Máy tính Kobe (Nhật Bản) và Học viện Ngoại ngữ Okayama (Nhật Bản), Trường ĐH Kỹ thuật Hải Dương, Đài Bắc, Đài Loan (Trung Quốc); Các trường ĐH, cao đẳng tại Đài Loan (Trung Quốc), Trường ĐH Khoa học kỹ thuật Long Hoa, Đài Loan (Trung Quốc); Trường ĐH Công nghệ HungKuo Delin, Đài Loan (Trung Quốc), Trường ĐH Yuan Ze, Đài Loan (Trung Quốc). Trường hợp tác với Học viện Ngoại ngữ Okayama để mở trung tâm ĐT Tiếng Nhật tại Trường trong năm 2019, triển khai thực hiện chương trình tiếp nhận, trao đổi tình nguyện viên với các tổ chức quốc tế như chương trình Fulbright (Hoa Kỳ), ĐH Rajahat Rajanagarinda (Thái Lan), chương trình KIV (Hàn Quốc).

Trường đã tổ chức 32 Hội thảo trong nước và quốc tế tại Trường. Trong năm 2016, Trường phối hợp với Trường ĐH Bách Khoa Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức thành công Hội nghị Quốc tế ACOMP & FDSE 2016 thu hút được sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu, các giáo sư (GS), PGS, chuyên gia, GV, nghiên cứu sinh trong và ngoài nước tham dự. Năm 2017, Trường phối hợp với Trung tâm Động lực học thủy khí môi trường Trường ĐH Khoa học Tự nhiên - ĐH Quốc gia Hà Nội tổ chức thành công Hội nghị Khoa học Cơ học thủy khí toàn quốc lần thứ 20 tại Cần Thơ. Năm 2016, Trường tổ chức thành công Hội thảo Gắn kết Trường với Doanh nghiệp. Năm 2018, Trường phối hợp với Trường ĐH Bách khoa Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức Hội nghị quốc tế về Logistics và Kỹ thuật công nghiệp tại Trường ĐH Bách khoa Thành phố Hồ Chí Minh. Trong năm 2019, có 7 Hội thảo được tổ chức, Trường đã phối hợp với Công ty TNHH đào tạo và tư vấn du học Minh Tú tổ chức thành công Hội thảo quốc tế “Học

tiếng Nhật và cơ hội việc làm cho sinh viên CTUT” và phối hợp với các doanh nghiệp, công ty tổ chức “Tọa đàm Kết nối doanh nghiệp - Sinh viên” năm 2019. Trong năm 2020, Trường tổ chức 04 Hội thảo trong đó, Trường đã phối hợp với các doanh nghiệp, công ty tổ chức “Tọa đàm Kết nối doanh nghiệp - Sinh viên” năm 2020. Trong năm 2022, Trường tổ chức 06 Hội thảo, với các chuyên đề về: (1) Ứng dụng Khoa học và Công nghệ trong xây dựng - Định hướng sáng tạo khởi nghiệp; (2) Cơ điện tử và Tự động hóa lần thứ 1; (3) Ứng dụng Công nghệ thông tin trong nghiên cứu và định hướng việc làm sinh viên; (4) Giải pháp tự động hóa, số hóa cho các doanh nghiệp của Siemens và các vấn đề về khởi nghiệp; (5) Giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo tại Khoa; (6) Nâng cao năng lực chuyển đổi số, tự động hóa và quản lý hiệu quả năng lượng trong sản xuất công nghiệp. Và tổ chức chương trình tọa đàm “Kết nối doanh nghiệp với sinh viên ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng”. Trong năm 2023, Trường tổ chức 06 Hội thảo, chủ đề: (1) Việc làm và kỹ năng mềm theo xu hướng của thị trường lao động; (2) Vấn đề chuyển đổi số trong cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng tại thành phố Cần Thơ năm 2023; (3) Ứng dụng Công nghệ thông tin và Chuyển đổi số trong ngành xây dựng; (4) Hội thảo “Công nghệ số và chuyển đổi năng lượng xanh cho sản xuất thông minh”; (5) Làm việc - Học tập sau tốt nghiệp đại học - Giới thiệu sản phẩm khoa học công nghệ; (6) Hội thảo về Cơ điện tử và Tự động hóa lần thứ 2.

Trong quá trình thành lập và phát triển Trường, tập thể CBVC và các tổ chức đoàn thể, chính trị - xã hội của Trường đã nhận được nhiều bằng khen, giấy khen của Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố Cần Thơ, Đảng ủy Khối cơ quan Dân chính Đảng, Trung ương Đoàn và Thành đoàn Cần Thơ, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và Liên đoàn Lao động thành phố Cần Thơ.

Hoạt động PVCD: Trường chú trọng tổ chức các buổi hội thảo, chuyên đề hướng nghiệp và ngày hội việc làm. Các tập đoàn, doanh nghiệp trong và ngoài nước được mời để trao đổi và chia sẻ kinh nghiệm và kiến thức thực tiễn. Những hoạt động này cùng với những hỗ trợ/hợp tác khác đã giúp hàng trăm SV có cơ hội thực tập và được tuyển dụng ngay khi tốt nghiệp.

Góp phần phục vụ và phát triển cộng đồng, các hoạt động hợp tác nghiên cứu phát triển, chuyển giao công nghệ và đào tạo nhân lực với các chính quyền địa phương đã được đẩy mạnh trong thời gian qua. Theo đó, Trường đã ký kết hợp tác với nhiều địa phương. Nhiều hội thảo và kết quả nghiên cứu về phát triển kinh tế - xã hội đã được triển khai tại các địa phương và đem lại kết quả tích cực, đóng góp vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội tại các địa phương.

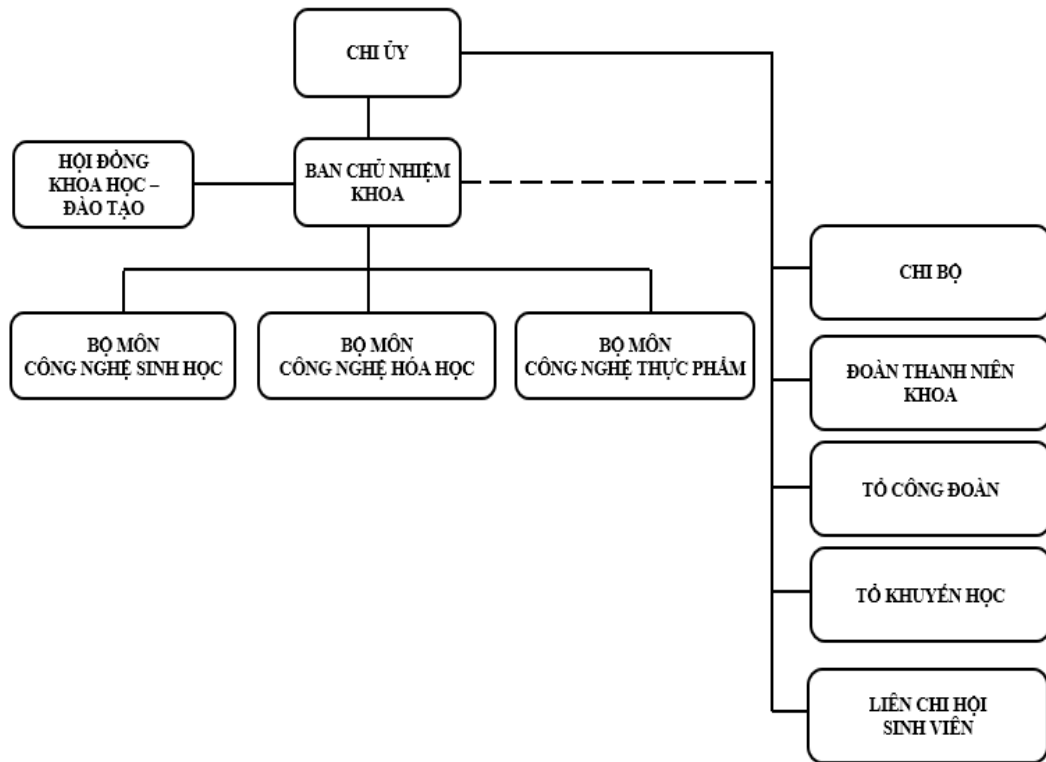
Hàng năm, Đoàn Thanh niên tổ chức SV tham gia chiến dịch mùa hè xanh giúp đỡ những địa phương còn khó khăn về vật chất cũng như tinh thần, bên cạnh hoạt động mùa hè xanh Trường còn tổ chức nhiều hoạt động khác như: chiến dịch tình nguyện hiến

máu nhân đạo mỗi năm trên 100 đơn vị máu, tổ chức làm lồng đèn (gần 1000 chiếc) tặng cho các cháu thiếu nhi có hoàn cảnh khó khăn. Bên cạnh đó, Trường còn thường xuyên hưởng ứng và tham gia các chương trình nhân đạo khác do Công đoàn cấp trên phát động.

2.2. Giới thiệu về Khoa Công nghệ sinh học - Công nghệ hóa học - Công nghệ thực phẩm

Khoa Công nghệ sinh học - Công nghệ hóa học - Công nghệ thực phẩm được phát triển từ Khoa Công nghệ thực phẩm và Công nghệ sinh học, đơn vị được thành lập theo Quyết định số 66/QĐ-ĐHKTCN ngày 11 tháng 4 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ. Đến năm 2021, Khoa Công nghệ thực phẩm và Công nghệ sinh học được chuyển thành Khoa Công nghệ sinh học - Công nghệ hóa học - Công nghệ thực phẩm (viết tắt là Khoa Công nghệ Sinh Hóa - Thực phẩm, Khoa CNSH-TP) theo Quyết định số 275/QĐ-ĐHKTCN ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường ĐHKTCNCT. Khoa CNSH-TP có nhiệm vụ ĐT trình độ ĐH và sau đại học, mở các ngành và chuyên ngành ĐT, đồng thời tổ chức các hoạt động khoa học và công nghệ, chủ động khai thác các dự án hợp tác trong và ngoài nước, phối hợp với các tổ chức KH&CN, cơ sở sản xuất, kinh doanh và đời sống xã hội.

Để thực hiện tốt hoạt động giảng dạy và NCKH, đội ngũ giảng viên Khoa CNSH-TP luôn không ngừng tự học hỏi, trau dồi kiến thức và kỹ năng chuyên môn đồng thời học tập và nâng cao trình độ. Hiện tại, Khoa có tổng số 33 viên chức giảng viên, trong đó có 08 CBGV nam và 25 CBGV nữ. Cơ cấu tổ chức của Khoa gồm Ban Chủ nhiệm Khoa có 01 CBGV giữ nhiệm vụ Trưởng Khoa, 01 CBGV được giao kiêm nhiệm công tác Trợ lý Khoa. Khoa có 03 Bộ môn là Bộ môn Công nghệ sinh học, Bộ môn Công nghệ thực phẩm và Bộ môn Công nghệ hóa học (theo các quyết định số 281/QĐ-ĐHKTCNCT, 282/QĐ-ĐHKTCNCT, 292/QĐ-ĐHKTCNCT ngày 15 tháng 06 năm 2021 của Trường ĐHKTCNCT). Mỗi bộ môn đều có 01 CBGV giữ nhiệm vụ Trưởng bộ môn. Tổ chức Đoàn Khoa CNSH-TP gồm 01 Chi đoàn CBGV và 12 Chi đoàn SV, 01 Liên chi hội SV Khoa CNSH-TP, 01 Tổ Công đoàn Khoa. Về trình độ chuyên môn: 09 CBGV có trình độ TS (02 PGS), 23 CBGV có trình độ Ths (07 nghiên cứu sinh); 01 CBGV có trình độ ĐH (đang học cao học). Về CSVC, Khoa được trang bị Văn phòng Khoa và các phòng thí nghiệm thực hành đáp ứng yêu cầu công tác giảng dạy và NCKH. Cơ cấu tổ chức Khoa CNSH-TP được thể hiện ở hình 0.3.



Hình 0.3 Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Khoa CNSH-TP

Khoa CNSH-TP đang phụ trách ĐT 03 ngành trình độ ĐH: Công nghệ sinh học, Công nghệ kỹ thuật hóa học, Công nghệ thực phẩm và 01 ngành Công nghệ thực phẩm trình độ Ths. Hiện nay, tổng số quy mô SV của khoa là 738, trong đó có 225 SV ngành CNSH.

Với phương châm thường xuyên thực hiện “Tất cả vì Sinh viên thân yêu!”, hằng năm Khoa tổ chức cho các SV đi thực tập, thực tế tại các cơ quan, công ty, doanh nghiệp. Năm 2022, Khoa có khoảng 180 SV đi thực tập thực tế ở trên nhiều cơ quan, doanh nghiệp. SV của Khoa nhận được sự hài lòng của cơ sở thực tập cả về kiến thức chuyên môn lẫn đạo đức, tác phong trong công việc. Công tác gắn kết doanh nghiệp, giới thiệu việc làm cho SV được đặc biệt quan tâm và có sự phát triển. Trong các buổi Chào đón tân SV hằng năm, Khoa đều mời các doanh nghiệp, các cựu SV đến chia sẻ kinh nghiệm, giới thiệu các xu hướng công nghệ cũng như có những phần thưởng, học bổng nhằm khuyến khích, động viên SV của các ngành ĐT do Khoa quản lý.

Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mở đầu: Mục tiêu và CDR của một CTĐT là một trong các thông số thể hiện sự gắn kết trường ĐH, ngành ĐT với nhu cầu ĐT của xã hội (XH). Do đó, mục tiêu và CDR của CTĐT ngành được xây dựng dựa trên sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục (TLGD), chiến lược dài hạn của Trường và Khoa, cùng mục tiêu chung của giáo dục đại học (GDĐH) đã quy định tại Luật GDĐH, và nhu cầu của các BLQ. Các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và thái độ mà NH phải đạt được sau khi ra Trường được xác định rõ ràng, bao quát được các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt; phản ánh được yêu cầu của các BLQ trong CDR này. Mục tiêu và CDR của CTĐT ngành được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.

Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học

1. Mô tả hiện trạng

CTĐT ngành CNSH năm 2022 bao gồm 150 tín chỉ được ban hành theo quyết định số 495/QĐ-ĐHKTCN ngày 27/06/2022 của Hiệu trưởng Trường ĐHKTCNCT trên cơ sở điều chỉnh từ các CTĐT đã có (được ban hành theo Quyết định số 203/QĐ-ĐHKTCN ngày 15/05/2018; Quyết định số 638/QĐ-ĐHKTCN ngày 31/12/2020) [H1.01.01.01].

Mục tiêu của CTĐT ngành CNSH năm 2022 được xác định rõ ràng, cụ thể, được thể hiện rõ trong Quyết định ban hành CTĐT của Hiệu trưởng Trường ĐHKTCNCT [H1.01.01.01], Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết (ĐCCT) học phần [H1.01.01.02]. Trong đó, mục tiêu của CTĐT ngành CNSH bao gồm mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể như sau:

Về mục tiêu chung: CTĐT ngành CNSH nhằm mục tiêu: đào tạo kỹ sư CNSH có phẩm chất chính trị và đạo đức nghề nghiệp, có kiến thức và năng lực nghiên cứu, thực nghiệm chuyên ngành CNSH và ứng dụng trong các lĩnh vực nông nghiệp, thực phẩm, môi trường, với kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp tốt, tư duy năng động và sáng tạo, đáp ứng nhu cầu hội nhập của quá trình phát triển kinh tế khu vực Đồng Bằng Sông Cửu Long và cả nước.

Mục tiêu cụ thể:

i) Về kiến thức: PO1: Kiến thức lý luận chính trị cơ bản như Chủ nghĩa Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, quốc phòng và an ninh; PO2: Kiến thức toán, hóa, sinh, ngoại ngữ, tin học; PO3: Kiến thức cơ sở ngành như di truyền học, sinh lý học, sinh thái học, vi sinh vật học, kỹ thuật phân tích; PO4: Kiến thức và kỹ năng chuyên ngành trong công nghệ lên men, công nghệ vi sinh, công nghệ DNA tái tổ hợp, sinh học phân tử, nuôi cấy mô và tế bào.

ii) Về kỹ năng: PO5: Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp tốt, nhận diện và giải quyết các vấn đề kỹ thuật và vấn đề xã hội liên quan trong lĩnh vực CNSH.

iii) Về mức độ tự chủ trách nhiệm nghề nghiệp: PO6: Tư duy năng động và sáng tạo, tính chuyên nghiệp, tinh thần không ngừng học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

Mục tiêu của CTĐT ngành CNSH có đề cập “ *nghiên cứu, thực nghiệm chuyên ngành công nghệ sinh học và ứng dụng trong các lĩnh vực nông nghiệp, thực phẩm, môi trường*” phù hợp với tầm nhìn của Khoa CNSHTP là “ *ứng dụng nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực Công nghệ sinh học*”, phù hợp với tầm nhìn của Trường ĐHKTCNCT là “ *định hướng ứng dụng liên ngành kỹ thuật công nghệ phù hợp với xu thế phát triển trong thời kỳ Cách mạng công nghiệp lần thứ tư*”. Mục tiêu của CTĐT ngành CNSH có đề cập “ *đào tạo kỹ sư công nghệ sinh học có phẩm chất chính trị và đạo đức nghề nghiệp*” phù hợp với sứ mạng của Khoa là “ *đào tạo nguồn nhân lực có đạo đức tốt, có trình độ chuyên môn cao*”, phù hợp với sứ mạng của Trường là “ *đào tạo nguồn nhân lực có đạo đức tốt, có chuyên môn cao*”. Mục tiêu của CTĐT ngành CNSH có đề cập “ *đáp ứng nhu cầu hội nhập của quá trình phát triển kinh tế khu vực Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước*” phù hợp với sứ mạng của Khoa và Trường là “ *đáp ứng nhu cầu phát triển của thành phố Cần Thơ, vùng Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước*” [H1.01.01.03].

Bảng 1.1.1. Tính kết nối giữa tầm nhìn, sứ mạng của Trường và tầm nhìn, sứ mạng của Khoa và Mục tiêu đào tạo của ngành CNSH

	Trường ĐHKTCNCT	Khoa CNSH-TP	Mục tiêu đào tạo ngành CNSH
Tầm nhìn	Đến năm 2030, Trường ĐHKTCNCT trở thành trường đại học theo định hướng ứng dụng liên ngành kỹ thuật công nghệ phù hợp với xu thế phát triển trong thời kỳ Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.	Đến năm 2030, Khoa CNSH-TP trở thành Khoa đi đầu của trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ thực hiện nhiệm vụ đào tạo, ứng dụng nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực Công nghệ sinh học, Công nghệ hóa học và Công nghệ thực phẩm, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội thời	Chương trình đào tạo (CTĐT) được thiết kế với mục tiêu đào tạo kỹ sư công nghệ sinh học có phẩm chất chính trị và đạo đức nghề nghiệp, có kiến thức và năng lực nghiên cứu, thực nghiệm chuyên ngành công nghệ sinh học và ứng dụng trong các lĩnh vực nông nghiệp, thực phẩm, môi trường, với kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp

		kỳ Cách mạng công nghệ công nghiệp 4.0.	tốt, tư duy năng động và sáng tạo, đáp ứng nhu cầu hội nhập của quá trình phát triển kinh tế khu vực Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước.
Sứ mạng	Trường ĐHKTCNCT có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực có đạo đức tốt, có chuyên môn cao, có khả năng tiếp cận nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ tiên tiến trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ, đáp ứng nhu cầu phát triển của thành phố Cần Thơ, vùng Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước.	Khoa CNSH-TP là đơn vị đào tạo nguồn nhân lực có đạo đức tốt, có trình độ chuyên môn cao, có khả năng ứng dụng nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ tốt trong lĩnh vực Công nghệ sinh học, Công nghệ hóa học và Công nghệ thực phẩm, đáp ứng nhu cầu phát triển của thành phố Cần Thơ, vùng Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước.	

(Nguồn: Khoa CNSH-TP, 2023)

Sự phù hợp giữa mục tiêu của CTĐT ngành CNSH với mục tiêu GDĐH của Luật GDĐH được thể hiện ở cả mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể. Đối với mục tiêu chung trong luật GDĐH là “Đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài...; đào tạo NH có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp...” thì mục tiêu chung trong CTĐT ngành CNSH là “đào tạo kỹ sư CNSH có phẩm chất chính trị và đạo đức nghề nghiệp, có kiến thức và năng lực nghiên cứu, thực nghiệm chuyên ngành CNSH và ứng dụng trong các lĩnh vực nông nghiệp, thực phẩm, môi trường, với kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp tốt, tư duy năng động và sáng tạo”.

Đối với mục tiêu cụ thể theo luật GDĐH là “Đào tạo trình độ ĐH để SV có kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội, có kỹ năng thực hành cơ bản, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành được ĐT”. Điều này được cụ thể hóa thành 06 mục tiêu cụ thể trong CTĐT ngành CNSH từ PO1 đến PO6. Mục tiêu “kiến thức chuyên môn toàn diện” tương ứng với PO3 và PO4, mục tiêu “nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội” tương ứng với PO1 và PO2, mục tiêu “có kỹ năng thực hành cơ bản” tương ứng với PO4, mục tiêu “có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành được ĐT” tương ứng với PO5 và PO6.

Mục tiêu của CTĐT ngành CNSH đã được rà soát và điều chỉnh 02 lần vào các năm 2020 và 2022 cho phù hợp với chiến lược phát triển của trường và luật GDĐH và dựa trên các kết quả khảo sát các BLQ [H1.01.01.04], [H1.01.01.05], dựa trên nhu cầu của xã hội về nguồn nhân lực CNSH [H1.01.01.06]. Việc điều chỉnh mục tiêu của CTĐT cũng có sự tham khảo, đối sánh với CTĐT của các trường ĐH trong nước và quốc tế [H1.01.01.07]. Cụ thể, mục tiêu chung của CTĐT năm 2022 được viết súc tích hơn so với năm 2020 nhưng vẫn đảm bảo đầy đủ các mục tiêu về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm, các mục tiêu cụ thể cũng được viết lại súc tích hơn dựa trên các mục tiêu của năm 2020 và bổ sung mục tiêu PO3 về kiến thức cơ sở ngành [H1.01.01.08].

2. Điểm mạnh

Mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể của CTĐT ngành CNSH được xác định và xây dựng rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường, sứ mạng và tầm nhìn của Khoa, phù hợp với mục tiêu của GDĐH quy định tại Luật GDĐH hiện hành và Khung trình độ quốc gia Việt Nam. Mục tiêu của CTĐT CNSH được rà soát, cập nhật định kỳ và được thông báo, phổ biến đến các BLQ bằng nhiều hình thức khác nhau.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù mục tiêu chung có đề cập việc ứng dụng trong các lĩnh vực nông nghiệp, thực phẩm, môi trường nhưng mục tiêu cụ thể chưa thể hiện rõ nét định hướng ứng dụng trong các lĩnh vực này.

4. Kế hoạch hành động

4.1. Phát huy điểm mạnh:

Giai đoạn 2024 - 2028 theo định kỳ 02 năm/lần, Khoa CNSH-TP tiếp tục rà soát, cập nhật mục tiêu của CTĐT phù hợp với các quy định của Luật GDĐH, Khung trình độ quốc gia Việt Nam, phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng của Trường và Khoa; tiếp tục tăng cường phổ biến và đa dạng hóa các hình thức phổ biến mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể của CTĐT CNSH đến các BLQ.

4.2. Khắc phục tồn tại:

Tháng 01 năm 2025 và theo kế hoạch chung của Trường, Khoa tiến hành rà soát, cập nhật mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể để thể hiện rõ định hướng ứng dụng trong các lĩnh vực nông nghiệp, thực phẩm, môi trường.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành Chương trình đào tạo

1. Mô tả hiện trạng

CĐR của CTĐT ngành CNSH được xác định rõ ràng trong Quyết định công bố CĐR các ngành ĐT của Trường ban hành năm 2018, 2020 và 2022 [H1.01.02.01]. CĐR

được thiết kế có tính hệ thống với mục tiêu cụ thể của CTĐT, bao gồm: CĐR cấp độ CTĐT (kiến thức; kỹ năng; mức tự chủ và trách nhiệm) và CĐR cấp độ học phần (HP). Việc xây dựng CĐR được thực hiện theo đúng các quy định về xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT của Trường ĐHKTCNCT [H1.01.02.02].

CĐR của CTĐT ngành CNSH được xác định và tuyên bố rõ ràng trong bản mô tả CTĐT năm 2022 như sau: (1) Về kiến thức gồm 06 CĐR, K1: Vận dụng được các kiến thức cơ bản về khoa học xã hội - nhân văn, khoa học chính trị và pháp luật, giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng làm nền tảng cho việc tiếp thu kiến thức chuyên ngành CNSH; K2: Áp dụng toán học, CNTT và khoa học cơ bản cho nghiên cứu và thực tiễn sản xuất trong lĩnh vực CNSH; K3: Áp dụng kiến thức về di truyền, sinh hóa, vi sinh vật, sinh học phân tử, sinh học tế bào vào các lĩnh vực ứng dụng CNSH; K4: Phân biệt được các thiết bị và quá trình cơ bản trong CNSH; K5: Đánh giá được các biến đổi trong quá trình sản xuất trong CNSH; K6: Lựa chọn kế hoạch, cách thức tổ chức và giám sát quá trình đánh giá chất lượng sản phẩm và phát triển sản phẩm mới; (2) Về kỹ năng gồm 06 CĐR, S1: Đạt được trình độ tiếng Anh: TOEIC 450 hoặc khung trình độ ngoại ngữ bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam, đạt được trình độ ứng dụng CNTT cơ bản; S2: Phân tích được các vấn đề và truyền đạt giải pháp có liên quan quan đến người khác trong quá trình thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp, đa dạng trong chuyên môn; S3: Phân tích, đánh giá, kiểm soát chất lượng trong quá trình nghiên cứu và sản xuất thuộc lĩnh vực CNSH; S4: Thiết kế và thao tác thực nghiệm, phân tích và giải thích số liệu thực nghiệm trong nghiên cứu, sản xuất thuộc lĩnh vực CNSH; S5: Làm việc nhóm và giao tiếp một cách tích cực và hiệu quả, tư duy và sáng tạo trong công việc; S6: Phản biện, phê phán phù hợp ở nơi làm việc; (3) Về mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm gồm 03 CĐR, C1: Phối hợp làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; C2: Tổ chức được quy trình hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định trong các hoạt động chuyên môn về lĩnh vực CNSH; C3: Tham gia lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, quản lý thời gian trong các hoạt động chuyên môn về lĩnh vực CNSH. Nhìn chung, 15 mục được thiết kế trong CĐR đã khái quát và đáp ứng toàn bộ yêu cầu mà mục tiêu cụ thể trong CTĐT đã xác định [H1.01.02.03].

CĐR của CTĐT ngành CNSH được xây dựng và ban hành theo đúng quy định và nêu cụ thể kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm đối với người học tốt nghiệp và triển vọng việc làm trong tương lai. CĐR được thể hiện chi tiết trong Bản mô tả CTĐT và ĐCCT các HP. Trong đó mỗi CĐR của các HP được thiết kế phải đóng góp vào việc đạt được một trong các CĐR của CTĐT, liên hệ giữa các CĐR của tất cả học phần với CĐR của CTĐT được thể hiện ở ma trận kỹ năng [H1.01.02.03].

CĐR của CTĐT ngành CNSH được xây dựng phù hợp với CĐR theo khung trình độ quốc gia VN bậc 6 [H1.01.02.04]. Cụ thể, CĐR “kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành DT” trong khung trình độ quốc gia tương ứng với CĐR K2, K3, K4, K5, K6; CĐR “kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật” tương ứng với CĐR K1; CĐR “kiến thức về CNTT đáp ứng yêu cầu công việc” tương ứng với CĐR K2; CĐR “kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể” và CĐR “kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn” tương ứng với CĐR K6; CĐR “kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp” tương ứng với CĐR S2; CĐR “kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi” tương ứng với CĐR S2, S6; CĐR “kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm” tương ứng với CĐR S3, S5; CĐR “kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp” tương ứng với CĐR S2, S5; CĐR “có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam” tương ứng với CĐR S1; CĐR “Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm” tương ứng với CĐR C1; CĐR “Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định”, CĐR “Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân” tương ứng với CĐR C2; CĐR “Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động” tương ứng với CĐR C3.

Khoa CNSH-TP đã xây dựng kế hoạch khảo sát về nhu cầu của thị trường lao động trong vòng 5 năm và lấy ý kiến của các BLQ về CĐR khi xây dựng CTĐT [H1.01.02.05]. Khoa đã lập kế hoạch rà soát, cập nhật CTĐT để đáp ứng CĐR phù hợp [H1.01.02.06]. CĐR của CTĐT ngành CNSH được xác định tương thích với yêu cầu của thị trường lao động, căn cứ vào kết quả khảo sát ý kiến của các BLQ. CĐR của CTĐT ngành CNSH thể hiện được các yếu tố cốt lõi mà NH cần đạt được sau khi tốt nghiệp. Ngoài ra, NH còn có khả năng theo học tiếp tục ở bậc học cao hơn là Ths ngành CNSH và các ngành liên quan khác như Vi sinh vật học, Công nghệ thực phẩm.

2. Điểm mạnh

CĐR của CTĐT ngành CNSH được xác định rõ ràng, phù hợp với mục tiêu của CTĐT, đảm bảo khối lượng kiến thức, kỹ năng và mức tự chủ và trách nhiệm của NH cần đạt sau khi hoàn thành CTĐT; CĐR phản ánh được mục tiêu giáo dục của Trường và Khoa; mỗi HP đều được xác định có đóng góp vào việc đạt được CĐR của CTĐT; CĐR chỉ rõ được triển vọng việc làm trong tương lai của SV sau khi tốt nghiệp giúp SV

định hướng nghề nghiệp; CĐR được xây dựng nghiêm túc, đảm bảo đúng quy định của BGD&ĐT; CĐR được định kỳ rà soát, cập nhật dựa trên kết quả khảo sát các BLQ.

3. Điểm tồn tại

Khoa chưa xây dựng hướng dẫn cụ thể cho giảng viên và người học để thực hiện và đạt được CĐR của CTĐT. Việc phổ biến CĐR của CTĐT còn hạn chế cho các BLQ tiếp cận, tìm hiểu.

4. Kế hoạch hành động

4.1. Phát huy điểm mạnh:

Giai đoạn 2024 - 2028 theo định kỳ 02 năm/lần, Khoa CNSH-TP tiếp tục rà soát, cải tiến mục tiêu, CĐR, CTĐT ngành CNSH nhằm nâng cao chất lượng ĐT phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng của Trường và Khoa.

4.2. Khắc phục tồn tại:

Tháng 01 năm 2025 và theo kế hoạch chung của Trường, Khoa tiến hành rà soát, cập nhật CĐR của CTĐT, xây dựng hướng dẫn cụ thể cho giảng viên và người học để thực hiện và đạt được CĐR của CTĐT; tăng cường phổ biến CĐR cho các BLQ bằng nhiều hình thức khác nhau.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai

1. Mô tả hiện trạng

Trong quá trình xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR của CTĐT, Trường yêu cầu phải thực hiện có sự tham gia ý kiến của các BLQ khi xây dựng, điều chỉnh CĐR của CTĐT. Trường phân công Hội đồng khoa học và đào tạo (HĐKH&ĐT) trường, Phòng ĐT, Phòng Quản lý khoa học - Hợp tác quốc tế (QLKH – HTQT) là đơn vị chủ trì và phối hợp với các phòng, khoa thực hiện việc tổ chức hội nghị lấy ý kiến các BLQ về CĐR của CTĐT. Qua đó, Khoa CNSH-TP đã định kỳ lấy ý kiến của các BLQ gồm chuyên gia, GV, SV, cựu SV, các DN có tiếp nhận SV thực tập, tuyển dụng SV tốt nghiệp ngành CNSH. Việc khảo sát được triển khai bằng nhiều hình thức như bảng câu hỏi trực tiếp, gửi thư, email, bảng hỏi trực tuyến, phỏng vấn. Các kết quả khảo sát được Khoa tổng hợp, phân tích để làm cơ sở cho việc cập nhật, điều chỉnh CĐR của CTĐT [H1.01.03.01].

Quá trình rà soát, điều chỉnh CĐR được thực hiện theo kế hoạch định kỳ của Trường và kế hoạch cụ thể của Khoa. Từ năm 2018 đến nay, CĐR của CTĐT ngành CNSH đã qua 02 lần cập nhật vào năm 2020 và năm 2022. Tất cả việc rà soát, cập nhật, chỉnh sửa được triển khai theo đúng các quy định của Trường và được thể hiện bằng biên bản, Khoa sử dụng làm căn cứ xây dựng CĐR của CTĐT gửi về Phòng ĐT, trình qua HĐKH&ĐT Trường để họp thông qua và trình Hiệu trưởng ký ban hành công khai

bằng nhiều hình thức đến các Khoa, phòng chức năng, GV, NH để thực hiện. Cụ thể, CĐR năm 2022 được điều chỉnh và sắp xếp lại dựa trên CĐR năm 2020, sử dụng các ký hiệu K, S, C tương ứng với các nhóm CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm. Trong đó, 8 CĐR về kiến thức C1.1-C1.8 ở phiên bản 2020 được điều chỉnh thành 6 CĐR tương ứng K1-K6 ở phiên bản 2022, có bổ sung nội dung về CNTT; 5 CĐR về kỹ năng C2.1-C2.5 được điều chỉnh thành 6 CĐR tương ứng S1-S6, có bổ sung nội dung “Phân tích, đánh giá, kiểm soát chất lượng trong quá trình nghiên cứu và sản xuất thuộc lĩnh vực CNSH”; 4 CĐR về mức tự chủ và trách nhiệm C3.1-C3.4 được điều chỉnh thành 3 CĐR tương ứng C1-C3 [H1.01.03.02].

Chuẩn đầu ra của CTĐT ngành CNSH phản ánh được yêu cầu của các BLQ. CĐR được xây dựng trên tài liệu khảo sát nhu cầu nhân lực của thị trường lao động liên quan đến ngành CNSH, có sự tham gia đóng góp ý kiến của các chuyên gia, GV, NH và DN bao gồm ba mục tiêu về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm phù hợp với nhu cầu thực tế của đơn vị sử dụng lao động. Trong kế hoạch khảo sát ý kiến các BLQ khi cập nhật CTĐT ngành CNSH, Khoa CNSH-TP chú ý tập trung về việc lấy ý kiến các chuyên gia về CĐR của CTĐT và việc thiết kế các HP trong CTDH để đảm bảo tính phù hợp trong mối liên hệ giữa CĐR của các HP với CĐR của CTĐT hướng tới đáp ứng được CĐR của ngành ĐT. Đó là sự cam kết của Khoa, Trường với XH về chất lượng ĐT đối với NH về các kiến thức chuyên môn, các kỹ năng gắn với yêu cầu của thị trường lao động [H1.01.03.03].

Trong mỗi đợt rà soát, cập nhật, điều chỉnh CĐR, nhóm chuyên môn của Khoa đã thực hiện theo thông báo của Trường và các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, kết hợp rà soát bảng ma trận liên kết giữa CĐR của CTĐT với mục tiêu của CTĐT và ma trận kỹ năng thể hiện sự đóng góp của CĐR từng HP vào CĐR của CTĐT để đảm bảo sự phù hợp của các HP với CĐR và với mục tiêu ĐT [H1.01.03.04]. Trong quá trình điều chỉnh CĐR, Khoa đã tham khảo và đối sánh với CĐR của CTĐT ngành CNSH của các trường ĐH trong nước như Trường ĐH Nông Lâm TP.HCM, Viện Công nghệ sinh học - ĐH Nha Trang và ngoài nước như University of Malaya để bắt kịp xu thế đào tạo trong lĩnh vực này [H1.01.03.05].

CĐR của CTĐT ngành CNSH được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Trường và của Khoa để NH biết được các yêu cầu kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành, khả năng nhận thức và giải quyết vấn đề, cũng như vị trí việc làm mà NH có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp. Việc công khai CĐR là cam kết của Trường với XH về chất lượng ĐT, đồng thời cũng là để CB quản lý, GV và NH nỗ lực đổi mới phương pháp và cập nhật các vấn đề mới vào công tác giảng dạy và học tập, đổi mới công tác quản lý ĐT, đổi mới PPGD, PPKTĐG và đổi mới phương pháp học tập của NH tương ứng với bậc học cao hơn [H1.01.03.06], [H1.01.03.07].

2. Điểm mạnh

CĐR của CTĐT ngành CNSH được định kỳ rà soát, điều chỉnh theo định hướng tích hợp kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành và thái độ nghề nghiệp. Quá trình này có sự tham gia đóng góp ý kiến của các BLQ. CĐR được công bố công khai trên các kênh thông tin của Trường, Khoa, cổng thông tin ĐT và được thể hiện cụ thể trong CTĐT và ĐCCT của từng HP.

3. Điểm tồn tại

Việc tổ chức lấy ý kiến đóng góp cho quá trình xây dựng CĐR của CTĐT ngành CNSH được thực hiện nhưng số lượng NTD/DN tham gia chưa nhiều và chưa được thực hiện thường xuyên. Do CTĐT ngành CNSH mới có 02 khóa SV ra trường, mạng lưới cựu sinh viên ngành CNSH chưa đủ mạnh.

4. Kế hoạch hành động

4.1. Phát huy điểm mạnh:

Giai đoạn 2024 - 2028 theo định kỳ 02 năm/lần, Khoa tiếp tục thực hiện rà soát, cập nhật CĐR của CTĐT theo hướng tiếp cận của BGD&ĐT, đảm bảo CĐR phù hợp với xu hướng phát triển của ngành.

4.2. Khắc phục tồn tại:

Tháng 01 năm 2025, Khoa CNSH-TP tổ chức hội nghị, hội thảo, mở rộng quan hệ hợp tác với các chuyên gia có kinh nghiệm trong quản lý GD, các DN, NTD, xây dựng mạng lưới kết nối cựu NH để tham gia vào việc xây dựng, đánh giá CĐR của CTĐT.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn: Mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể của CTĐT ngành CNSH được xác định và xây dựng rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường, sứ mạng và tầm nhìn của Khoa, phù hợp với mục tiêu của GDĐH quy định tại Luật GDĐH hiện hành và Khung trình độ quốc gia Việt Nam. Mục tiêu của CTĐT CNSH được rà soát, cập nhật định kỳ và được thông báo, phổ biến đến các BLQ bằng nhiều hình thức khác nhau. CĐR của CTĐT ngành CNSH được xác định rõ ràng, phù hợp với mục tiêu của CTĐT, đảm bảo khối lượng kiến thức, kỹ năng và mức tự chủ và trách nhiệm của NH cần đạt sau khi hoàn thành CTĐT; CĐR phản ánh được mục tiêu giáo dục của Khoa, của Trường; mỗi HP đều được xác định có đóng góp vào việc đạt được CĐR của CTĐT; CĐR chỉ rõ được triển vọng việc làm trong tương lai của SV sau khi tốt nghiệp giúp SV định hướng nghề nghiệp; CĐR được xây dựng nghiêm túc, đảm bảo đúng quy định của BGD&ĐT; CĐR được định kỳ rà soát, cập nhật dựa trên kết quả khảo sát các BLQ. CĐR của CTĐT ngành CNSH được định kỳ rà soát, điều chỉnh theo định hướng tích hợp kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành và thái độ nghề nghiệp. Quá trình này có sự tham gia đóng góp ý kiến của các BLQ. CĐR được công bố công

khai trên các kênh thông tin của Trường, Khoa, cổng thông tin ĐT và được thể hiện cụ thể trong CTĐT và ĐCCT của từng HP.

Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn: Mặc dù mục tiêu chung có đề cập việc ứng dụng trong các lĩnh vực nông nghiệp, thực phẩm, môi trường nhưng mục tiêu cụ thể chưa thể hiện rõ nét định hướng ứng dụng trong các lĩnh vực này. Khoa chưa xây dựng hướng dẫn cụ thể cho giảng viên và người học để thực hiện và đạt được CDR của CTĐT. Việc phổ biến CDR của CTĐT còn hạn chế cho các BLQ tiếp cận, tìm hiểu. Việc tổ chức lấy ý kiến đóng góp cho quá trình xây dựng CDR của CTĐT ngành CNSH được thực hiện nhưng số lượng NTD/DN tham gia chưa nhiều và chưa được thực hiện thường xuyên. Do CTĐT ngành CNSH mới có 02 khóa SV ra trường, mạng lưới cựu sinh viên ngành CNSH chưa đủ mạnh.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 1: Điểm trung bình của tiêu chuẩn đạt: 5,00 điểm; Số tiêu chí đạt: 3/3; Tỷ lệ số tiêu chí đạt: 100%.

Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo

Mở đầu: Bản mô tả CTĐT ngành CNSH được xây dựng trên cơ sở đảm bảo các quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT, phù hợp với mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ của Trường và của Khoa CNSH-TP gắn với nhu cầu của NH, nhu cầu XH. Bản mô tả CTĐT thể hiện mục tiêu rõ ràng, cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách hệ thống, đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của ĐT trình độ ĐH, cung cấp các thông tin về chương trình, dự kiến kết quả, cấu trúc khóa học, CDR của chương trình và của từng HP cụ thể, bản tổng hợp các HP, tiêu chí tuyển sinh, đề cương học phần cũng như các thông tin chi tiết về phương pháp dạy và học, PPKTĐG KQHT của NH. Bản mô tả CTĐT và đề cương học phần được cập nhật thường xuyên và công bố công khai cho các BLQ.

Tiêu chí 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả hiện trạng

Bản mô tả CTĐT hiện nay của ngành CNSH được xây dựng với đầy đủ nội dung theo quy định của Bộ GD&ĐT. CTĐT ngành CNSH được chính thức triển khai năm 2018 theo Quyết định số 1211/QĐ-BGDĐT của Bộ GD&ĐT ngày 29 tháng 03 năm 2018 và được Trường ban hành theo số quyết định 203/QĐ-ĐHKTCN ngày 15 tháng 05 năm 2018. Từ năm 2018 đến năm 2020, CTĐT ngành CNSH được xây dựng và áp dụng ĐT nhưng chưa có bản mô tả thể hiện dưới dạng một văn bản riêng, tuy nhiên CTĐT đã được ban hành cũng thể hiện đầy đủ các nội dung như yêu cầu của bản mô tả CTĐT, bao gồm: (1) Mục tiêu đào tạo; (2) CDR; (3) Khối lượng kiến thức toàn khóa; (4) Đối tượng tuyển sinh; (5) Quy trình ĐT, điều kiện tốt nghiệp; (6) Cách thức đánh giá; (7) Nội dung chương trình; (8) Hướng dẫn thực hiện: Kế hoạch giảng dạy và lưu đồ hướng dẫn thực hiện kế hoạch giảng dạy; (9) ĐCCT các HP [H2.02.01.01].

Đến nay, Trường đã ban hành 02 phiên bản của Bản mô tả CTĐT vào các năm 2020 và 2022. Bản mô tả CTĐT năm 2020 được ban hành theo Quyết định số 645/QĐ-ĐHKTCN ngày 31/12/2020, ĐCCT HP được ban hành theo Quyết định số 643/QĐ-ĐHKTCN ngày 31/12/2020. Bản mô tả CTĐT năm 2022 được ban hành theo Quyết định số 497/QĐ-ĐHKTCN ngày 27/06/2022, ĐCCT HP được ban hành theo Quyết định số 496/QĐ-ĐHKTCN ngày 27/06/2022 [H2.02.01.02].

Bản mô tả CTĐT hiện nay của ngành CNSH có đầy đủ nội dung theo quy định của Bộ GD&ĐT: thông tin chung (tên CTĐT, mã ngành, tên văn bằng, đơn vị cấp bằng, trình độ ĐT, hình thức ĐT, thời gian ĐT, số tín chỉ, đơn vị quản lý); tầm nhìn sứ mạng, giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục; mục tiêu của CTĐT (mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, trình độ ngoại ngữ tin học, vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp, khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp, chương trình tham khảo trong nước và quốc tế); CDR của CTĐT; ma trận các khối kiến thức và CDR; tiêu chí tuyển sinh; quá trình ĐT và điều kiện tốt nghiệp; rubrics đánh giá; hệ thống tính điểm; sơ đồ cây; nội dung CTĐT (các khối kiến thức, nội dung chi tiết); ma trận kỹ năng (thể hiện sự đóng góp của các HP vào việc đạt CDR); kế hoạch giảng dạy dự kiến; PPGD; phương pháp học; PPKTĐG; điều kiện đội ngũ; CSVC, trang thiết bị cho CTĐT; đối sánh CTĐT trong nước và quốc tế; ĐCCT HP; thời điểm điều chỉnh bản mô tả CTĐT [H2.02.01.02].

Bản mô tả CTĐT được công bố trên các tài liệu tuyển sinh như tờ rơi tuyển sinh, cẩm nang tuyển sinh và trang thông tin điện tử của Khoa, Trường để thuận tiện cho NH tiếp cận các thông tin cần thiết về CTĐT và được phổ biến cho NH ngay từ đầu năm học [H2.02.01.03], [H2.02.01.04]. Qua đó, các BLQ (GV, NH, NTD) có thể tiếp cận và đóng góp các ý kiến xây dựng thiết thực [H2.02.01.05].

Việc rà soát, điều chỉnh, cập nhật bản mô tả CTĐT được thực hiện theo kế hoạch định kỳ của Trường và của Khoa. Quá trình rà soát tuân thủ theo quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CDR, CTĐT của Trường và được thể hiện qua các biên bản họp của HĐKH&ĐT của Trường và các biên bản họp Khoa [H2.02.01.06]. Bản mô tả CTĐT cũng được điều chỉnh cho phù hợp với kết quả lấy ý kiến của các BLQ về CTĐT. Quá trình điều chỉnh Bản mô tả CTĐT có sự tham khảo, đối sánh với CTĐT của các cơ sở ĐT trong nước như Trường ĐH Cần Thơ, Trường ĐH Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh, Trường ĐH Nha Trang và các cơ sở ĐT nước ngoài như University of Malaya (Malaysia), National Pingtung University of Science and Technology (Taiwan, China) [H2.02.01.07].

So với bản mô tả CTĐT năm 2020, bản mô tả CTĐT năm 2022 đã cập nhật những vấn đề mới có liên quan như sau: mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể được viết lại súc tích hơn và sắp xếp lại thứ tự; thêm học phần Nguyên liệu thủy sản (02 tín chỉ) vào nhóm tự chọn cơ sở ngành và thêm học phần Ứng dụng CNSH trong thủy sản (02 tín chỉ) vào

nhóm tự chọn chuyên ngành; sơ đồ cây ở bản 2020 sử dụng dạng “dải băng” còn ở bản 2022 sử dụng dạng khối; ma trận mối quan hệ giữa CDR CTĐT với CDR từng học phần ở bản 2020 chỉ thể hiện học phần có đóng góp (ký hiệu X) còn ở bản 2022 thể hiện từng học phần đóng góp mức độ nào (ký hiệu 1-5); bản 2022 đã cập nhật số lượng sách, giáo trình ở thư viện [H2.02.01.06].

2. Điểm mạnh:

Bản mô tả CTĐT ngành CNSH thể hiện đầy đủ nội dung và thông tin cần thiết theo quy định của tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH do Cục QLCL, Bộ GD&ĐT ban hành. Bản mô tả CTĐT được định kỳ rà soát, điều chỉnh, cập nhật dựa trên kết quả khảo sát ý kiến của các BLQ và tham khảo các CTĐT trong và ngoài nước. Thông tin về bản mô tả CTĐT được công bố công khai trên trang điện tử của Trường và Khoa.

3. Điểm tồn tại:

Mặc dù có tham khảo các CTĐT của các trường ĐH trong nước được công bố rộng rãi, nhưng bản mô tả chi tiết của CTĐT của các trường dựa trên điều kiện cụ thể của cơ sở đào tạo đó. Do đó, quá trình cập nhật và điều chỉnh bản mô tả CTĐT ngành CNSH của Trường chịu ảnh hưởng từ điều kiện hiện tại của cơ sở ĐT. Tiến trình ĐT theo bản mô tả CTĐT còn chưa đáp ứng nhu cầu học vượt, học sớm của NH. Một số HP chuyên ngành chưa cập nhật thường xuyên theo nhu cầu XH.

4. Kế hoạch hành động:

4.1. Phát huy điểm mạnh:

Giai đoạn 2024 - 2028 theo định kỳ 02 năm/lần, Khoa CNSH-TP, HĐKH&ĐT của Khoa, Bộ môn CNSH tổ chức rà soát, điều chỉnh, bổ sung bản mô tả CTĐT cùng ma trận CDR theo định kỳ trên cơ sở ý kiến các BLQ và tuân theo quy định của Bộ GD&ĐT. Bản mô tả CTĐT và ma trận CDR thường xuyên được cập nhật gắn liền với yêu cầu thực tiễn.

4.2. Khắc phục tồn tại:

Tháng 01 năm 2025 và theo kế hoạch chung của Trường, Khoa CNSH-TP mở rộng hợp tác để tìm và tham khảo thêm Bản mô tả CTĐT của các trường ĐH trong và ngoài nước nhằm điều chỉnh, cập nhật Bản mô tả CTĐT của ngành CNSH phù hợp với xu hướng phát triển của ngành.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả hiện trạng

Tất cả (100%) đề cương HP của CTĐT ngành CNSH cung cấp đầy đủ các thông tin theo quy định của Trường: tên đơn vị phụ trách, tên giảng viên đảm nhận giảng dạy; tên HP; số tín chỉ; mục tiêu, CDR của HP, ma trận liên kết nội dung chương mục với

CĐR; các yêu cầu của HP; cấu trúc HP; phương pháp dạy-học; phương thức kiểm tra, đánh giá; tài liệu chính và tài liệu tham khảo [H2.02.02.01].

Đề cương HP ngành CNSH được ban hành lần đầu tiên theo Quyết định số 569/QĐ-ĐHKTCN ngày 31/12/2018 sau khi CTĐT được ban hành. Tất cả (100%) đề cương các HP trong CTĐT được định kỳ rà soát, bổ sung/điều chỉnh/cập nhật theo kế hoạch của Trường. Trong chu kỳ đánh giá, đề cương HP của CTĐT ngành CNSH được rà soát, điều chỉnh 02 lần vào các năm 2020 và 2022. Đề cương HP của CTĐT năm 2020 được ban hành theo Quyết định số 643/QĐ-ĐHKTCN ngày 31/12/2020. Đề cương HP của CTĐT năm 2022 được ban hành theo Quyết định số 496/QĐ-ĐHKTCN ngày 27/06/2022. Đề cương HP được ban hành cùng với bản mô tả CTĐT ở năm tương ứng [H2.02.02.02]

Việc điều chỉnh và cập nhật đề cương HP yêu cầu GV phải thường xuyên nghiên cứu nắm bắt những yêu cầu mới của HP, cập nhật những kiến thức, giáo trình mới và tạo điều kiện cho NH được học những kiến thức mới, đáp ứng yêu cầu của công việc. Đề cương HP được điều chỉnh, cập nhật định kỳ theo kế hoạch của Trường và của Khoa. Việc điều chỉnh, cập nhật được thực hiện theo đúng các quy định của Trường, nội dung và hình thức đề cương theo đúng các biểu mẫu đã ban hành. Quá trình rà soát, cập nhật được thể hiện trong các biên bản họp của Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Trường và biên bản họp Khoa [H2.02.02.03].

So với lần rà soát, điều chỉnh năm 2020 thì lần rà soát, điều chỉnh năm 2022 đã có nhiều thay đổi: thông tin chung của HP và thông tin về GV tham gia giảng dạy được trình bày ở dạng bảng; mục tiêu học phần được trình bày theo 3 nhóm mục tiêu về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm; CĐR của HP được trình bày ở dạng bảng, thể hiện sự đóng góp của CĐR HP vào CĐR của CTĐT và thể hiện mức năng lực cần đạt được; kế hoạch giảng dạy chi tiết thể hiện CĐR của từng bài học và cách thức thực hiện gồm hoạt động dạy và hoạt động học; phương pháp kiểm tra, đánh giá thể hiện sự đóng góp vào CĐR của HP; bổ sung các rubrics tiêu chí đánh giá [H2.02.02.04].

Quá trình rà soát, điều chỉnh đề cương HP có sự tham khảo và đối sánh với CTĐT của các cơ sở đào tạo trong nước như trường Đại học Cần Thơ, trường Đại học Nông Lâm TP. HCM, trường Đại học Nha Trang và các cơ sở đào tạo nước ngoài như University of Malaya (Malaysia), National Pingtung University of Science and Technology (Taiwan, China) [H2.02.02.05].

2. Điểm mạnh

ĐCCT HP có đầy đủ các thông tin được yêu cầu, trong đó thể hiện rõ CĐR môn học gắn kết với CĐR của CTĐT. Các đề cương HP được định kỳ rà soát, bổ sung/điều chỉnh/cập nhật, đặc biệt là cập nhật thông tin về nội dung các HP, danh mục tài liệu tham khảo, đáp ứng xu thế hiện nay về lĩnh vực ngành CNSH. Mọi thông tin liên quan đến

HP, cấu trúc, nội dung, PPKTĐG của HP đều được cung cấp đầy đủ để NH đưa ra lựa chọn hợp lý cho lộ trình, kế hoạch học tập của bản thân theo từng học kỳ, từng năm và trong toàn khóa học.

3. Điểm tồn tại

ĐCCT HP có đề cập nhưng chưa mô tả rõ hoạt động tự học, tự nghiên cứu của NH và chưa thể hiện rõ phương pháp KTĐG cho hoạt động này.

4. Kế hoạch hành động

4.1. Phát huy điểm mạnh:

Giai đoạn 2024 - 2028 theo định kỳ 02 năm/lần, Khoa CNSH-TP tiếp tục rà soát, điều chỉnh, cập nhật ĐCCT HP phù hợp với mục tiêu của CTĐT và yêu cầu thực tiễn.

4.2. Khắc phục tồn tại:

Tháng 01 năm 2025 và theo kế hoạch chung của Trường, Khoa tiến hành xây dựng các hướng dẫn chi tiết về hoạt động tự học, tự nghiên cứu của NH và phương pháp KTĐG cho hoạt động này để bổ sung vào ĐCCT HP.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 2.3. Bản mô tả Chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận

1. Mô tả hiện trạng

Bản mô tả CTĐT và đề cương các HP được công bố công khai thông qua nhiều hình thức khác nhau. Sau khi cập nhật bản mô tả CTĐT và đề cương các HP được HĐKH&ĐT của Khoa thông qua và phê duyệt chính thức để áp dụng [H2.02.03.01], [H2.02.03.02]. Qua đó, Trường đã phê duyệt và ban hành bản mô tả CTĐT và ĐCCT HP [H2.02.03.03].

Bản mô tả CTĐT được công khai toàn bộ bằng nhiều hình thức và phương tiện khác nhau, bao gồm cả các hình thức trực tiếp và gián tiếp như: phát tờ rơi tuyển sinh, phổ biến qua tài liệu sinh hoạt NH đầu khóa hoặc công bố thông qua website của Trường và của Khoa. Đối với các HP, tất cả ĐCCT HP được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau. ĐCCT được đăng ở dạng file điện tử trên trang thông tin điện tử của Khoa. Qua đó, NH có thể tham khảo về nội dung của HP để lựa chọn HP phù hợp và chuẩn bị các tài liệu cần thiết cho môn học. Đồng thời, ĐCCT HP được giới thiệu trực tiếp cho NH ngay buổi đầu tiên của mỗi HP để NH dễ dàng tiếp cận và định hướng học tập cho từng HP cụ thể [H2.02.03.04], [H2.02.03.05]. Điều này giúp NH có thể chủ động tìm kiếm các tài liệu tham khảo liên quan đến môn học và tự học tại nhà.

Bên cạnh đó, các BLQ gồm cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, GV, NH đã tốt nghiệp đều có thể tiếp cận với bản mô tả CTĐT một cách dễ dàng và thuận tiện nhất. Bản mô tả CTĐT ngành CNSH được công bố một phần trong tài liệu tuyển sinh để giới thiệu đến học sinh, phụ huynh và các đối tượng có quan tâm. Bản mô tả CTĐT và ĐCCT

tất cả HP ngành CNSH còn được lưu trữ tại Khoa để GV phụ trách môn học thuận tiện theo dõi và xây dựng PPGD phù hợp. Vì vậy, GV và NH có tiếp cận dễ dàng và thuận tiện với Bản mô tả CTĐT và ĐCCT HP.

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT và ĐCCT các HP được công bố công khai, đầy đủ với nhiều hình thức khác nhau giúp cho các BLQ dễ dàng tiếp cận, tạo cơ hội tăng cường hợp tác, gắn kết giữa Trường và DN trong ĐT và sử dụng nhân lực, đáp ứng yêu cầu của các BLQ. Bản mô tả CTĐT và ĐCCT các HP dễ dàng tiếp cận giúp cho NH nắm được các HP để xác định đúng kế hoạch học tập, lộ trình học tập trong cả năm học và cả khóa học.

3. Điểm tồn tại

Việc công bố công khai bản mô tả CTĐT và ĐCCT ngành CNSH còn chưa đầy đủ đối với NTD và cựu NH; chưa có cơ chế đánh giá mức độ tiếp cận của các BLQ.

4. Kế hoạch hành động

4.1. Phát huy điểm mạnh:

Hàng năm Khoa tiếp tục phổ biến Bản mô tả CTĐT và ĐCCT các HP đến NH thông qua nhiều kênh truyền thông khác nhau.

4.2. Khắc phục tồn tại:

Tháng 01 năm 2025 và theo kế hoạch chung của Trường, Khoa CNSH-TP phối hợp với các phòng ban liên quan tăng cường tìm kiếm các kênh để công khai bản mô tả CTĐT, đồng thời xây dựng cơ chế đánh giá mức độ tiếp cận của các BLQ.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn: Bản mô tả CTĐT ngành CNSH thể hiện đầy đủ nội dung và thông tin cần thiết theo quy định của tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH do Cục QLCL, Bộ GD&ĐT ban hành. Bản mô tả CTĐT được định kỳ rà soát, điều chỉnh, cập nhật dựa trên kết quả khảo sát ý kiến của các BLQ và tham khảo các CTĐT trong và ngoài nước. Thông tin về bản mô tả CTĐT được công bố công khai trên trang điện tử của Trường và Khoa. ĐCCT HP có đầy đủ các thông tin được yêu cầu, trong đó thể hiện rõ CDR môn học gắn kết với CDR của CTĐT. Các đề cương HP được định kỳ rà soát, bổ sung/điều chỉnh/cập nhật, đặc biệt là cập nhật thông tin về nội dung các HP, danh mục tài liệu tham khảo, đáp ứng xu thế hiện nay về lĩnh vực ngành CNSH. Mọi thông tin liên quan đến HP, cấu trúc, nội dung, PPKTĐG của HP đều được cung cấp đầy đủ để NH đưa ra lựa chọn hợp lý cho lộ trình, kế hoạch học tập của bản thân theo từng học kỳ, từng năm và trong toàn khóa học. Bản mô tả CTĐT và ĐCCT các HP được công bố công khai, đầy đủ với nhiều hình thức khác nhau giúp cho các BLQ dễ dàng tiếp cận, tạo cơ hội tăng cường hợp tác, gắn kết giữa Trường và DN trong ĐT và sử dụng nhân lực, đáp ứng yêu cầu của các BLQ. Bản

mô tả CTĐT và ĐCCT các HP dễ dàng tiếp cận giúp cho NH nắm được các HP để xác định đúng kế hoạch học tập, lộ trình học tập trong cả năm học và cả khóa học.

Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn: Mặc dù có tham khảo các CTĐT của các trường đại học trong nước được công bố rộng rãi, nhưng bản mô tả chi tiết của CTĐT của các trường dựa trên điều kiện cụ thể của cơ sở đào tạo đó. Do đó, quá trình cập nhật và điều chỉnh bản mô tả CTĐT ngành CNSH của Trường chịu ảnh hưởng từ điều kiện hiện tại của cơ sở đào tạo. Tiến trình đào tạo theo bản mô tả CTĐT còn chưa đáp ứng nhu cầu học vượt, học sớm của NH. Một số HP chuyên ngành chưa cập nhật thường xuyên theo nhu cầu xã hội. ĐCCT HP có đề cập nhưng chưa mô tả rõ hoạt động tự học, tự nghiên cứu của NH và chưa thể hiện rõ phương pháp KTĐG cho hoạt động này. Việc công bố công khai bản mô tả CTĐT và ĐCCT ngành CNSH còn chưa đầy đủ đối với nhà tuyển dụng và cựu NH; chưa có cơ chế đánh giá mức độ tiếp cận của các BLQ.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 2: Điểm trung bình của tiêu chuẩn đạt: 5,00 điểm; Số tiêu chí đạt: 3/3; Tỷ lệ số tiêu chí đạt: 100%.

Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Mở đầu: Chương trình dạy học trình độ ĐH ngành CNSH được xây dựng có cấu trúc hợp lý và hệ thống, tuân thủ theo các văn bản quy định về xây dựng CTDH của Bộ GD&ĐT, Trường với các yêu cầu chặt chẽ về hình thức, mục tiêu, yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm của ngành CNSH trình độ ĐH, đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động. Các phương pháp dạy và học, kiểm tra đánh giá NH được sử dụng để nhằm đảm bảo đạt các CĐR chung của CTDH và các mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể của từng HP. Chủ đề và nội dung các HP được cấu trúc logic, theo trình tự và mang tính tích hợp, linh hoạt, thể hiện tính khoa học của toàn bộ CTDH. Đồng thời, CTDH của ngành CNSH được rà soát định kỳ nhằm đảm bảo tính thích hợp, cập nhật ở từng HP cụ thể và ở CTDH tổng thể.

Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng

CTDH ngành CNSH năm 2022 được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm dựa theo quy chế đào tạo Đại học của Bộ GD & ĐT và quy chế đào tạo của Trường [H3.03.01.01], [H3.03.01.02]. CTDH được xây dựng nhằm giúp NH đạt được các CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm sau khi tốt nghiệp ngành CNSH. Trong CTDH, mỗi học phần có vai trò nhất định để góp phần đạt được CĐR, cụ thể theo ma trận kỹ năng [H3.03.01.03].

Trong quá trình xây dựng CTDH, Khoa CNSH-TP thực hiện xây dựng theo hướng phát triển năng lực của người học. Đặc biệt, trong quá trình xây dựng CTDH, Khoa thực hiện theo triết lý giáo dục chung của trường “*Đức trí - Kỹ năng - Sáng tạo - Hội nhập*”

nhằm đào tạo đội ngũ NH có kiến thức vững vàng và năng lực thực hành nghề nghiệp tốt có chất lượng và uy tín.

Việc xác định tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập và phương pháp đánh giá kết quả học tập của NH của 100% các học phần trong CTDH phù hợp, góp phần đạt được CĐR.

Phương pháp giảng dạy, phương pháp học của tất cả (100%) học phần được xác định rõ trong từng ĐCHP và có đóng góp vào việc đạt được CĐR, thể hiện qua ma trận liên kết giữa CĐR của học phần với CĐR của CTĐT, ma trận giữa phương pháp dạy và học với CĐR của học phần/ CĐR của CTĐT [H3.03.01.03]. Cụ thể, việc giảng dạy và học tập được thực hiện kết hợp các phương pháp giảng dạy, học tập lý thuyết trên lớp và các phương pháp giảng dạy thực hành tại phòng thí nghiệm. Đặc biệt, NH ngành CNSH cần đạt được yêu cầu về kỹ năng nghề nghiệp như khả năng nhận diện, phân tích và giải quyết vấn đề kỹ thuật, vấn đề xã hội, kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả, đáp ứng năng lực ngoại ngữ, tin học đạt chuẩn đầu ra của Trường. Do đó, việc giảng dạy và học tập chú trọng kết hợp thực hành tại phòng thí nghiệm và kiến tập, thực tập, thực tế tại các công ty, nhà máy, xí nghiệp. Việc xác định phương pháp giảng dạy, học tập được thực hiện theo hướng dẫn đã ban hành của Trường [H3.03.01.04].

Phương pháp đánh giá (chuyên cần, giữa kỳ, cuối kỳ, báo cáo) được xác định rõ trong từng ĐCHP đảm bảo 100% học phần đóng góp vào việc đạt được CĐR, thể hiện qua ma trận giữa phương pháp KTĐG với CĐR của mỗi học phần [H3.03.01.02]. Việc xác định phương pháp kiểm tra đánh giá được thực hiện theo hướng dẫn đã ban hành của Trường [H3.03.01.04].

CTDH được triển khai thực hiện cụ thể theo kế hoạch qua các năm [H3.03.01.05] và phân bổ GV phụ trách từng môn học phù hợp cụ thể theo Hồ sơ giảng dạy của GV [H3.03.01.06]. NH phải thực hiện theo kế hoạch thực hiện CTDH này để đạt được các CĐR cần thiết của CTĐT ngành CNSH. Quá trình xây dựng CTDH có sự tham khảo, đối sánh với các cơ sở đào tạo đại học trong nước và ngoài nước [H2.02.02.07].

Năm 2022 Khoa đã tiến hành lấy ý kiến phản hồi của các BLQ về mục tiêu, CĐR và CTĐT. Theo kết quả tổng hợp ý kiến phản hồi của các BLQ, 100% đối tượng được khảo sát cho rằng các môn học trong CTĐT đều góp phần đạt được CĐR của NH [H3.03.01.08].

2. Điểm mạnh

CTDH ngành CNSH được thiết kế với cấu trúc phù hợp, cân đối giữa các khối kiến thức giáo dục đại cương, cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành, đảm bảo thực hiện các CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm. Mỗi HP trong CTDH đều được xác định rõ mức độ đạt CĐR. Việc xác định tổ hợp các PPGD, học tập, PPKTĐG KQHT của NH được quy định rõ nhằm hỗ trợ cho việc đạt được CĐR của NH.

3. Điểm tồn tại

Khoa chưa xây dựng tài liệu hướng dẫn chi tiết về việc thiết kế các hoạt động dạy - học và KTĐG dựa trên từng CĐR của CTĐT CNSH để đảm bảo các PPGD, học tập, PP KTĐG phù hợp, góp phần đạt được CĐR hiệu quả nhất. Việc lấy ý kiến của các BLQ đối với CTDH chỉ chú trọng nhiều nhất vào NH nên CTDH có thể chưa đáp ứng đầy đủ các yêu cầu từ thực tế tại các doanh nghiệp.

4. Kế hoạch hành động

4.1. Phát huy điểm mạnh:

Giai đoạn 2024 - 2028 theo định kỳ 02 năm/ lần, Khoa tiếp tục rà soát CTDH ngành CNSH để cập nhật cấu trúc và nội dung phù hợp, đảm bảo thực hiện các CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm.

4.2. Khắc phục tồn tại:

Tháng 01 năm 2025 và theo kế hoạch chung của Trường, Khoa tiến hành xây dựng tài liệu hướng dẫn chi tiết về việc thiết kế các hoạt động dạy - học và KTĐG dựa trên từng CĐR của CTĐT CNSH. Khoa tổ chức lấy ý kiến phản hồi của NH về CTDH thông qua nội dung, phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập; đồng thời tổ chức các buổi lấy ý kiến đóng góp từ các nhà tuyển dụng, chuyên gia và GV để điều chỉnh CTDH một cách hợp lý và logic hơn cho phù hợp với CĐR.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng

1. Mô tả hiện trạng

Để đảm bảo các HP đạt CĐR của CTĐT ngành CNSH, 100% các HP trong CTDH được xây dựng theo hướng tương thích với các yêu cầu của CĐR theo từng mục tiêu, yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm của NH thông qua việc xác định mục tiêu của HP nhằm đạt CĐR phù hợp với trình độ, năng lực cụ thể, sau đó xác định CĐR HP, từ đó mới xây dựng nội dung bài giảng, PPGD và học tập, PPKTĐG nhằm đạt CĐR HP. Điều này thể hiện rõ nét trong CTDH, ĐCCT HP, ma trận mối quan hệ giữa các HP và CĐR của CTĐT [H3.03.02.01]. Mặt khác, các HP tự chọn sẽ giúp NH tự chọn những HP phù hợp với nguyện vọng, sở trường, cũng như định hướng công việc của bản thân. Mỗi HP tự chọn đều có đề cương được xây dựng theo hướng giúp NH đáp ứng những yêu cầu của CĐR, đảm bảo 100% các yêu cầu của kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm và những mục tiêu khác của CĐR [H3.03.02.02].

Tất cả ĐCCT đều có phần mục tiêu và CĐR được thể hiện rõ ràng, cụ thể nội dung cần đạt được khi kết thúc HP về mặt kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm của SV. Đối với các HP có mối liên hệ với nhau về nội dung đều được xác định rõ môn học tiên quyết. Các HP được sắp xếp theo trình tự logic và khoa học, đảm bảo được tính kế

thừa và bổ sung, nâng cao và chuyên sâu nhằm đáp ứng được CDR. Ma trận đáp ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra của CTĐT.

Tất cả (100%) các học phần trong CTDH xác định rõ tổ hợp các PP dạy và học, PP KTĐG phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt CDR. Điều này được thể hiện cụ thể trong ma trận “Mối liên hệ giữa Chiến lược và PP dạy-học để đạt được CDR” và ma trận “Mối liên hệ giữa PP đánh giá nhằm đạt CDR” [H3.03.02.03], [H3.03.02.04]. Việc xây dựng ĐCCT các học phần luôn đảm bảo đề cương có mục tiêu và CDR rõ ràng, tương ứng với CDR nào của CTĐT; mỗi bài học đáp ứng CDR nào của học phần. Các PP giảng dạy phù hợp với từng học phần được quy định rõ trong ĐCCT của từng học phần. Ngoài ra, để đảm bảo việc đạt CDR trong mỗi học phần, ngoài kỳ thi kết thúc học phần, kết quả đánh giá người học còn được thể hiện qua điểm quá trình, điểm chuyên cần, điểm giữa kỳ của các học phần. Điểm chuyên cần được Trường đánh giá thông qua hệ thống điểm danh online đảm bảo chính xác và công bằng cho người học và GV. Thi kết thúc học phần được thực hiện bằng các hình thức tự luận, trắc nghiệm hoặc vấn đáp và được Khoa quy định trước, GV phải thông báo cho NH ngay buổi học đầu tiên [H3.03.02.05]. Trong từng PP đánh giá, GV phải ghi rõ đáp ứng với CDR nào của học phần và có đáp án rõ ràng. Mỗi học kỳ Khoa tổ chức họp mặt toàn thể GV tham gia giảng dạy để thống nhất nội dung giảng dạy và hình thức thi. Dựa vào các tiêu chí đánh giá SV được quy định trong Quy chế đào tạo của BGDĐT, trong Quy chế đào tạo của Trường. Khoa CNSH-TP đã biên soạn cụ thể thành các hướng dẫn thực hiện chuyên đề, thực tập tốt nghiệp, đồ án tốt nghiệp nhằm thực hiện PP đào tạo kết hợp lý luận với thực tiễn [H3.03.02.06].

Nội dung các học phần trong CTDH thể hiện việc đạt được CDR. Cụ thể, mỗi chương trong từng học phần đều được xây dựng để đạt được các CDR phù hợp về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm. Nội dung mỗi chương trong một HP được xác định thông qua tên chương và tên các tiểu mục nhằm định hướng cho GV biên soạn nội dung giảng dạy phù hợp, góp phần đạt được một hoặc một số CDR của HP. CDR của chương được kết nối với CDR của học phần và CDR của học phần được kết nối với CDR của CTĐT [H3.03.02.05].

Hàng năm, Khoa đã tiến hành khảo sát lấy ý kiến các BLQ về hoạt động giảng dạy, đánh giá tính phù hợp của môn học, các PP KTĐG KQHT [H3.03.02.07]. Qua đó, Khoa tiến hành cập nhật, điều chỉnh nội dung CTDH, đáp ứng CDR ngày càng phù hợp với nhu cầu XH hơn và công bố rộng rãi đến các bên có liên quan thông qua website của Trường, Khoa.

2. Điểm mạnh:

Đóng góp của mỗi HP trong việc đạt được CDR là rõ ràng. 100% các HP có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi HP nhằm đạt được

CĐR. ĐCCT của mỗi HP trong khối kiến thức đều thể hiện tính gắn kết giữa hoạt động dạy, học và PPKTĐG để đạt được CĐR.

Các HP trong CTDH ngành KDQT được xây dựng và điều chỉnh dựa trên việc lấy ý kiến phản hồi của các BLQ.

3. Điểm tồn tại

Trong bản mô tả CTDH, có khá nhiều HP cùng có đóng góp vào việc đạt được cùng 01 CĐR của CTĐT, có thể gây khó khăn cho GV trong việc định hướng giảng dạy nhằm đạt CĐR. Khoa chưa tổ chức đánh giá một cách khoa học về sự tương thích giữa nội dung và sự đóng góp chi tiết của từng học phần để đạt CĐR của CTĐT. Việc khảo sát ý kiến của các BLQ về nội dung chi tiết của từng học phần để đạt được CĐR còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

4.1. Phát huy điểm mạnh:

Giai đoạn 2024 - 2028, theo định kỳ 02 năm/ lần Khoa tiếp tục rà soát, cập nhật CTDH để thể hiện rõ hơn nữa những đóng góp của từng học phần giúp đáp ứng CĐR của CTĐT.

4.2. Khắc phục tồn tại:

Tháng 01 năm 2025 và theo kế hoạch chung của Trường, Khoa tiến hành rà soát, tổ chức đánh giá sự tương thích và đóng góp của các học phần trong CTDH về nội dung, về phương pháp dạy, học, phương pháp KTĐG vào việc đạt được CĐR của CTĐT. Từ đó Khoa xây dựng hướng dẫn chi tiết giúp cho GV định hướng giảng dạy nhằm đạt CĐR hiệu quả nhất. Đồng thời, Khoa tiến hành khảo sát ý kiến của các BLQ về nội dung chi tiết của từng học phần, về mức độ đạt được CĐR của học phần.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp

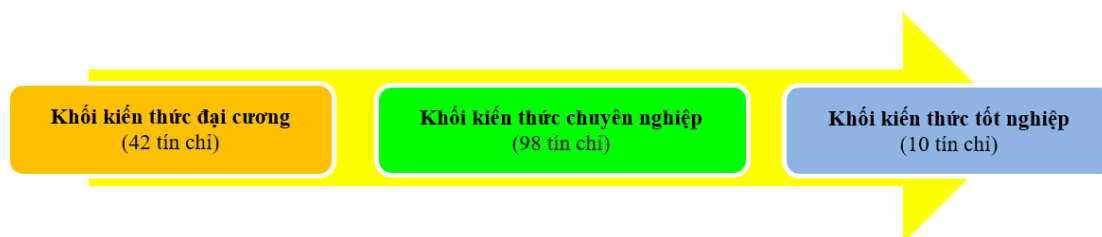
1. Mô tả hiện trạng

Tất cả các HP trong CTDH được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các HP đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất. Qua đó, cấu trúc CTDH ngành CNSH được thiết kế cân đối với sự phân bổ phù hợp giữa các khối kiến thức đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành để NH được trang bị đầy đủ những kiến thức chuyên môn và rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cho công việc trong lĩnh vực CNSH [H3.03.01.01].

Tỷ lệ các khối kiến thức được cân đối trên cơ sở CĐR. Theo đó, CTDH ngành CNSH gồm 150 tín chỉ (không bao gồm 11 TC của các học phần điều kiện như Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng), trong đó:

- Kiến thức đại cương	: 42 tín chỉ	Tỉ lệ: 28,0 %
- Kiến thức chuyên nghiệp	: 98 tín chỉ	Tỉ lệ: 65,3 %
+ Kiến thức cơ sở ngành	: 39 tín chỉ	Tỉ lệ: 26,0 %
+ Kiến thức chuyên ngành	: 59 tín chỉ	Tỉ lệ: 39,3 %
- Tốt nghiệp	: 10 tín chỉ	Tỉ lệ: 6,7 %
+ Học phần thay thế	: 10 tín chỉ	Tỉ lệ: 6,7 %
+ Thực tập tốt nghiệp	: 10 tín chỉ	Tỉ lệ: 6,7 %
+ Đồ án/ Khóa luận tốt nghiệp	: 10 tín chỉ	Tỉ lệ: 6,7 %

CTDH ngành CNSH được xây dựng phân bổ trên các khối kiến thức gồm kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành và HP tốt nghiệp gắn kết chặt chẽ với nhau. Sự gắn kết của các khối kiến thức được thể hiện qua **Hình 3.3.1** như sau:



Hình 3.3.1. Mối liên kết giữa các khối kiến thức

Tất cả (100%) các HP trong CTDH được bố trí hợp lý. Quá trình xây dựng CTDH được thực hiện theo quy định của Trường và của Khoa nhằm đảm bảo tính hợp lý và minh bạch [H3.03.03.02]. Nhằm đảm bảo NH tiếp thu kiến thức theo trình tự nhất định, các HP được sắp xếp logic, có quy định cụ thể về HP tiên quyết nhằm phù hợp với khả năng tiếp thu và tích lũy kiến thức của NH trong suốt thời gian ĐT là 4,5 năm [H3.03.03.03]. Theo lộ trình dạy học, trong năm học đầu tiên, NH phải có kiến thức cơ bản nhất định như kiến thức đại cương. Những năm học tiếp theo, NH có thể tích lũy dần các kiến thức cơ sở ngành và dần dần đến các kiến thức chuyên sâu. Đồng thời, các HP thực hành cũng được sắp xếp sau khi NH đã có được nền tảng kiến thức chuyên môn về sinh học trên giảng đường. Năm học cuối cùng là thời gian để NH thực tập tại các công ty, xí nghiệp, hay trung tâm liên quan đến ngành nghề và làm khóa luận tốt nghiệp/thực tập tốt nghiệp (hoặc học các môn thay thế). NH có thể rút ngắn lộ trình học tập nhưng phải đảm bảo thực hiện đúng thời lượng của từng HP và yêu cầu tiên quyết hoặc môn học trước. Thông qua đó, kết quả đánh giá NH được phản ánh trung thực và thể hiện được năng lực nghề nghiệp của NH qua quá trình tích lũy kiến thức và kỹ năng cần thiết để thực hiện các công việc về lĩnh vực CNSH trong tương lai.

CTDH có 150 tín chỉ (không bao gồm các HP điều kiện 11 tín chỉ), được chia thành 09 học kỳ, thực hiện theo trình tự từ cơ bản đến phát triển nâng cao kiến thức và kỹ năng cho NH, gồm: CTDH được thể hiện qua trình tự các HP theo trình tự từ kiến thức chung

đến kiến thức cơ sở ngành và tiếp theo là kiến thức chuyên ngành. Các HP ở học kỳ trước là nền tảng cho các HP ở học kỳ tiếp theo. Các HP thuộc khối kiến thức đại cương được giảng dạy ở các học kỳ của hai năm học đầu tiên (từ học kỳ 1 đến học kỳ 4) và được phân bổ rải rác trong các học kỳ này để tránh sự nhàm chán cho NH. Các môn học cơ sở ngành được bố trí ở các học kỳ của năm nhất để thiết lập nền tảng kiến thức cho NH, ví dụ: như học phần Sinh học đại cương A1 được giảng dạy ngay học kỳ đầu tiên của CTĐT. Các học phần chuyên ngành cơ bản được bố trí theo trình tự từ các học phần như Di truyền học ứng dụng cho đến các học phần Tham quan thực tế ngành nghề. Đến năm học thứ ba (học kỳ 6 đến học kỳ 9), NH tập trung học các học phần chuyên ngành để rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp cần thiết và thực hiện các đề tài thực tập, khóa luận tốt nghiệp vào những học kỳ cuối của CTĐT [H3.03.03.04]. Qua đó, NH có thể tích lũy được kiến thức chuyên môn và rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cần thiết để đáp ứng được CDR theo mức độ đóng góp của các HP. Các học phần được sắp xếp theo trình tự logic và khoa học, đảm bảo được tính kế thừa và bổ sung, nâng cao và chuyên sâu nhằm đáp ứng được CDR, cụ thể được mô tả ở **hình 3.3.2**.

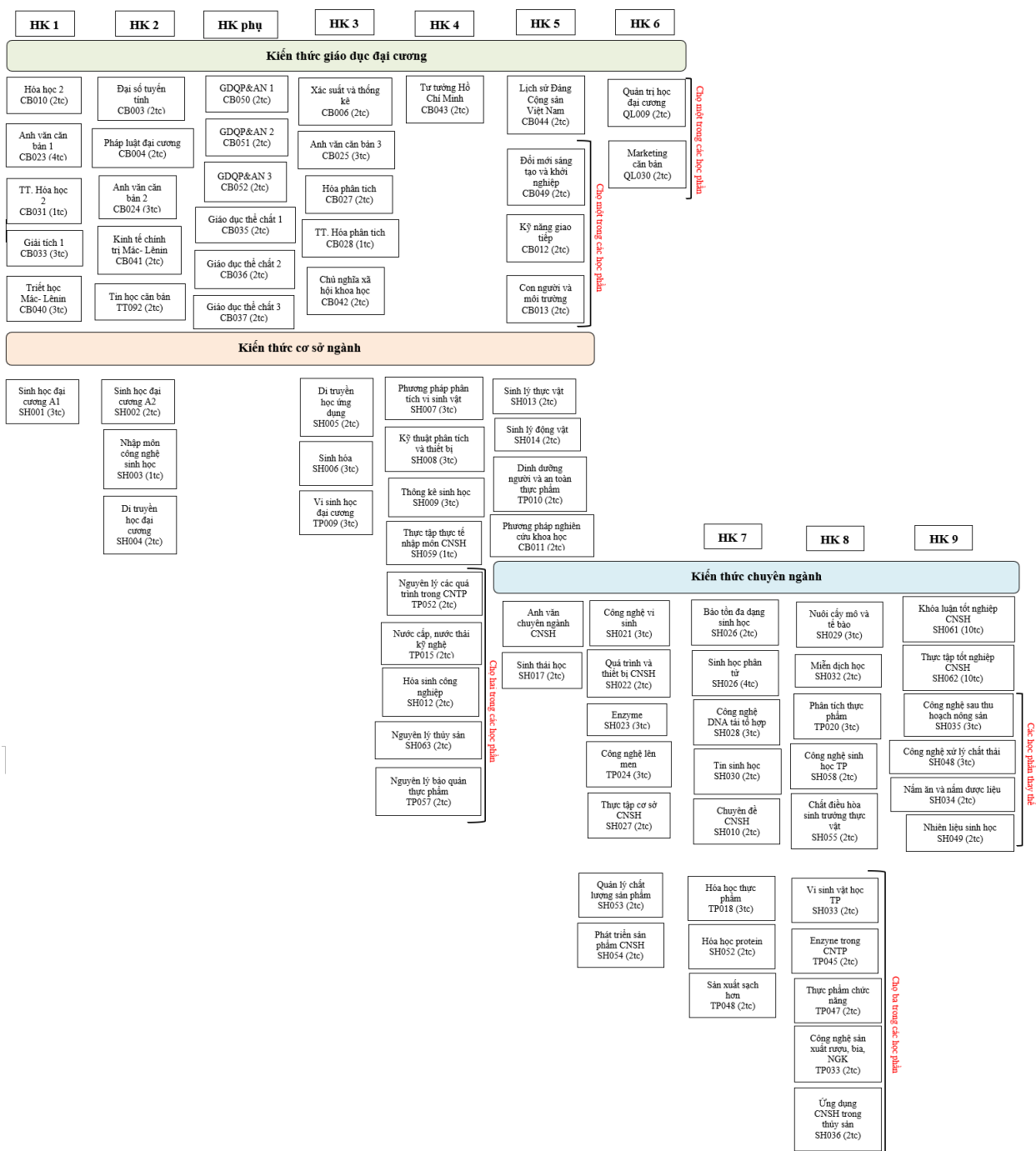
Đặc biệt, CTDH được rà soát, điều chỉnh định kỳ 2 năm/lần. Để tạo điều kiện cho các BLQ có thể tiếp cận CTDH thuận tiện, CTDH ngành CNSH được công bố thông qua các tài liệu quảng bá như tài liệu tuyển sinh, tài liệu sinh hoạt NH đầu khóa và trên trang thông tin điện tử của Khoa, Trường [H3.03.03.05]. Dựa trên kết quả phản hồi của các BLQ như NH, GV và NTD [H3.03.03.06], CTDH được điều chỉnh để phù hợp với những biến đổi về kinh tế - xã hội và nhu cầu của thị trường lao động.

Từ năm 2018 đến nay, CTDH ngành CNSH đã trải qua những lần thay đổi lớn vào năm 2020, 2022 được HĐKH&ĐT Trường và Khoa CNSH-TP phê duyệt để triển khai chính thức [H3.03.03.07].

CTĐT khi được điều chỉnh có tham khảo các CTĐT tiên tiến trong nước để đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp. Trong quá trình xây dựng và hoàn thiện CTDH, Khoa CNSH-TP đã tiến hành phân tích, đối sánh với CTĐT của một số CSGD uy tín khác trong nước như Trường ĐH Văn Lang, Trường ĐH Cần Thơ [H3.03.03.08]. Điều này giúp đảm bảo CTĐT ngành CNSH của Trường ĐHKTCNCT phù hợp với trình độ chung của nguồn nhân lực ngành CNSH ở Việt Nam hiện nay.

Đồng thời, CTDH có thiết kế các môn học tự chọn để đảm bảo tính linh hoạt của quá trình dạy học. Theo đó, NH có thể lựa chọn các HP phù hợp với năng lực cá nhân và định hướng phát triển nghề nghiệp như Vi sinh học thực phẩm, Thực phẩm chức năng, Công nghệ sản xuất rượu bia và nước giải khát... Ngoài ra, ở học kỳ cuối của CTDH, NH có thể lựa chọn làm Đồ án tốt nghiệp (nếu đủ điều kiện theo quy định của trường) hoặc học các HP thay thế như Công nghệ sau thu hoạch nông sản, Công nghệ xử lý chất thải, Nấm ăn và nấm dược liệu, Nhiên liệu sinh học. Các HP này được lựa

chọn tùy thuộc vào định hướng nghề nghiệp trong tương lai của NH. Tỷ lệ các môn học tự chọn được thiết kế cân đối trong tổng số tín chỉ của CTDH (chiếm $24/150=16,0\%$ (không tính HP tự chọn 11 TC)). Nhờ vậy, NH có thể đáp ứng được yêu cầu của từng vị trí công việc khác nhau.



Hình 3.3.2. Sơ đồ tiến trình đào tạo ngành CNSH

2. Điểm mạnh:

Các HP trong CTDH ngành CNSH được thiết kế có 3 khối kiến thức: khối kiến thức giáo dục đại cương, giáo dục chuyên nghiệp và thực tập tốt nghiệp đảm bảo sự gắn kết và liên mạch tạo thành một khối thống nhất.

CTDH được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật ít nhất 2 năm/lần. CTDH khi được điều chỉnh có tham khảo các CTDH tiên tiến trong nước.

3. Điểm tồn tại:

Việc tham khảo các CTĐT, CTDH tiên tiến ngành CNSH trình độ đại học của các CSGD trong và ngoài nước chủ yếu là đối sánh về khung CTĐT, tên HP, số tín chỉ mà chưa thể hiện rõ việc phân tích đối sánh nội dung của từng HP.

4. Kế hoạch hành động:

4.1. Phát huy điểm mạnh:

Giai đoạn 2024 - 2028 theo định kỳ 02 năm/ lần, Khoa tiếp tục rà soát, cập nhật cấu trúc, trình tự của CTDH, tiếp tục đổi mới, cải tiến nội dung các học phần đáp ứng CĐR, phù hợp với xu hướng phát triển của ngành. Khoa tăng cường công tác tập huấn chuyên môn nghiệp vụ cho giảng viên về phương pháp dạy học, phương pháp KTĐG.

4.2. Khắc phục tồn tại:

Tháng 1 năm 2025 và theo kế hoạch chung của Trường, Khoa tham khảo thêm về nội dung chi tiết các học phần trong CTĐT của các CSGD trong và ngoài nước nhằm đổi mới, cải tiến nội dung phù hợp với xu hướng chung của ngành CNSH.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn: CTDH ngành CNSH được thiết kế với cấu trúc phù hợp, cân đối giữa các khối kiến thức giáo dục đại cương, cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành, đảm bảo thực hiện các CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm. Mỗi HP trong CTDH đều được xác định rõ mức độ đạt CĐR. Việc xác định tổ hợp các PPGD, học tập, PPKTĐG KQHT của NH được quy định rõ nhằm hỗ trợ cho việc đạt được CĐR của NH. Đóng góp của mỗi HP trong việc đạt được CĐR là rõ ràng. 100% các HP có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi HP nhằm đạt được CĐR. ĐCCT của mỗi HP trong khối kiến thức đều thể hiện tính gắn kết giữa hoạt động dạy, học và PPKTĐG để đạt được CĐR. Các HP trong CTDH ngành CNSH được xây dựng và điều chỉnh dựa trên việc lấy ý kiến phản hồi của các BLQ. Các HP trong CTDH ngành CNSH được thiết kế có 3 khối kiến thức: khối kiến thức giáo dục đại cương, giáo dục chuyên nghiệp và thực tập tốt nghiệp đảm bảo sự gắn kết và liên mạch tạo thành một khối thống nhất. CTDH được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật ít nhất 2 năm/lần. CTDH khi được điều chỉnh có tham khảo các CTDH tiên tiến trong nước.

Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn: Khoa chưa xây dựng tài liệu hướng dẫn chi tiết về việc thiết kế các hoạt động dạy - học và KTĐG dựa trên từng CĐR của CTĐT CNSH để đảm bảo các PPGD, học tập, PP KTĐG phù hợp, góp phần đạt được CĐR hiệu quả nhất. Việc lấy ý kiến của các BLQ đối với CTDH chỉ chú trọng nhiều nhất vào

NH nên CTDH có thể chưa đáp ứng đầy đủ các yêu cầu từ thực tế tại các doanh nghiệp. Trong bản mô tả CTDH, có khá nhiều HP cùng có đóng góp vào việc đạt được cùng 01 CDR của CTĐT, có thể gây khó khăn cho GV trong việc định hướng giảng dạy nhằm đạt CDR. Khoa chưa tổ chức đánh giá một cách khoa học về sự tương thích giữa nội dung và sự đóng góp chi tiết của từng học phần để đạt CDR của CTĐT. Việc khảo sát ý kiến của các BLQ về nội dung chi tiết của từng học phần để đạt được CDR còn hạn chế. Việc tham khảo các CTĐT, CTDH tiên tiến ngành CNSH trình độ đại học của các CSGD trong và ngoài nước chủ yếu là đối sánh về khung CTĐT, tên HP, số tín chỉ mà chưa thể hiện rõ việc phân tích đối sánh nội dung của từng HP.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 3: Điểm trung bình của tiêu chuẩn đạt: 5,00 điểm; Số tiêu chí đạt: 3/3; Tỷ lệ số tiêu chí đạt: 100%.

Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Mở đầu: Trong đào tạo ĐH, phương pháp tiếp cận dạy và học có vai trò quan trọng trong việc thực hiện mục tiêu giáo dục hay triết lý giáo dục là học tập chủ động, làm việc sáng tạo. Việc lựa chọn phương pháp tiếp cận đúng sẽ giúp cơ sở ĐT xây dựng và thực hiện CTĐT, với các tiêu chí dạy và học phù hợp với triết lý hoặc mục tiêu giáo dục. Khoa CNSH-TP cũng như nhiều khoa khác trong Trường chọn cách tiếp cận lấy NH làm trung tâm, tổ chức các hoạt động dạy học và các hoạt động ngoại khóa nhằm đạt được CDR đã tuyên bố trong CTĐT, sử dụng các PPDH đa dạng, nhằm phát triển tính chủ động sáng tạo trong học tập cho NH. Để làm được điều này, CTĐT xác định rõ mục tiêu và CDR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm. Cách tiếp cận này được cụ thể hóa ở việc thiết kế chương trình với các môn học kế tiếp nhau một cách logic, môn cơ sở là môn tiên quyết cho những môn học chuyên sâu, các hoạt động dạy và học đều phải cùng hướng đến CDR. Thông điệp về cách tiếp cận, các hoạt động dạy học và CDR của chương trình cần được mỗi GV và NH hiểu rõ để thực hiện tốt vai trò nhiệm vụ của mình, đồng thời thể hiện sự chủ động, làm việc sáng tạo theo triết lý giáo dục.

Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan

1. Mô tả hiện trạng

Trường và Khoa có văn bản tuyên bố chính thức về TLGD và mục tiêu giáo dục. Trường đề ra phương châm giáo dục “*Lý thuyết đi đôi với ứng dụng thực tiễn*”, “*Tất cả vì sinh viên thân yêu*” được thể hiện trong Brochure. Năm 2017, Trường xác định mục tiêu xây dựng một môi trường học tập năng động, sáng tạo để ĐT nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Cần Thơ và khu vực Đồng bằng sông Cửu Long theo quyết định số 155/QĐ-ĐHKTCN ngày 22/04/2017. Đến năm 2020, trước bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư cũng như xu hướng mới của giáo dục ĐH, Trường điều chỉnh và xác định mục tiêu là “*Trở thành trường đại học*

định hướng ứng dụng, đạt các tiêu chí cơ bản của trường đại học chuyên ngành kỹ thuật công nghệ trong hệ thống giáo dục quốc dân, đáp ứng yêu cầu phát triển của thành phố Cần Thơ, vùng Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước thời kỳ cách mạng công nghệ công nghiệp 4.0” theo quyết định số 14/QĐ-HĐT ngày 20/04/2020. Đồng thời, để xác định TLGD, Trường triển khai rà soát và đồng thời thông báo đến các đơn vị đóng góp ý kiến về TLGD của Trường. Tiếp nhận các ý kiến góp ý của các đơn vị và xu thế phát triển của Trường, Đảng ủy và BGH xác định TLGD là “*Đức trí - Kỹ năng - Sáng tạo - Hội nhập*” theo Quyết định số 18/QĐ-ĐHKTCN ngày 16/01/2020. Khoa CNSH-TP đã thống nhất sử dụng TLGD của trường và chuyển tải thành TLGD của Khoa đối với các hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu [H4.04.01.01].

TLGD được tất cả CB, GV, NH của Trường và Khoa hiểu rõ và thực hiện. TLGD của Trường được toàn thể CB, lãnh đạo Trường cùng tham gia thảo luận, thống nhất. GV, NV của Khoa CNSH-TP đã họp thảo luận để cụ thể hóa dựa trên TLGD của Trường. Vì vậy, GV và NV của Khoa hiểu rõ, chuyển tải trực tiếp vào các hoạt động dạy và học, gồm: lựa chọn PPGD, PPKTDG các HP của GV giảng dạy, tổ chức học phần thực tập thực tế ngoài trường. Các HP trong CTĐT ngành CNSH được tổ chức thực tế ngoài trường như Tham quan thực tế ngành nghề, Thực tập cơ sở CNSH, Thực tập tốt nghiệp CNSH. Tham quan thực tế ngành nghề Công nghệ sinh học, sinh viên được tham quan tại các công ty như Công ty Trách nhiệm hữu hạn (TNHH) Yakult Việt Nam, Nhà máy Ajinomoto Việt Nam, Nhà máy Acecook Việt Nam và Trung tâm CNSH Thành phố Hồ Chí Minh. Nhằm thực hiện việc học lý thuyết gắn kết với học thực hành, Trường đã có xây dựng mô hình gắn kết đào tạo giữa Trường với DN. Khoa đã thực hiện thỏa thuận với DN, tổ chức các hoạt động thực tế cho NH như Khoa tổ chức “Tọa đàm kết nối Doanh nghiệp - Sinh viên”, Hội thảo Khoa học “Công nghệ Sinh - Hóa - Thực phẩm”, Hội nghị chuyên đề “Công nghệ mRNA trong nghiên cứu vắc-xin phòng ngừa Covid-19”, tổ chức seminar “Định hướng nghề nghiệp cho sinh viên” [H4.04.01.02].

TLGD của Trường và Khoa được phổ biến tới các BLQ với nhiều hình thức khác nhau. TLGD của Trường được đăng tải trên website Trường và các đơn vị, được niêm yết tại các bảng thông báo và được đặt tại những nơi dễ nhìn thấy trong khuôn viên Trường cũng như in ấn trên các Brochure của Trường, Sổ tay SV [H4.04.01.03]. Ngoài ra, TLGD của Trường được đặt tại các sảnh, phòng họp trong Trường, Văn phòng khoa để phổ biến đến GV, NV, NH, DN, khách đến thăm và làm việc với Trường. SV còn được phổ biến TLGD thông qua sinh hoạt SV đầu khóa. GV thường xuyên được phổ biến để chuyển tải TLGD vào trong hoạt động dạy và học tại các buổi họp chuyên môn [H4.04.01.04]. Hằng năm, Trường ban hành kế hoạch và triển khai khảo sát ý kiến phản hồi của các BLQ về hoạt động của Trường, trong đó có khảo sát ý kiến của GV, SV, cựu SV về TLGD. Kết quả khảo sát ý kiến của GV, SV, cựu SV thể hiện mức độ hài

lòng đối với TLGD của Trường. Khoa kết hợp với Trường về việc khảo sát các BLQ về việc hiểu biết và thực hiện các hoạt động giảng dạy, học tập, NCKH phù hợp với TLGD của Trường. Kết quả khảo sát cho thấy 89,4% CB, VC và NLĐ đồng ý với TLGD của Trường [H4.04.01.05].

2. Điểm mạnh:

TLGD của Trường được xác định rõ ràng thông qua thảo luận và thống nhất để phù hợp và đặc trưng của Trường. Bên cạnh đó, TLGD được áp dụng phổ biến đến các BLQ trong và ngoài Trường thông qua nhiều hình thức khác nhau.

3. Điểm tồn tại:

Việc triển khai và phổ biến TLGD đến các BLQ đã được Trường và Khoa thực hiện. Tuy nhiên, do TLGD cần có nhiều thời gian để hiểu và chuyển tải đồng bộ đến các BLQ nên mức độ hiểu và áp dụng TLGD của các BLQ có thể không đồng đều.

4. Kế hoạch hành động:

4.1. Phát huy điểm mạnh:

Giai đoạn 2024 - 2028, hằng năm Trường và Khoa tiếp tục thực hiện theo đúng những nội dung đã tuyên bố với NH và tăng cường tổ chức các hội thảo, hội nghị, các ngày hội việc làm để tiếp nhận ý kiến của chuyên gia, NTD, cựu SV, GV về TLGD cũng như mục tiêu giáo dục.

4.2. Khắc phục tồn tại:

Tháng 01 năm 2025 và theo kế hoạch rà soát chung của Trường, Khoa CNSH-TP tiếp tục phổ biến TLGD đến các BLQ thông qua các hoạt động cụ thể để các BLQ ngoài trường hiểu rõ hơn về TLGD của Trường. Ngoài ra, Trường và Khoa tiến hành thường xuyên công tác lấy ý kiến phản hồi của các NTD, DN, NH trong việc xây dựng và hoàn thiện hơn TLGD.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng

Đối với CTĐT ngành CNSH là ngành học ứng dụng trong các lĩnh vực nông nghiệp, thực phẩm, môi trường, Khoa đã chỉ đạo, hướng dẫn và có nhiều thảo luận với Bộ môn, GV để xây dựng hoạt động dạy học/ PPGD đa dạng, phù hợp bám sát mục tiêu, TLGD của để đạt CĐR. Trong kế hoạch năm học hằng năm của Trường và của đơn vị, Trường luôn chú trọng tạo dựng môi trường học tập đa dạng, tạo thuận lợi cho việc đạt được CĐR đã xác định. Ban chủ nhiệm Khoa CNSH-TP có hướng dẫn, thảo luận với GV về việc xác định các hoạt động dạy, học, kiểm tra đánh giá và các PPGD đa dạng, phù hợp để đạt CĐR. Ngoài ra, GV Khoa CNSH-TP tích cực tham dự các hội nghị, hội thảo về PPGD và đổi mới PPGD cũng như trong nội dung ĐT nghiệp vụ sư phạm của

GV có nội dung hướng dẫn về các PPGD tích cực, phù hợp CĐR. Trên cơ sở đó, GV Khoa CNSH-TP xác định các PPGD tích cực, phù hợp CĐR đã được ban hành cũng như thể hiện trong Bản mô tả CTĐT ngành CNSH. Trường tổ chức các khóa tập huấn cho SV về kỹ năng tự học, phương pháp học tập ĐH nhằm giúp SV chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CĐR. GV Khoa áp dụng đa dạng các hoạt động giảng dạy tích cực như dạy học theo dự án, phương pháp giải quyết vấn đề, thuyết trình tích cực,... được thể hiện trong ĐCCT HP. Trường hợp tác với nhiều DN nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho SV trong việc thực tập tốt nghiệp tại các DN phù hợp với ngành nghề đào tạo [H4.04.02.01]. PPGD được mô tả rõ ràng trong ĐCCT các HP của CTĐT. Với mỗi ĐCCT các HP đều thể hiện rõ số giờ tín chỉ đối với lý thuyết, thực hành và tự học phù hợp với điều kiện thực tế của Trường, Khoa [H4.04.02.02].

Trong quá trình giảng dạy, GV đã lựa chọn hoạt động giảng dạy và học tập thích hợp với đặc thù của từng HP, hướng dẫn NH sử dụng tổ hợp các phương pháp nghiên cứu, học tập hiệu quả, chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CĐR. Trường đã xác định đổi mới PPDH là một trong những khâu đột phá nâng cao chất lượng ĐT. Trường, Khoa đã đưa những hướng dẫn xác định PPGD, học tập, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV, từ đó GV định hướng, xác định PPGD phù hợp đối với từng HP [H4.04.02.03]. Vào mỗi buổi học đầu tiên của HP, GV giới thiệu nội dung, chương trình, HP, các phương pháp học tập, tài liệu bắt buộc cho NH. Phương pháp học tập chủ động và tiếp cận giải quyết vấn đề của NH cũng thay đổi hoàn toàn từ việc học tập, nghiên cứu độc lập sang phối hợp nhóm, chia sẻ thông tin; từ tham gia thụ động sang chủ động vào các hoạt động học tập. Thay vì GV đóng vai trò giảng bài thì NH thay thế bằng cách thuyết trình các phần bài học, các trường hợp cụ thể trong thực tế, qua đó NH tự tìm hiểu, nắm vững kiến thức và chủ động học tập. Tùy theo đặc thù của mỗi HP, ngoài việc thay đổi PPGD, GV đã tích cực ứng dụng CNTT để soạn bài điện tử, soạn bài giảng online, giảng dạy online thông qua hệ thống Hệ thống học tập trực tuyến - CTUT của Trường [H4.04.02.04]. Việc thay đổi PPDH cũng gặp nhiều khó khăn, GV cần nghiên cứu nhiều hơn, xây dựng bài giảng linh hoạt hơn, và đối với những GV thỉnh giảng thì đôi khi gặp khó khăn do sự khác biệt về văn hóa giữa các trường. Tuy nhiên trong các cuộc họp giao ban, Hiệu trưởng thường xuyên chỉ đạo các đơn vị thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho NH học tập, nghiên cứu một cách hiệu quả; yêu cầu các Phòng, Khoa, Bộ môn cần chú trọng đổi mới PPDH, nâng cao chất lượng ĐT của Trường [H4.04.02.05].

Đánh giá hoạt động giảng dạy của GV được Trường và Khoa tiến hành thường xuyên và định kỳ với nhiều hình thức khác nhau như: giám sát, kiểm tra hoạt động giảng dạy, trong đó có phần khảo sát NH về hoạt động dạy học/các PPDH được sử dụng trong CTĐT. Kết quả khảo sát ý kiến của NH đối với hoạt động dạy và học cho thấy mức độ

hài lòng của NH ở các học kỳ qua các năm học cao, năm học 2020 - 2021 đạt 64%, năm học 2021 - 2022 đạt 71,4% với mức hài lòng và rất hài lòng. Đối với khảo sát GV về hoạt động dạy học, các phương pháp dạy học được sử dụng trong CTĐT, kết quả khảo sát cho thấy năm học 2020 - 2021 mức độ hài lòng đạt 87,0%, năm học 2021 - 2022 mức độ hài lòng đạt 91,2%. Điều này cho thấy các hoạt động dạy và học của GV được thiết kế phù hợp để đạt được CĐR của ngành CNSH [H4.04.02.06].

2. Điểm mạnh:

Khoa đã chỉ đạo và phối hợp với Bộ môn và GV để xây dựng và triển khai các hoạt động dạy học phong phú, phù hợp với mục tiêu và TLGD. GV giảng dạy các HP trong CTĐT ngành CNSH xác định rõ hoạt động dạy học, PPGD đa dạng, phù hợp để đạt được CĐR ngành CNSH và thể hiện trong ĐCCT HP.

3. Điểm tồn tại:

Đầu mỗi khóa học, trường tổ chức tuần lễ sinh hoạt công dân nhằm phổ biến phương pháp học theo hệ thống tín chỉ cho toàn thể SV thực hiện. Tuy nhiên, vẫn còn một số SV năm thứ nhất chưa thật sự thích nghi với phương pháp học ở bậc ĐH.

4. Kế hoạch hành động:

4.1. Phát huy điểm mạnh:

Hàng năm, Khoa tăng cường tạo môi trường chia sẻ hoạt động giảng dạy giữa các GV trong và ngoài khoa, ngoài trường thông qua các hội thảo chuyên đề của khoa và mời các chuyên gia, DN tham gia giảng dạy, đánh giá kết quả học tập và khóa luận SV.

4.2. Khắc phục tồn tại:

Từ tháng 01 năm 2025, Trường và Khoa CNSH-TP tăng cường hướng dẫn cho SV, đặc biệt là SV năm nhất về phương pháp học ở bậc ĐH.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học

1. Mô tả hiện trạng

Để thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời của NH, Trường và khoa đã tiến hành đổi mới PPDH. NH trở thành trung tâm, chuyển từ trạng thái tiếp thu bị động sang học tập chủ động. Trường yêu cầu GV từng bước thay đổi PPGD, tăng cường yêu cầu NH tự học và tự nghiên cứu trước khi đến lớp, GV đóng vai trò hướng dẫn và giải đáp. GV phải sử dụng thành thạo, hiệu quả tổ hợp các PPGD nhằm hỗ trợ NH rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời [H4.04.03.01]. Tất cả ĐCCT các HP của CTĐT ngành CNSH trình độ ĐH đều mô tả rõ việc sử dụng hiệu quả tổ hợp các PPGD và học tập nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho NH để đạt được CĐR của HP và CĐR của CTĐT [H4.04.03.02].

Bên cạnh đó, 100% ĐCCT các HP trong CTĐT đều mô tả cụ thể đến các hoạt động tự học, tự nghiên cứu cho NH và có kiểm tra, đánh giá nội dung tự học, tự nghiên cứu theo quy định; xác định các nội dung giảng dạy trên lớp, các nội dung giao về nhà cho NH tự học, tự nghiên cứu nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho NH. Ngoài ra, Quy chế đào tạo trình độ ĐH theo hệ thống tín chỉ được ban hành theo Quyết định số 400/QĐ-ĐHKTCN ngày 01/09/2021 có quy định rõ thời lượng NH phải sử dụng cho việc tự học, tự nghiên cứu, ôn tập, củng cố và chuẩn bị bài mới [H4.04.03.03]. Để tăng cường tính chủ động học tập của SV, Trường triển khai cổng thông tin đào tạo trực tuyến để NH tự học, tự nghiên cứu và nâng cao kết quả học tập tại nhà [H4.04.03.04].

Trong quá trình giảng dạy, GV sử dụng các hoạt động dạy học như lấy NH làm trung tâm, dạy NH tự học, tự nghiên cứu ĐCCT, tài liệu học tập và sử dụng đa dạng các PPDH như thuyết giảng, nêu vấn đề và giải quyết vấn đề, thảo luận... đối với HP lý thuyết; làm bài tập tình huống, bài tập nhóm, bài tập lớn, trình bày, thuyết trình... để rèn luyện các kỹ năng cho các HP thực hành. Các phương pháp thảo luận nhóm giúp cho NH hiểu sâu sắc hơn kiến thức, đồng thời rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình; các bài tập cá nhân, tự học có tác dụng phát triển năng lực của NH về nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến quan trọng; thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác. Trong giai đoạn 2018 - 2023, Trường ký kết hợp tác với các cơ quan, DN nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho SV trong việc thực tập thực tế tại các cơ quan, DN phù hợp với ngành nghề ĐT. Trường ký kết hợp tác với các trường ĐH quốc tế để SV có cơ hội trao đổi học tập trong môi trường quốc tế. Trường trao đổi SV tham gia học tập tại các quốc gia như Thái Lan, Đài Loan, đồng thời tiếp nhận SV Hàn Quốc, Thái Lan tham gia các hoạt động tình nguyện tại Trường, bao gồm Trường ĐH Rajabhat Rajanagarindra tham gia giảng dạy tiếng Thái giao tiếp và giao lưu văn hóa; Cơ quan thông tin xã hội quốc gia Hàn quốc (KIV)/Hàn Quốc tham gia giảng dạy CNTT, giới thiệu văn hóa Hàn Quốc; Đoàn Trường ĐH MIYAGI/Nhật Bản thực hiện chương trình giao lưu SV. Ngoài ra, GV Khoa CNSH-TP sử dụng đa dạng các nguồn tư liệu, sách báo, phim ảnh phục vụ hoạt động dạy và học. Trong suốt khóa học, NH được tư vấn, hỗ trợ trong hoạt động học tập bởi GV, CVHT về đăng ký HP, NCKH; tư vấn cho NH tham gia các hoạt động học thuật, NCKH, rèn luyện kỹ năng thu thập, xử lý thông tin, phương pháp học tập theo hình thức tín chỉ giúp NH chủ động trong quá trình học tập, rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời [H4.04.03.05].

Trường định kỳ tiến hành khảo sát NH về việc sử dụng PPDH và PPKTĐG của GV. Kết quả khảo sát cho thấy 95% NH đều hài lòng về tổ chức hoạt động dạy và học của GV [H4.04.03.06].

2. Điểm mạnh

Các hoạt động dạy và học tạo điều kiện cho NH ngành CNSH rèn luyện các kỹ năng mềm, kỹ năng cần thiết và nâng cao khả năng học tập suốt đời. Môi trường học tập được tổ chức đa dạng khuyến khích tinh thần tự học, tự nghiên cứu của SV. GV sử dụng thành thạo, hiệu quả tổ hợp các PPGD đang áp dụng.

3. Điểm tồn tại

Chưa triển khai hiệu quả việc hướng dẫn cho NH hiểu đầy đủ về việc sử dụng các phương pháp nghiên cứu, học tập hiệu quả nhằm tăng cường thêm kỹ năng học tập suốt đời, học tập chủ động.

4. Kế hoạch hành động

4.1. Phát huy điểm mạnh:

Giai đoạn 2024 - 2028, hằng năm Khoa tiếp tục phối hợp với DN, các phòng ĐT, QLKH-HTQT, QTTB cung cấp môi trường học tập sinh hoạt, các hoạt động hỗ trợ đến với NH. Phát huy văn hóa chia sẻ tri thức trong tập thể GV trong Khoa, GV ngoài trường và tăng cường việc mời chuyên gia, DN tham gia hoạt động dạy và học.

4.2. Khắc phục tồn tại:

Tháng 01 năm 2025 và theo kế hoạch thực hiện chung của Trường, Khoa tăng cường các biện pháp phổ biến, hướng dẫn để giúp NH sử dụng các PP nghiên cứu, học tập hiệu quả nhằm tăng cường thêm kỹ năng học tập suốt đời, học tập chủ động.

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

Những điểm mạnh nổi bật: TLGD của Trường được xác định rõ ràng thông qua thảo luận và thống nhất để phù hợp và đặc trưng của Trường. Bên cạnh đó, TLGD được áp dụng phổ biến đến các BLQ trong và ngoài trường thông qua nhiều hình thức khác nhau. Khoa đã chỉ đạo và phối hợp với Bộ môn và GV để xây dựng và triển khai các hoạt động dạy học phong phú, phù hợp với mục tiêu và TLGD. GV giảng dạy các HP trong CTĐT ngành CNSH xác định rõ hoạt động dạy học, PPGD đa dạng, phù hợp để đạt được CĐR ngành CNSH và thể hiện trong ĐCCT HP. Các hoạt động dạy và học tạo điều kiện cho NH ngành CNSH rèn luyện các kỹ năng mềm, kỹ năng cần thiết và nâng cao khả năng học tập suốt đời. Môi trường học tập được tổ chức đa dạng khuyến khích tinh thần tự học, tự nghiên cứu của SV. GV sử dụng thành thạo, hiệu quả tổ hợp các PPGD đang áp dụng.

Những tồn tại cơ bản: Việc triển khai và phổ biến TLGD đến các BLQ đã được Trường và Khoa thực hiện. Tuy nhiên, do TLGD cần có nhiều thời gian để hiểu và chuyển tải đồng bộ đến các BLQ nên mức độ hiểu và áp dụng TLGD của các BLQ có thể không đồng đều. Đầu mỗi khóa học, Trường tổ chức tuần lễ sinh hoạt công dân nhằm phổ biến phương pháp học theo hệ thống tín chỉ cho toàn thể SV thực hiện. Tuy nhiên,

vẫn còn một số SV năm thứ nhất chưa thật sự thích nghi với phương pháp học ở bậc ĐH. Chưa triển khai hiệu quả việc hướng dẫn cho NH hiểu đầy đủ về việc sử dụng các phương pháp nghiên cứu, học tập hiệu quả nhằm tăng cường thêm kỹ năng học tập suốt đời, học tập chủ động.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn: Điểm trung bình của tiêu chuẩn đạt: 4,67 điểm. Số tiêu chí đạt: 3/3. Tỷ lệ số tiêu chí đạt: 100%.

Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học

Mở đầu: Việc đo lường KQHT của NH được thực hiện bằng hoạt động đánh giá. Kết quả đánh giá chỉ có giá trị khi việc đánh giá được thực hiện một cách đầy đủ, toàn diện, công bằng, đúng với năng lực thực sự của NH. Việc học tập của NH là một quá trình nỗ lực phấn đấu lâu dài. Do đó, Trường và Khoa đã có một kế hoạch đánh giá rõ ràng, GV phải có phương pháp đánh giá phù hợp. Việc đánh giá cần có sự so sánh ở các thang đo quan trọng như đánh giá quá trình học tập, đánh giá đầu ra và được thực hiện một cách chuyên nghiệp, phù hợp với mức độ đạt CĐR trong mọi thời điểm của quá trình học. Chú trọng đánh giá thái độ, kiến thức, năng lực thông qua các PPKTĐG đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy, sự công bằng. NH được thông tin một cách rõ ràng, minh bạch về các quy định khiếu nại để chủ động lập kế hoạch và điều chỉnh kế hoạch học tập một cách phù hợp.

Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng

Hoạt động kiểm tra đánh giá KQHT của NH cần được thiết kế theo hướng gắn liền với CĐR và đo lường mức độ đạt được CĐR của NH. Trường ĐHKTCNCT đã thực hiện quy trình/kế hoạch rõ ràng về việc đánh giá KQHT của NH được mô tả trong Quy chế đào tạo trình độ ĐH [H5.05.01.01]. Việc đánh giá KQHT của NH được thực hiện từ khâu đánh giá năng lực đầu vào, đánh giá suốt quá trình học tập qua từng học phần và đánh giá NH tốt nghiệp đầu ra. Tùy giai đoạn đánh giá, Trường xây dựng các kế hoạch, quy trình đánh giá NH kèm các biểu mẫu rõ ràng nhằm đạt CĐR của CTĐT, đồng thời công bố công khai, rộng rãi đến các BLQ trong và ngoài trường.

Căn cứ vào quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, mỗi kỳ tuyển sinh hàng năm, Trường đều xây dựng đề án tuyển sinh, trong đó xác định phương thức tuyển sinh và các tiêu chí tuyển chọn đầu vào rõ ràng, đảm bảo các quy định và điều kiện xét tuyển [H5.05.01.02].

Để đáp ứng các CĐR kiến thức, trong thời gian học chính thức, các văn bản hướng dẫn có mô tả cụ thể về quy trình và hướng dẫn PPKTĐG. Trong ĐCCT các HP có quy định về PPKTĐG và các tiêu chí đánh giá. Trường có xây dựng tiêu chí, thang đánh giá (Rubrics) để đánh giá các CĐR về nhận thức cấp độ cao, các CĐR về kỹ năng mềm và

các CDR về mức tự chủ và trách nhiệm của NH. Trong quá trình xây dựng các PPKTĐG đều gắn với CDR của HP và CDR của CTĐT, mỗi nội dung của HP chỉ ra mối liên hệ giữa PPKTĐG với nội dung kiến thức HP và để đạt được CDR nào của HP và đạt được CDR nào của CTĐT.

Cách thức đánh giá được áp dụng phù hợp với từng mục đích đánh giá:

i) *Đối với các CDR kiến thức*: bao gồm kiến thức chung (lý luận chính trị, thể dục thể thao, quốc phòng an ninh, chuyên môn...), kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành, việc kiểm tra mức độ đạt được các CDR kiến thức này được thông qua bài thi kết thúc học phần, điểm quá trình và điểm chuyên cần để tính điểm thành phần.

ii) *Đối với các CDR kỹ năng*: được đánh giá thông qua việc thực hành kỹ năng tra cứu, lựa chọn, cập nhật văn bản pháp luật, cách trình bày, phân tích và giải quyết tình huống pháp lý, khả năng thuyết trình, tiểu luận và bài thi cuối kỳ.

iii) *Đối với các CDR mức tự chủ và trách nhiệm*: việc đánh giá được thực hiện thông qua các nhiệm vụ SV được giao trong quá trình học tập một HP, thái độ khi thi cử, đặc biệt là thái độ làm việc nhóm, thái độ ứng xử khi tham gia thực tập tốt nghiệp, bảo vệ Khóa luận tốt nghiệp... Tính kết nối giữa PPKTĐG để đạt được CDR CTĐT thể hiện rõ trong Bản mô tả CTĐT và ĐCCT của HP [H5.05.01.03].

Tổ hợp các PPKTĐG của Trường gồm đánh giá quá trình lên lớp tham gia vào quá trình chuẩn bị, thảo luận, đến việc thi kết thúc HP, làm khóa luận. Các HP đều được đánh giá bởi 02 loại điểm, điểm quá trình (chiếm 40%) và điểm thi kết thúc HP (chiếm 60%). Hình thức đánh giá quá trình tùy thuộc vào đặc thù môn học, được quy định cụ thể trong ĐCCT HP. Mức độ đánh giá bao gồm kiểm tra tại lớp, thi kết thúc HP phù hợp với quá trình học tập, tiếp thu kiến thức của NH cả về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm của NH. Các hoạt động/PPKTĐG KQHT của NH được thiết kế phù hợp để đo lường được mức độ đạt CDR [H5.05.01.04].

Thực hiện khóa luận nhằm giúp NH hình thành và phát triển khả năng tự nghiên cứu, tự học tập, tự chủ và có trách nhiệm. Để chuẩn bị cho việc thực hiện khóa luận, NH luôn được thông báo kế hoạch thực hiện, được CVHT triển khai các công việc liên quan, được phổ biến các quy trình xét duyệt đề tài, phân công GV hướng dẫn, quy trình bảo vệ khóa luận, quy định về bảo vệ khóa luận/đồ án tốt nghiệp [H5.05.01.05].

Bên cạnh đó, NH còn được cung cấp đầy đủ thông tin về điều kiện tốt nghiệp, quy trình xét tốt nghiệp cũng như kế hoạch tổ chức cấp bằng tốt nghiệp [H5.05.01.06].

2. Điểm mạnh

Ban hành đầy đủ quy định về việc tổ chức thi, kiểm tra nhằm đánh giá KQHT. Kế hoạch thi, kiểm tra được công bố công khai, rộng rãi đến NH ngay từ đầu học kỳ thông qua ĐCCT các HP. GV được tập huấn, hướng dẫn, bồi dưỡng kiến thức về các PPKTĐG.

3. Điểm tồn tại

Khoa chưa thường xuyên thực hiện công tác tổ chức thống kê, phân tích định lượng mức độ khó, dễ của các đề thi kết thúc HP dưới hình thức đề mở (được sử dụng tài liệu) để có hướng điều chỉnh thích hợp.

4. Kế hoạch hành động

4.1. Phát huy điểm mạnh:

Giai đoạn 2024 - 2028, ở từng HP, Khoa xây dựng và thiết kế bộ câu hỏi đánh giá theo từng mức đạt CĐR, chỉ rõ đánh giá yếu tố nào, ở mức độ nào theo CĐR.

4.2. Khắc phục tồn tại:

Tháng 01 năm 2025 và theo định kỳ chung của Trường, Khoa sẽ triển khai đánh giá chất lượng của các đề thi kết thúc HP dưới hình thức đề mở để kịp thời hiệu chỉnh và bổ sung để tất cả các môn học trong CTĐT đều được đánh giá KQHT của NH được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CĐR.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học

1. Mô tả hiện trạng

Các quy định về đánh giá KQHT của NH của Khoa CNSH-TP được xác định rõ ràng theo tài liệu hướng dẫn xây dựng và thực hiện quy trình kiểm tra đánh giá (KTĐG) KQHT phù hợp với CTĐT theo tín chỉ của Trường ĐHKTCNCT [H5.05.02.01].

Thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi các nội dung liên quan đến kỳ thi cuối kỳ được thực hiện theo hướng dẫn của Trường. Về thời gian, bài kiểm tra giữa kỳ được thực hiện vào tuần thứ 5 - 7, bài kiểm tra cuối kỳ được thực hiện sau 10 - 15 tuần và sau khi đã kết thúc môn học. Trọng số điểm quá trình chiếm 40%, điểm cuối kỳ chiếm 60% [H5.05.02.02].

Kế hoạch và các quy định về KTĐG được thông báo công khai đến NH. Các quy định về KTĐG được triển khai đến NH từ đầu khóa học trong tuần sinh hoạt công dân, trong Sổ tay SV [H5.05.02.03]. Ngay từ khi bắt đầu HP, GV thông báo về thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi các nội dung liên quan đến đánh giá KQHT; và nhấn mạnh khi kết thúc quá trình giảng dạy. Tiêu chí cụ thể để đánh giá các HP được quy định cụ thể trong ĐCCT môn học [H5.05.02.04]. Hình thức đánh giá HP thực tập tốt nghiệp đều có tiêu chí cụ thể trong ĐCCT HP thực tập tốt nghiệp [H5.05.02.05].

Trong quá trình giảng dạy, GV thường xuyên nhắc nhở NH quy định KTĐG KQHT, đồng thời các quy định này được đăng tải trên trang thông tin điện tử của trường [H5.05.02.06]. Chính vì vậy, 100% người học hiểu và nắm rõ các quy định này.

GV công bố điểm quá trình cho SV ngay khi kết thúc HP. Chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi kết thúc học phần, GV phải hoàn thành công tác chấm thi và nhập điểm kết thúc HP hoàn chỉnh lên hệ thống quản lý ĐT. Bài thi được nộp lưu về phòng TT-PC-KT-ĐBCL kèm bảng photo của bảng điểm, bảng điểm chính được nộp phòng ĐT để lưu [H5.05.02.07].

Điểm cuối kỳ được cập nhật trên cổng thông tin SV, NH xem kết quả thông qua hệ thống quản lý ĐT của Trường. Các quy định phúc khảo dành cho NH được công khai rõ trên website phòng TT-PC-KT-ĐBCL [H5.05.02.08].

2. Điểm mạnh

Các quy chế, quy định về KTĐG KQHT của NH được Trường ban hành và triển khai, tiêu chí đánh giá, trọng số, thời gian, hình thức, phương pháp, cơ chế phản hồi của NH và các nội dung liên quan được công bố một cách đầy đủ, rõ ràng.

GV, Khoa, Trường công bố công khai tất cả các quy chế, quy định về KTĐG bằng nhiều hình thức khác nhau tới NH vào đầu khóa học và trước mỗi kỳ kiểm tra đánh giá nhằm đảm bảo NH hiểu và nắm rõ các quy chế, quy định này.

3. Điểm tồn tại

Một số tiêu chí đánh giá trong quá trình chấm điểm HP vẫn mang tính định tính, tức là sự sáng tạo, khả năng tư duy phê phán hoặc mức độ tham gia vào thảo luận lớp học có thể được đánh giá dựa trên cảm nhận cá nhân của GV, thay vì dựa trên các tiêu chí cụ thể được định nghĩa rõ ràng. Kết quả là điểm số có thể bị ảnh hưởng bởi yếu tố cảm tính, tạo ra sự không đồng đều trong quá trình đánh giá.

4. Kế hoạch hành động

4.1. Phát huy điểm mạnh:

Giai đoạn 2024 - 2028 theo định kỳ 02 năm/lần các thông tin cập nhật ĐCCT HP được Khoa đăng tải trên website của Trường. GV thực hiện công tác Cố vấn học tập (CVHT) tăng cường tiếp xúc, quan tâm đến những NH cá biệt, kịp thời nhắc nhở, tư vấn các HP có điểm thấp để NH có kế hoạch học tập tốt hơn, ra trường đúng tiến độ.

4.2. Khắc phục tồn tại:

Tháng 01 năm 2025 và theo kế hoạch định kỳ rà soát chung của Trường, GV được Khoa tăng cường các hình thức, biện pháp hướng dẫn nhằm sử dụng hiệu quả các PPKTĐG. Đồng thời, GV cần lượng hóa tiêu chí đánh giá điểm quá trình để tạo sự rõ ràng và thông hiểu thống nhất về tiêu chí đánh giá.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng

1. Mô tả hiện trạng

Việc đánh giá KQHT của NH được quy định rõ trong quyết định về việc ban hành

quy chế đào tạo trình độ đại học và quyết định về việc ban hành quy định tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ [H5.05.03.01]. Trong đó, hình thức KTĐG của các HP trong CTĐT ngành CNSH đa dạng: tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, viết tiểu luận, làm bài tập lớn, viết báo cáo thực tập, thi thực hành, thực tập hoặc kết hợp tùy theo đặc điểm của từng HP nhằm đảm bảo độ chính xác, đo lường được CĐR, khách quan và công bằng. Các PPĐG của GV được thực hiện đầy đủ và bám sát theo ĐCCT từng HP, tùy thuộc nội hàm của HP là lý thuyết hay thực hành, thực tập thực tế. Các hoạt động KTĐG của NH được diễn ra thường xuyên và xuyên suốt thời gian học tập [H5.05.03.02].

Để đảm bảo sự công bằng và độ tin cậy cao trong đánh giá KQHT, công tác tổ chức thi luôn đảm bảo tính nghiêm túc, khách quan, đúng quy định. Trường ban hành quy định về việc quy định biên soạn, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi kết thúc học phần và quyết định ban hành quy trình ra đề thi, sao in đề thi kết thúc học phần. Đồng thời, trường triển khai rà soát, xây dựng hệ thống ngân hàng đề thi kết thúc HP để phục vụ công tác kiểm tra, đánh giá theo đúng quy định và hướng dẫn. Thiết kế hệ thống câu hỏi theo mức độ đánh giá và ma trận đề thi. Tất cả đề thi, đáp án phải được duyệt qua Bộ môn/ Khoa, kiểm soát nội dung, thời gian, hình thức thi. Nội dung đánh giá được thiết kế khoa học và chặt chẽ trên cơ sở CĐR của CTĐT, CĐR học phần. Hình thức thi cuối kỳ có thể thi tự luận hoặc trắc nghiệm hoặc kết hợp. Đối với các môn thi có đề thi trắc nghiệm, các bộ môn đã trao đổi, thống nhất về hình thức thi, cấu trúc đề thi, thống nhất xây dựng ma trận đề thi theo thang Bloom để đảm bảo đo lường được đúng mục đích, yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm hướng tới CĐR trong chương trình môn học, sau đó giao cho từng cá nhân GV biên soạn đề thi. Các đề thi sau khi GV biên soạn được thông qua bộ môn trao đổi, góp ý sửa chữa, biên soạn và nộp về Phòng TT-PC-KT-ĐBCL để quản lý và sử dụng. Số lượng ngân hàng câu hỏi ngân hàng đề thi đã có của các HP ngành CNSH là 03. Đối với các HP thi bằng hình thức tự luận có 2 đề thi (có cả đáp án và thang điểm) và được trưởng bộ môn duyệt và gửi về Phòng TT-PC-KT-ĐBCL. Câu hỏi trong đề thi được phân loại theo thang nhận thức Bloom gồm “Nhớ”, “Hiểu, vận dụng”, “Phân tích, tổng hợp”, “Đánh giá”. Với cách thực hiện KTĐG này sẽ đánh giá được mức độ tích lũy kiến thức chuyên môn, kỹ năng, khả năng phát hiện vấn đề và giải quyết vấn đề của NH. Bên cạnh đó, việc sử dụng các tiêu chí đánh giá KQHT của NH dựa trên thang đo Bloom phù hợp cho từng HP sẽ phân định mức độ đạt hoặc không đạt theo CĐR của HP nên luôn đảm bảo độ giá trị và độ tin cậy. Công tác coi thi và quy trình chấm thi được Trường quy định và tổ chức thực hiện nghiêm túc, có hồ sơ lưu trữ đầy đủ; bài thi được phòng TT-PC-KT-ĐBCL niêm phong và lưu giữ. Trong quá trình chấm thi có sự giao nhận bài thi giữa ban thư ký và GV chấm. Mỗi bài thi tự luận đều có hai GV chấm hai vòng độc lập nên đảm bảo chính xác,

khách quan. Việc nhập điểm vào phần mềm luôn đảm bảo khách quan và công bằng. Đối với các HP thi vấn đáp, hai cán bộ chấm thi chấm độc lập trên phiếu chấm thi và sau khi hai GV thống nhất điểm thi cho từng thí sinh, điểm thi phải được công bố ngay sau mỗi buổi thi để đảm bảo độ tin cậy và công bằng với NH. Phần mềm quản lý ĐT của trường có phân quyền cho người sử dụng và lưu nhật ký sử dụng đối với từng người dùng nên đảm bảo quản lý chặt chẽ và chính xác. Bên cạnh đó, các hoạt động tổ chức thi, chấm thi đều có sự kiểm tra giám sát của Ban thanh tra Trường [H5.05.03.03], [H5.05.03.04].

Đối với khóa luận/ Đồ án tốt nghiệp, trường đã ban hành văn bản hướng dẫn, có quy định và yêu cầu cụ thể về nội dung, hình thức, quy trình làm khóa luận/đồ án tốt nghiệp. Khi chấm khóa luận, đồ án tốt nghiệp, Trường đều thành lập Hội đồng và có các tiêu chí chấm điểm cụ thể về hình thức; nội dung (bao gồm tính cấp thiết của đề tài, phương pháp nghiên cứu, kết quả nghiên cứu, kết luận, kiến nghị phù hợp với nội dung nghiên cứu) và việc trả lời câu hỏi của NH; các tiêu chí này đảm bảo độ giá trị và công bằng trong đánh giá Khóa luận/Đồ án tốt nghiệp. Điểm chấm khóa luận/đồ án tốt nghiệp được các Hội đồng xem xét, đánh giá công bằng và khách quan [H5.05.03.05].

Hàng năm, phòng TT-PC-KT-ĐBCL thực hiện khảo sát ý kiến các BLQ về các phương pháp và quy trình KTĐG, độ chính xác và độ tin cậy của kết quả đánh giá, sự hài lòng về nội dung công tác thi và KTĐG. Kết quả khảo sát cho thấy trên 60% NH hài lòng quá trình này và không có tình trạng khiếu nại, phản nản của NH về sự thiếu công bằng, minh bạch trong sử dụng các PPKTĐG KQHT. Trong đợt khảo sát ý kiến NH về hoạt động giảng dạy năm học 2020 - 2021, các câu hỏi trong phiếu khảo sát về nội dung KTĐG chiếm tỷ lệ 11,11% tổng số câu hỏi. Kết quả cho thấy từ 62% đến 66% NH hài lòng ở cả 6 nội dung được hỏi, thể hiện mức độ cao đối với PPKTĐG và kết quả đánh giá từ GV. Quá trình KTĐG được thực hiện chính xác, khách quan, công bằng; Kết quả KTĐG phản ánh đúng năng lực và trình độ của NH; NH hài lòng về các cách thức công bố, phản hồi kết quả KTĐG; Kết quả KTĐG được phản hồi kịp thời, giúp NH cải thiện KQHT [H5.05.03.06].

2. Điểm mạnh

Khoa sử dụng các phương pháp và hình thức KTĐG KQHT của NH một cách đa dạng và nghiêm túc, theo đúng quy định và ĐCCT được duyệt. Tiêu chí KTĐG KQHT của NH được xác định rõ và có phân định mức độ đạt/không đạt qua việc đánh giá liên tục của GV. Đồng thời các SV tham dự cùng HP, tham gia kiểm tra cùng thời điểm sẽ được xác định điểm đánh giá cuối bằng một đề thi chung.

Việc bố trí 2 cán bộ coi thi nhằm đảm bảo tính công bằng và độ tin cậy về kết quả thi của NH ở tất cả các hình thức thi.

3. Điểm tồn tại

Việc đánh giá, kiểm chứng về hiệu quả tổ hợp các PPKTĐG được áp dụng trong CTĐT ngành CNSH chưa có bộ công cụ thực hiện, các PPKTĐG mới chỉ mới đánh giá, kiểm chứng ở mức trao đổi giữa các GV thông qua các buổi họp Khoa, họp tổ bộ môn.

4. Kế hoạch hành động

4.1. Phát huy điểm mạnh:

Giai đoạn 2024 - 2028, mỗi học kỳ ngoài việc tăng cường thêm các PPĐG KQHT của NH, Khoa yêu cầu GV ra đề các HP phải có sự phê duyệt của Bộ môn, Ban lãnh đạo Khoa thống nhất với các GV trong việc ra đề thi, đảm bảo hạn chế việc NH chỉ tái hiện kiến thức, đánh giá cao tiêu chí tăng tính vận dụng, đòi hỏi NH phải tư duy, vận dụng hiểu biết của NH vào làm bài.

4.2. Khắc phục tồn tại:

Tháng 01 năm 2025, theo định kỳ rà soát chung của trường, Khoa thực hiện việc kiểm chứng, đánh giá tổ hợp các PPKTĐG KQHT đang sử dụng nhằm cải tiến ngày một tốt hơn trong việc đo lường CĐR.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập

1. Mô tả hiện trạng

Trường đã ban hành các quy định về việc phản hồi kết quả đánh giá của NH, được thể hiện trong quy chế ĐT và quy định đảm bảo chất lượng (ĐBCL) công tác KTĐG KQHT [H5.05.04.01], [H5.05.04.02].

Các quy định về phản hồi kết quả đánh giá được công bố công khai, kịp thời đến GV, được trường phổ biến đến SV ngay từ học kỳ đầu tiên trong tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, được GV khoa CNSH-TP phổ biến cho SV vào mỗi đầu môn học, hay công bố trên website của Phòng TT-PC-KT-ĐBCL. Việc công khai các quy định phản hồi đánh giá rộng rãi nhằm giúp SV nắm được quy trình, thời gian phản hồi kết quả đánh giá học tập, từ đó NH chủ động trong xây dựng kế hoạch học tập để đạt được kết quả học tập khả quan cho HP [H5.05.04.03].

NH được phản hồi kết quả đánh giá kịp thời. Kết quả đánh giá của NH được phản hồi thông qua GV trực tiếp giảng dạy trong suốt quá trình học thông qua điểm chuyên cần, thực hiện kiểm tra giữa kỳ với các hình thức đa dạng như bài tự luận, thuyết trình, tiểu luận,... Trước khi kết thúc HP, GV phải thông báo điểm chuyên cần và điểm giữa kỳ đến NH. NH có tài khoản riêng để theo dõi kết quả môn học trên hệ thống phần mềm Quản lý đào tạo của Trường. Hồ sơ KQHT của NH được lưu giữ đầy đủ theo đúng tiến trình của NH, rõ ràng, dễ dàng tiếp cận, tra cứu [H5.05.04.04]. Quy định về chấm thi và thông báo kết quả thi cho NH được thực hiện theo quy định của Trường. GV phụ trách

lớp HP có trách nhiệm nhập điểm thi kết thúc HP trên phần mềm quản lý đào tạo và nộp điểm về phòng ĐT, phòng TT-PC-KT-ĐBCL, Khoa CNSH-TP chậm nhất là 10 ngày sau khi kết thúc HP. Thời gian chấm phúc tra (nếu có) không quá 03 ngày kể từ khi nhận được đơn đề nghị của NH. Riêng với bảo vệ Khóa luận tốt nghiệp thì điểm được công bố công khai ngay sau buổi bảo vệ [H5.05.04.05].

Tại Khoa CNSH-TP, trong các cuộc họp Khoa hàng tháng, các Trưởng bộ môn luôn nhắc nhở GV về việc thực hiện đúng tiến độ giảng dạy, nhập điểm và nộp bảng điểm thi quá trình về Văn phòng Khoa, nộp đề, chấm thi và trả lời phúc tra đúng thời hạn. GV Khoa đảm bảo việc phản hồi điểm quá trình vào buổi kết thúc của mỗi HP, và thực hiện quy trình chấm thi lần 1, lần 2 theo đúng thời hạn. Qua đó, phản hồi về kết quả phúc khảo về KQHT nhanh chóng được gửi tới NH [H5.05.04.06].

Thông tin phản hồi về kết quả đánh giá được sử dụng để cải thiện việc học tập. NH nhận được phản hồi của GV trong suốt quá trình học, thể hiện qua việc đánh giá quá trình. GV đánh giá NH về thái độ thông qua điểm chuyên cần, thực hiện kiểm tra giữa kỳ và phản hồi kết quả đến NH. Như vậy, ngay trong quá trình học tập của HP, thông qua các hình thức đánh giá đa dạng, NH đã nhận biết được điểm mạnh của bản thân để tạo tự tin trong học tập, thúc đẩy NH nâng cao thành tích học tập. Bên cạnh đó, SV cũng nhận biết được điểm yếu của bản thân để khắc phục. Việc phản hồi sớm cũng giúp SV nhận thức rõ hơn về yêu cầu của HP, từ đó NH có thể kịp thời điều chỉnh việc học tập nhằm cải thiện kết quả ở các bài kiểm tra, bài thi tiếp theo. Kết quả đánh giá của SV được thể hiện trong báo cáo năm học của Phòng TT-PC-KT-ĐBCL [H5.05.04.07].

Kết thúc mỗi học kỳ, phòng Công tác chính trị và Quản lý sinh viên (CTCT&QLSV) gửi danh sách SV bị cảnh báo học vụ tới Khoa CNSH-TP đối với các trường hợp: NH không đăng ký đủ số tín chỉ trong một học kỳ; NH có điểm trung bình chung tích lũy đạt dưới 1,0 đối với SV năm thứ nhất, dưới 2,0 đối với SV năm thứ hai, dưới 2,0 đối với SV năm thứ ba và dưới 2,0 đối với SV năm thứ tư; NH có tổng tín chỉ của các HP bị điểm F trong học kỳ; NH bị cảnh báo học vụ 2 lần liên tiếp với hình thức buộc thôi học; NH vượt quá thời gian được phép học tại Trường. Phòng CTCT&QLSV gửi thông báo tới CVHT về việc cảnh báo học vụ của NH, từ đó CVHT nắm được tình hình học tập của NH và nhắc nhở NH có kế hoạch phù hợp trong học kỳ tiếp theo [H5.05.04.08]. NH có KQHT đạt từ loại khá trở lên được nhận học bổng khuyến khích học tập [H5.05.04.09]. Sau khi nhận KQHT, NH có thể phản hồi về KQHT bằng việc phúc khảo, đánh giá môn học, toàn khóa học [H5.05.04.10].

2. Điểm mạnh

Trường đã ban hành Quy chế ĐT, các quy trình liên quan đến các công tác ĐT, trong đó nêu rõ quy định về việc phản hồi kết quả đánh giá của NH. Các quy chế, quy định này được công bố công khai trên các phương tiện truyền thông của Khoa/Trường.

Các thông tin phản hồi kết quả đánh giá kịp thời đã giúp NH biết để cải thiện việc học tập của mình. NH hài lòng về cách thức, thời gian phản hồi KQHT.

3. Điểm tồn tại

Việc kiểm tra đánh giá quá trình của các GV (bao gồm nhiều điểm thành phần: chuyên cần, kiểm tra giữa kỳ, bài tập nhóm, báo cáo nhóm) chưa thực sự mang tính khách quan. NH chưa tiếp cận được đầy đủ các thông tin KTĐG quá trình của từng môn do số buổi lên lớp quá ít.

4. Kế hoạch hành động

4.1. Phát huy điểm mạnh:

Giai đoạn 2024 - 2028, Trường thường xuyên tiếp tục cập nhật, rà soát bổ sung Quy chế thi kết thúc HP theo Quy chế ĐT của Bộ GD&ĐT.

4.2. Khắc phục tồn tại:

Từ tháng 01 năm 2025, giữa mỗi học kỳ Khoa, Bộ môn họp, rà soát về việc GV đề thống nhất đối với mỗi loại điểm thành phần, GV công bố ngay cho NH sau khi có kết quả, còn vào buổi học cuối cùng GV chỉ công bố kết quả chung của điểm quá trình.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập

1. Mô tả hiện trạng

Quy trình khiếu nại về KQHT của NH được quy định trong Quy chế đào tạo ĐH theo hệ thống tín chỉ của Trường ĐHKTCNCT, được phổ biến trên website của Trường, của phòng ĐT, phần mềm quản lý ĐT, sổ tay SV, sổ tay GV, GV thông báo với NH qua các buổi sinh hoạt CVHT [H5.05.05.01]. Trong quá trình học tập, NH được quyền phúc khảo khiếu nại KQHT, cụ thể đối với điểm quá trình, NH khiếu nại trực tiếp với GV trực tiếp giảng dạy HP đó khi công bố điểm trên lớp; đối với điểm thi kết thúc HP, SV nộp đơn đăng ký phúc khảo điểm tại phòng TT-PC-KT-ĐBCL, thời gian công bố điểm phúc khảo là sau 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn đề nghị phúc khảo điểm của SV [H5.05.05.02].

Hàng năm, phòng TT-PC-KT-ĐBCL đã kiểm soát và thống kê số lượng khiếu nại KQHT từ NH từ đó rút kinh nghiệm và cải tiến công tác đánh giá đối với NH. Hàng năm, tỷ lệ nộp đơn đề nghị chấm phúc khảo bài thi của NH rất thấp. Có trên 95% số NH khi khiếu nại về KQHT được giải quyết kịp thời, thỏa đáng [H5.05.05.03].

Trường đã khảo sát về mức độ hài lòng của NH đối với việc tiếp cận quy trình cũng như thời hạn và kết quả giải quyết khiếu nại của Trường trong năm học 2020 - 2021, kết quả có trên 96% NH hài lòng. Năm học 2021 - 2022, kết quả có trên 95% NH hài lòng về kết quả KTĐG của các môn học [H5.05.05.04].

2. Điểm mạnh

Trường có đầy đủ các quy định, quy trình khiếu nại về KQHT và công bố công

khai để NH dễ dàng tiếp cận. NH được Khoa, Trường phổ biến đầy đủ các quy định, quy trình khiếu nại về KQHT trước mỗi khóa học, mỗi học kỳ.

3. Điểm tồn tại

Quy định về việc khiếu nại KQHT của NH còn phân định rõ việc xử lý các trường hợp khiếu nại đúng/sai, chưa phân định rõ trách nhiệm của người chấm khi có sự chênh lệch điểm số trước và sau khiếu nại.

4. Kế hoạch hành động

4.1. Phát huy điểm mạnh:

Trong giai đoạn 2024 - 2028, cuối mỗi học kỳ Khoa tăng cường phổ biến, nhắc nhở thường xuyên các quy định về khiếu nại KQHT đến NH nhằm giúp cho NH tiếp cận nhanh chóng để đạt được KQHT tích cực và khách quan nhất.

4.2. Khắc phục tồn tại:

Từ tháng 01 năm 2025, hằng năm Khoa CNSH-TP phối hợp với phòng TT-PC-KT-ĐBCL điều chỉnh sổ sung quy định và phân định rõ nghĩa vụ NH trong các trường hợp khiếu nại đúng/sai, trách nhiệm của người chấm khi có sự chênh lệch điểm số trước và sau khiếu nại.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

Những điểm mạnh nổi bật: Ban hành đầy đủ quy định về việc tổ chức thi, kiểm tra nhằm đánh giá KQHT. Kế hoạch thi, kiểm tra được công bố công khai, rộng rãi đến NH ngay từ đầu học kỳ thông qua ĐCCT các HP. GV được tập huấn, hướng dẫn, bồi dưỡng kiến thức về các PPKTĐG. Các quy chế, quy định về KTĐG KQHT của NH được Trường ban hành và triển khai, tiêu chí đánh giá, trọng số, thời gian, hình thức, phương pháp, cơ chế phản hồi của NH và các nội dung liên quan được công bố một cách đầy đủ, rõ ràng. GV, Khoa, Trường công bố công khai tất cả các quy chế, quy định về KTĐG bằng nhiều hình thức khác nhau tới NH vào đầu khóa học và trước mỗi kỳ KTĐG nhằm đảm bảo NH hiểu và nắm rõ các quy chế, quy định này. Khoa sử dụng các phương pháp và hình thức KTĐG KQHT của NH một cách đa dạng và nghiêm túc, theo đúng quy định và ĐCCT được duyệt. Tiêu chí KTĐG KQHT của NH được xác định rõ và có phân định mức độ đạt/không đạt qua việc đánh giá liên tục của GV. Đồng thời các SV tham dự cùng HP, tham gia kiểm tra cùng thời điểm sẽ được xác định điểm đánh giá cuối bằng một đề thi chung. Việc bố trí 2 cán bộ coi thi nhằm đảm bảo tính công bằng và độ tin cậy về kết quả thi của NH ở tất cả các hình thức thi. Trường đã ban hành Quy chế ĐT, các quy trình liên quan đến các công tác ĐT, trong đó nêu rõ quy định về việc phản hồi kết quả đánh giá của NH. Các quy chế, quy định này được công bố công khai trên các phương tiện truyền thông của Khoa/Trường. Các thông tin phản hồi kết quả đánh giá kịp thời đã giúp NH biết để cải thiện việc học tập của mình. NH hài lòng về cách

thức, thời gian phản hồi KQHT. Trường có đầy đủ các quy định, quy trình khiếu nại về KQHT và công bố công khai để NH dễ dàng tiếp cận. NH được Khoa, Trường phổ biến đầy đủ các quy định, quy trình khiếu nại về KQHT trước mỗi khóa học, mỗi học kỳ.

Những tồn tại cơ bản: Một số tiêu chí đánh giá trong quá trình chấm điểm HP vẫn mang tính định tính, tức là sự sáng tạo, khả năng tư duy phê phán hoặc mức độ tham gia vào thảo luận lớp học có thể được đánh giá dựa trên cảm nhận cá nhân của GV, thay vì dựa trên các tiêu chí cụ thể được định nghĩa rõ ràng. Kết quả là, điểm số có thể bị ảnh hưởng bởi yếu tố cảm tính, tạo ra sự không đồng đều trong quá trình đánh giá. Việc đánh giá, kiểm chứng về hiệu quả tổ hợp các PPKTĐG được áp dụng trong CTĐT ngành CNSH chưa có bộ công cụ thực hiện, các PPKTĐG mới chỉ mới đánh giá, kiểm chứng ở mức trao đổi giữa các GV thông qua các buổi họp Khoa, họp tổ bộ môn. Việc KTĐG quá trình của các GV (bao gồm nhiều điểm thành phần: chuyên cần, kiểm tra giữa kỳ, bài tập nhóm, báo cáo nhóm) chưa thực sự mang tính khách quan. NH chưa tiếp cận được đầy đủ các thông tin KTĐG quá trình của từng môn do số buổi lên lớp quá ít. Quy định về việc khiếu nại KQHT của NH còn phân định rõ việc xử lý các trường hợp khiếu nại đúng/sai, chưa phân định rõ trách nhiệm của người chấm khi có sự chênh lệch điểm số trước và sau khiếu nại.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn: Điểm trung bình của tiêu chuẩn đạt: 5,00 điểm. Số tiêu chí đạt: 5/5. Tỷ lệ số tiêu chí đạt: 100%.

Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Mở đầu: Khoa CNSH-TP có một đội ngũ GV giàu kinh nghiệm, với trình độ TS, ThS, đã nhiều năm làm việc thực tế tại các DN, nhà máy, xí nghiệp thuộc lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ. Đội ngũ GV trong Khoa trẻ trung, năng động, nhiệt tình, ham học hỏi, trau dồi kiến thức, đam mê NCKH, có thành tích xuất sắc trong hoạt động giảng dạy và NCKH. Đội ngũ GV được quy hoạch, tuyển dụng đáp ứng yêu cầu ĐT, NCKH và các hoạt động PVCD. Đội ngũ GV của Khoa có năng lực chuyên môn cao, tích cực tham gia vào các loại hình NCKH khác nhau. Việc tuyển dụng, đề bạt CB được thực hiện công khai, đúng quy định và dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm giảng dạy và thành tích học thuật. Việc phân công trách nhiệm ĐT và mối quan hệ công tác được phân định rõ ràng, phù hợp với trình độ, kinh nghiệm kỹ năng của GV. Việc quản lý theo kết quả công việc và ghi nhận thành tích của GV tạo động lực cho việc hoàn thành trách nhiệm giảng dạy, nghiên cứu và các hoạt động PVCD.

Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Khoa có kế hoạch phát triển đội ngũ GV, thực hiện chương trình (bao gồm việc

thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) căn cứ nhu cầu về ĐT, NCKH và các hoạt động PVCD. Dựa trên Chiến lược phát triển nhân sự của Khoa giai đoạn 2020 - 2025 và tầm nhìn 2030 [H6.06.01.01] và bảng mô tả công việc cá nhân, quy định về chỉ tiêu, số lượng, chất lượng và tiêu chuẩn nghề nghiệp cụ thể của đội ngũ GV, đáp ứng về nhu cầu ĐT, Khoa đã cụ thể hóa thành Kế hoạch phát triển nhân sự của Khoa định kỳ hàng năm [H6.06.01.02]. Khoa đặt mục tiêu nguồn nhân lực với số lượng GV phấn đấu đến năm 2025 có 30 GV, đến năm 2030 có 39 GV. Số TS phấn đấu đến năm 2025 có 06 GV, đến năm 2030 có 09 GV. Số PGS phấn đấu đến năm 2030 có 02 GV. Hiện tại, 100% GV của Khoa đều có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm, 97% có trình độ Ths trở lên, trong đó có 27,27% có trình độ PGS và TS được thể hiện ở bảng 6.1.1.

Bảng 6.1.1. Thông kê số lượng GV Khoa CNSH-TP theo trình độ trong 5 năm gần đây

Năm học	Số lượng GV	Giới tính		GS	PGS	TS	ThS	Kỹ sư/ Cử nhân
		Nam	Nữ					
2018 - 2019	30	08	22	0	0	03	24	03
2019 - 2020	23	05	18	0	0	06	16	01
2020 - 2021	31	08	23	0	02	07	21	01
2021 - 2022	33	08	25	0	02	06	24	01
2022 - 2023	33	08	25	0	02	07	23	01

(Nguồn: Phòng TCHC, 2023)

GV được đào tạo ở nước ngoài và đào tạo theo chương trình liên kết với nước ngoài, có khả năng tham gia giảng dạy bằng ngoại ngữ về công tác tại Khoa. GV của Khoa được bố trí theo chuyên ngành phù hợp nhằm phát huy hiệu quả năng lực của GV; Trường cũng có kế hoạch nâng cao năng lực tiếng anh của đội ngũ GV, NV định kỳ để đánh giá năng lực tiếng Anh của đội ngũ GV và có kế hoạch hỗ trợ, ĐT [H6.06.01.03]. Định kỳ trường tổ chức các hoạt động học tập, bồi dưỡng để nâng cao trình độ và kỹ năng nghề nghiệp cho GV [H6.06.01.04]. Hoạt động này được thực hiện theo Kế hoạch và kinh phí ĐT, phát triển đội ngũ GV [H6.06.01.05].

Việc quy hoạch đội ngũ GV được thực hiện đáp ứng nhu cầu về ĐT, NCKH và PVCD. Quy hoạch đội ngũ GV được Khoa chú trọng từ khâu tuyển dụng: Khoa có kế hoạch tuyển dụng được thực hiện dựa trên quy định tuyển dụng nhân sự được công khai trên Egov với các tiêu chí rõ ràng về trình độ chuyên môn, tin học, ngoại ngữ và kinh nghiệm giảng dạy, làm việc cho từng vị trí một cách phù hợp; GV được lựa chọn và phân công giảng dạy phù hợp với từng chuyên ngành cụ thể [H6.06.01.06]. Khoa có 03 Bộ môn bao gồm Bộ môn Công nghệ thực phẩm, Bộ môn Công nghệ sinh học và Bộ

môn Công nghệ hóa học, GV được bố trí phù hợp với chuyên ngành cho từng bộ môn [H6.06.01.07]. Bên cạnh đó, Trường và Khoa cũng chú trọng bồi dưỡng, bổ sung các GV hướng tới các ngành nghề liên quan đến kỹ thuật, sản xuất và công nghệ theo định hướng phát triển đào tạo SV có khả năng ứng dụng, thực hành của Khoa [H6.06.01.08]. Trường có chính sách hợp lý để thu hút những GV có trình độ TS, có khả năng NCKH và tham gia hoạt động cộng đồng. Trong các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, Khoa cũng chú trọng đến việc GV có kết quả NCKH đáp ứng tiêu chuẩn của GV theo năm học [H6.06.01.09]. Ngoài những kinh nghiệm thực tiễn, khả năng PVCĐ của GV được thể hiện cụ thể qua việc phối hợp với GV thực hành để tư vấn pháp luật theo kế hoạch của Khoa và hỗ trợ các hoạt động Đoàn, Hội của Khoa [H6.06.01.10].

Hiện nay, tại Trường ĐHKTCNCT việc tuyển dụng, bổ nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động và cho nghỉ hưu đối với GV đều có quy định rõ ràng thực hiện theo đúng quy định của Luật Lao động và quy định cụ thể của Trường [H6.06.01.11].

2. Điểm mạnh

Trường ban hành đầy đủ quy chế, quy định về phát triển đội ngũ GV và thông báo, phổ biến đến toàn thể GV biết và thực hiện. Trường thực hiện quy hoạch phát triển đội ngũ GV công khai, minh bạch, theo đúng quy định và đáp ứng nhu cầu ĐT, NCKH, PVCĐ.

Đội ngũ GV Khoa CNSH-TP có trình độ chuyên môn cao, đáp ứng các yêu cầu giảng dạy, NCKH và các hoạt động chuyên môn khác. Bộ môn CNSH có đủ GV cơ hữu có trình độ chuyên môn cao, đáp ứng các yêu cầu giảng dạy, NCKH. Công tác quy hoạch, tuyển dụng, bổ nhiệm GV được thực hiện theo kế hoạch, có quy trình và tiêu chuẩn cụ thể, rõ ràng.

3. Điểm tồn tại

Kế hoạch phát triển Khoa chưa thể hiện rõ việc quy hoạch đội ngũ GV cho hoạt động PVCĐ.

4. Kế hoạch hành động

4.1. Phát huy điểm mạnh:

Tiếp tục đẩy mạnh công tác bồi dưỡng đội ngũ GV, nghiên cứu viên (NCV) của Khoa ngày càng được nâng cao về số lượng và chất lượng, đủ đáp ứng nhu cầu ĐT, NCKH và PVCĐ.

4.2. Khắc phục tồn tại:

Tháng 12 năm 2024, theo chiến lược phát triển và định hướng chung của Trường, Khoa xây dựng đồng bộ kế hoạch dài hạn, trung hạn, ngắn hạn về phát triển đội ngũ GV để đảm bảo tính liên tục theo thời gian, chiến lược phát triển Trường và đội ngũ GV. Phối hợp chặt chẽ với các phòng ban khác trong trường để tổ chức các hoạt động PVCĐ. Tìm kiếm sự hợp tác với các tổ chức XH, chính quyền địa phương để cùng nhau thực

hiện các dự án.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ GV/NH và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Tỷ lệ GV/NH của CTĐT đáp ứng yêu cầu theo quy định hiện hành. Tổng số GV của Khoa là 33 người, gồm 2 PGS.TS, 7 TS (chiếm tỷ lệ 27,27% so với tổng số GV của Khoa), 23 ThS (69,69%), 01 cử nhân (3,03%). Hiện Khoa CNSH-TP có 02 GV đang theo học NCS ở nước ngoài, 05 GV đang theo học NCS ở trong nước, 01 GV đang học cao học. Tính đến thời điểm này, tỷ lệ GV/NH chính quy ngành CNSH được quy đổi là 15,45 NH/GV, đảm bảo với tỷ lệ quy định của Bộ GD&ĐT [H6.06.02.01]. SV được đảm bảo khả năng tương tác, học tập kiến thức khoa học và thực tiễn từ GV, đảm bảo chất lượng ĐT theo mục tiêu của Khoa theo tỷ lệ **bảng 6.2.1**.

Bảng 6.2.1. Tỷ lệ NH/GV của Khoa từ NH 2018 - 2019 đến 2022 - 2023

Năm học	Tổng số FTEs của GV	Tổng số FTEs của NH	Tỷ lệ NH/GV
2018-2019*****	30,9	549	17,77
2019-2020*****	28,3	600	21,20
2020-2021***	41,3	522	12,64
2021-2022**	42,3	606	14,32
2022-2023*	43,3	669	15,45
***** Khoa có 03 TS, 24 ThS, 03 ĐH			
**** Khoa có 06 TS, 16 ThS, 01 ĐH			
*** Khoa có 02 PGS, 07 TS, 21 ThS, 01 ĐH			
** Khoa có 02 PGS, 06 TS, 24 ThS, 01 ĐH			
* Khoa có 02 PGS, 07 TS, 23 ThS, 01 ĐH			

(Nguồn: Phòng TCHC, 2023)

Bảng 6.2.2 Thống kê số lượng GV Khoa theo trình độ trong 05 năm gần đây

Năm học	Số lượng GV	Giới tính		Độ tuổi		
		Nam	Nữ	< 35	35-45	>45
2018 - 2019	30	08	22	17	12	01
2019 - 2020	23	05	17	8	13	02
2020 - 2021	31	09	22	07	17	07
2021- 2022	33	08	25	06	20	07
2022 - 2023	33	08	25	05	21	07

(Nguồn: Phòng TCHC, 2023)

Tiêu chuẩn của GV đáp ứng theo quy định của Bộ GD&ĐT và phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường [H6.06.02.02]. Ngoài đội ngũ GV cơ hữu, Khoa CNSH-TP còn có 04 GV thỉnh giảng đến từ cơ quan, tổ chức hành nghề kỹ thuật, sản xuất, kinh doanh tham gia giảng dạy, hướng dẫn thực hành, đánh giá KQHT của SV theo đề án liên kết gắn kết ĐT giữa ĐHKTCNCT với DN [H6.06.02.03].

Việc quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ GV theo giờ chuẩn được hướng dẫn chi tiết và được triển khai thực hiện. Trường ban hành văn bản quy định chi tiết về khối lượng công việc của đội ngũ GV, bao gồm: các hoạt động giảng dạy, NCKH và công tác khác như phụ trách CVHT, coi thi, chấm bài, tuyển sinh. Các phòng ban liên quan chịu trách nhiệm triển khai thực hiện việc quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ GV trong phạm vi toàn trường. Trường có quy định về khối lượng công việc tối thiểu của đội ngũ GV. Qua đó, GV có nghĩa vụ thực hiện giờ giảng dạy, NCKH và công tác khác theo định mức cụ thể mỗi năm được thể hiện **Bảng 6.2.3**.

Bảng 6.2.3 Định mức giờ giảng của GV theo chức danh, trình độ và hệ số lương

Chức danh	Định mức GC giảng dạy	Định mức GC NCKH và thực hiện nhiệm vụ khác	Định mức GC PVCD
GV cao cấp có chức danh GS	200	250	-
GV cao cấp có chức danh PGS	200	250	-
GV cao cấp không có chức danh GS, PGS	200	250	-
GV chính có hệ số lương $\geq 5,76$	240	210	-
GV chính hệ số lương $\geq 4,40$	240	210	-
GV (hạng III) có bằng Tiến sĩ	280	170	
GV (hạng III) có hệ số lương $\geq 4,32$ (có bằng thạc sĩ)	300	150	-
GV (hạng III) có hệ số lương $\geq 3,33$ (có bằng thạc sĩ)	300	150	-
GV (hạng III) có hệ số lương $< 3,00$ (có bằng thạc sĩ)	300	150	-
GV (hạng III) trong thời gian tập sự	150	75	-
Trợ giảng	80	40	-
Trợ giảng trong thời gian tập sự	60	0	-

(Nguồn: Quyết định số 160/QĐ - ĐHKTCN 08/03/2022)

Ngoài ra, các công tác khác như: CVHT; trợ lý Khoa; GV kiêm nhiệm phòng thí nghiệm; hướng dẫn SV làm đề tài cấp trường trở lên; hướng dẫn SV làm tiểu luận, khóa luận; thành viên hội đồng thẩm định bài giảng, giáo trình; hội đồng nghiệm thu đề tài

khoa học; hội đồng đồ án, khóa luận; coi thi kết thúc học phần; công tác đánh giá bao gồm ra đề, làm đáp án, coi thi, chấm thi, nhập điểm sẽ được quy đổi giờ chuẩn theo quyết định số 160/QĐ - ĐHKTCN 08/03/2022 và quyết định số 49/QĐ - ĐHKTCN 31/01/2023 [H6.06.02.04].

GV của Khoa CNSH-TP đã tham gia vào các hoạt động cộng đồng khác của Trường [H6.06.02.05] như:

- Tư vấn tuyển sinh tại trường và các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long.
- Hỗ trợ tổ chức ngày hội việc làm, tổ chức tập huấn kỹ năng tìm việc cho SV.
- Tham gia, hỗ trợ, tư vấn khởi nghiệp đổi mới sáng tạo: Hành trình kết nối và nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp các trường ĐH và cao đẳng, đưa SV đi thi khởi nghiệp vùng Đồng bằng sông Cửu Long.
- Các hoạt động tập huấn, giao lưu: diễn tập phòng cháy chữa cháy (PCCC), chào đón tân SV, tuổi trẻ với mùa xuân biên giới, chương trình trao đổi SV.
- Các chiến dịch tình nguyện, các hoạt động hỗ trợ cho SV và cộng đồng: Chiến dịch mùa hè xanh, vận động hỗ trợ SV về quê ăn tết, xuân tình nguyện, hiến máu nhân đạo, an sinh XH, quyên góp phiên chợ 0 đồng, làm lồng đèn trung thu.
- Tham gia sinh hoạt Câu lạc bộ (CLB) ngoại ngữ như: tiếng Anh, tiếng Nhật.
- Hội thao của Trường và Khoa.

Khối lượng công việc đối với đội ngũ GV, NCV được giám sát để cải tiến chất lượng hoạt động ĐT, NCKH và PVCD. Kết thúc mỗi học kỳ, Khoa tiến hành họp để tổng kết khối lượng giảng dạy, NCKH trên cơ sở đối chiếu với kết quả thống kê khối lượng giảng dạy của Phòng TT-PC-KT-ĐBCL, Phòng QLKH-HTQT và xác nhận từ GV. Qua đó, xác định được tỷ lệ vượt giờ của GV và có kế hoạch phân công khối lượng giảng dạy, nhiệm vụ NCKH và công tác khác (coi thi, CVHT, hướng dẫn thực tập, hướng dẫn khóa luận), công việc cụ thể cho GV ở học kỳ tiếp theo [H6.06.02.06].

Việc đánh giá GV được thực hiện định kỳ hàng tháng thông qua bảng tự đánh giá kết quả xếp loại chất lượng công việc dựa trên bản mô tả công việc của GV [H6.06.02.07]. Sau khi GV tự đánh giá thì Trường Khoa sẽ đánh giá lại, xác nhận vào Phiếu đánh giá xếp loại kết quả lao động. Kết quả đánh giá được chuyển về Phòng Tổ chức hành chính (TCHC) để xếp loại thi đua khen thưởng cho GV. Cuối mỗi năm học, Hội đồng thi đua khen thưởng cấp trường đánh giá, bình xét kết quả thi đua cho các cá nhân và tập thể hoàn thành tốt nhiệm vụ mục tiêu của năm [H6.06.02.08].

2. Điểm mạnh

Khối lượng công việc của đội ngũ GV được đo lường, giám sát cụ thể làm căn cứ để có kế hoạch phân công, giám sát và kiểm tra chuyên môn định kỳ nhằm cải tiến chất lượng hoạt động ĐT, NCKH và các hoạt động PVCD. Việc đánh giá GV có tiêu chí rõ ràng, cụ thể tạo điều kiện để GV có những điều chỉnh phù hợp và tạo được động lực

phát triển cho GV.

3. Điểm tồn tại

Việc đo lường các nhiệm vụ PVCD chưa có những tiêu chí cụ thể.

4. Kế hoạch hành động

4.1. Phát huy điểm mạnh:

Trường tiếp tục đẩy mạnh hoạt động khoa học công nghệ (KH-CN) và PVCD hướng theo chiến lược phát triển của Trường giai đoạn đến 2030.

4.2. Khắc phục tồn tại:

Tháng 12 năm 2024, Khoa tiến hành xây dựng các tiêu chí đánh giá mang tính định lượng trong việc thực hiện các nhiệm vụ PVCD và nhiệm vụ chuyên môn khác của GV.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai

1. Mô tả hiện trạng

Trường có các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển rõ ràng, cụ thể, trong đó chú trọng các tiêu chí trình độ chuyên môn, phẩm chất đạo đức, thâm niên giảng dạy, NCKH, khả năng sử dụng ngoại ngữ trong giảng dạy và NCKH. Quy chế tuyển dụng GV đã quy định rõ các tiêu chuẩn chung và tiêu chí, yêu cầu cụ thể đối với từng vị trí tuyển dụng và lựa chọn GV [H6.06.03.01].

Tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV được phổ biến công khai trên trang thông tin điện tử của Trường và Khoa; gửi thông báo bằng văn bản về các đơn vị trong Trường, được đăng tải trên báo chí và website nội bộ trường khi có các đợt tuyển dụng tập trung [H6.06.03.02]. Ngoài tiêu chí tuyển dụng chung, Trường còn cũng có những chính sách ưu tiên tuyển dụng đối với nhân lực có trình độ cao [H6.06.03.03].

Tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn GV được cập nhật, điều chỉnh theo từng thời kỳ phát triển của Trường, phù hợp với yêu cầu nâng cao chất lượng đội ngũ và phù hợp với quy định chung của Nhà nước. Để thực hiện việc tuyển dụng, lựa chọn GV, Trường thành lập Hội đồng tuyển dụng để đảm bảo việc tuyển dụng được chính xác khách quan và có sự đồng thuận tập thể. Trong thành phần Hội đồng luôn có thành viên là các khoa chuyên môn có liên quan. Ngoài ra, Trường còn có chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng (ĐTBD) nhân sự nhằm nâng cao hiệu quả tuyển dụng [H6.06.03.04]. Theo quy mô tuyển sinh hằng năm, các HP trong CTĐT ngành CNSH, nhu cầu ĐTBD đội ngũ (sau khi dự giờ, đánh giá của đồng nghiệp, góp ý của hội đồng trường và các GV có chuyên môn), Khoa CNSH-TP có kế hoạch tuyển dụng, kế hoạch ĐTBD một số vị trí nhân sự của Khoa trình BGH phê duyệt [H6.06.03.05].

Trong các thông báo KH tuyển dụng hằng năm từ 2018 - 2023 của Trường đã ghi chi tiết về tiêu chuẩn đối với từng vị trí tuyển dụng và quy trình tuyển dụng. Kết quả tuyển dụng được công bố công khai [H6.06.03.06]. Đối với tuyển dụng GV, ứng viên phải trải qua phần thực hành giảng dạy và trả lời các câu hỏi về chuyên môn của Hội đồng sát hạch. Sau khi trúng tuyển, các GV được giao nhiệm vụ biên soạn đề cương bài giảng, thông qua bài giảng ở bộ môn và tiến hành giảng thử tại bộ môn rồi mới được lên lớp chính thức. Trong 01 năm tập sự, Khoa sẽ cử 01 GV hướng dẫn trực tiếp cho GV tập sự.

Việc bổ nhiệm, điều chuyển GV của chương trình CNSH được thực hiện theo Quy định nêu trên; việc bổ nhiệm các chức danh nghề nghiệp cho GV vào các ngạch bậc GV chính, GV cao cấp có được thực hiện theo quy định của Thông tư liên tịch số 36/2014/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 28/11/2014 quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở GDĐH công lập và các quy định của Bộ GD&ĐT và các quy định khác của Bộ chủ quản và của Trường [H6.06.03.07]. Việc bổ nhiệm viên chức lãnh đạo, quản lý còn dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế và trên cơ sở quy hoạch cán bộ đã được phê duyệt cho từng giai đoạn [H6.06.03.08].

2. Điểm mạnh

Trường ban hành đầy đủ các tài liệu, văn bản quy định về các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV để bổ nhiệm, điều chuyển.

Việc tuyển dụng GV hằng năm được tổ chức đúng theo quy định, nghị định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, NCV bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật để bổ nhiệm, điều chuyển được phổ biến và thông báo công khai thông qua trang thông tin nội bộ, website của Trường và của Phòng TCHC.

3. Điểm tồn tại

Hằng năm, thông báo tuyển dụng được phổ biến, công khai đã đa dạng. CB, GV NCV có nhận thức về các quy định. Tuy nhiên, số lượng ứng viên nộp hồ sơ ứng tuyển ở các đợt tuyển dụng của Trường vẫn còn hạn chế. Tuy có văn bản đầy đủ nhưng nội hàm trong văn bản chưa quy định đầy đủ các yêu cầu của mức chuẩn, do đó việc tuyển dụng GV đáp ứng tiêu chí đúng chuyên ngành được ĐT thường gặp khó khăn.

4. Kế hoạch hành động

4.1. Phát huy điểm mạnh:

Trường tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyển dụng GV được tổ chức nghiêm túc, công khai, đúng quy định, có quy trình tuyển dụng rõ ràng.

4.2. Khắc phục tồn tại:

Tháng 12 năm 2024, Khoa CNSH-TP rà soát, đổi mới các phương thức, hình thức

thông báo tuyển dụng nhằm tăng số lượng ứng tuyển. Mặt khác, sẽ cụ thể hóa tiêu chí tuyển dụng GV đảm bảo đúng yêu cầu tuyển dụng về chuyên ngành được đào tạo để đáp ứng ngay được yêu cầu của CTĐT.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá

1. Mô tả hiện trạng

GV là nguồn lực rất quan trọng trong việc tạo ra chất lượng ĐT. Trong định hướng phát triển của CTĐT ngành CNSH, việc đầu tư phát triển đội ngũ GV cả về số lượng và đặc biệt về chất lượng luôn là một trong những mục tiêu then chốt. Tiêu chí đánh giá năng lực đội ngũ GV, NCV còn gọi là KPIs, bao gồm các năng lực thực hiện các nhiệm vụ của GV: Năng lực NCKH; năng lực phát triển CTĐT; năng lực giảng dạy; năng lực giám sát và TĐG chất lượng công việc; năng lực nghiên cứu và đóng góp cho cộng đồng. Trường có quy định rõ năng lực của GV, NCV trong Quy chế về tổ chức và hoạt động của Trường; Quy chế tuyển dụng và Bản mô tả công việc của vị trí việc làm CB, GV, NV; Quy định tiêu chuẩn về chế độ làm việc, nghỉ ngơi đối với VC, NLD thuộc Trường; Quy chế hoạt động KHCN [H6.06.04.01].

Năng lực của GV được xác định qua chỉ báo về:

- Năng lực chuyên môn (kiến thức, kỹ năng giảng dạy): Kiến thức sâu rộng và cập nhật trong lĩnh vực giảng dạy, khả năng truyền đạt kiến thức một cách hiệu quả, rõ ràng và hấp dẫn.

- Năng lực xây dựng, thiết kế và thực hiện CTDH (ĐCCT HP và viết giáo trình): Khả năng thiết kế các chương trình học phù hợp với CĐR của CTĐT, xây dựng ĐCCT HP và viết giáo trình chất lượng.

- Năng lực lựa chọn và áp dụng các phương pháp giáo dục: Khả năng lựa chọn và áp dụng các phương pháp giáo dục phù hợp với từng đối tượng học viên, từng học phần và mục tiêu giảng dạy.

- Năng lực ứng dụng và sử dụng CNTT trong dạy học: Khả năng sử dụng thành thạo các công cụ và phần mềm hỗ trợ giảng dạy, như LMS, phần mềm trình chiếu, công cụ tạo video

- Năng lực sáng tạo: Khả năng đưa ra các ý tưởng mới, cải tiến PPGD, tạo ra môi trường học tập năng động và sáng tạo.

- Năng lực dạy NH tự học, tự nghiên cứu: Khả năng hướng dẫn SV thực hiện các bài tập lớn, luận văn, đề án nghiên cứu.

- Năng lực hoạt động XH, PVCD: Khả năng tham gia các hoạt động XH, PVCD, ứng dụng kiến thức chuyên môn để giải quyết các vấn đề XH.

Năng lực NCKH được xác định thông qua việc viết báo cáo khoa học, giáo trình,

sách; công bố các kết quả nghiên cứu, chuyển giao các kết quả nghiên cứu vào thực tiễn; khả năng hướng dẫn NH thực tập, luận văn. Đội ngũ GV cũng rất tích cực tham gia NCKH và có nhiều công trình khoa học có chất lượng. Như vậy, về cơ bản, trình độ chuyên môn của GV luôn được xác định rõ ràng và đáp ứng được yêu cầu của công việc.

Việc đánh giá năng lực đội ngũ GV trong công tác giảng dạy và NCKH được Trường xác định rõ trong Quy định tiêu chuẩn, chế độ làm việc, nghỉ ngơi đối với viên chức, người lao động thuộc Trường. Hằng năm, Trường đều ban hành Bộ tiêu chuẩn đánh giá kết quả thực hiện công việc, trong đó, nêu rõ quy trình đánh giá, hình thức đánh giá; sử dụng kết quả đánh giá [H6.06.04.02].

Việc đánh giá năng lực của GV được căn cứ trên kết quả công việc được giao như khối lượng, chất lượng giảng dạy, NCKH, tiến độ và hiệu quả của công việc trong từng năm học; thực hiện và hướng dẫn thực hiện hoạt động XH, PVCD. Hằng năm, Trường/Khoa thực hiện đánh giá năng lực của GV, NCV qua các hình thức: Đánh giá chất lượng giảng dạy của GV, NCV qua quá trình dạy học của GV, dự giờ theo từng học kỳ và kiểm tra hồ sơ chuyên môn của GV, qua phản hồi của NH, cựu NH, NTD và kết quả thanh tra khối lượng và chất lượng công việc; đánh giá hoạt động NCKH của GV qua kết quả số lượng và chất lượng sản phẩm NCKH như: các bài báo quốc tế, kết quả đánh giá các đề tài NCKH của Hội đồng nghiệm thu, đánh giá các sách chuyên khảo, giáo trình, các sản phẩm khoa học được ứng dụng của GV; các công bố khoa học; qua kết quả hướng dẫn luận văn... Bên cạnh việc đánh giá năng lực của GV, cuối mỗi năm học, tất cả GV đều được đánh giá, xếp loại. Kết quả đánh giá năng lực được xem xét để có kế hoạch đào tạo bồi dưỡng; khen thưởng hoặc phân loại; đề cập nhắc nhở nhiệm vụ [H6.06.04.03], [H6.06.04.04].

Kết thúc mỗi học kỳ, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL lấy ý kiến phản hồi của NH về môn học thông qua phiếu đánh giá chất lượng giảng dạy. Trong những năm vừa qua, kết quả đánh giá của NH đều cho thấy các hoạt động giảng dạy của GV Khoa đã đáp ứng được nhu cầu học tập của NH, và mức hài lòng trung bình của NH trên 80% về hoạt động giảng dạy của GV [H6.06.04.05]. Kết quả đánh giá hiệu quả công việc hằng năm của CB, GV, NV của Trường luôn được tổng hợp, đồng thời được thể hiện trong báo cáo tổng kết hằng năm của Trường và của Phòng TCHC.

2. Điểm mạnh

Năng lực của đội ngũ cán bộ giảng dạy được xác định rõ ràng, nhất quán. Việc đánh giá năng lực GV đa dạng về hình thức và ở nhiều cấp độ khác nhau.

3. Điểm tồn tại

Năng lực ngoại ngữ của một số GV Khoa CNSH-TP còn hạn chế nhất định. Việc đánh giá GV có nhiều tiêu chí tương tự đánh giá NV, chưa xây dựng hoàn chỉnh bộ tiêu chí đánh giá đặc thù cho GV.

4. Kế hoạch hành động

4.1. Phát huy điểm mạnh:

Khoa tiếp tục đánh giá năng lực GV đa dạng về hình thức và ở nhiều cấp độ khác nhau.

4.2. Khắc phục tồn tại:

Tháng 12 năm 2024, Trường đang bắt đầu triển khai công tác đánh giá toàn diện nhân sự và Khoa đang tiến hành rà soát, đánh giá lại năng lực của GV. Đồng thời, Khoa sẽ kết hợp nhiều hình thức khảo sát để đạt hiệu quả cao trong việc đánh giá GV.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Mô tả hiện trạng

Hàng năm, Trường có xây dựng kế hoạch ĐT, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ CB, GV, NV để nâng cao trình độ về chuyên môn, nghiệp vụ cho GV [H6.06.05.01]. Qua đó, thông qua các buổi họp tổng kết năm, Khoa CNSH-TP đã quan tâm đến việc xây dựng kế hoạch ĐT và phát triển chuyên môn cho GV [H6.06.05.02].

Hoạt động ĐT, bồi dưỡng phát triển đội ngũ GV của Khoa luôn bám sát quy định về ĐT, bồi dưỡng công chức, viên chức của Trường. Hàng năm, Khoa CNSH-TP họp, tổng kết, đánh giá năng lực GV, căn cứ vào kế hoạch ĐTBĐ; tiêu chí về trình độ, năng lực đội ngũ, GV tự nguyện đăng ký nhu cầu ĐTBĐ, hoặc Khoa chỉ định CB, GV phải đi ĐTBĐ đáp ứng yêu cầu CTĐT, NCKH; sau đó, Khoa lập kế hoạch ĐTBĐ của đơn vị chuyển cho Phòng TCHC tổng hợp thành kế hoạch ĐTBĐ chung của Trường. Tổng hợp giai đoạn 2018 - 2023, số lượng VC được cử đi học và đang theo học các CTĐT sau ĐH được thể hiện qua **Bảng 6.5.1**. Tổng hợp giai đoạn 2018 - 2023, 100% GV của ngành CNSH có chứng chỉ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, văn bằng; có 02 lượt GV đi bồi dưỡng về công tác kiểm định chất lượng, có 18 GV được ĐTBĐ và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ theo kế hoạch của Trường (54,55%) và kinh phí dành cho ĐTBĐ theo quy định được thể hiện trong bảng chi tiêu nội bộ [H6.06.05.03], [H6.06.05.04], [H6.06.05.05].

Trường và Khoa CNSH-TP có chính sách và biện pháp tạo điều kiện cho CB quản lý và GV tham gia các hoạt động chuyên môn ở trong nước và nước ngoài. Trường và Khoa công khai thông báo các chương trình học bổng nước ngoài nhằm tạo điều kiện để cán bộ GV trẻ tham gia dự tuyển. CTĐT ngành CNSH luôn khuyến khích GV phối hợp, liên kết nghiên cứu với các GV từ các trường ĐH có uy tín từ nước ngoài để nâng cao trình độ nghiên cứu, giảng dạy và học tập tại chương trình. GV trong chương trình thường xuyên liên kết nghiên cứu với các GV, nhà khoa học từ các trường ĐH có uy tín [H6.06.05.06].

Bảng 6.5.1 Thống kê số lượng VC được cử đi học và đang học các CTĐT sau ĐH

Năm học	GV được cử đi học				GV đang học			
	Tiến sĩ		Thạc sĩ		Tiến sĩ		Thạc sĩ	
	Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước
2017-2018	1	-	-	-	1	-	1	-
2018-2019	-	-	-	-	-	-	-	-
2019-2020	-	1	-	-	-	1	-	-
2020-2021	-	1	-	-	-	2	-	-
2021-2022	-	1	-	-	-	3	-	-
2022-2023	3	-	1	-	3	1	1	-

(Nguồn: Phòng TCHC, 2023)

Kết quả thực hiện kế hoạch ĐT, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV, NCV được giám sát, đánh giá hằng năm. Phòng TCHC giám sát, đánh giá thực hiện kế hoạch ĐTBĐ, theo dõi quá trình thực hiện công tác ĐTBĐ từ việc xây dựng và ban hành các quy định, lập kế hoạch, thực hiện so với kế hoạch, đánh giá kết quả ĐTBĐ, việc sử dụng kết quả ĐTBĐ [H6.06.05.07]; khảo sát nhu cầu, đánh giá kết quả ĐTBĐ. Kết quả ĐTBĐ là một trong tiêu chí đánh giá hoàn thành nhiệm vụ của CB, GV và sử dụng để xét thi đua khen thưởng hằng năm [H6.06.05.08].

2. Điểm mạnh

Nhu cầu về ĐT và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, NCV được xác định rõ ràng thông qua kế hoạch hằng năm. Các khóa ĐT, bồi dưỡng được triển khai đa dạng, đáp ứng nhu cầu nâng cao năng lực chuyên môn của GV.

3. Điểm tồn tại

Chưa đánh giá hiệu quả sau mỗi khóa/ đợt tập huấn/ đào tạo hoặc sau mỗi đợt cử người đi tập huấn/ đào tạo.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh:

Trường tiếp tục đẩy mạnh nhu cầu về ĐT và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, NCV được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

Khắc phục tồn tại:

Tháng 01 năm 2025, Khoa CNSH-TP xây dựng kế hoạch dài hạn về nâng cao năng lực thiết kế đề cương học phần, chọn lựa tổ hợp phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá tương thích CDR cho đội ngũ GV. Khoa tiến hành đánh giá hiệu quả sau mỗi khóa/đợt tập huấn/đào tạo hoặc sau mỗi đợt cử GV đi tập huấn/ đào tạo và sử dụng kết quả này để hoạch định và triển khai kế hoạch tiếp theo.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Khoa CNSH-TP có kế hoạch công tác cụ thể hằng năm đối với GV. Việc triển khai công việc của GV trong hoạt động giảng dạy, NCKH cũng như các công việc liên quan được Khoa và Trường xác định rõ ràng bởi các tiêu chí cụ thể, chức năng, nhiệm vụ của GV phải đáp ứng mức tối thiểu theo quy định của Trường [H6.06.06.01] và bảng mô tả công việc của GV [H6.06.06.02]. Từ đó, Khoa phân công công việc cụ thể cho từng GV theo năm học [H6.06.06.03].

Trường đã triển khai thực hiện quản trị theo kết quả công việc. Theo quy chế thi đua khen thưởng của Trường [H6.06.06.04], việc quản trị theo kết quả công việc của GV, NCV (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực hỗ trợ cho ĐT. Việc đánh giá công việc của GV được thực hiện theo các bước: định kỳ hàng tháng GV thực hiện báo cáo công việc và đưa ra kế hoạch làm việc cho tháng tiếp theo để Trưởng Bộ môn, Lãnh đạo Khoa theo dõi, quản lý công việc, GV tự đánh giá kết quả lao động hằng tháng và làm cơ sở để đánh giá theo năm và Lãnh đạo Khoa xác nhận [H6.06.06.05].

Kết quả công việc của GV, NCV được triển khai để tạo động lực hỗ trợ NCKH: Khối lượng giờ dạy, NCKH và công tác khác mỗi học kỳ của GV được thống kê [H6.06.06.06]. Qua đó, Khoa tiến hành đánh giá năng lực GV thông qua hoạt động dự giờ, kiểm tra chuyên môn định kỳ và theo dõi phản hồi của NH liên quan đến PPGD của GV [H6.06.06.07].

GV hài lòng về kết quả đánh giá đặc biệt là việc thi đua, khen thưởng và công nhận của CSGD và các cấp có thẩm quyền. Khi xây dựng các tiêu chí, quy trình đánh giá hiệu quả công việc, Trường và Khoa đều lấy ý kiến đóng góp của GV để việc đánh giá được khách quan, dân chủ và phản ánh đúng năng lực, hiệu quả công việc của GV. Việc phản hồi, đóng góp ý kiến được thực hiện thông qua Egov của Trường. Do đó, các GV hài lòng về kết quả đánh giá [H6.06.06.08]. Việc quản trị theo kết quả công việc của GV đang được triển khai tại Trường và Khoa giúp tạo động lực và hỗ trợ cho ĐT, NCKH và các hoạt động PVCD [H6.06.06.09].

Hằng năm, Bộ môn, Khoa CNSH-TP tiến hành họp với toàn bộ GV để thống nhất lấy ý kiến bình xét thi đua theo đúng quy định của Trường và gửi kết quả cho Hội đồng thi đua - khen thưởng cấp trường để bình xét kết quả thi đua cuối năm. Bên cạnh đó, việc đánh giá chuyên môn, phương pháp sư phạm của GV qua các hoạt động dự giờ, khảo sát ý kiến SV, kiểm tra chuyên môn định kỳ cũng góp phần thúc đẩy GV nâng cao chuyên môn nghiệp vụ. Đối với GV có tham gia các hoạt động cộng đồng sẽ được Khoa

và Trường hỗ trợ kinh phí, khen thưởng khuyến khích [H6.06.06.10].

2. Điểm mạnh

Trường đã có các quy định rõ ràng về đánh giá kết quả hoàn thành nhiệm vụ, khen thưởng, nâng lương trước thời hạn cho GV, không chỉ giúp tạo ra động lực cho GV trong giảng dạy và NCKH mà còn giúp quản trị theo kết quả công việc của GV hiệu quả.

3. Điểm tồn tại

Trường vẫn còn GV kiêm nhiệm làm NCV.

4. Kế hoạch hành động

4.1. Phát huy điểm mạnh:

Trường tiếp tục tăng cường nhiều chính sách khen thưởng, động viên kịp thời, tạo động lực cho GV hoàn thành khối lượng công việc theo quy định.

4.2. Khắc phục tồn tại:

Tháng 12 năm 2024, Khoa chuẩn bị thành lập đội ngũ NCV chuyên trách, có trình độ cao để thực hiện các dự án nghiên cứu.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Trường đã ban hành văn bản quy định cụ thể về các loại hình và số lượng sản phẩm NCKH mà GV phải thực hiện theo năm học. Theo đó, số giờ nghỉ vụ NCKH mỗi năm của GV được phân như **Bảng 6.2.3**, và được tính trên các hoạt động nghiên cứu trong trường và ngoài trường. Nếu số giờ NCKH vượt trên mức tối thiểu quy định, GV sẽ được thanh toán phần vượt trên. Ngoài ra, đối với GV có bài báo quốc tế thuộc danh mục có chỉ số công bố định kỳ, Trường có chính sách hỗ trợ kinh phí sửa các bài báo khoa học viết bằng tiếng Anh hoặc Ban hỗ trợ xuất bản bài báo khoa học và hỗ trợ quá trình nộp bài báo và chi trả các lệ phí đăng bài báo khoa học theo yêu cầu của Tạp chí, bên cạnh đó, tác giả còn được khen thưởng từ 100 giờ chuẩn đến 1000 giờ chuẩn tùy theo mức chỉ số ISI, SCOPUS (Quyết định số 160/QĐ - ĐHKTCN 08/03/2022). GV tham gia biên soạn và cập nhật giáo trình sẽ được thanh toán theo Quy chế chi tiêu nội bộ, theo đó GV sẽ được tính giờ như sau [H6.06.07.01].

Bảng 6.7.1 Định mức giờ chuẩn của GV khi biên soạn giáo trình và sách

NỘI DUNG	ĐỊNH MỨC
Biên soạn giáo trình lưu hành nội bộ; nếu viết bằng tiếng nước ngoài (một trong năm thứ tiếng Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung) được nhân hệ số 1,5 (trừ các học phần viết cho các lớp chuyên ngữ)	60 GC/tín chỉ

NỘI DUNG	ĐỊNH MỨC
Biên soạn giáo trình tái bản có sửa chữa bổ sung từ 30% - 50% (theo đánh giá của hội đồng nghiệm thu)	30 GC/tín chỉ
Biên soạn giáo trình tái bản có sửa chữa bổ sung trên 50% (theo đánh giá của hội đồng nghiệm thu)	50 GC/tín chỉ
Biên soạn bài giảng cấp Khoa	20 GC/tín chỉ
Xuất bản giáo trình đã được nghiệm thu	30 GC/tín chỉ
Biên soạn sách chuyên khảo, sách tham khảo bằng tiếng Việt	120 GC
Biên soạn sách chuyên khảo, sách tham khảo bằng tiếng nước ngoài được xuất bản bởi nhà xuất bản có uy tín trên thế giới	100 GC/chương

(Nguồn: Quyết định số 160/QĐ – ĐHKTCN 08/03/2022)

Các loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của GV được quy định và hướng dẫn cụ thể trong các văn bản của Trường [H6.06.07.02]. Hoạt động NCKH được quản lý bởi Phòng QLKH-HTQT. Ngoài ra, HĐKH&ĐT Khoa CNSH-TP được thành lập bao gồm Chủ tịch hội đồng, thư ký và các thành viên hội đồng có nhiệm vụ định hướng và triển khai các hoạt động NCKH của Khoa [H6.06.07.03]. Để hoạt động NCKH được đa dạng và thúc đẩy việc trao đổi học thuật, Khoa cũng quan tâm và khuyến khích các GV tham dự hội thảo NCKH, viết bài báo NCKH các tạp chí trong nước và ngoài nước trong lĩnh vực liên quan đến ngành CNSH [H6.06.07.04].

Kết quả đánh giá về mức độ đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng các hoạt động NCKH của GV được giám sát và đối sánh hằng năm để cải tiến chất lượng hoạt động NCKH. Nhằm cải tiến chất lượng hoạt động NCKH của GV, Trường luôn quan tâm, giám sát và đối sánh hằng năm, từ đó, có những điều chỉnh kịp thời định mức thời lượng hoạt động NCKH cũng như các chính sách khen thưởng cho GV [H6.06.07.05].

Hằng năm, Khoa tổ chức các hội thảo chuyên ngành cấp Khoa và Trường để các GV có điều kiện trao đổi lẫn nhau về chuyên môn và nâng cao chất lượng NCKH. Khoa cũng đã phát hành Kỷ yếu hội thảo, trong đó có trên 20 công trình nghiên cứu của GV cơ hữu của Khoa trong năm học 2022 - 2023. Bên cạnh đó, Khoa thường xuyên phối hợp với Trường tổ chức các buổi tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực NCKH phù hợp với xu hướng nghiên cứu mới và các định hướng phát triển KHCN trong tương lai [H6.06.07.06]. Việc quản lý đề tài NCKH được thực hiện theo quy định chung của Trường.

Kết quả đánh giá về mức độ đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng các hoạt động NCKH của GV, NCV được giám sát, đối sánh hằng năm nhằm cải tiến hoạt động NCKH. Kết quả NCKH của GV có sự cải tiến về chất lượng và số lượng qua từng

năm. Bên cạnh các công trình nghiên cứu được công bố trong nước, từ năm 2018, GV trong Khoa đã có những bài nghiên cứu được đăng trên các tạp chí quốc tế. Năm học 2022-2023 Khoa CNSH-TP có 9 đề tài (8 cấp cơ sở và 1 cấp tỉnh), nhiều bài nghiên cứu được đăng trên các tạp chí chuyên ngành (*Journal of Mining and Metallurgy*, *Physicochemical Problems of Mineral Processing*, *Asia-Pacific Journal of Science and Technology*, *Tạp chí Khoa học Yersin*, *Journal of Educational Equipment*). Bên cạnh đó, mỗi GV tự trang bị tài liệu hướng dẫn học tập như giáo trình, sách hướng dẫn trong công tác giảng dạy. Nhiều GV của Khoa có tham gia viết bài tham luận hội thảo trong và ngoài trường, nhiều bài tham luận được lựa chọn đăng trên các tạp chí trong nước và quốc tế.

Bảng 6.7.2. Thống kê số lượng đề tài NCKH qua các năm

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2	-	-	-	-	-	0
2	Đề tài cấp Tỉnh/Bộ*	1	-	-	-	-	1	01
3	Đề tài cấp trường	0,5	1	2	2	9	7	10,5
4	Tổng	-	01	02	02	09	08	11,5

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Đề tài NCKH của GV được ứng dụng vào công tác giảng dạy và nội dung học tập của SV.

Bảng 6.7.3. Số lượng bài báo của GV qua từng năm

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2018-2019	2019-2020	2020 - 2021	2021-2022	2022 - 2023	
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	01	02	03	02	02	15
2	Tạp chí khoa học cấp	1	-	-	01	09	14	24

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					
			2018-2019	2019-2020	2020 - 2021	2021-2022	2022 - 2023	Tổng (đã quy đổi)
	ngành trong nước							
	Tổng		01	02	04	11	16	39

Bảng 6.7.4. Đề tài NCKH ứng dụng vào công tác giảng dạy và chuyển giao công nghệ

STT	Tên đề tài	Năm học	Cấp	Xếp loại	Ứng dụng/ Chuyển giao
1	Ứng dụng nấm men thuần chủng trong sản xuất rượu măng cầu xiêm ở quy mô nông hộ	2019-2021	Huyện	Xuất sắc	- Chuyển giao công nghệ - Ứng dụng giảng dạy học phần: Vi sinh đại cương, Phương pháp phân tích vi sinh, Công nghệ lên men, Công nghệ vi sinh, Sinh học phân tử
2	Hoàn thiện quy trình sản xuất và phát triển sản phẩm từ dâu Hạ Châu	2021-2023	Thành phố	Khá	- Chuyển giao công nghệ - Ứng dụng giảng dạy học phần: Công nghệ lên men
1	Bánh mì nguyên cám lên men bằng sourdough	2018-2019	Trường	Tốt	Ứng dụng giảng dạy học phần: Công nghệ lên men, Công nghệ vi sinh
2	Nghiên cứu phương pháp phát hiện hàn the bằng giấy thử làm bằng nghệ củ và nghệ bột	2020-2021	Trường	Tốt	Ứng dụng giảng dạy học phần: Phân tích thực phẩm
3	Nghiên cứu xây dựng quy trình lên men rượu vang mít Thái Changai (<i>Artocarpus heterophyllus</i>)	2020-2021	Trường	Tốt	Ứng dụng giảng dạy học phần: Công nghệ lên men, Công nghệ vi sinh
4	Nghiên cứu quy trình tạo sourdough từ nước trái cây lên men và ứng dụng trong chế biến bánh mì	2021-2022	Trường	Tốt	Ứng dụng giảng dạy học phần: Công nghệ lên men, Công nghệ vi sinh

STT	Tên đề tài	Năm học	Cấp	Xếp loại	Ứng dụng/ Chuyển giao
5	Nghiên cứu quy trình sản xuất enzyme amylase thô từ mầm lúa (<i>Oryza sativa</i>) giống IR50404	2021-2022	Trường	Tốt	Ứng dụng giảng dạy học phần: Sinh học đại cương A1, Kỹ thuật phân tích và thiết bị, Enzyme, Enzyme trong Công nghệ thực phẩm, Công nghệ lên men, Công nghệ vi sinh
6	Nghiên cứu quy trình trích ly Omega-3 từ hạt chia, mỡ cá tra và đầu cá hồi ở quy mô phòng thí nghiệm	2021-2022	Trường	Tốt	Ứng dụng giảng dạy học phần: Sinh hóa, Kỹ thuật phân tích và thiết bị
7	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng rượu vang trái giắc sau công đoạn lên men	2022-2023	Trường	Xuất sắc	Ứng dụng giảng dạy học phần: Công nghệ lên men, Công nghệ vi sinh
8	Phân tích hàm lượng folic acid trong các loại chuối ăn tươi bằng HPLC	2022-2023	Trường	Tốt	Ứng dụng giảng dạy học phần: Kỹ thuật phân tích và thiết bị, Thực phẩm chức năng
9	Trích ly anthocyanin từ hoa chiều tím và ứng dụng trong giảng dạy các học phần Thực hành Hóa học 2, Thực hành Hóa phân tích	2022-2023	Trường	Tốt	Ứng dụng giảng dạy học phần: Thực hành Hóa học 2, Thực hành Hóa phân tích, Hóa học thực phẩm
10	Nghiên cứu một số sản phẩm nước giải khát từ quả thanh long	2022-2023	Trường	Tốt	Ứng dụng giảng dạy học phần: Công nghệ lên men, Công nghệ vi sinh
11	Phân lập, tuyển chọn nấm men từ quả thanh trà và ứng dụng trong lên men rượu vang	2023-2024	Trường	Tốt	Ứng dụng giảng dạy học phần: Vi sinh đại cương, Phương pháp phân tích vi sinh, Công nghệ lên men, Công nghệ vi sinh, Sinh học phân tử
12	Hoàn thiện quy trình	2023-	Trường	Tốt	Ứng dụng giảng dạy học

STT	Tên đề tài	Năm học	Cấp	Xếp loại	Ứng dụng/ Chuyển giao
	sản xuất rượu vang từ trái ổi (<i>Psidium guajava</i> L.)	2024			phần: Công nghệ lên men, Công nghệ vi sinh

(Nguồn: Tổng hợp Khoa CNSH-TP)

2. Điểm mạnh

Các loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của GV Khoa CNSH-TP được cải tiến hàng năm. Hoạt động NCKH của GV đa dạng về nội dung và hình thức, Trường có chính sách để thu hút GV tiếp tục tham gia viết bài trên các tạp chí quốc tế.

3. Điểm tồn tại

Khoa CNSH-TP chưa có nhiều đề tài nghiên cứu cấp thành phố, cấp bộ do khả năng cạnh tranh với các dự án lớn còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

4.1. Phát huy điểm mạnh:

Trường tiếp tục đẩy mạnh quy chế tính giờ NCKH rõ ràng, chi tiết và minh bạch, ngoài ra việc thống kê tính giờ NCKH được thực hiện nghiêm túc, công bằng hàng năm, góp phần tạo sự hài lòng, phát triển, sự đồng thuận trong toàn đơn vị.

4.2. Khắc phục tồn tại:

Tháng 7 hàng năm, Khoa khuyến khích các GV tham gia nhiều hơn vào các công trình NCKH cấp Bộ, cấp nhà nước và tăng cường đăng tải kết quả các công trình khoa học lên các tạp chí trong nước và quốc tế có chỉ số cao. Đồng thời kiến nghị Trường có thêm các chính sách hỗ trợ cho các GV có nhiều công trình NCKH.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 6:

Những điểm mạnh nổi bật: Trường ban hành đầy đủ quy chế, quy định về phát triển đội ngũ GV và thông báo, phổ biến đến toàn thể GV biết và thực hiện. Trường thực hiện quy hoạch phát triển đội ngũ GV công khai, minh bạch, theo đúng quy định và đáp ứng nhu cầu ĐT, NCKH, PVCĐ. Đội ngũ GV Khoa CNSH-TP có trình độ chuyên môn cao, đáp ứng các yêu cầu giảng dạy, NCKH và các hoạt động chuyên môn khác. Bộ môn CNSH có đủ GV cơ hữu có trình độ chuyên môn cao, đáp ứng các yêu cầu giảng dạy, NCKH. Công tác quy hoạch, tuyển dụng, bổ nhiệm GV được thực hiện theo kế hoạch, có quy trình và tiêu chuẩn cụ thể, rõ ràng. Khối lượng công việc của đội ngũ GV được đo lường, giám sát cụ thể làm căn cứ để có kế hoạch phân công, giám sát và kiểm tra chuyên môn định kỳ nhằm cải tiến chất lượng hoạt động ĐT, NCKH và các hoạt động PVCĐ. Việc đánh giá GV có tiêu chí rõ ràng, cụ thể tạo điều kiện để GV có những điều chỉnh phù hợp và tạo được động lực phát triển cho GV. Trường ban hành đầy đủ các tài liệu, văn bản quy định về các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV để bổ nhiệm, điều

chuyên. Việc tuyển dụng GV hằng năm được tổ chức đúng theo quy định, nghị định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, NCV bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật để bổ nhiệm, điều chuyển được phổ biến và thông báo công khai thông qua trang thông tin nội bộ, website của Trường và của Phòng TCHC. Năng lực của đội ngũ CB giảng dạy được xác định rõ ràng, nhất quán. Việc đánh giá năng lực GV đa dạng về hình thức và ở nhiều cấp độ khác nhau. Nhu cầu về ĐT và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, NCV được xác định rõ ràng thông qua kế hoạch hằng năm. Các khóa ĐT, bồi dưỡng được triển khai đa dạng, đáp ứng nhu cầu nâng cao năng lực chuyên môn của GV. Trường đã có các quy định rõ ràng về đánh giá kết quả hoàn thành nhiệm vụ, khen thưởng, nâng lương trước thời hạn cho GV, không chỉ giúp tạo ra động lực cho GV trong giảng dạy và NCKH mà còn giúp quản trị theo kết quả công việc của GV hiệu quả. Các loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của GV Khoa CNSH-TP được cải tiến hàng năm. Hoạt động NCKH của GV đa dạng về nội dung và hình thức, Trường có chính sách để thu hút GV tiếp tục tham gia viết bài trên các tạp chí quốc tế.

Những tồn tại cơ bản: Kế hoạch phát triển Khoa chưa thể hiện rõ việc quy hoạch đội ngũ GV cho hoạt động PVCĐ. Việc đo lường các nhiệm vụ PVCĐ chưa có những tiêu chí cụ thể. Hằng năm, thông báo tuyển dụng được phổ biến, công khai đã đa dạng. CB, GV NCV có nhận thức về các quy định. Tuy nhiên, số lượng ứng viên nộp hồ sơ ứng tuyển ở các đợt tuyển dụng của Trường vẫn còn hạn chế. Tuy có văn bản đầy đủ nhưng nội hàm trong văn bản chưa quy định đầy đủ các yêu cầu của mốc chuẩn, do đó việc tuyển dụng GV đáp ứng tiêu chí đúng chuyên ngành được ĐT thường gặp khó khăn. Năng lực ngoại ngữ của một số GV Khoa CNSH-TP còn hạn chế nhất định. Việc đánh giá GV có nhiều tiêu chí tương tự đánh giá NV, chưa xây dựng hoàn chỉnh bộ tiêu chí đánh giá đặc thù cho GV. Chưa đánh giá hiệu quả sau mỗi khóa/ đợt tập huấn/ đào tạo hoặc sau mỗi đợt cử GV đi tập huấn/ đào tạo. Trường vẫn còn GV kiêm nhiệm làm NCV. Khoa CNSH-TP chưa có nhiều đề tài nghiên cứu cấp thành phố, cấp bộ do khả năng cạnh tranh với các dự án lớn còn hạn chế.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn: Điểm trung bình của tiêu chuẩn đạt: 5,00 điểm. Số tiêu chí đạt: 7/7. Tỷ lệ số tiêu chí đạt: 100%.

Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên

Mở đầu: Đội ngũ NV giữ vị trí và vai trò quan trọng trong nhiều hoạt động của Trường và Khoa. Đội ngũ NV của Khoa bao gồm: thư ký, giáo vụ và NV các phòng ban liên quan như trung tâm thư viện, phòng Quản trị thiết bị (QTTB), phòng thí nghiệm thực hành..., hệ thống CNTT, các dịch vụ hỗ trợ khác; đội ngũ này có nhiệm vụ góp phần hỗ trợ cho công tác ĐT, NCKH và các hoạt động PVCĐ của GV và SV. Nhận thức được điều đó, Trường luôn chú trọng xây dựng và hoàn thiện các chính sách về tuyển

dụng, lựa chọn và quy hoạch đội ngũ NV của Trường và Khoa. Hằng năm, chất lượng đội ngũ NV của Trường không ngừng được nâng cao thông qua các chương trình, kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng và thông qua việc tổ chức thường xuyên những hoạt động đánh giá khảo sát mức độ hài lòng của các BLQ nhằm kịp thời điều chỉnh, hướng đến mục tiêu đạt được chất lượng hỗ trợ tốt nhất. Ngoài ra, Trường cũng ban hành nhiều chính sách khen thưởng và công nhận những tập thể và cá nhân hoàn thành tốt công việc được giao nhằm tạo động lực cho đội ngũ NV làm việc tích cực, hiệu quả hơn.

Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ NV (làm việc tại thư viện, phòng thực hành nghề, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Trường có phân tích nhu cầu về đội ngũ NV nhằm đáp ứng nhu cầu ĐT, NCKH và PVCĐ. Chiến lược phát triển của Trường giai đoạn 2020 - 2025 tầm nhìn đến năm 2030 theo Quyết định số 14/QĐ-HĐT 20/4/2020 đã xây dựng Quy hoạch phát triển đội ngũ CB, NV là cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển đội ngũ NV hỗ trợ của Trường [H7.07.01.01]. Đây là cơ sở để phát triển và đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ nhằm đáp ứng nhu cầu về ĐT, NCKH và các hoạt động PVCĐ. Các hoạt động PVCĐ bao gồm hoạt động phục vụ người học, hoạt động hỗ trợ người học, hoạt động giám sát người học được quy định cụ thể theo Quyết định số 64/QĐ-ĐHKTCN ngày 21 tháng 02 năm 2020. Hằng năm, Trường đưa ra kế hoạch tuyển dụng để lựa chọn ra đội ngũ hỗ trợ phục vụ công tác ĐT, NCKH cũng như hoàn thành nhiệm vụ chung của Trường để làm tốt công tác quy hoạch [H7.07.01.02]. Công tác tuyển dụng được cụ thể hóa trong Quy chế Tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc, lao động, tập sự, bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp [H7.07.01.03]. Mỗi vị trí công việc được mô tả chi tiết trong Bản mô tả vị trí công việc của NV. Khoa CNSH-TP đã xây dựng đội ngũ GV kiêm nhiệm hỗ trợ gồm các công tác như: đội ngũ CVHT, công tác Đoàn và phong trào thanh niên (01 GV), Công đoàn Khoa (01 GV). Khoa phân công 01 GV trực khoa hằng ngày để đảm bảo giải đáp được thắc mắc, kịp thời hỗ trợ NH các công tác liên quan đến thủ tục GV. Phòng ĐT phân công cán bộ chuyên trách hỗ trợ NH các công tác liên quan đến học tập, NCKH và các hoạt động phong trào của NH. Đội ngũ NV hỗ trợ của Khoa và cán bộ chuyên trách của Phòng ĐT làm việc giờ hành chính, thậm chí ngoài giờ, tăng ca để hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao nhằm hỗ trợ tốt nhất việc học tập và NCKH của NH [H7.07.01.04].

Khoa CNSH-TP có 01 viên chức chuyên trách công tác trợ lý khoa. Phòng ĐT có cán bộ chuyên trách công tác quản lý học tập và tổ chức lớp học cùng hỗ trợ đặc lực cho Trường và Ban chủ nhiệm Khoa, GV và NH trong các công tác hành chính liên quan đến việc quản lý cũng như việc dạy và học. Ban chủ nhiệm Khoa và cán bộ chuyên trách

có đủ năng lực và trình độ chuyên môn để hoàn thành tốt các hoạt động hỗ trợ này. Bên cạnh đội ngũ CB hỗ trợ, các GV giảng dạy của Khoa và NH còn được hỗ trợ về tài liệu, thông tin thông qua đội ngũ NV kỹ thuật của Trung tâm thông tin Thư viện, NV hỗ trợ từ các phòng ban khác như: Phòng CTCT&QLSV, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL, Phòng ĐT... Các phòng ban được bố trí đủ số lượng CB, đáp ứng được nhu cầu về năng lực và phẩm chất công tác trong các hoạt động hỗ trợ NH trong học tập và nghiên cứu [H7.07.01.05].

Số lượng NV Thư viện của Trường là 02 người. Đội ngũ NV thư viện của Trường có trình độ, chuyên môn nghiệp vụ và trình độ tin học, ngoại ngữ đáp ứng tốt nhu cầu khai thác tài liệu sách báo của người đọc. Thư viện là đơn vị tham mưu giúp lãnh đạo Trường thực hiện công tác quản lý thư viện, triển khai ứng dụng KHCN và tổ chức các hoạt động thu thập, khai thác, lưu trữ cung cấp thông tin tư liệu phục vụ giảng dạy, học tập, ĐT, NCKH của Trường [H7.07.01.06].

Các đơn vị phòng ban hỗ trợ trong Trường có đội ngũ CB đủ trình độ chuyên môn nghiệp vụ và có sự phân công công việc cho từng chuyên viên/NV một cách rõ ràng và chi tiết theo chuyên môn và nghiệp vụ của từng chuyên viên/NV. Đội ngũ NV hỗ trợ của Trường đáp ứng được yêu cầu ĐT, NCKH và đáp ứng được nhu cầu của PVCĐ [H7.07.01.07].

Để đánh giá khả năng đáp ứng nhu cầu của đội ngũ CB hỗ trợ, hằng năm Trường tiến hành khảo sát lấy ý kiến đánh giá hoạt động hỗ trợ của đội ngũ CB, NV từ GV và NH. Kết quả khảo sát sự hài lòng của GV và NH về các dịch vụ hỗ trợ SV thể hiện ở **bảng 7.1.1**, trong đó dịch vụ được đánh giá cao nhất là các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH cũng như hệ thống giám sát NH được triển khai đáp ứng nhu cầu của các BLQ [H7.07.01.08].

Bảng 7.1.1 Kết quả khảo sát sự hài lòng của GV và NH về các dịch vụ hỗ trợ SV năm 2022 - 2023

TT	Tiêu chí đánh giá	Hài lòng và Rất hài lòng (%)	
		Đánh giá của GV	Đánh giá của NH
1	Các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến đáp ứng các nhu cầu về ĐT, NCKH và PVCĐ	76	59
2	Số lượng nhân viên làm việc tại thư viện đảm bảo về chất lượng đáp ứng nhu cầu về ĐT, NCKH và các hoạt động PVCĐ	69	60,6
3	Số lượng nhân viên làm việc tại phòng thí nghiệm	75	63,9

TT	Tiêu chí đánh giá	Hài lòng và Rất hài lòng (%)	
		Đánh giá của GV	Đánh giá của NH
	đảm bảo về chất lượng đáp ứng nhu cầu về ĐT, NCKH và các hoạt động PVCD		
4	Số lượng nhân viên làm việc tại hệ thống công nghệ thông tin đảm bảo về chất lượng đáp ứng nhu cầu về ĐT, NCKH và các hoạt động PVCD	73	63,1
5	Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng đảm bảo đầy đủ trang thiết bị, hệ thống chiếu sáng, thông gió, an toàn và phù hợp hỗ trợ các hoạt động ĐT và nghiên cứu phục vụ CTĐT	82	62,2
6	Thư viện, phòng đọc phục vụ tốt hoạt động ĐT và nghiên cứu của CTĐT	75	62,4
7	Thư viện, phòng đọc được trang bị các trang thiết bị để hoạt động	69	61,9
8	Học liệu của thư viện (<i>giáo trình, tài liệu, sách tham khảo bản cứng/bản mềm</i>) bảo đảm quy định về sở hữu trí tuệ và phù hợp để hỗ trợ các hoạt động ĐT và nghiên cứu	69	62,7
9	Phòng thực hành, thí nghiệm đáp ứng các nhu cầu về ĐT, NCKH và PVCD	78	62,5
10	Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH cũng như hệ thống giám sát NH được triển khai đáp ứng nhu cầu của các BLQ	85	67,1

Trường đã thực hiện xây dựng Đề án vị trí việc làm, có kế hoạch triển khai nhằm đáp ứng nhu cầu về ĐT, NCKH và các hoạt động PVCD. Đề án vị trí việc làm được phê duyệt, Trường đã xây dựng đội ngũ đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng ĐT, NCKH và hội nhập quốc tế nhằm đáp ứng nhu cầu về ĐT, NCKH và các hoạt động PVCD.

Bên cạnh đó, việc quy hoạch đội ngũ NV (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về ĐT, NCKH và các hoạt động PVCD thông qua chính sách thu hút, tuyển chọn, phát triển đội ngũ [H7.07.01.03], [H7.07.01.08].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ NV cấp Trường có trình độ và kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ phù hợp với yêu cầu của từng chức danh và vị trí công việc tại các phòng ban. Mức độ

đáp ứng yêu cầu công việc của NV không ngừng được hoàn thiện nhờ công tác tập huấn, ĐT, bồi dưỡng thường xuyên. Việc giải đáp thắc mắc của SV được thực hiện tích cực bởi đội ngũ NV, giúp SV học tập và rèn luyện tốt hơn.

3. Điểm tồn tại

Công tác quy hoạch đội ngũ NV tuy đã được triển khai nhưng việc rà soát quy hoạch đội ngũ NV chưa được thực hiện thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

4.1. Phát huy điểm mạnh:

Trường tiếp tục đẩy mạnh đội ngũ CB thư viện, CNTT và các bộ phận dịch vụ hỗ trợ NH thành thạo nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu thực hiện CTĐT ngành.

4.2. Khắc phục tồn tại:

Tháng 01 năm 2025, Phòng TCHC phối hợp với các đơn vị để rà soát đề án vị trí việc làm và thực hiện quy hoạch đội ngũ NV nhằm có những điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phù hợp.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai

1. Mô tả hiện trạng

Trường có quy định về việc tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV. Nhằm đảm bảo chất lượng của công tác tuyển dụng, Trường ban hành nhiều văn bản cụ thể, chi tiết quy định về các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn đội ngũ NV. Theo đó, đội ngũ NV của Trường phải đáp ứng được các tiêu chí về phẩm chất chính trị và đạo đức tốt, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhiệm công tác ĐT, NCKH và các hoạt động khác. Cụ thể, theo Quyết định 418/QĐ-ĐHKTCN ngày 31 tháng 12 năm 2016 ban hành Quy định tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức Trường ĐHKTCNCT quy định điều kiện chung của người đăng ký dự tuyển bao gồm các tiêu chí như sau: có quốc tịch Việt Nam và cư trú tại Việt Nam; từ đủ 18 tuổi trở lên; có đơn đăng ký dự tuyển; có lý lịch rõ ràng; có văn bằng, chứng chỉ đào tạo, chứng chỉ hành nghề hoặc có năng khiếu, kỹ năng phù hợp với vị trí việc làm; đủ sức khỏe để thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ. Đối với các chức danh cụ thể như khối CB quản lý cao cấp, khối cán bộ quản lý học vụ - đào tạo, khối GV, khối CB quản lý hành chính, khối trợ lý - thư ký - giáo vụ,... Trường quy định những tiêu chí tuyển dụng riêng nhằm đảm bảo tuyển dụng nguồn nhân lực phù hợp với chuyên môn và yêu cầu của vị trí, công việc. Ngoài ra, quy trình tuyển dụng cũng được thể hiện cụ thể trong Quyết định số 70/QĐ-ĐHKTCN ngày 14 tháng 02 năm 2023 về việc phê duyệt Danh mục vị trí việc làm của Trường ĐHKTCNCT, đội ngũ NV được Phòng TCHC tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển đúng theo tiêu chí và trình tự, thủ tục được thể hiện trong những quy định đã được ban hành.

Đội ngũ NV được Phòng TCHC tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển đúng theo tiêu chí và trình tự, thủ tục được thể hiện trong những quy định đã được ban hành. Theo đó, NV Khoa CNSH-TP đáp ứng các tiêu chí trong văn bản Quy định tuyển dụng nói trên và được tuyển dụng theo quy trình chặt chẽ (quy trình tuyển dụng gồm 3 vòng như sau: gặp gỡ phòng ĐT, tiếp xúc khoa chuyên môn, làm việc với phòng TCHC). Trường đã ban hành Quy định về tiêu chuẩn và quy trình về công tác CB của Trường ĐHKTCNCT nhằm giúp NV nắm rõ được các quy định về việc tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV, trách nhiệm và quyền lợi của mình, để từ đó hoàn thành tốt công việc hỗ trợ ĐT, NCKH và PVCĐ. Qua đó, đội ngũ NV của Trường và Khoa được tuyển dụng, bổ nhiệm và điều chuyển theo đúng các kế hoạch tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV của Trường với quy trình chặt chẽ, đảm bảo chất lượng và đảm bảo phù hợp với vị trí công việc [H7.07.02.01], [H7.07.02.02], [H7.07.02.03]. Khoa có 05 NV phòng thí nghiệm, 06 NV hành chính.

Bảng 7.2.1. Số lượng NV của Khoa CNSH-TP tính đến tháng 12/2023

Cán bộ phục vụ	Trình độ cao nhất đạt được				Tổng số
	THPT	ĐH	Thạc sĩ	Tiến sĩ	
NV thư viện	0	02	0	0	02
NV CNTT	0	0	05	0	05
NV hành chính	0	01	05	0	06
NV hỗ trợ NH	0	0	05	0	05
Tổng số	0	03	15	0	18

Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV được xác định rõ ràng trên cơ sở phân tích, khảo sát nhu cầu và ý kiến góp ý của các BLQ. Đối với từng nhóm NV, các tiêu chí tuyển dụng được quy định cụ thể trong bản mô tả công việc như sau [H7.07.02.04]:

i) *Chức danh thuộc Khối CB quản lý cao cấp (trừ chức danh Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng), Khối CB quản lý học vụ, ĐT, Khối GV*: Có phẩm chất đạo đức tốt, có chuyên môn phù hợp nhu cầu từng vị trí (có giới hạn về độ tuổi), có trình độ tiếng Anh, tin học, sức khỏe đáp ứng yêu cầu công việc.

ii) *Chức danh CB, NV các phòng, ban khác thuộc khối hành chính*: Có phẩm chất đạo đức tốt, năng lực chuyên môn phù hợp với vị trí công việc, trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu công việc, kinh nghiệm quản lý, thái độ tích cực và cầu tiến...

iii) *Chức danh NV giáo vụ, hỗ trợ của Khoa*: Có trình độ từ ĐH trở lên, có kiến thức, siêng năng cần cù, vui vẻ hòa nhã, biết lắng nghe, có lập trường về chính trị, thái độ tích cực và cầu tiến...

iv) *Chức danh NV phòng thực hành nghề của Khoa CNSH-TP*: Có trình độ từ ĐH trở lên, có kiến thức cơ bản đến chuyên sâu về sinh học, hóa học, công nghệ thực

phẩm, vật liệu, thiết bị hóa học... có kỹ năng thí nghiệm, phân tích dữ liệu và ứng dụng các phần mềm để hỗ trợ phân tích [H7.07.02.05].

Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV nói trên được xây dựng trên cơ sở phân tích, khảo sát nhu cầu và ý kiến góp ý của các BLQ nhằm đảm bảo tính thiết thực và hiệu quả của các vị trí việc làm [H7.07.02.06]. Việc tuyển dụng, điều chuyển, bổ nhiệm NV được thực hiện theo đúng Nội quy lao động của Trường phù hợp với quy định pháp luật [H7.07.02.07]; được phổ biến tới toàn thể CB, GV, NV và được công khai bằng nhiều hình thức trong đó bao gồm cả trên trang thông tin điện tử của Trường và Khoa nhằm đảm bảo quyền lợi cho NV. Ngoài ra, nhằm hỗ trợ cho công tác tìm kiếm nguồn nhân lực chất lượng Trường, căn cứ vào Chiến lược phát triển của Trường và Khoa, các tiêu chí tuyển dụng còn được phổ biến công khai ở quy mô lớn trên trang thông tin điện tử của Trường và trên các phương tiện thông tin đại chúng như website của Phòng TCHC và Khoa CNSH-TP [H7.07.02.08].

Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm và điều chuyển được xác định dựa trên ý kiến của các BLQ [H7.07.02.09].

2. Điểm mạnh

Tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn NV để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định rõ ràng trong quy định, được công bố và phổ biến rộng rãi. Các tiêu chí tuyển dụng NV được điều chỉnh kịp thời, cập nhật thường xuyên để phù hợp với nhu cầu thực tế.

3. Điểm tồn tại

Tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn NV để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định rõ ràng trong quy định, nhưng chưa cụ thể hóa về số lượng. Hoạt động đánh giá hiệu quả của công tác bổ nhiệm, điều chuyển chưa được thực hiện thường xuyên để kịp thời điều chỉnh. Ngoài ra, chi tiết các quy định về DT đối với CB nằm trong quy hoạch chưa được công khai rộng rãi trong toàn bộ viên chức GV.

4. Kế hoạch hành động

4.1. Phát huy điểm mạnh:

Trường tiếp tục đẩy mạnh công tác phổ biến công khai các tiêu chí tuyển chọn NV để bổ nhiệm, điều chuyển rộng rãi trên các kênh thông tin đại chúng và thời gian đăng tuyển dài hơn.

4.2. Khắc phục tồn tại:

Tháng 04 năm 2025, Trường cần tập trung vào những giải pháp: (1) Trong các văn bản quy định về công tác CB được điều chuyển nên được lượng hóa cụ thể hơn và thường xuyên đánh giá hiệu quả của công tác bổ nhiệm, điều chuyển; (2) Cần công khai những quy định về DT đối với CB nằm trong quy hoạch để những CB còn lại có hướng tiếp cận và DT bản thân phù hợp với yêu cầu luân chuyển, bổ nhiệm.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ NV được xác định và được đánh giá

1. Mô tả hiện trạng

Khoa CNSH-TP và các Phòng ban xác định và đánh giá năng lực của đội ngũ NV/CB hỗ trợ theo chất lượng công việc, trình tự từ cấp Bộ môn, cấp Khoa/Trung tâm đến cấp Trường theo các thông báo hướng dẫn về việc xét thi đua khen thưởng hàng năm và Quyết định ban hành quy định tiêu chuẩn, chế độ làm việc và nghỉ ngơi đối với viên chức và người lao động (VC&NLĐ) thuộc Trường đối với công chức viên chức [H7.07.03.01]. Bên cạnh đó, năng lực của đội ngũ NV được xác định và được đánh giá thông qua Bảng phân công công việc của đội ngũ NV [H7.07.03.02]. Để làm được việc đó đòi hỏi sự đáp ứng về năng lực của đội ngũ CB hỗ trợ để giúp GV và NH hoàn thành nhiệm vụ của mình. Các CB hỗ trợ được quản lý thông qua bằng cấp và lý lịch viên chức được cập nhật hằng năm [H7.07.03.03].

Hằng năm, năng lực của đội ngũ NV được đánh giá thông qua Bảng tiêu chí năng lực của đội ngũ NV [H7.07.03.04]. Trong đó, phản ánh rõ chuyên môn, quá trình công tác và quá trình tự học nâng cao trình độ bằng biểu mẫu tự nhận xét cuối năm của viên chức hành chính [H7.07.03.05].

Kết quả đánh giá được phổ biến cho tất cả CB NV. Dựa vào đánh giá hàng tháng và kết quả công tác trong năm học, CB hỗ trợ của Khoa được đánh giá phân loại hằng năm nhằm làm rõ ưu điểm, khuyết điểm, mặt mạnh, mặt yếu về tư tưởng, phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao. Việc đánh giá có tiêu chí rõ ràng và cụ thể, các cá nhân đạt thành tích sẽ có Quyết định công nhận các danh hiệu thi đua, khen thưởng do Hiệu trưởng tặng cho tập thể và các cá nhân [H7.07.03.06]. Quy trình đánh giá CB hỗ trợ cuối năm được thực hiện như sau: (i) Làm báo cáo tự đánh giá kết quả công tác theo nhiệm vụ được giao; (ii) Quyết định đánh giá, phân loại của trường đơn vị; (iii) Đánh giá ở Hội đồng cấp đơn vị; (iv) Đánh giá ở Hội đồng cấp Trường.

Bảng 7.3.1. Tổng hợp kết quả đánh giá NV hỗ trợ tại Trường

Năm học	Tổng số NV	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	Hoàn thành nhiệm vụ	Không xét
2018-2019	58	10	48	0	0
2019-2020	59	9	47	1	2
2020-2021	40	9	27	0	4
2021-2022	36	8	28	0	0
2022-2023	81	16	62	0	3

Kế hoạch đánh giá năng lực của đội ngũ NV (tự đánh giá, cấp trên đánh giá, đồng nghiệp đánh giá) được Trường phổ biến và công khai trước kết thúc mỗi năm học. Kết quả đánh giá CB hỗ trợ của Khoa đều đạt mức hoàn thành tốt và hoàn thành xuất sắc

nhiệm vụ được giao. Điều đó cho thấy đội ngũ CB hỗ trợ của Khoa hoàn toàn đáp ứng được các công việc được giao.

2. Điểm mạnh

Trường đã có quy trình, phương pháp, công cụ, tiêu chí rõ ràng để đánh giá năng lực của đội ngũ NV. Hoạt động đánh giá và phân loại đội ngũ CB hỗ trợ của Khoa đảm bảo chính xác, công bằng, công khai và phù hợp với quy định của Trường.

3. Điểm tồn tại

Năng lực chuyên môn, ngoại ngữ, tin học của CB hỗ trợ ở các đơn vị chưa đồng đều. Mức hài lòng chung của toàn trường chưa cao.

4. Kế hoạch hành động

4.1. Phát huy điểm mạnh:

Hàng năm vào đầu năm học, Trường tiếp tục điều chỉnh, bổ sung đầy đủ các tiêu chuẩn nhằm đánh giá, phân loại đội ngũ CB hỗ trợ, có chế độ khen thưởng CB, NV hoàn thành tốt nhiệm vụ. Chính sách DT, nâng cao năng lực của đội ngũ NV về chuyên môn, ngoại ngữ, tin học để đáp ứng CV hỗ trợ NH tốt hơn.

4.2. Khắc phục tồn tại:

Hàng năm vào đầu năm học, Khoa đề xuất Trường tiếp tục có các hoạt động rà soát, đánh giá năng lực của đội ngũ NV và có chính sách khuyến khích NV tự trau dồi, nâng cao năng lực.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Mô tả hiện trạng

Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực là các hoạt động để duy trì và nâng cao chất lượng đội ngũ CB, NV, là điều kiện quyết định để Trường thực hiện tốt công tác DT và các hoạt động của Trường. Nhu cầu về DT và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của NV được xác định, Trường và Khoa khuyến khích và tạo điều kiện cho CB hỗ trợ được đi học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ với sự hỗ trợ về thời gian và kinh phí được quy định cụ thể trong văn bản Quy định về DTBD của Trường [H7.07.04.01].

Bảng 7.4.1. Thống kê số lượt NV hỗ trợ của Khoa CNSH-TP được tập huấn, bồi dưỡng, học tập nâng cao trình độ

TT	Nội dung đào tạo	Số lượt CB tham dự					
		2018	2019	2020	2021	2022	2023*
1	Huấn luyện tự vệ cơ quan	-	-	1	-	-	-
2	Tập huấn sáng kiến	-	-	1	-	-	-
3	Hội thảo tập huấn “Đánh giá chất lượng chương trình	-	-	-	-	-	1

TT	Nội dung đào tạo	Số lượt CB tham dự					
		2018	2019	2020	2021	2022	2023*
	đào tạo”						
4	Đào tạo trình độ thạc sĩ	-	-	-	-	-	1

* Năm 2023 tính đến tháng 6

Trong giai đoạn đánh giá, Trường đã tổ chức khóa bồi dưỡng, tập huấn cho toàn bộ các VC và NLD như nghiệp vụ soạn thảo văn bản hành chính, an toàn lao động, kiến thức quốc phòng-an ninh, tập huấn GV dạy kỹ năng mềm, tổ chức các lớp bồi dưỡng ngạch chuyên viên, tổ chức các khóa tập huấn về ĐBCL và có 25 CB hỗ trợ tham gia [H7.07.04.02].

Việc ĐT và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ CB hỗ trợ được Trường thực hiện có kế hoạch và được xác định rõ ràng. Kế hoạch của Trường được hoạch định dựa vào kế hoạch ĐT từ các phòng, khoa và trung tâm [H7.07.04.03], các kết quả ĐTBĐ [H7.07.04.04], danh sách nhân sự thuộc diện quy hoạch [H7.07.04.05]; báo cáo khảo sát nhu cầu học tập bồi dưỡng, nâng cao trình độ của CB, VC, NLD của Trường [H7.07.04.06].

Sau khi thống kê, Trường có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó như các thông báo/kế hoạch về tổ chức bồi dưỡng. Các lĩnh vực nâng cao bồi dưỡng được xác định gồm: lý luận chính trị, bồi dưỡng chuyên môn, ngoại ngữ và tin học,... Khoa và Trường đã có các hoạt động triển khai để đáp ứng những nhu cầu đó. Các quyết định cử CB tham dự ĐT được gửi đến Khoa và các phòng ban để theo dõi, đánh giá việc ĐT [H7.07.04.07].

Định kỳ giữa năm và cuối năm, người được cử đi học sẽ báo cáo kết quả ĐT cho Trường để giám sát và có biện pháp kịp thời xử lý. CB NV được cử đi học tập nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ có trách nhiệm hoàn thành nhiệm vụ học tập và áp dụng vào công tác hàng năm đều được Trường và Khoa thống kê [H7.07.04.08].

2. Điểm mạnh

Trường có các kế hoạch để đánh giá nhu cầu về ĐTBĐ và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ NV. Công tác ĐTBĐ NV luôn được Trường đầu tư và quan tâm. Bên cạnh CB hỗ trợ của Khoa, còn có đội ngũ kỹ thuật viên, NV của Trường đảm bảo đủ về số lượng, có năng lực chuyên môn phù hợp, hỗ trợ có hiệu quả cho việc giảng dạy, học tập và NCKH tại trường.

3. Điểm tồn tại

Chưa khảo sát việc áp dụng các nội dung được tập huấn vào công việc của NV.

4. Kế hoạch hành động

4.1. Phát huy điểm mạnh:

Trường tiếp tục giám sát, đánh giá hiệu quả của các loại hình ĐTBĐ và phát triển

chuyên môn, nghiệp vụ, các buổi tập huấn, tọa đàm, chuyên đề, phân tích, đối sánh mức độ tham dự để đánh giá, cải tiến.

4.2. Khắc phục tồn tại:

Tháng 01 năm 2025, Khoa đề xuất Trường có kế hoạch khảo sát việc áp dụng các nội dung tập huấn vào công việc của NV sau các đợt tập huấn.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Trường có quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với NV và quy định về việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV, trong đó có các quy định về khen thưởng và công nhận nhằm đảm bảo công việc được thực hiện đúng tiến độ, hiệu quả và khuyến khích đội ngũ NV tích cực thi đua, làm việc, gồm: nội quy lao động quy định chi tiết về kỷ luật lao động, quy định về việc thực hiện báo cáo công việc hàng tuần, đánh giá công việc hàng tháng theo các tiêu chí để quản trị công việc của đội ngũ NV [H7.07.05.01], [H7.07.05.02].

Trường đã xây dựng hệ thống quản lý hành chính điện tử Egov trong đó thể hiện rõ khối lượng, tiến độ, thời gian hoàn thành, các nguồn lực cần thiết... qua đó giúp Phòng TCHC tổng hợp, giám sát, đánh giá các hoạt động trong công việc của đội ngũ NV. Đồng thời, Trường có quy định về khen thưởng và công nhận đối với những NV hoàn thành tốt nhiệm vụ cụ thể trong Bản mô tả vị trí công việc [H7.07.05.03], [H7.07.05.04].

Bảng 7.5.1. Tổng hợp thành tích của NV hỗ trợ của Khoa CNSH-TP

Năm	Tổng số NV	Lao động tiên tiến	Chiến sĩ thi đua cơ sở	Nâng lương trước hạn	Kỷ niệm chương vì sự nghiệp giáo dục
2019	4	4	0	0	0
2020	3	3	0	0	0
2021	2	2	0	0	0
2022	1	1	1	0	0
2023	11	10	1	0	0

Trường có triển khai việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV bằng nhiều biện pháp như: đội ngũ thanh tra tiến hành kiểm tra, giám sát việc nghiêm túc chấp hành Nội quy lao động, việc tổ chức, thực hiện nhiệm vụ được phân công; thư ký, giáo vụ Khoa phải báo cáo hàng tuần, hàng tháng về cho Trường về tiến độ hoàn thành công việc. Trường còn có cơ chế Khen thưởng đột xuất, cụ thể như sau: i) Thi đua - Khen thưởng dành cho các cá nhân và tập thể đạt thành tích tốt trong

năm học (Tập thể lao động xuất sắc/Tiên tiến, Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, Bằng khen các cấp...); ii) Khen thưởng đột xuất những cá nhân có thành tích nổi bật trong công tác và đạt thành tích tốt trong công tác thực hiện Mục tiêu chất lượng năm học [H7.07.05.05].

Tất cả NV có kế hoạch cụ thể trong đó thể hiện rõ khối lượng, tiến độ, thời gian hoàn thành, các nguồn lực cần thiết để thuận tiện cho việc theo dõi, giám sát tạo động lực hỗ trợ ĐT, NCKH và PVCĐ. Căn cứ vào những quy định của Trường về khối lượng công việc cụ thể đối với đội ngũ NV, các NV sẽ tự xây dựng kế hoạch, tiến độ hoàn thành công việc cho mình. Khi tiến độ công việc được thể hiện chi tiết, rõ ràng, NV sẽ có định hướng tốt hơn để hoàn thành công việc; ngoài ra, đó cũng là cơ sở tạo điều kiện cho cấp quản lý có thể theo dõi, đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV. Từ đó, mỗi NV nghiêm túc thực hiện đúng kế hoạch theo nhiệm vụ của mình. Việc thực hiện các nhiệm vụ này được theo dõi, giám sát và đánh giá thông qua các báo cáo, biên bản. Việc quản trị theo các hoạt động PVCĐ được thực hiện theo quy định quản lý và hướng dẫn thực hiện các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ cộng đồng ban hành theo Quyết định số 562/QĐ-ĐHKTCN ngày 31 tháng 12 năm 2018 [H7.07.05.06].

Để tất cả NV được tham gia xây dựng, góp ý trong quá trình xây dựng quy định đánh giá hiệu quả công việc, Trường cũng ban hành Quy chế dân chủ tại Trường theo quy định của pháp luật, do đó tất cả NV và GV làm việc tại Trường đều được quyền giám sát, kiểm tra, đánh giá, phổ biến và góp ý trực tiếp (tổ chức họp lấy ý kiến) hoặc gián tiếp khi xây dựng, ban hành các quy định, tiêu chí, quy trình trước khi áp dụng tại trường; ngăn chặn các biểu hiện tiêu cực, thực hiện nhiệm vụ giáo dục theo mục tiêu, định hướng giáo dục đã đề ra; ngăn chặn và chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, phiền hà, sách nhiễu người học, gia đình SV và các đối tượng khác.

Trong giai đoạn 2018 - 2023, NV hài lòng về việc quản trị theo kết quả công việc đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của Trường và các cấp có thẩm quyền [H7.07.05.07]. Không có trường hợp nào khiếu nại về kết quả đánh giá hoặc xét thi đua khen thưởng. Hơn nữa, sự công nhận và khen thưởng hằng năm được triển khai chính là động lực cho cán bộ hỗ trợ tích cực hơn trong công tác. Đồng thời, các quy định/Quy chế của Trường luôn được lấy ý kiến rộng rãi trong toàn bộ CB, NV.

2. Điểm mạnh

Các quy định của Trường về đánh giá, quản lý NV được quy định rõ ràng, công khai và có ghi nhận ý kiến đóng góp của người lao động. NV được tham gia đóng góp ý kiến trong quá trình xây dựng tiêu chí đánh giá của Trường.

3. Điểm tồn tại

Lịch công tác hàng tuần của đội ngũ NV chưa cụ thể nên gây khó khăn trong việc giám sát. Chưa có báo cáo công việc hàng tuần để nâng cao hiệu quả công việc.

4. Kế hoạch hành động

4.1. *Phát huy điểm mạnh:*

Trường tiếp tục nâng cao công tác quản lý CB hỗ trợ có sự phân công công việc cụ thể, rõ ràng.

4.2. *Khắc phục tồn tại:*

Tháng 01 năm 2025 Khoa đề xuất Trường đưa ra các yêu cầu cụ thể hơn để lịch công tác hàng tuần của đội ngũ nhân viên rõ ràng và chi tiết hơn, thuận lợi cho công tác giám sát, quản lý.

5. *Tự đánh giá:* Đạt (5/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 7:

Những điểm mạnh nổi bật: Đội ngũ NV cấp Trường có trình độ và kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ phù hợp với yêu cầu của từng chức danh và vị trí công việc tại các phòng ban. Mức độ đáp ứng yêu cầu công việc của NV không ngừng được hoàn thiện nhờ công tác tập huấn, ĐTBĐ thường xuyên. Việc giải đáp thắc mắc của SV được thực hiện tích cực bởi đội ngũ NV, giúp SV học tập và rèn luyện tốt hơn. Tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn NV để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định rõ ràng trong quy định, được công bố và phổ biến rộng rãi. Các tiêu chí tuyển dụng NV được điều chỉnh kịp thời, cập nhật thường xuyên để phù hợp với nhu cầu thực tế. Trường đã có quy trình, phương pháp, công cụ, tiêu chí rõ ràng để đánh giá năng lực của đội ngũ NV. Hoạt động đánh giá và phân loại đội ngũ CB hỗ trợ của Khoa đảm bảo chính xác, công bằng, công khai và phù hợp với quy định của Trường. Trường có các kế hoạch để đánh giá nhu cầu về ĐTBĐ và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ NV. Công tác ĐTBĐ NV luôn được Trường đầu tư và quan tâm. Bên cạnh CB hỗ trợ của Khoa, còn có đội ngũ kỹ thuật viên, NV của Trường đảm bảo đủ về số lượng, có năng lực chuyên môn phù hợp, hỗ trợ có hiệu quả cho việc giảng dạy, học tập và NCKH tại trường. Các quy định của Trường về đánh giá, quản lý NV được quy định rõ ràng, công khai và có ghi nhận ý kiến đóng góp của người lao động. NV được tham gia đóng góp ý kiến trong quá trình xây dựng tiêu chí đánh giá của Trường.

Những tồn tại cơ bản: Công tác quy hoạch đội ngũ NV tuy đã được triển khai nhưng việc rà soát quy hoạch đội ngũ NV chưa được thực hiện thường xuyên. Tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn NV để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định rõ ràng trong quy định, nhưng chưa cụ thể hóa về số lượng. Hoạt động đánh giá hiệu quả của công tác bổ nhiệm, điều chuyển chưa được thực hiện thường xuyên để kịp thời điều chỉnh. Ngoài ra, chi tiết các quy định về DT đối với CB nằm trong quy hoạch chưa được công khai rộng rãi trong toàn bộ viên chức GV. Năng lực chuyên môn, ngoại ngữ, tin học của CB hỗ trợ ở các đơn vị chưa đồng đều. Mức hài lòng chung của toàn trường chưa cao. Chưa khảo sát việc áp dụng các nội dung được tập huấn vào công việc của NV. Lịch công tác

hàng tuần của đội ngũ NV chưa cụ thể nên gây khó khăn trong việc giám sát. Chưa có báo cáo công việc hàng tuần để nâng cao hiệu quả công việc.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn: Điểm trung bình của tiêu chuẩn đạt: 5,00 điểm. Số tiêu chí đạt: 5/5. Tỷ lệ số tiêu chí đạt: 100%.

Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Mở đầu: Trường ĐHKTCNCT nhận định chất lượng của NH là yếu tố quyết định tới sự phát triển của Trường và chất lượng của CTĐT. Với mục đích ĐT nguồn nhân lực ngành CNSH, Khoa CNSH-TP, Trường ĐHKTCNCT luôn xác định NH và hoạt động hỗ trợ NH là trọng tâm trong việc tổ chức và thực hiện hoạt động của Khoa. Trường và Khoa đã xây dựng và từng bước cải tiến công tác tuyển sinh, nâng cao hoạt động quản lý hoạt động học tập và rèn luyện của NH, đẩy mạnh hoạt động hỗ trợ NH, tạo môi trường học tập thân thiện, tích cực, năng động.

Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật

1. Mô tả hiện trạng

Giai đoạn 2018 - 2023, Trường ban hành chính sách và quy định tuyển sinh rõ ràng thông qua đề án tuyển sinh hằng năm [H08.08.01.01]. Trường ĐHKTCNCT xây dựng đề án tuyển sinh dựa trên chính sách tuyển sinh, tổ chức thi và xét tuyển người học theo quy chế tuyển sinh ĐH hàng năm của Bộ GD&ĐT, thông tin tuyển sinh của hai năm gần nhất và dựa vào quy mô nhân sự của Khoa CNSH-TP. Ngoài ra, Trường lập Kế hoạch tuyển sinh của Trường, Kế hoạch tuyển sinh của Khoa thực hiện các chính sách và quy định tuyển sinh theo đúng theo các quy định của Bộ GD&ĐT [H8.08.01.02]. Qua biên bản họp tổng kết kết quả tuyển sinh, phần lớn NH của Khoa CNSH-TP được xét tuyển thông qua 2 hình thức chính là: xét điểm từ kỳ thi THPT Quốc gia và điểm từ xét học bạ THPT. Chế độ ưu tiên trong tuyển sinh ngành CNSH (điểm, đối tượng ưu tiên..) được thực hiện theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT [H8.08.01.03].

Ngoài ra, Trường ra thông báo công bố công khai chính sách và quy định tuyển sinh như đối tượng, quy trình thi, xét tuyển, đánh giá đầu vào, đối tượng thi tuyển, xét tuyển, đối tượng ưu tiên trên website tuyển sinh của Trường, tờ rơi tuyển sinh, cẩm nang tuyển sinh [H8.08.01.04]. Thông qua các cuộc họp Hội đồng tuyển sinh, thống nhất điểm trúng tuyển Đại học hằng năm và điểm trúng tuyển được cập nhật trên website tuyển sinh của Trường.

Trường thực hiện chính sách tuyển sinh có sự góp ý của các BLQ và phân tích nhu cầu nhân lực, được cập nhật hằng năm. Dựa trên báo cáo phân tích và dự báo ngành ĐT cung cấp nguồn nhân lực thành phố Cần Thơ và vùng Đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2020 - 2025, đến 2030, Trường đã thực hiện khảo sát lấy ý kiến các BLQ để đánh giá nhu cầu thị trường lao động liên quan đến ngành CNSH với đối tượng người khảo

sát có trình độ chuyên môn từ trung cấp (0,67%) đến sau ĐH (6,67%). Kết quả phân tích cho thấy phần lớn người được khảo sát nhận định rằng 22 ngành ĐT, trong đó có ngành CNSH là rất cần thiết (chiếm 81,8%) và cần thiết chiếm 18,2%. Ngoài ra với kết quả khảo sát về cơ hội việc làm của SV sau tốt nghiệp cho thấy có 82,6% đơn vị có nhu cầu tuyển dụng SV tốt nghiệp ĐH. Bên cạnh đó, Trường còn xây dựng kế hoạch tham gia các chương trình tư vấn tuyển sinh và hướng nghiệp thông qua các kênh như Báo Tuổi trẻ, Báo Thanh niên, tham gia tư vấn tuyển sinh với các trường THPT tại thành phố Cần Thơ và các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long nhằm nắm bắt nhu cầu nhân lực cho thị trường lao động [H08.08.01.05].

Qua các biên bản lấy ý kiến của các BLQ hằng năm, hội đồng tuyển sinh đã xây dựng và rà soát, đánh giá chính sách tuyển sinh và tiêu chí, phương pháp tuyển chọn NH từ năm 2018-2023. Về phía khoa CNSH-TP, thông qua các buổi họp khoa hằng năm, các ý kiến của GV của Khoa về xây dựng và rà soát, đánh giá chính sách tuyển sinh của Khoa và tiêu chí, phương pháp tuyển chọn NH ngành CNSH đều được ghi nhận ở các biên bản họp khoa [H8.08.01.06].

Hằng năm, Trường cũng phối hợp với các Khoa tổng hợp ý kiến đề xuất về các tổ hợp môn xét tuyển, các ngành học tại Trường và thực hiện báo cáo công tác tuyển sinh [H8.08.01.07]. Hiện nay, Trường thực hiện tuyển sinh theo 4 phương thức như sau: xét tuyển thí sinh theo kết quả điểm thi tốt nghiệp THPT theo các tổ hợp môn xét tuyển từng ngành học; xét tuyển học bạ THPT các năm; xét tuyển thí sinh theo kết quả điểm bài thi đánh giá năng lực ĐH Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh; xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh ĐH của Bộ GD&ĐT. Hình thức xét tuyển và điểm tuyển sinh ngành CNSH qua các năm từ 2018 - 2023 được tổng hợp ở **bảng 8.1.1**. Bên cạnh đó, số lượng chỉ tiêu tuyển sinh và số thí sinh trúng tuyển cũng như số lượng NH nhập học của ngành CNSH từ năm 2018 - 2023 cũng được thống kê và tổng hợp ở **bảng 8.1.2**.

Bảng 8.1.1 Hình thức xét tuyển và điểm tuyển sinh ngành CNSH qua các năm từ 2018 - 2023

Phương thức tuyển sinh	Điểm từ kỳ thi THPT Quốc gia	Điểm từ xét học bạ (TB 3 môn tổ hợp)	Đánh giá năng lực
Năm 2018 - 2019	13	-	-
Năm 2019 - 2020	13,5	18	-
Năm 2020 - 2021	16,5	18	-
Năm 2021 - 2022	19,95	18	-
Năm 2022 - 2023	22,05	Xét tuyển sớm 23,15; đợt chung 26,05	Xét tuyển sớm 602,05; đợt chung 602,05
Năm 2023 - 2024	21,5	20,20	735,25

(Nguồn: Đề án tuyển sinh của Trường qua các năm từ 2018 - 2023)

Bảng 8.1.2 Thống kê số lượng chỉ tiêu tuyển sinh và số thí sinh trúng tuyển và số lượng NH nhập học

Năm học	Số lượng chỉ tiêu tuyển sinh ngành CNSH	Số lượng NH nhập học chính thức
Năm 2018 - 2019	60	52
Năm 2019 - 2020	50	35
Năm 2020 - 2021	50	52
Năm 2021 - 2022	60	60
Năm 2022 - 2023	60	53
Năm 2023 - 2024	60	56

(Nguồn: Biên bản tổng kết tuyển sinh của Trường qua các năm từ 2018 - 2023)

2. Điểm mạnh

Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng. Trường sử dụng nhiều phương thức tuyển sinh giúp cho mọi thí sinh dễ dàng tiếp cận thông tin và có nhiều cơ hội trong việc nâng cao trình độ chuyên môn nhằm hỗ trợ trong quá trình làm việc.

3. Điểm tồn tại

Chưa khai thác triệt để thông tin từ các cựu SV và NTD với đối tác thị trường lao động để điều chỉnh các tiêu chuẩn của ngành nghề phù hợp với xu hướng công nghệ, xây dựng kế hoạch tuyển sinh phù hợp với tình hình thực tế.

4. Kế hoạch hành động

4.1. Phát huy điểm mạnh:

Từ năm học 2024 - 2025, Hội đồng tuyển sinh Trường phối hợp với Khoa tăng cường: Quảng bá những hình ảnh về thông tin hoạt động của ngành học đến các đối tượng có liên quan; Liên tục cập nhật bổ sung những thông tin, hình ảnh hoạt động chi tiết của ngành học như hoạt động giảng dạy, sinh hoạt ngoại khóa, thực hành thực tập. Cập nhật, đa dạng hóa các kênh thông tin truyền thông, nhất là qua mạng Internet.

4.2. Khắc phục tồn tại:

Tháng 03 năm 2025, ngoài việc khảo sát nhu cầu nguồn nhân lực của các cựu SV và NTD, Khoa/Trường cần quảng bá rộng rãi thêm thông tin tuyển sinh nhằm tận dụng hiệu quả kênh truyền thông từ các đối tượng này như giới thiệu đầy đủ, chi tiết và tích cực về Khoa. Từ đó, các cựu SV và NTD có sự hiểu biết sâu sắc và ấn tượng tốt về Khoa, chuyên ngành ĐT và họ sẵn sàng truyền thông cho Khoa/Trường.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá

1. Mô tả hiện trạng

Các tiêu chí và phương pháp tuyển sinh được xác định rõ ràng và được kiểm tra,

đánh giá hàng năm để tuyển chọn được NH có được năng lực phù hợp với ngành nghề ĐT. Trường ĐHKTCNCT thực hiện chính sách tuyển sinh, tổ chức thi và xét tuyển NH theo quy chế tuyển sinh ĐH hàng năm của Bộ GD&ĐT [H8.08.02.01]. Các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH được xây dựng theo sứ mệnh của Trường ĐHKTCNCT, phụ thuộc quy mô ĐT của Trường, các thông tin tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất, CSVN cũng như đội ngũ GV của Trường và của Khoa mà đưa ra các yêu cầu về tuyển sinh như đối tượng, phạm vi, phương thức và chỉ tiêu tuyển sinh hằng năm cho ngành CNSH trong đề án tuyển sinh hằng năm [H8.08.02.02]. Từ đó Trường phân công nhiệm vụ, lịch trình về thời gian và tổ chức thực hiện thông qua các kế hoạch tuyển sinh hằng năm [H8.08.02.03]. Qua các cuộc họp Hội đồng tuyển sinh, thống nhất điểm trúng tuyển Đại học hằng năm và điểm trúng tuyển, cuối đợt xét tuyển Phòng ĐT thực hiện báo cáo tổng kết kết quả tuyển sinh các năm [H8.08.02.04].

Bên cạnh đó, hằng năm Trường tổ chức xây dựng, rà soát tiêu chí, phương pháp tuyển chọn NH thông qua các biên bản họp của Hội đồng tuyển sinh để lấy ý kiến các BLQ nhằm làm cơ sở điều chỉnh các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH được phù hợp hơn, công bằng và dân chủ và biên bản họp Khoa CNSH-TP về tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH cho ngành CNSH hằng năm [H8.08.02.05]. Việc xây dựng và rà soát tiêu chí, tuyển chọn NH cho ngành CNSH hằng năm được khoa CNSH-TP lấy ý kiến từ các GV của khoa tại buổi họp. Cơ sở lựa chọn tiêu chí, tuyển chọn NH cho ngành CNSH cũng được dựa trên đề án tuyển sinh mà Trường đã xây dựng. Sau mỗi đợt tuyển sinh, Hội đồng tuyển sinh Trường có những buổi họp để phân tích đánh giá kết quả tuyển sinh, từ đó đề ra các giải pháp tuyển sinh tốt hơn trong các năm tiếp theo [H8.08.02.06].

2. Điểm mạnh

Trường xác định tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH rõ ràng, khách quan đảm bảo tuân thủ các quy định của Bộ GD&ĐT. Việc đánh giá tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH được tiến hành định kỳ để có những điều chỉnh nâng cao thể mạnh, đồng thời phù hợp với đặc thù của từng ngành ĐT của Trường.

3. Điểm tồn tại

Trường có tổ chức đánh giá NH, tuy nhiên chưa phân tích sâu mối tương quan giữa các tổ hợp xét tuyển và phương thức xét tuyển với số SV thôi học và chất lượng SV năm thứ nhất để làm cơ sở cho điều chỉnh chính sách và cải tiến công tác tuyển sinh.

4. Kế hoạch hành động

4.1. Phát huy điểm mạnh:

Hội đồng tuyển sinh, các bộ phận giúp việc, phối hợp với Khoa bám sát quy chế của Bộ GD&ĐT xác định tiêu chí tuyển sinh linh hoạt, đa dạng sao cho việc chọn lựa được NH phù hợp nhất.

4.2. Khắc phục tồn tại:

Tháng 02 năm 2025, bộ phận tư vấn tuyển sinh và Khoa tổ chức khảo sát thêm ý kiến các BLQ khác là học sinh và phụ huynh về công tác tuyển sinh trong các đợt đi tư vấn tuyển sinh. Trường cần có chính sách rõ ràng hơn để thu hút lượng học sinh giỏi, chú trọng phân tích tương quan giữa các tổ hợp xét tuyển và phương thức xét tuyển với số SV thôi học và chất lượng SV năm thứ nhất để làm cơ sở cho điều chỉnh chính sách và cải tiến công tác tuyển sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học

1. Mô tả hiện trạng

Trường có bộ phận và GV, NV chuyên trách được phân công giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của NH, cảnh báo học vụ nhằm hỗ trợ NH từng bước tiến bộ. Việc giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của NH được phân công cho các phòng ban như Phòng ĐT quản lý KQHT SV, xét tốt nghiệp SV, Phòng CTCT&QLSV quản lý điểm rèn luyện SV [H8.08.03.01]. Ngoài ra, Trường Khoa phân công GV phụ trách công tác CVHT triển khai thực hiện nội dung sinh hoạt CVHT. Mỗi CVHT duy trì lịch sinh hoạt CVHT với NH hàng tháng, đảm bảo thực hiện sinh hoạt CVHT trong một học kỳ để hỗ trợ và tư vấn về quy định và hoạt động của Trường/Khoa, tiến độ CTĐT và giải đáp thắc mắc học vụ của SV. Trường hợp có những vấn đề thắc mắc, kiến nghị của NH cần giải quyết ngay, CVHT tổng hợp báo cáo và gửi tới các đơn vị liên quan để giải quyết kịp thời cho NH. CVHT thực hiện việc giám sát quá trình học tập và rèn luyện của NH để kịp thời tư vấn cho NH thực hiện đúng tiến độ của CTĐT [H8.08.03.02].

Trường ĐHKTCNCT có quy trình/quy định về việc giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, KQHT, khối lượng học tập của NH rõ ràng và được phổ biến cho nắm rõ ngay từ năm thứ nhất trong tuần Sinh hoạt công dân - SV hằng năm [H8.08.03.03]. Năm học đầu tiên, Phòng ĐT và Phòng TT-PC-KT-ĐBCL phối hợp với Khoa tổ chức Tuần sinh hoạt công dân - HSSV để hướng dẫn, tư vấn, hỗ trợ thông tin cho NH trong quá trình học tập tại Trường. NH tham dự Lễ chào đón tân SV do Trường và Khoa tổ chức và được giới thiệu tổng quan về các phòng ban quản lý học tập và rèn luyện của Trường, tổng quan về Khoa, đội ngũ GV cơ hữu của Khoa, CVHT của từng lớp, tổng quan về CTĐT ngành CNSH và phương pháp học tập ở môi trường ĐH, xác định được kế hoạch học tập phù hợp để hoàn thành khối lượng học tập cần thiết trong từng năm học [H8.08.03.04]. Ngoài ra, Tân SV được phổ biến quy chế, quy định Trường, thông tin liên quan đến học tập, rèn luyện của SV có trong Sổ tay SV [H8.08.03.05]. Bên cạnh đó, trợ lý Khoa cũng tham gia hỗ trợ, tư vấn NH giải quyết học vụ và phối hợp với các

phòng ban liên quan của Trường để giải quyết vấn đề học vụ cho NH. Trên cơ sở CTĐT và kế hoạch do phòng ĐT công bố vào mỗi học kỳ, trợ lý Khoa phối hợp với giáo vụ các Khoa xây dựng thời khóa biểu, lịch thi, lịch thực tập phù hợp ở từng học kỳ, giúp NH có điều kiện hoàn thành CTĐT đúng thời hạn [H8.08.03.06].

Để giám sát tiến độ học tập và rèn luyện SV, Trường lập kế hoạch học tập hằng năm, và KQHT rèn luyện sẽ được quản lý qua hệ thống phần mềm quản lý giáo dục PMT-EMS [H8.08.03.07]. Trường ban hành Quyết định ban hành quy định cấp học bổng khuyến khích học tập để đánh giá về KQHT và kết quả rèn luyện theo từng học kỳ. Đồng thời, những hoạt động PVCĐ của NH đều được ghi nhận lại [H8.08.03.08]. Trường có cơ sở dữ liệu theo dõi sự tiến bộ của NH trong học tập và rèn luyện; theo dõi tỷ lệ chậm tiến độ, thôi học [H8.08.03.09]. Toàn bộ hoạt động này được thực hiện thông qua hệ thống cơ sở dữ liệu bao gồm hồ sơ thông tin của NH, các thông báo của Trường, thời khóa biểu, lịch học, lịch thi, đánh giá KQHT, rèn luyện, thông báo công nợ. Việc học tập và rèn luyện của NH được thực hiện nghiêm túc theo Quy chế đào tạo ĐH và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ và Quy chế đào tạo của Trường. Khối lượng học tập được quy định cụ thể trong CTĐT khung của Khoa sẽ được phân bổ theo giai đoạn từng năm học, từng học kỳ, KQHT, rèn luyện của từng NH có thể tra cứu thông qua phần mềm hệ thống quản lý giáo dục PMT-EMS [H8.08.03.10]. Kết quả học tập và rèn luyện của NH được đánh giá và Trường xét khen thưởng sinh viên có tiến bộ trong học tập và rèn luyện vào mỗi học kỳ [H8.08.03.11]. Định kỳ hằng năm, BGH, Khoa, CVHT, các đơn vị liên quan tổ chức gặp mặt để trực tiếp giải đáp các thắc mắc của NH, đề xuất các biện pháp hỗ trợ SV thông qua Hội nghị gặp gỡ BGH với SV [H8.08.03.12].

2. Điểm mạnh

Trường có cơ chế và hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, KQHT, khối lượng học tập của NH. Các đơn vị, cá nhân được phân công cụ thể để hỗ trợ SV.

Cơ sở dữ liệu về sự tiến bộ của NH trong học tập và rèn luyện được quản lý đồng bộ thông qua việc áp dụng công nghệ giúp mang lại hiệu quả cao nhất và được sử dụng để cải tiến nâng cao chất lượng hoạt động hỗ trợ.

Các biện pháp khắc phục nhằm giảm thiểu tỷ lệ bỏ học, nâng cao KQHT và rèn luyện của SV được áp dụng và điều chỉnh phù hợp. Nhờ đó, tỷ lệ chậm tiến độ, thôi học, tốt nghiệp của SV được cải thiện.

3. Điểm tồn tại

Trường có tổ chức sinh hoạt lớp hàng tháng tạo điều kiện cho CVHT và SV trao đổi thông tin, giải đáp thắc mắc, khó khăn mà SV đang gặp phải. Tuy nhiên, Hội nghị CVHT chưa được tổ chức ở quy mô cấp trường và tổ chức định kỳ thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

4.1. *Phát huy điểm mạnh:*

Phát huy hơn nữa hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, phương pháp và quy trình KTĐG đa dạng sao cho phản ánh đúng sự tiến bộ của NH trong rèn luyện và học tập.

4.2. *Khắc phục tồn tại:*

Năm học 2024 - 2025 theo định kỳ cuối mỗi học kỳ (tháng 01 và tháng 6), dựa vào kết quả tổng kết học kỳ, Khoa phân tích KQHT của người học một cách cụ thể nhằm giám sát và hỗ trợ người học học tập tốt hơn; Trường định kỳ đánh giá hiệu quả của sự phối hợp giữa các bộ phận và cá nhân trong giám sát quá trình và KQHT, rèn luyện của SV; Khoa phân loại báo cáo KQHT của từng ngành nhằm dễ dàng nắm bắt sự thay đổi.

5. *Tự đánh giá:* Đạt (5/7)

Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học

1. *Mô tả hiện trạng*

Trường và Khoa có các bộ phận chịu trách nhiệm tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của NH, gồm:

i) *Về trách nhiệm tư vấn học tập*, các phòng ban như Phòng ĐT, Phòng CTCT&QLSV được phân công quản lý việc học tập và rèn luyện của NH trong toàn trường. Khoa trực tiếp quản lý NH thông qua hoạt động của CVHT [H8.08.04.01], [H8.08.04.02], [H8.08.04.03]. Để giúp cải thiện việc học tập của SV, Trường ban hành quy định công tác CVHT và quyết định phân công CVHT hàng năm [H8.08.04.04] nhằm tăng cường sự chủ động và phối hợp giữa các đơn vị có liên quan đến công tác tư vấn, phục vụ, hỗ trợ, giám sát SV trong quá trình học tập và rèn luyện tại trường.

ii) *Về hoạt động ngoại khóa, thi đua*: Lãnh đạo Khoa, đội ngũ GV phối hợp với Đoàn Khoa và Liên chi hội Khoa để tổ chức và triển khai các hoạt động ngoại khóa cho NH [H8.08.04.05], [H8.08.04.06], [H8.08.04.07].

iii) *Về các dịch vụ hỗ trợ khác cho NH*: Trường phân công bộ phận thư viện [H8.08.04.08] hỗ trợ NH trong việc tra cứu và tìm kiếm các tài liệu học tập cần thiết tại thư viện và hướng dẫn sử dụng tài liệu trang thư viện số, tài liệu điện tử liên kết với Trung tâm học liệu Trường ĐH Cần Thơ [H8.08.04.09]. Qua đó, NH có thể chủ động học tập và tự tích lũy các kiến thức để cải thiện quá trình học tập của mình.

Trường có đơn vị/ bộ phận chịu trách nhiệm tư vấn việc làm cho NH. Trường giao nhiệm vụ cho Phòng CTCT&QLSV chịu trách nhiệm phối hợp tổ chức các lớp tập huấn kỹ năng, phối hợp các đơn vị trong và ngoài trường để hỗ trợ SV trong việc tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp [H8.08.04.10]. Ngoài ra, trong Sổ tay SV phổ biến cho

NH đầu năm nhất cũng có đầy đủ những văn bản, quy định, nội quy, hướng dẫn của Trường để hỗ trợ việc học tập và rèn luyện của NH [H8.08.04.11]. Trường ban hành Quy chế công tác SV trong đó có đề cập đến về tư vấn học tập, việc làm, hoạt động hỗ trợ NH [H8.08.04.12]. Các Khoa có đội ngũ CVHT hỗ trợ việc học tập và hỗ trợ tìm việc việc làm cho SV sau khi tốt nghiệp [H8.08.04.13].

Trường và Khoa xây dựng kế hoạch tổ chức nhiều hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học của NH như: Đoàn thanh niên, Hội SV luôn tạo nhiều sân chơi để SV tham gia học tập, rèn luyện, trao đổi kỹ năng sống, nhiều CLB ra đời theo nhu cầu của SV và thu hút nhiều SV tham gia các CLB, tổ chức nhiều cuộc thi, khởi nghiệp, NCKH thu hút NH tham gia... [H8.08.04.14], [H8.08.04.15]. Để hỗ trợ cho NH trong việc học tập và NCKH, Trường đầu tư CSVC, nâng cấp phòng thí nghiệm nhờ đó đề tài NCKH của NH ngày càng tăng [H8.08.04.16]. Đoàn thanh niên, Hội SV, các Khoa, Phòng tổ chức nhiều hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH như hội thao, văn nghệ truyền thống; các cuộc thi thiết kế theo chủ đề (giới thiệu ngành nghề, an toàn thực phẩm), báo tường; Chương trình Xanh - Sạch - Đẹp trường học, giao lưu, kết nghĩa với các đoàn thể địa phương, các hoạt động giao lưu tuyên truyền phổ biến pháp luật, giao lưu giữa các CLB với nhau, tổ chức rèn luyện các kỹ năng [H8.08.04.17].

Khoa có kế hoạch và triển khai các hoạt động hỗ trợ việc làm cho NH, Khoa tiến hành hoạt động liên kết với các cơ quan, tổ chức hành nghề... trên địa bàn thành phố và các tỉnh để tạo điều kiện cho SV thực tập, tiếp xúc thực tế, từ đó tăng cường kỹ năng để xin việc làm [H8.08.04.18], [H8.08.04.19]. Trên trang website phòng CTCT&QLSV có dành một mục việc làm, chuyên đăng thông tin tuyển dụng và nhu cầu việc làm của các cơ quan, doanh nghiệp [H8.08.04.20]. Phòng CTCT&QLSV là đơn vị chịu trách nhiệm trong việc phối hợp với các Khoa tổ chức ngày hội việc làm cho SV. Hằng năm, Phòng CTCT&QLSV xây dựng kế hoạch và trình Hiệu trưởng ban hành kế hoạch ngày hội việc làm của SV. Bên cạnh đó, Phòng CTCT&QLSV phối hợp các khoa mời các DN, NTD tổ chức các buổi chuyên đề giới thiệu, tư vấn việc làm cho SV. Trường, Khoa CNSH-TP triển khai nhiều hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH hiệu quả như: hội thảo tư vấn việc làm, ngày hội việc làm, tư vấn hướng nghiệp, tham quan thực tế nhà máy, công ty, xí nghiệp để nâng cao chất lượng hoạt động hỗ trợ việc làm cho NH [H8.08.04.21]. Nhằm tiếp thu những đóng góp, giải quyết những khó khăn, vướng mắc của SV, cuối năm học, Trường có tổ chức Hội nghị Ban Giám hiệu gặp gỡ SV, hoặc trong những buổi sinh hoạt CVHT, thông qua báo cáo CVHT, phòng CTCT&QLSV tổng hợp những ý kiến và phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc hỗ trợ SV [H8.08.04.22]. Ngoài ra, đầu năm học Trường tổ chức tuần sinh hoạt công dân - SV để phổ biến những quy định, nhiệm vụ chức năng của các đơn vị hỗ trợ, giáo dục pháp luật cho NH năm nhất và NH

của các lớp chuyển tiếp [H8.08.04.23]. Hàng tháng, trong những buổi sinh hoạt CVHT, thông qua báo cáo CVHT, phòng CTCT&QLSV tổng hợp những ý kiến và phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc hỗ trợ NH; qua các buổi sinh hoạt CVHT, NH hiểu biết các chủ trương, kế hoạch và thông báo của Trường [H8.08.04.24].

Theo chức năng nhiệm vụ được giao trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường và Quy định về khảo sát các BLQ, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL triển khai khảo sát ý kiến các BLQ về hoạt động của Trường. Phòng CTCT&QLSV tiến hành khảo sát, kết quả năm học 2022 - 2023, tỷ lệ SV có việc làm là 89,19% [H8.08.04.25]. Ngoài ra, Trường phối hợp với Sở Giáo dục và đào tạo tiến hành khảo sát sự hài lòng của người dân về dịch vụ giáo dục công hằng năm [H8.08.04.26].

2. Điểm mạnh

Trường có văn bản quy định các đơn vị, bộ phận chịu trách nhiệm tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác cũng như chịu trách nhiệm tư vấn việc làm cho NH.

Trường và Khoa có nhiều hoạt động ngoại khóa mang tính học thuật, phát triển kỹ năng giúp NH tăng trải nghiệm thực tế.

Trường và Khoa có mối quan hệ, kết nối với DN tốt, từ đó hỗ trợ hiệu quả NH trong việc kiến tập, thực tập và tăng cơ hội việc làm.

3. Điểm tồn tại

Các hoạt động ngoại khóa tổ chức cho NH còn gói gọn trong phạm vi Trường, chưa thu hút thêm NH các trường khác tham gia. Một số hoạt động ngoại khóa còn khắc khe trong việc lựa chọn thành viên tham gia nên chưa thật sự thu hút số đông NH của các khóa học trong và ngoài trường. Tuy Khoa có thực hiện họp rút kinh nghiệm sau mỗi hoạt động, việc đánh giá, đối chiếu sự hiệu quả của các hoạt động chưa được thực hiện một cách triệt để.

4. Kế hoạch hành động

4.1. Phát huy điểm mạnh:

Phát huy hơn nữa vai trò của CVHT, quản lý đào tạo, Đoàn thanh niên, Hội SV, GV, tăng cường các hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua, hỗ trợ NH, tư vấn hỗ trợ học tập giúp NH nâng cao thành tích học tập, nâng cao kỹ năng mềm, kỹ năng nghề.

4.2. Khắc phục tồn tại:

Tháng 01 năm 2025, Khoa phối hợp cùng phòng CTCT&QLSV nghiên cứu và tổ chức thêm các hoạt động ngoại khóa trực tiếp hoặc online để tạo cơ hội cho SV có thể tham gia nhiều hoạt động và có điều kiện giao lưu, học hỏi với SV các trường bạn. Khoa thực hiện so sánh, đối chiếu hiệu quả của các hoạt động thông qua phân tích kết quả số lượng người tham dự, phản hồi của người tham dự, quy mô tổ chức.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho các hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học

1. Mô tả hiện trạng

Trường và Khoa có môi trường tâm lý, XH, môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái để GV, NV và NH thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu. Cơ sở ĐT của Khoa CNSH-TP được bố trí tại cơ sở 1, phường An Hòa, Quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. Trên diện tích 1,206 ha, được đầu tư với cơ sở hạ tầng khang trang, hiện đại gồm: hội trường, thư viện với hệ thống kho mở có nhiều đầu sách, bố trí riêng khu vực đọc báo, tạp chí, tham khảo luận văn tốt nghiệp, đề tài nghiên cứu khoa học, phòng đọc được trang bị máy lạnh, phòng máy tính tra cứu thông tin [H8.08.05.01].

Cảnh quan của Trường sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thuận lợi cho GV, NV và NH về điều kiện học tập, sinh hoạt trong khuôn viên trường có nhiều cây xanh, hoa, ghế đá, mái che nắng, tạo môi trường thoải mái, mát mẻ, thân thiện cho NH. Trường bố trí nhiều bảng nội quy, quy định để NH thực hiện chung tay bảo vệ cảnh quan của Trường [H8.08.05.02]. Bộ phận y tế học đường trực thuộc Phòng CTCT&QLSV phụ trách việc chăm sóc sức khỏe cho GV và NH. Trường lập Tổ tư vấn tâm lý, sức khỏe học đường để hỗ trợ những vấn đề tâm lý, sức khỏe cho SV, đồng thời Trường ban hành nội quy y tế và có sổ tay theo dõi vấn đề sức khỏe của SV. Ngoài ra, trường tổ chức khám sức khỏe cho NH năm nhất và theo dõi sức khỏe của NH [H8.08.05.03], [H8.08.05.04]. Trường và Khoa đã ban hành bộ Quy tắc ứng xử cho NH, trong đó nhấn mạnh đến quy tắc ứng xử của NH đối với GV, NV và trang phục, tác phong trong môi trường sư phạm tạo nề nếp, trật tự, quy định trong Trường. Thông qua giao tiếp lịch sự, tôn trọng của Ban chủ nhiệm Khoa, GV, trợ lý Khoa với NH tạo ra môi trường thân thiện, gần gũi với NH khiến NH thêm tin yêu và tự hào về Khoa, Trường [H8.08.05.05]. Trường lắp đặt hệ thống wifi miễn phí cho NH ở các khu vực công cộng (thư viện, hành lang, sảnh trường) giúp NH dễ dàng tra cứu thông tin trong và ngoài giờ học. Thư viện lớn với các phòng làm việc khép kín tạo điều kiện cho NH làm việc nhóm. Đồng thời, Trường cũng bố trí nơi nghỉ trưa cho GV tại các cơ sở ĐT. Tại khu vực Văn phòng khoa CNSH-TP, Ban chấp hành Chi Đoàn khoa phụ trách nội dung bảng thông tin cho SV trước văn phòng Khoa với nội dung và hình ảnh được trang trí phong phú, sinh động, cập nhật các sự kiện trong năm học [H8.08.05.06], [H8.08.05.07], [H8.08.05.08], [H8.08.05.09].

Hàng năm, Trường tổ chức kiểm tra về công tác PCCC, an toàn học đường và vệ sinh an toàn thực phẩm để đảm bảo xây dựng một môi trường học tập tốt nhất cho NH [H8.08.05.10], [H8.08.05.11]. Công đoàn Trường kết hợp với các phòng ban khác trong Trường tổ chức các hoạt động XH và thu hút sự tham gia của NV, GV để chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho NV, GV, luôn đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục,

xây dựng đội ngũ NV, GV. Đoàn, Hội, Khoa chú trọng triển khai các hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua theo chủ đề từng tháng nhằm tạo sân chơi và rèn luyện sau giờ học trên giảng đường cho NH, thu hút sự tham gia nhiệt tình và tích cực của NH [H8.08.05.12].

Để đánh giá sự hài lòng của NH về môi trường tâm lý, XH, cảnh quan, hàng năm Trường và Khoa đã lấy ý kiến trực tiếp của NH thông qua các buổi sinh hoạt lớp và những vấn đề vướng mắc sẽ được giải đáp trong Hội nghị BGH gặp gỡ NH [H8.08.05.13]. Ngoài ra, Trường tiến hành khảo sát dạng phiếu để lấy ý kiến của NH được khách quan hơn về môi trường học tập, điều kiện học tập và hoạt động ngoại khóa để từ đó những giải pháp điều chỉnh, cải tiến môi trường cảnh quan học tập tốt nhất cho NH [H8.08.05.14].

2. Điểm mạnh

Trường đã xây dựng môi trường sư phạm hiện đại, năng động, mô phạm, thân thiện, sạch đẹp và an toàn tạo không khí và tâm lý thoải mái, phục vụ hiệu quả cho hoạt động dạy và học.

Khuôn viên Trường có đầy đủ các bảng nội quy, hướng dẫn, các thông điệp mang ý nghĩa tích cực giúp NH thêm năng động, sáng tạo trong học tập và rèn luyện.

3. Điểm tồn tại

Khuôn viên chưa có nhiều cây xanh, thiếu không gian sinh hoạt chung, không gian làm việc mở đôi khi tạo ra sự bất tiện trong công việc (không tập trung, ồn ào).

4. Kế hoạch hành động

4.1. Phát huy điểm mạnh:

Trường tiến hành bố trí thêm các phòng làm việc để các GV có môi trường làm việc thuận lợi, nâng cao hiệu quả hoạt động tư vấn, hỗ trợ NH.

4.2. Khắc phục tồn tại:

Tháng 12 năm 2024 theo kế hoạch mua sắm, sửa chữa, trang bị cơ sở vật chất của Trường, Khoa đề xuất tăng cường một số chậu cây cảnh tạo thêm không gian xanh, bố trí thêm không gian sinh hoạt chung và không gian riêng yên tĩnh phục vụ cho nhu cầu nghiên cứu dựa trên khảo sát nhu cầu sử dụng của CB-GV-NV.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 8:

Những điểm mạnh nổi bật: Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng. Trường sử dụng nhiều phương thức tuyển sinh giúp cho mọi thí sinh dễ dàng tiếp cận thông tin và có nhiều cơ hội trong việc nâng cao trình độ chuyên môn nhằm hỗ trợ trong quá trình làm việc. Trường xác định tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH rõ ràng, khách quan đảm bảo tuân thủ các quy định của Bộ GD&ĐT. Việc đánh giá tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH được tiến hành định kỳ để có những điều chỉnh nâng cao thể mạnh, đồng

thời phù hợp với đặc thù của từng ngành ĐT của Trường. Trường có cơ chế và hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, KQHT, khối lượng học tập của NH. Các đơn vị, cá nhân được phân công cụ thể để hỗ trợ SV. Cơ sở dữ liệu về sự tiến bộ của NH trong học tập và rèn luyện được quản lý đồng bộ thông qua việc áp dụng công nghệ giúp mang lại hiệu quả cao nhất và được sử dụng để cải tiến nâng cao chất lượng hoạt động hỗ trợ. Các biện pháp khắc phục nhằm giảm thiểu tỷ lệ bỏ học, nâng cao KQHT và rèn luyện của SV được áp dụng và điều chỉnh phù hợp. Nhờ đó, tỷ lệ chậm tiến độ, thôi học, tốt nghiệp của SV được cải thiện. Trường có văn bản quy định các đơn vị, bộ phận chịu trách nhiệm tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác cũng như chịu trách nhiệm tư vấn việc làm cho NH. Trường và Khoa có nhiều hoạt động ngoại khóa mang tính học thuật, phát triển kỹ năng giúp NH tăng trải nghiệm thực tế. Trường và Khoa có mối quan hệ, kết nối với DN tốt, từ đó hỗ trợ hiệu quả NH trong việc kiến tập, thực tập và tăng cơ hội việc làm. Trường đã xây dựng môi trường sư phạm hiện đại, năng động, mô phạm, thân thiện, sạch đẹp và an toàn tạo không khí và tâm lý thoải mái, phục vụ hiệu quả cho hoạt động dạy và học. Khuôn viên Trường có đầy đủ các bảng nội quy, hướng dẫn, các thông điệp mang ý nghĩa tích cực giúp NH thêm năng động, sáng tạo trong học tập và rèn luyện.

Những tồn tại cơ bản: Chưa khai thác triệt để thông tin từ các cựu SV và NTD với đối tác thị trường lao động để điều chỉnh các tiêu chuẩn của ngành nghề phù hợp với xu hướng công nghệ, xây dựng kế hoạch tuyển sinh phù hợp với tình hình thực tế. Trường có tổ chức đánh giá NH, tuy nhiên chưa phân tích sâu mối tương quan giữa các tổ hợp xét tuyển và phương thức xét tuyển với số SV thôi học và chất lượng SV năm thứ nhất để làm cơ sở cho điều chỉnh chính sách và cải tiến công tác tuyển sinh. Trường có tổ chức sinh hoạt lớp hàng tháng tạo điều kiện cho CVHT và SV trao đổi thông tin, giải đáp thắc mắc, khó khăn mà SV đang gặp phải. Tuy nhiên, Hội nghị CVHT chưa được tổ chức ở quy mô cấp trường và tổ chức định kỳ thường xuyên. Các hoạt động ngoại khóa tổ chức cho NH còn gói gọn trong phạm vi Trường, chưa thu hút thêm NH các trường khác tham gia. Một số hoạt động ngoại khóa còn khắc khe trong việc lựa chọn thành viên tham gia nên chưa thật sự thu hút số đông NH của các khóa học trong và ngoài trường. Tuy Khoa có thực hiện họp rút kinh nghiệm sau mỗi hoạt động, việc đánh giá, đối chiếu sự hiệu quả của các hoạt động chưa được thực hiện một cách triệt để. Khuôn viên chưa có nhiều cây xanh, thiếu không gian sinh hoạt chung, không gian làm việc mở đôi khi tạo ra sự bất tiện trong công việc (không tập trung, ồn ào).

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn: Điểm trung bình của tiêu chuẩn đạt: 5,00 điểm. Số tiêu chí đạt: 5/5. Tỷ lệ số tiêu chí đạt: 100%.

Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Mở đầu: Trường chú trọng đầu tư hệ thống CSVC và trang thiết bị hiện đại phù

hợp với mô hình ĐT chất lượng cao. Trong đó, Trường chú trọng đầu tư hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng chức năng với các TTB hiện đại và phù hợp; Diện tích đất triển khai đào tạo luôn đảm bảo tỷ lệ diện tích/NH theo quy định; Hệ thống thư viện với nguồn học liệu đa dạng, thường xuyên được cập nhật, phù hợp với các ngành nghề ĐT của trường; Hệ thống phòng thực hành đầy đủ, trang thiết bị hiện đại được bảo trì, mua mới thường xuyên; Hệ thống CNTT được đầu tư nâng cấp thường xuyên đáp ứng quá trình phát triển công nghệ hiện nay, ngoài ra cảnh quan môi trường sư phạm thân thiện, đảm bảo an toàn, an ninh, đảm bảo sức khỏe cho CB-GV-NV và NH.

Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả hiện trạng

Trường có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng phù hợp và đảm bảo tỷ lệ diện tích/NH theo quy định để hỗ trợ các hoạt động ĐT phục vụ CTĐT ngành CNSH theo quy định hiện hành. Trường hiện đang ĐT 22 ngành học trình độ ĐH và 01 ngành học trình độ Ths với số lượng hơn 5.500 SV, với tổng diện tích đất sử dụng của CSGD là 20.550 m², trong đó 12.525 m² tại Trường ĐHKTCNCT và 8.025 m² được thuê tại Trường Cao đẳng nghề Cần Thơ; Khoa CNSH-TP có tổng diện tích đất sử dụng là 585 m² (bao gồm văn phòng Khoa và 06 phòng thí nghiệm). Khoa được thành lập từ năm 2013 và thu hút được số lượng lớn SV. Các phòng học phục vụ công việc ĐT, giảng dạy và học tập của Khoa CNSH-TP được bố trí, sắp xếp tại cơ sở 1 (địa chỉ 256, Nguyễn Văn Cừ, phường An Hòa, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ). Cụ thể, văn phòng Khoa được đặt tại tầng trệt - Khu C (C006: diện tích 80 m²); Phòng thí nghiệm được đặt ở khu E, tầng 2 gồm Phòng thí nghiệm Hóa học (E206: diện tích 121 m²), tầng 3 gồm Phòng thí nghiệm Vi sinh (E301: diện tích 96 m²), Phòng thí nghiệm Chế biến thực phẩm (E302: diện tích 96 m²), Phòng thí nghiệm Công nghệ sinh học (E303: diện tích 96 m²), Phòng thí nghiệm Quá trình thiết bị (E304: diện tích 96 m²), Phòng thí nghiệm Hóa sinh (E305: diện tích 121 m²); ngoài ra, Khoa còn bố trí phòng dành cho GV và phòng họp sinh hoạt chuyên môn của khoa. Một số phòng được bố trí sử dụng chung với Trường như hệ thống phòng học, giảng đường, phòng hội thảo, khu tự học, phòng máy tính, phòng đọc, thư viện và các phòng thí nghiệm thuộc các khoa chuyên môn trong trường với tổng diện tích sử dụng lớn Trường ĐHKTCNCT nói chung và Khoa CNSH-TP nói riêng đáp ứng được với tỷ lệ diện tích/NH là 1/4,02 m² [H9.09.01.01].

Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị (bao gồm cả hệ thống chiếu sáng, thông gió, an toàn) phù hợp để hỗ trợ các hoạt động ĐT và nghiên cứu phục vụ CTĐT. Về hệ thống phòng làm việc, Trường cung cấp 25 phòng làm việc với diện tích 2.000 m², các thiết bị văn phòng như bàn, ghế, tủ, máy

tính, máy in, đèn, quạt, hệ thống mạng, máy điều hòa, máy nước nóng lạnh, máy photo, phần mềm quản lý). Các thiết bị trên hỗ trợ tối đa cho các công tác hành chính, công tác tiếp SV và giải quyết học vụ, tiếp đón các đoàn khách đến công tác tại Khoa CNSH-TP, Trường ĐHKTCNCT. Về hệ thống phòng học, Khoa CNSH-TP cũng như các khoa khác trực thuộc Trường đều sử dụng chung CSVC của trường dưới sự điều phối chính của Phòng QTTB. Khoa CNSH-TP sử dụng hệ thống phòng học tại cơ sở 1 (Khu C - 1 trệt, 6 lầu) đảm bảo chức năng của một phòng học tiêu chuẩn; đảm bảo tốt chất lượng cho công tác dạy và học, hệ thống phòng học của Trường. Các phòng học đều được trang bị đầy đủ như hệ thống máy chiếu hoặc màn hình LCD kích thước lớn, hệ thống âm thanh, chiếu sáng, mạng wifi. Các phòng học và phòng chức năng được thiết kế có nhiều cửa sổ, đảm bảo thông gió, ánh sáng tự nhiên và thiết bị PCCC đảm bảo an toàn cho quá trình dạy và học. Phòng QTTB phân công NV giám sát, bảo trì và sửa chữa khi cần thiết các trang thiết bị dạy học hàng ngày. Ngoài ra, GV và SV có thể phản hồi tình trạng của máy móc, thiết bị trực tiếp ngay tại chỗ thông qua nhóm Zalo CTUT Lắng nghe & Phản ứng nhanh hoặc gián tiếp qua Biên bản sinh hoạt lớp, Sổ theo dõi tình trạng sử dụng trang thiết bị, để Phòng QTTB kịp thời khắc phục và sửa chữa, hạn chế ảnh hưởng đến việc dạy và học [H9.09.01.02].

Với phương châm lấy NH làm trung tâm, “Tất cả vì sinh viên thân yêu”, Trường, Khoa CNSH-TP rất chú trọng việc phục vụ cho NH. Những năm qua, Trường và Khoa CNSH-TP thường xuyên phối hợp với các phòng ban chức năng trong trường tổ chức hội nghị đối thoại với SV cũng như lấy ý kiến phản hồi của NH về CSVC và trang thiết bị. Kết quả thu được từ các hội nghị đối thoại và khảo sát này là cơ sở để Khoa và Trường đầu tư mạnh mẽ hơn vào việc nâng cấp, cải thiện CSVC để phục vụ NH ngày càng tốt hơn. Hằng năm, thông qua các buổi đối thoại trực tiếp với SV để từng bước hoàn thiện và nâng cao hệ thống CSVC thông qua các phản hồi, đề xuất của Khoa và NH về CSVC, trang thiết bị [H9.09.01.03].

Qua đó, Trường có kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng, mua sắm trang thiết bị, bổ sung thêm hệ thống phòng làm việc, giảng đường, phòng hội thảo, phòng đọc, phòng máy tính. Trường đầu tư một lượng kinh phí cho CSVC và trang thiết bị để đảm bảo tối đa nhu cầu ĐT và nghiên cứu của SV và GV. Nhằm giúp cho SV trong ngành CNSH có điều kiện tiếp cận hơn với thực tế, thực hành trực tiếp với công việc ngay khi còn ngồi trên ghế giảng đường, dễ dàng bắt nhịp với công việc sau khi tốt nghiệp ra trường, Trường đã thường xuyên quan tâm mua sắm trang thiết bị phòng thực hành thí nghiệm cho Khoa CNSH-TP theo nhu cầu và đề xuất mua sắm của Khoa CNSH-TP phục phục CTĐT CNSH [H9.09.01.04].

2. Điểm mạnh

Hệ thống phòng làm việc, phòng học và phòng chức năng có trang bị đầy đủ CSVC,

trang thiết bị đáp ứng yêu cầu các hoạt động ĐT và NCKH.

CSVC và trang thiết bị được quản lý, rà soát, nâng cấp thường xuyên, đáp ứng tối đa nhu cầu đào tạo thực tế và định hướng phát triển mở rộng trong tương lai.

Có bộ phận chuyên trách quản lý CSVC và trang thiết bị có chức năng giải quyết, phối hợp giải quyết và có những đề xuất thiết thực giúp cho việc vận hành hoạt động ĐT và triển khai chương trình được thuận lợi và đạt hiệu quả cao.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù có phòng dành cho GV sinh hoạt chung, nhưng còn hạn chế về không gian sinh hoạt chuyên môn cho các bộ môn.

4. Kế hoạch hành động

4.1. Phát huy điểm mạnh:

Trường tiếp tục đầu tư, nâng cấp mua sắm, sửa chữa CSVC hiện đại, phù hợp trong các hoạt động ĐT và nghiên cứu.

4.2. Khắc phục tồn tại:

Tháng 12 năm 2024 theo kế hoạch mua sắm, sửa chữa, trang bị cơ sở vật chất của Trường, Khoa đề xuất bố trí lại hệ thống văn phòng cho Khoa được khoa học hơn, tạo thêm phòng làm việc nhóm và không gian nghiên cứu riêng phù hợp cho GV và NH.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả hiện trạng

Trường có hệ thống thư viện, phòng đọc, phục vụ hoạt động ĐT và nghiên cứu của CTĐT. Bên cạnh việc đầu tư cho các phòng thí nghiệm cho các khối ngành khối ngành Khoa học tự nhiên, thì Thư viện là một bộ phận không thể thiếu cho các hoạt động ĐT và nghiên cứu của Trường. Thư viện Trường hiện nằm tại khu D cơ sở 1 với tổng diện tích hơn 900 m². Thư viện được trang bị: 02 phòng đọc; kho sách, khu vực tra cứu, kệ trưng bày báo, tạp chí, luận văn, khóa luận/đồ án tốt nghiệp của NH; 01 phòng máy với 40 máy tính; 01 phòng hội thảo và 01 phòng học nhóm để phục vụ NH. CSVC của thư viện ngày càng được cải tiến để phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu trong học tập của SV. Khoa CNSH-TP chủ yếu khai thác, sử dụng Thư viện Trường và một phần Tủ sách chuyên ngành tại Văn phòng Khoa [H9.09.02.01].

Thư viện, phòng đọc có nội quy và các trang thiết bị để hoạt động nhằm đảm bảo được công suất sử dụng tối đa hiệu quả của thư viện, phòng đọc của Trường, như chỗ ngồi, bàn ghế, máy tính bàn, máy điều hòa, phần mềm tra cứu. Thư viện triển khai các hoạt động tập huấn như giới thiệu thư viện trong tuần sinh hoạt SV đầu khóa, hướng dẫn kỹ năng tra cứu thông tin và sử dụng thư viện cho SV, cung cấp thông tin hướng dẫn sử dụng, chỉ dẫn tra cứu các cơ sở dữ liệu trên website nhằm giúp người đọc khai thác và

sử dụng hiệu quả nguồn tài liệu và các dịch vụ hiện có [H9.09.02.02].

Trường có đầy đủ học liệu (tài liệu bắt buộc) bao gồm giáo trình, tài liệu, sách tham khảo (bản cứng/bản mềm bảo đảm quy định về sở hữu trí tuệ) phù hợp để hỗ trợ các hoạt động ĐT và nghiên cứu. Bên cạnh đó, Thư viện Trường còn liên kết với Trung tâm học liệu Trường ĐH Cần Thơ và thư viện Trường ĐH Tây Đô để chia sẻ, khai thác các nguồn tài liệu trực tuyến, bổ sung cho nguồn học liệu của Trường. Dựa trên ĐCCT HP của Khoa CNSH-TP biên soạn, thư viện được phân công nhiệm vụ mua sắm tài liệu, học liệu với hơn 236 đầu sách bao gồm giáo trình, sách, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài; tạp chí chuyên ngành phục vụ CTĐT ngành CNSH [H9.09.02.03].

Các tài liệu, học liệu (bản in và điện tử) được cập nhật, bổ sung đáp ứng nhu cầu ĐT và nghiên cứu của SV và GV. Hằng năm, căn cứ vào đề xuất của các Khoa, trong đó có Khoa CNSH-TP, về nhu cầu bổ sung, cập nhật nguồn tài liệu phục vụ hoạt động giảng dạy và học tập cũng như NCKH của đơn vị mình, Thư viện tổng hợp, xây dựng kế hoạch mua sắm bổ sung, trình Hiệu trưởng ký phê duyệt và triển khai thực hiện. Bên cạnh nguồn tài liệu truyền thống như sách, tạp chí chuyên ngành, thư viện còn liên kết với nhiều cổng cơ sở dữ liệu trực tuyến. Do đó, SV và GV Trường ĐHKTCNCT nói chung và Khoa CNSH-TP nói riêng được tiếp cận nguồn tài liệu đa dạng, phong phú. Kết quả thống kê cho thấy, Trường đã đầu tư 561.600.000 đồng cho việc nâng cấp Thư viện, trong đó có kinh phí dành cho việc bổ sung và cập nhật nguồn học liệu. Thư viện cũng đã thiết lập cơ sở dữ liệu theo dõi về hoạt động của Thư viện để hỗ trợ các hoạt động ĐT và nghiên cứu. Trường đã đầu tư nâng cấp phần mềm quản lý thư viện nhằm lưu trữ cơ sở dữ liệu (CSDL), trong đó có dữ liệu về nguồn lực học tập và dữ liệu theo dõi, đánh giá hiệu quả sử dụng các nguồn lực học tập nhằm phục vụ tra cứu tài liệu của GV và SV được thực hiện dễ dàng hơn [H9.09.02.04].

Nhằm đảm bảo đáp ứng được nhu cầu của NH khi sử dụng thư viện, việc khảo sát mức độ đáp ứng yêu cầu của thư viện đối với bạn đọc được thực hiện hàng năm, từ đó xây dựng kế hoạch cải tiến hoạt động của thư viện, đặc biệt là việc cập nhật giáo trình, tài liệu, sách tham khảo hằng năm của ngành CNSH [H9.09.02.05].

2. Điểm mạnh

Nguồn học liệu (giấy và điện tử, CSDL trực tuyến) phù hợp, đầy đủ và được cập nhật, đảm bảo phục vụ các hoạt động ĐT và nghiên cứu của ngành CNSH, định kỳ được bổ sung. Tài liệu học tập và nghiên cứu được cung cấp đầy đủ bao gồm cả nguồn bên ngoài và nội sinh của trường.

Thư viện được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để hoạt động, tạo điều kiện thuận lợi cho người sử dụng. Không gian thoáng mát, rộng rãi tạo hứng thú học tập đối với NH.

Dữ liệu khảo sát được thực hiện và so sánh qua các năm, từ đó làm cơ sở cho

những đề xuất phát triển Thư viện.

3. Điểm tồn tại

Số lượng giáo trình và sách chuyên khảo do GV trong trường biên soạn, đặc biệt là những ấn phẩm đã được xuất bản còn khá khiêm tốn.

4. Kế hoạch hành động

4.1. Phát huy điểm mạnh:

Hàng năm Thư viện tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các Khoa trong vấn đề bổ sung, cập nhật tài liệu tham khảo về chuyên ngành đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu.

4.2. Khắc phục tồn tại:

Theo kế hoạch chung của Trường, năm 2024 - 2025 có 02 đợt đăng ký các hoạt động khoa học và công nghệ vào tháng 09 năm 2024 và tháng 2 năm 2025, Khoa khuyến khích đội ngũ GV tham gia biên soạn tài liệu học tập, nhất là biên soạn giáo trình, để bổ sung vào nguồn học liệu của Thư viện Trường, đáp ứng tốt hơn nhu cầu ĐT, NCKH và PVCD của CTĐT.

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả hiện trạng

Trường có phòng thí nghiệm, phòng thực hành với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động ĐT và nghiên cứu, đáp ứng yêu cầu của ngành học và các trang thiết bị cần thiết được xác định trong CTĐT ngành CNSH. Các phòng thí nghiệm, thực hành được trang bị các thiết bị hiện đại phục vụ cho việc học tập, giảng dạy và nghiên cứu gắn liền với thực tế thiết kế và bố trí khoa học, có sơ đồ hệ thống đáp ứng được các tiêu chuẩn về phòng thí nghiệm, thực hành [H9.09.03.01].

Trên cơ sở đề án thành lập Trường và Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, năm 2013, Trường thành lập Phòng QTTB và giao nhiệm vụ tham mưu BGH quản lý CSVC, trang thiết bị, trong đó có phận xây dựng, giám sát thực hiện kế hoạch đầu tư, bảo trì, đánh giá, nâng cấp CSVC và hạ tầng các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị phục vụ ĐT, NCKH và PVCD, trong đó khoa được trường giao phụ trách 06 phòng thí nghiệm được cung cấp các trang thiết bị phù hợp [H9.09.03.02].

Trong thời gian qua Trường luôn chỉ đạo các đơn vị tập trung xây dựng, nâng cấp, bảo trì CSVC, trang thiết bị nhằm phát triển và đảm bảo phục vụ các hoạt động ĐT, NCKH, PVCD của Trường. Hằng năm, Trường luôn dành kinh phí chi cho hoạt động nâng cấp, bảo trì CSVC, trang thiết bị của Trường. Trường thông báo Quy chế quản lý, sử dụng tài sản trong Trường ĐHKTCNCT đến các đơn vị để thực hiện và phổ biến đến CB, GV, NV, SV biết để thực hiện. Hoạt động nâng cấp, bảo trì CSVC, trang thiết

bị của Trường luôn được thực hiện đúng quy định và kế hoạch đã ban hành. Năm 2020, Trường đầu tư bổ sung dự án trang thiết bị thực hành ngành CNSH hơn 900.000.000 đồng. Trong giai đoạn 2026 - 2030 hằng năm, Trường đầu tư, nâng cấp, bổ sung trang thiết bị phục vụ hoạt động ĐT và nghiên cứu của các CTĐT nói chung và CTĐT ngành CNSH nói riêng [H9.09.03.03].

Để đảm bảo quản lý, vận hành và khai thác hiệu quả trang thiết bị phòng thí nghiệm, phòng thực hành phục vụ cho các ngành ĐT của Khoa, trên cơ sở đề xuất của Khoa, Trường phân công các GV khoa kiêm nhiệm phụ trách phòng thí nghiệm, phòng thực hành và giao nhiệm vụ theo dõi, quản lý và đánh giá hiệu quả sử dụng các trang thiết bị. Dựa theo quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, Phòng QTTB có trách nhiệm xây dựng CSDL theo dõi, đánh giá hiệu quả sử dụng CSVC và hạ tầng các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị đối với từng loại hình ĐT, NCKH và PVCĐ [H9.09.03.04].

Để đánh giá sự hài lòng của CB, GV, SV về CSVC và trang thiết bị của Trường trong giai đoạn 2018 - 2023, Trường ban hành kế hoạch khảo sát ý kiến phản hồi của các BLQ, trong đó có nội dung khảo sát mức độ đáp ứng của CSVC, trang thiết bị của Trường đối với hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ. Trong giai đoạn 2018 - 2023, ý kiến của CB, GV, NV, SV hài lòng về mức độ đáp ứng CSVC, trang thiết bị của Trường đối với hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ. Định kỳ hằng năm thông qua kết quả kiểm kê, rà soát, đánh giá hằng năm về CSVC và cơ sở hạ tầng, trang thiết bị phục vụ hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ, Phòng QTTB phối hợp các phòng, khoa, trung tâm tham mưu BGH và đề xuất Trường áp dụng nhiều biện pháp tăng cường, cải thiện CSVC, cơ sở hạ tầng và trang thiết bị phục vụ hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường và được thể hiện trong kế hoạch năm học [H9.09.03.05].

2. Điểm mạnh

Trường đầu tư, mua sắm đảm bảo có đủ phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phục vụ ĐT và nghiên cứu của CTĐT ngành CNSH.

Phòng thí nghiệm, thực hành của Trường được trang bị đầy đủ các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động ĐT và nghiên cứu.

Hằng năm, Trường tiến hành kiểm kê tài sản, rà soát, đánh giá trang thiết bị trong phòng thí nghiệm, phòng thực hành để có kế hoạch duy tu, bảo dưỡng và cập nhật, nâng cấp để đáp ứng nhu cầu về ĐT và nghiên cứu.

Trường có phân công cụ thể CB phụ trách phòng thí nghiệm, thực hành và ở mỗi phòng thí nghiệm, thực hành đều có hồ sơ theo dõi, quản lý và đánh giá hiệu quả việc sử dụng các trang thiết bị.

Trong giai đoạn 2018 - 2023, hằng năm, Trường đầu tư, nâng cấp, bổ sung trang thiết bị phục vụ hoạt động ĐT và nghiên cứu của các CTĐT nói chung và CTĐT ngành

CNSH nói riêng.

3. Điểm tồn tại

Khó khăn về kinh phí nên việc mua sắm mới các trang thiết bị hiện đại còn gặp khó khăn do nhu cầu về trang thiết bị luôn thay đổi theo sự phát triển của ngành.

4. Kế hoạch hành động

4.1. Phát huy điểm mạnh:

Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và tiếp tục cập nhật để hỗ trợ các hoạt động ĐT và nghiên cứu.

4.2. Khắc phục tồn tại:

Tháng 12 năm 2024 theo kế hoạch chung của Trường, Khoa tổ chức tổng kết, đánh giá hiệu quả sử dụng các trang thiết bị cũng như mức độ đáp ứng về CSVC, trang thiết bị đối với CTĐT ngành CNSH để có cơ sở cho việc đề ra các biện pháp cải tiến, phục vụ tốt hơn các hoạt động ĐT, NCKH và PVCD. Trường tăng cường tích lũy kinh phí và nguồn kinh phí hỗ trợ để mua sắm các trang thiết bị hiện đại phục vụ hoạt động ĐT và nghiên cứu của CTĐT ngành CNSH.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả hiện trạng

Trường có hệ thống CNTT phù hợp nhằm hỗ trợ các hoạt động ĐT và nghiên cứu. Trường thành lập Ban Quản trị hệ thống thông tin đảm nhiệm việc quản lý các hệ thống CNTT, nghiên cứu và triển khai, hỗ trợ kỹ thuật các giải pháp CNTT từ năm 2018 để hỗ trợ hoạt động ĐT và nghiên cứu [H9.09.04.01]. Hệ thống CNTT bao gồm: máy chủ, hệ thống máy tính, phần cứng, phần mềm quản lý ĐT, phần mềm quản lý thư viện, phần mềm kế toán, hệ thống mạng Internet, các trang thông tin điện tử, trang hành chính điện tử, hệ thống Email phù hợp để hỗ trợ các hoạt động ĐT và nghiên cứu của Trường, Khoa CNSH-TP [H9.09.04.02]. Trong giai đoạn 2018 - 2023, hoạt động học tập trực tuyến, SV được sử dụng hệ thống máy tính có kết nối internet và tích hợp phần mềm CNTT đáp ứng tốt nhu cầu tra cứu thông tin và tham gia các kỳ thi online tại Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học của Trường. Từ 2019, bên cạnh việc ĐT giảng dạy trực tiếp trên giảng đường, các học phần trong CTĐT CNSH Khoa CNSH-TP đồng thời triển khai giảng dạy trên hệ thống E-Learning [H9.09.04.03].

Toàn bộ hệ thống CNTT của trường hoạt động ổn định, an toàn để hỗ trợ cho các hoạt động học tập và nghiên cứu của GV, NV và SV. Trên cơ sở phần mềm OneUni trong công tác quản lý ĐT, quản lý hành chính điện tử, GV, NV có thể truy cập, truy xuất, tra cứu thông tin. Ngoài ra, Trường cung cấp cho GV, NV và SV Khoa CNSH-TP E-mail nội bộ dùng trong việc liên hệ các thông tin về công tác ĐT, học tập và NCKH.

Để duy trì cho sự ổn định của hệ thống CNTT, Ban Quản trị hệ thống thông tin và Phòng QTTB được sự phân công của BGH phối hợp thực hiện các công tác kiểm tra định kỳ (gồm hằng ngày và hằng tuần) nhằm phát hiện và xử lý kịp thời nếu xảy ra sự cố [H9.09.04.04]. Trong giai đoạn đánh giá, Khoa CNSH-TP đã xây dựng những kênh thông tin khác nhằm hỗ trợ quản lý công tác ĐT, NCKH và trao đổi thông tin giữa Khoa, GV với SV như fanpage Facebook (Tên chính thức: Khoa CNSH-TP, Trường ĐHKTCNCT, địa chỉ: <https://www.facebook.com/fmectut/>) và website của Khoa CNSH-TP (<https://khoacntp.ctuet.edu.vn/>) [H9.09.04.05]. Năm học 2019 - 2020, Khoa CNSH-TP đã ứng dụng phần mềm Google-Meet/Zoom vào việc sinh hoạt CVHT hàng tháng để trao đổi với SV.

Hàng năm, hệ thống CNTT được sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng và cập nhật để hỗ trợ các hoạt động ĐT và nghiên cứu, Trường còn có kế hoạch mua sắm mới, hệ thống máy tính trang bị phần cứng, phần mềm, cải thiện hệ thống mạng. Trường luôn đảm bảo NH và các BLQ sử dụng hệ thống CNTT có bản quyền và đầy đủ chức năng để phục vụ tối đa cho các hoạt động ĐT và nghiên cứu. Trường đã ban hành Quy chế Quản lý hệ thống CNTT với những nội dung quy định về các nguyên tắc và phương thức thực hiện đảm bảo việc an toàn, bảo mật, phòng ngừa các rủi ro cho hệ thống CNTT [H9.09.04.06].

Hàng năm, Trường đã tiến hành khảo sát ý kiến phản hồi của GV, NV và SV về mức độ đáp ứng nhu cầu cầu phù hợp của hệ thống CNTT trong hỗ trợ hoạt động ĐT và nghiên cứu, là tiền đề để Trường từng bước có những cải tiến và cập nhật hệ thống CNTT [H9.09.04.07].

2. Điểm mạnh

Hệ thống CNTT phù hợp và được cập nhật, hỗ trợ đắc lực cho hoạt động ĐT và nghiên cứu của người dạy và học ngành CNSH.

Hệ thống CNTT được nâng cấp, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về chất lượng đào tạo chương trình ngành CNSH.

3. Điểm tồn tại

Các phần mềm hiện tại đang sử dụng được mua từ bên ngoài nên Trường còn bị động trong việc khắc phục sự cố cũng như việc nâng cấp phần mềm khi cần thiết.

4. Kế hoạch hành động

4.1. Phát huy điểm mạnh:

Hàng năm Trường cải tiến hệ thống công nghệ thông tin phù hợp và tiếp tục cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

4.2. Khắc phục tồn tại:

Theo kế hoạch chung của Trường, năm 2024 - 2025 có 02 đợt đăng ký các hoạt động khoa học và công nghệ vào tháng 09 năm 2024 và tháng 2 năm 2025, Khoa khuyến khích đội ngũ GV đăng ký phối hợp với Ban quản trị hệ thống thông tin viết các phần

mềm phục vụ hành chính, đào tạo và NCKH để chủ động hơn trong việc khắc phục các sự cố cũng như nâng cấp khi cần thiết.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật

1. Mô tả hiện trạng

Trường thực hiện các quy định, tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn theo quy định hiện hành để ban hành các quy định, tiêu chuẩn nhằm đảm bảo thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe; kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện các nội dung trong công tác Y tế, vệ sinh môi trường, an toàn trong trường học của các đơn vị, GV, NV và NH [H9.09.05.01].

Quy định, tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn được triển khai thực hiện trong phạm vi toàn trường. Trường giao nhiệm vụ cho các phòng ban như: Phòng CTCT&QLSV, Tự vệ cơ quan, Đội PCCC, Bộ phận Y tế, Tổ Bảo vệ có chức năng chịu trách nhiệm về môi trường, sức khỏe và an toàn học đường, gồm:

i) *Về môi trường*: GV và NH có điều kiện tham gia ĐT và nghiên cứu trong khuôn viên trường với nhiều cây xanh, cây cảnh, ghế đá, mái che nắng, hồ cá... tạo cảnh quan thoáng đãng, thoải mái cho GV và NH, tạo môi trường học tập, giảng dạy hiệu quả. Trường đảm bảo vệ sinh khuôn viên trường học thông qua các hợp đồng ký kết với công ty về vệ sinh như thu gom rác thải, vệ sinh phòng học và có kế hoạch cải tiến CSVC. Bên cạnh đó, trường quan tâm đến những đối tượng đặc biệt người khuyết tật như thiết kế CSVC có khu vực dành riêng cho người khuyết tật (lối đi riêng, khu vực vệ sinh...). Nhằm tạo môi trường, điều kiện học tập tốt hơn đối với NH là người khuyết tật, phòng CTCT-QLSV đã ban hành phiếu tiếp nhận phản hồi riêng với nội dung đến các nhu cầu của người khuyết tật trong học tập và đã có những đề xuất kịp thời để hỗ trợ NH. Thực hiện theo quy định của trường về việc miễn, giảm học phí cho SV hệ chính quy tại Trường. Qua đó, SV là người khuyết tật sẽ được xem xét hỗ trợ tùy theo mức độ như: miễn, giảm học phí; miễn giảm một số HP mà SV không đủ năng lực để tham gia học tập [H9.09.05.02].

ii) *Về sức khỏe*: Bộ phận Y tế với đầy đủ trang thiết bị, dụng cụ y tế theo quy định của Bộ, các ngành liên quan để sơ cứu khi xảy ra các sự cố về an toàn và sức khỏe. Nhân viên y tế có chuyên môn phù hợp và thường xuyên được Trường tạo điều kiện tham gia các lớp tập huấn nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Trường đã hợp đồng với Công ty TNHH Đồng Xuân (Phòng khám đa khoa Đồng Xuân) tổ chức khám sức khỏe cho SV đầu khóa học. Hằng năm, thực hiện kế hoạch đã được phê duyệt, Trường đều dành kinh phí đầu tư cho việc cải tiến môi trường, sức khỏe và an toàn cho CB, GV và NH [H9.09.05.03].

iii) *Về đảm bảo an toàn, khuôn viên*: Trường có tường rào bao quanh và được lực lượng bảo vệ theo dõi thường xuyên 24/24. Đồng thời, kiểm soát an ninh thông qua các biện pháp như: lắp đặt camera an ninh, theo dõi người ra vào thông qua kiểm tra thẻ tên có mã nhân sự của NV, GV và SV. Trường phối hợp với Công an và chính quyền địa phương về việc tập huấn cho lực lượng tự vệ của Trường hằng năm nhằm bảo đảm an ninh, trật tự, đảm bảo đúng theo quy định. Liên quan hoạt động phòng chống cháy nổ, Trường trang bị trang thiết bị PCCC theo đúng tiêu chuẩn hiện hành và được kiểm tra định kỳ. Đồng thời, Trường phối hợp với Công an PCCC tổ chức nhiều đợt tập huấn, diễn tập PCCC nhằm ứng phó khẩn cấp với các tai nạn cháy nổ [H9.09.05.03].

Hàng năm, Trường tổng kết đánh giá việc thực hiện tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn của Trường [H9.09.05.04], đồng thời lấy ý kiến phản hồi của NH và các BLQ về môi trường, sức khỏe và an toàn có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật thông qua việc thực hiện khảo sát sự hài lòng về chất lượng dịch vụ của các BLQ (NH và NV-GV) để cải thiện ngày càng tốt hơn các tiêu chuẩn môi trường, sức khỏe và an toàn, hàng năm. Kết quả khảo sát cho thấy: đánh giá chung của các BLQ về tiêu chí môi trường, sức khỏe và an toàn ở mức độ tạm hài lòng; công tác đảm bảo an ninh trật tự trong trường được thực hiện tốt và các phòng học giảng đường luôn sạch sẽ được SV đánh là hài lòng [H9.09.05.05].

2. Điểm mạnh

Môi trường sinh thái và môi trường học tập, công tác y tế học đường, an toàn lao động, PCCC và các điều kiện về CSVC cơ bản cho những người có nhu cầu đặc biệt luôn được Trường quan tâm triển khai. Trường có đánh giá và cải tiến tạo môi trường tự nhiên và XH tốt cho đội ngũ CB-GV-NV và SV trong trường.

3. Điểm tồn tại

Không gian xanh trong khu vực làm việc, học tập và các khu vực sinh hoạt chung của trường còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

4.1. Phát huy điểm mạnh:

Hàng năm Trường tiếp tục đẩy mạnh đến công tác môi trường, sức khỏe và an toàn cho CB, GV, nhân viên và SV toàn Trường.

4.2. Khắc phục tồn tại:

Tháng 12 năm 2024 theo kế hoạch mua sắm, sửa chữa, trang bị cơ sở vật chất của Trường, Khoa đề xuất trang bị thêm hệ thống cây xanh ở các khu vực xung quanh văn phòng Khoa và dãy phòng thí nghiệm, tạo môi trường thân thiện, thoải mái phục vụ tốt cho hoạt động dạy và học. Trường sẽ triển khai đầy đủ các quy định về an toàn, sức khỏe và môi trường đến các BLQ, có lưu ý đến người có nhu cầu đặc biệt.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 9:

Những điểm mạnh nổi bật: Hệ thống phòng làm việc, phòng học và phòng chức năng có trang bị đầy đủ CSVC, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu các hoạt động ĐT và NCKH. CSVC và trang thiết bị được quản lý, rà soát, nâng cấp thường xuyên, đáp ứng tối đa nhu cầu ĐT thực tế và định hướng phát triển mở rộng trong tương lai. Bộ phận chuyên trách quản lý CSVC và trang thiết bị có chức năng giải quyết, phối hợp giải quyết và có những đề xuất thiết thực giúp cho việc vận hành hoạt động ĐT và triển khai CTĐT được thuận lợi và đạt hiệu quả cao. Nguồn học liệu (giấy và điện tử, CSDL trực tuyến) phù hợp, đầy đủ và được cập nhật, đảm bảo phục vụ các hoạt động ĐT và nghiên cứu của ngành CNSH, định kỳ được bổ sung. Tài liệu học tập và nghiên cứu được cung cấp đầy đủ bao gồm cả nguồn bên ngoài và nội sinh của trường. Thư viện được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để hoạt động, tạo điều kiện thuận lợi cho người sử dụng. Không gian thoáng mát, rộng rãi tạo hứng thú học tập đối với NH. Dữ liệu khảo sát được thực hiện và so sánh qua các năm, từ đó làm cơ sở cho những đề xuất phát triển Thư viện. Trường đầu tư, mua sắm đảm bảo có đủ phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phục vụ ĐT và nghiên cứu của CTĐT ngành CNSH. Phòng thí nghiệm, thực hành của Trường được trang bị đầy đủ các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động ĐT và nghiên cứu. Hằng năm, Trường tiến hành kiểm kê tài sản, rà soát, đánh giá trang thiết bị trong phòng thí nghiệm, phòng thực hành để có kế hoạch duy tu, bảo dưỡng và cập nhật, nâng cấp để đáp ứng nhu cầu về ĐT và nghiên cứu. Trường có phân công cụ thể CB phụ trách phòng thí nghiệm, thực hành và ở mỗi phòng thí nghiệm, thực hành đều có hồ sơ theo dõi, quản lý và đánh giá hiệu quả việc sử dụng các trang thiết bị. Trong giai đoạn 2018 - 2023, hằng năm, Trường đầu tư, nâng cấp, bổ sung trang thiết bị phục vụ hoạt động ĐT và nghiên cứu của các CTĐT nói chung và CTĐT ngành CNSH nói riêng. Hệ thống CNTT phù hợp và được cập nhật, hỗ trợ đắc lực cho hoạt động ĐT và nghiên cứu của người dạy và học ngành CNSH. Hệ thống CNTT được nâng cấp, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về chất lượng ĐT chương trình ngành CNSH. Môi trường sinh thái và môi trường học tập, công tác y tế học đường, an toàn lao động, PCCC và các điều kiện về CSVC cơ bản cho những người có nhu cầu đặc biệt luôn được Trường quan tâm triển khai. Trường có đánh giá và cải tiến tạo môi trường tự nhiên và XH tốt cho đội ngũ CB-GV-NV và SV trong trường.

Những tồn tại cơ bản: Mặc dù có phòng dành cho GV sinh hoạt chung, nhưng còn hạn chế về không gian sinh hoạt chuyên môn cho các bộ môn. Số lượng giáo trình và sách chuyên khảo do GV trong trường biên soạn, đặc biệt là những ấn phẩm đã được xuất bản, còn khá khiêm tốn. Khó khăn về kinh phí nên việc mua sắm mới các trang thiết bị hiện đại còn gặp khó khăn do nhu cầu về trang thiết bị luôn thay đổi theo sự phát triển của ngành. Các phần mềm hiện tại đang sử dụng được mua từ bên ngoài nên Trường

còn bị động trong việc khắc phục sự cố cũng như việc nâng cấp phần mềm khi cần thiết. Không gian xanh trong khu vực làm việc, học tập và các khu vực sinh hoạt chung của trường còn hạn chế.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn: Điểm trung bình của tiêu chuẩn đạt: 4,80 điểm. Số tiêu chí đạt: 5/5. Tỷ lệ số tiêu chí đạt: 100%.

Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng

Mở đầu: Hiện nay, Trường và Khoa CNSH-TP rất chú trọng đến việc nâng cao chất lượng ĐT. Điều này thể hiện rõ thông qua việc xây dựng hệ thống thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các BLQ để thiết kế và phát triển CTDH đến việc đảm bảo chất lượng trong kiểm tra, đánh giá, áp dụng các kết quả NCKH để cải tiến việc dạy và học cũng như đáp ứng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, tạo cơ chế phản hồi cho các BLQ.

Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học

1. Mô tả hiện trạng

Trường và Khoa có hệ thống thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực khi thiết kế CTDH và phản hồi từ các BLQ (gồm các chuyên gia, nhà quản lý, GV, NCV, NH, NTD, HĐKH&ĐT cấp Khoa và Trường. Căn cứ vào Quy trình xây dựng và đánh giá CTDH, Trường ĐHKTCNCT đã xây dựng hệ thống quy trình khảo sát, lấy ý kiến phản hồi từ NH về hoạt động (i) giảng dạy của GV và (ii) tổ chức ĐT của Trường trước khi tốt nghiệp [H10.10.01.01]. Trước khi thiết kế, xây dựng CTDH, tổ soạn thảo phải hoàn thành phiếu khảo sát và lập kế hoạch khảo sát, tiến hành tổ chức khảo sát các đối tượng: GV, NH, NTD... bằng các hình thức: tổ chức hội thảo, phỏng vấn trực tiếp hoặc qua Email. Sau khi hoàn thành khảo sát, tổ soạn thảo tiến hành tổng hợp các dữ liệu đã thu thập, phân tích và báo cáo kết quả khảo sát [H10.10.01.02]. Sau khi phân tích nhu cầu nguồn nhân lực và kết quả phản hồi của các BLQ, Tổ soạn thảo xác định CĐR/KQHTMĐ gồm kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm của ngành ĐT. Đối với nhu cầu XH, Trường và Khoa cũng tiến hành khảo sát nhu cầu nguồn nhân lực ngành CNSH làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTDH thông qua Bảng thống kê nhu cầu nguồn nhân lực ngành CNSH [H10.10.01.03]. Quy trình lấy ý kiến phản hồi từ các BLQ về CTDH được thể hiện qua **bảng 10.1.1**.

Bảng 10.1.1. Bảng mô tả yêu cầu của các BLQ làm căn cứ thiết kế và phát triển CTDH

Bên liên quan	Yêu cầu	Cách thức tổ chức	Kết quả
Chuyên gia	Tập huấn các phương pháp/ cách tiếp cận trong thiết kế CTDH	Tổ chức Hội thảo/tập huấn	Quyết định phân công nhân sự tổ soạn thảo chương trình/Bảng

Bên liên quan	Yêu cầu	Cách thức tổ chức	Kết quả
			phân công nhân sự soạn thảo ĐCCT
Nhà tuyển dụng	- Xác định các năng lực và tố chất cần thiết của SV tốt nghiệp để đáp ứng với yêu cầu của thị trường lao động - Đánh giá mức độ đáp ứng của SV tốt nghiệp về kiến thức chuyên môn, kỹ năng, thái độ	Tổ chức lấy ý kiến khảo sát	Báo cáo năng lực của SV tốt nghiệp để đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động
Giảng viên	- Thiết kế CĐR của CTDH, môn học - Thiết kế ĐCCT, Phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá	Tổ chức họp nhóm thiết kế CTDH, bộ môn	CĐR của CTDH CĐR của môn học Các phương pháp giảng dạy, kiểm tra - đánh giá ĐCCT môn học
Người học	- SV phản hồi về nội dung giảng dạy, tài liệu học tập, phương pháp giảng dạy của các môn học trong CTDH; - SV tốt nghiệp phản hồi về chương trình của toàn khóa học	Tổ chức khảo sát ý kiến NH về phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá	Tổng hợp ý kiến đóng góp của SV
Các cơ sở ĐT: Trường ĐH Cần Thơ, Trường ĐH Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long	Mục tiêu đào tạo, CĐR. Cấu trúc CTDH ngành CNSH có liên quan	Đối sánh giữa các nội dung trong CTDH	Bảng đối sánh giữa CTDH CNSH của Khoa so với các cơ sở đào tạo
Hội đồng Khoa học và đào tạo cấp Khoa	Thống nhất CĐR của CTDH, khung CTĐT dự kiến, CTDH, ĐCCT môn học,...	Tổ chức họp HĐKH&ĐT Khoa thông qua CTDH	Dự thảo toàn bộ CTDH

Bên liên quan	Yêu cầu	Cách thức tổ chức	Kết quả
Trường	Sự phù hợp của CDR với Chiến lược phát triển của Trường	Họp BGH và lãnh đạo các phòng ban có liên quan	Phê duyệt và ban hành CTDH mới

Qua bảng 10.1.1 cho thấy việc thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực và phản hồi của các BLQ được thực hiện theo một quy trình có tính hệ thống. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các BLQ được sử dụng làm căn cứ để thiết kế CTDH. Trường đã ban hành các quy định, quy trình gồm: khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của các BLQ, tiến hành thu thập, xử lý và sử dụng thông tin phản hồi của các BLQ. Theo bảng mô tả trên cho thấy việc thông tin phản hồi và nhu cầu của các BLQ đã được thu thập và sử dụng để thiết kế, cụ thể: i) *Đối với các chuyên gia*: Trường, Khoa đã tổ chức hội thảo, tập huấn về các phương pháp, cách tiếp cận trong thiết kế CTDH. Dựa trên thông tin thu thập được từ các buổi hội thảo, tập huấn, Trường và Khoa đưa ra các quyết định thiết kế CTDH, đồng thời phân công nhân sự tổ chức thực hiện [H.10.10.01.04]. ii) *Đối với các NTD*: Trường, Khoa đã ban hành quy trình NTD đánh giá chất lượng SV tốt nghiệp. Căn cứ quy trình này, Trường tổ chức lấy ý kiến khảo sát nhằm xác định các năng lực và tố chất cần thiết của SV tốt nghiệp để đáp ứng với yêu cầu của thị trường lao động. Dựa trên kết quả khảo sát, Trường, Khoa thực hiện báo cáo đánh giá mức độ đáp ứng của SV tốt nghiệp về kiến thức chuyên môn, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm trong hành nghề CNSH và năng lực của SV tốt nghiệp để thiết kế CTDH phù hợp. iii) *Đối với GV*: Khoa tổ chức họp nhóm GV thiết kế CTDH, họp bộ môn, họp khoa, thảo luận nhằm làm cơ sở thiết kế CDR của CTDH, thiết kế ĐCCT, phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá... iv) *Đối với NH*: Trường/Khoa tổ chức khảo sát ý kiến NH về phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá. Những phản hồi của NH được thu thập và xem xét để thiết kế CTDH [H.10.10.01.05]. v) *Đối với các cơ sở ĐT trong nước (Trường ĐH Cần Thơ, Trường ĐH Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long)*: Trường, Khoa đã có tổ chức đối sánh giữa các nội dung trong CTDH về Mục tiêu ĐT, CDR, Cấu trúc CTDH ngành CNSH có liên quan. Kết quả đối sánh được tham khảo để thiết kế CTDH phù hợp [H10.10.01.06]. vi) *Đối với HĐKH&ĐT cấp Khoa*: Khoa có tổ chức họp HĐKH&ĐT để thảo luận thống nhất CDR của CTDH, khung CTDH dự kiến, ĐCCT môn học. Từ đó, Khoa đã xây dựng dự thảo toàn bộ CTDH và ĐCCT [H10.10.01.07]. vii) *Đối với Trường*: Trường đã tổ chức họp BGH và lãnh đạo các phòng ban có liên quan, thảo luận sự phù hợp của CDR với Chiến lược phát triển của Trường. Qua đó, theo kết quả tổng hợp ý kiến các BLQ của Khoa, Trường đã phê duyệt và ban hành CTDH mới cho Khoa và ĐCCT các HP thuộc ngành CNSH [H10.10.01.08].

Thông tin phản hồi và nhu cầu của các BLQ được sử dụng làm căn cứ để phát triển CTDH. Định kỳ, Khoa thực hiện rà soát và chỉnh sửa CTDH theo ý kiến khảo sát của các BLQ về: thay đổi thiết kế CDR theo tiêu chuẩn mới, bổ sung một môn học cần thiết, tăng thời lượng thực hành cho một số môn học, tích hợp một số môn học để có môn học mới, thay đổi thời gian ĐT phù hợp với số tín chỉ trong CTDH. Việc thay đổi tập trung theo hướng phát hiệu quả của tính ứng dụng, thực hành trong ĐT. Khoa thống kê kết quả khảo sát ý kiến của NTD, SV tốt nghiệp, GV, chuyên gia về những điểm mạnh, điểm tồn tại của CTDH để cải tiến và phát triển, áp dụng cho ĐT SV khóa tiếp theo. Bên cạnh đó, kết quả khảo sát góp phần phản ánh rõ nhu cầu của thị trường lao động ở từng giai đoạn và sự phù hợp phương pháp ĐT, chất lượng ĐT trong CTDH để cải tiến và phát triển [H10.10.01.08].

2. Điểm mạnh

Việc phát triển CTDH tuân thủ theo quy định của Trường và Bộ GD&ĐT, có kế hoạch rõ ràng. Mỗi đợt điều chỉnh CTĐT, Khoa đều tổ chức thực hiện lấy ý kiến phản hồi của các BLQ theo đúng quy trình. Hệ thống thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các BLQ được tổ chức và thực hiện tốt.

Các ý kiến phản hồi đều được Khoa tổng hợp, phân tích và vận dụng vào quá trình thiết kế, xây dựng, phát triển CTĐT, CTDH của Khoa, đảm bảo đủ cơ sở, có tính khoa học, có tính khách quan và độ tin cậy khi phát triển CTDH.

3. Điểm tồn tại

Việc đóng góp ý kiến để xây dựng CTDH chỉ mới ở mức độ góp ý mà thiếu sự phân tích chuyên sâu. Ngành CNSH chỉ mới 02 khóa SV tốt nghiệp, do đó khi thực hiện lấy ý kiến của các BLQ thì thiếu ý kiến của cựu SV.

4. Kế hoạch hành động

4.1. Phát huy điểm mạnh:

Giai đoạn 2024 - 2028, Phòng ĐT phối hợp với Khoa tiếp tục thực hiện khảo sát các BLQ về CTDH theo kế hoạch hằng năm của Khoa. Dựa trên bảng khảo sát các BLQ đã được kiểm chứng, Khoa tiếp tục sử dụng phản hồi của các BLQ làm cơ sở để điều chỉnh CTDH ngày càng phù hợp với nhu cầu thực tế của DN.

4.2. Khắc phục tồn tại:

Tháng 01 năm 2025 và theo kế hoạch chung của Trường, Khoa có kế hoạch tiếp tục đẩy mạnh cải tiến các kênh trực tuyến để lấy ý kiến phản hồi về CTDH. Định kỳ họp chuyên môn để tổng hợp các ý kiến đóng góp về CTDH, chú trọng tổ chức gặp gỡ, trao đổi với người có ý kiến phản hồi để thu thập ý kiến đóng góp chuyên sâu.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả hiện trạng

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, Phòng ĐT là đơn vị tham mưu BGH để phối hợp các Khoa rà soát quy trình thiết kế và quy trình đánh giá CTDH của Trường. Năm 2015, Trường ban hành Quy định về xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT của Trường trong đó thể hiện các bước cụ thể của quy trình thiết kế và phát triển CTDH. Phòng ĐT tổ chức họp với các đơn vị để rà soát Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT của Trường đã ban hành năm 2015, tiếp thu ý kiến góp ý của các đơn vị để chỉnh sửa Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT và trình Hiệu trưởng ký ban hành Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT đã được điều chỉnh và năm 2020 và 2021, trong đó có quy trình thiết kế và phát triển CTDH với các biểu mẫu cụ thể [H10.10.02.01].

Trước khi CTĐT được xây dựng, cập nhật, đánh giá, Trường tiến hành rà soát Quy trình này bằng việc ban hành Kế hoạch xây dựng, cập nhật, đánh giá CTĐT đại học [H10.10.02.02]. Theo kế hoạch, Phòng ĐT thực hiện tiến hành rà soát và báo cáo với Hiệu trưởng các thay đổi quan trọng trong quy định về xây dựng, cập nhật, đánh giá CTĐT đại học; đề xuất Bản dự thảo về Hướng dẫn xây dựng, cập nhật, đánh giá CTĐT đại học; tiến hành lấy ý kiến đóng góp của các cá nhân và đơn vị có liên quan trong Trường đối với bản dự thảo [H10.10.02.03]; hoàn thiện Bản dự thảo về Hướng dẫn xây dựng, cập nhật, đánh giá CTĐT đại học theo các ý kiến đóng góp và trình Hiệu trưởng xem xét, ký ban hành Quy trình mới. CTĐT của ngành CNSH đã được xây dựng và điều chỉnh, cập nhật vào các năm 2018, 2020 và 2022 theo các Quy trình này. Quy trình xây dựng CTĐT năm 2020 được thực hiện cụ thể và chi tiết theo 8 bước. Sau khi nhận được thông báo về kế hoạch điều chỉnh CTĐT, Quyết định thành lập Tổ soạn thảo, cập nhật, đánh giá CTĐT trình độ ĐH, Khoa tiến hành triển khai thông qua cuộc họp và xây dựng kế hoạch thực hiện [H10.10.02.02], [H10.10.02.03], [H10.10.02.04], [H10.10.02.05]. Bộ môn triển khai đến các GV về việc xây dựng đề cương HP theo CĐR [H10.10.02.06]. CTĐT ngành CNSH cũng được các BLQ đóng góp, xây dựng thông qua những khảo sát các đối tượng: GV, SV, cựu SV và NTD [H10.10.02.07]. Việc ban hành CTĐT được thực hiện trên cơ sở có sự thông qua của hội đồng thẩm định [H10.10.02.08], [H10.10.02.09].

Trong giai đoạn 2018 - 2023, Trường ban hành kế hoạch rà soát, điều chỉnh, cải tiến CTDH của các CTĐT vào năm 2020 và 2022, đồng thời thông báo đến các Khoa để triển khai rà soát các CTĐT đã ban hành. Trong kế hoạch rà soát, cập nhật, đánh giá CTDH, Trường yêu cầu các Khoa trong quá trình điều chỉnh CTDH phải tham khảo các CTDH tiên tiến trong nước và quốc tế, đồng thời lấy kiến phản hồi của các BLQ. Trong

kế hoạch lấy ý kiến các BLQ của Trường có nội dung khảo sát về CĐR của CTĐT và đề cương HP. Kết quả khảo sát ý kiến của các BLQ về CTDH được các Khoa tham khảo và sử dụng trong quá trình điều chỉnh CTDH. Ngoài ra, tại các hội nghị, hội thảo do Trường tổ chức, các khoa triển khai lấy ý kiến của các DN sử dụng lao động về CTDH. CTDH ngành CNSH đã tham khảo các CTDH tiên tiến trong nước và quốc tế, tiếp thu ý kiến của các BLQ khi điều chỉnh CTDH. Nhiệm vụ quan trọng của quá trình cập nhật gồm: cập nhật về CĐR CTĐT theo quy định tại Khung trình độ quốc gia Việt Nam (*theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ*), cập nhật chương trình khung, cập nhật CĐR học phần, ma trận CĐR, cập nhật đề cương các môn học phù hợp với CĐR CTĐT [H10.10.02.10].

2. Điểm mạnh

Việc thiết kế, xây dựng, cập nhật và đánh giá CTDH được thực hiện thống nhất trong toàn trường theo quy trình, đảm bảo đúng quy định của Bộ GD&ĐT.

Hàng năm, Trường đều thực hiện rà soát, cập nhật lại quy trình xây dựng, thiết kế và quy trình cập nhật, đánh giá CĐR, CTĐT, phù hợp với yêu cầu của Bộ GD&ĐT, nhu cầu của các BLQ và với thực tế.

3. Điểm tồn tại

Ý kiến đóng góp từ các đơn vị về quy trình thiết kế, xây dựng và quy trình cập nhật, đánh giá CĐR, CTĐT chưa nhiều. Về ý kiến đóng góp của các BLQ thì thiếu ý kiến của cựu SV.

Một số bước và biểu mẫu trong quy trình rà soát, cập nhật CTĐT chưa được triển khai đầy đủ và hiệu quả.

4. Kế hoạch hành động

4.1. Phát huy điểm mạnh:

Giai đoạn 2024 - 2028, Khoa phối hợp với Phòng ĐT, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL cần mở rộng và tăng cường lấy ý kiến các BLQ khi thiết kế và phát triển CTDH.

4.2. Khắc phục tồn tại:

Tháng 01 năm 2025 và theo kế hoạch chung của Trường, Khoa sẽ phối hợp với Phòng ĐT tổ chức tập huấn kỹ các bước thực hiện quy trình xây dựng cũng như rà soát CTDH nhằm giúp GV hiểu rõ các nội dung để từ đó có những đóng góp điều chỉnh thiết thực hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra.

1. Mô tả hiện trạng

Để đảm bảo việc dạy và học đi vào nề nếp, công tác dạy học đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR, Trường đã sớm ban hành các văn bản, quy định liên quan

đến quá trình dạy và học, KTĐG KQHT của NH, trong đó yêu cầu các Khoa thường xuyên rà soát và đánh giá quá trình dạy và học, việc đánh giá KQHT của SV phải đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR [H10.10.03.01], [H10.10.03.02]. Định kỳ hằng năm, Khoa CNSH-TP thường xuyên tiến hành dự giờ GV của Khoa [H10.10.03.03]. Ngoài ra, Bộ phận Thanh tra của Trường thường xuyên kiểm tra việc thực hiện giờ giảng dạy của GV [H10.10.03.04]. Phòng ĐT là đơn vị giám sát về KQHT của SV toàn Trường và Khoa CNSH-TP giám sát KQHT của SV do Khoa quản lý [H10.10.03.05]. Định kỳ hằng năm, Phòng CTCT&QLSV thống kê danh sách SV bị cảnh báo học vụ và trình Hiệu trưởng ra quyết định cảnh báo học vụ SV, trong đó có SV ngành CNSH [H10.10.03.06].

Năm học 2023 - 2024, Khoa triển khai giảng dạy môn học theo CĐR. Biên soạn tài liệu giảng dạy, giáo trình theo CĐR, giảng dạy theo CĐR, đây là công tác quan trọng trong việc đảm bảo sự tương thích và phù hợp của hoạt động dạy và học theo CĐR [H10.10.03.07]. Hằng năm, Trường luôn triển khai khảo sát chất lượng HP giảng dạy của GV, đồng thời tiến hành hội nghị đối thoại giữa BGH với SV để làm cơ sở rà soát, đánh giá việc sử dụng các PPKTĐG KQHT của SV. Nội dung khảo sát ý kiến của GV, SV về chất lượng các hoạt động của Trường có nội dung khảo sát về độ tin cậy và độ chính xác của những loại hình, PPKTĐG KQHT của NH [H10.10.03.08]. Trong Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ và Quy định về biên soạn, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi kết thúc học phần của Trường ban hành có quy định rõ về quy trình thi và hướng đến đạt CĐR [H10.10.03.09]. Bên cạnh đó, Trường tổ chức tập huấn cho GV cách thức xây dựng CĐR; xây dựng, thẩm định, ban hành CTĐT; thiết kế Rubrics và ban hành ngân hàng câu hỏi.

2. Điểm mạnh

Việc dạy và học được quy định cụ thể. Hoạt động giảng dạy được phản ánh kịp thời qua nhiều kênh thông tin làm cơ sở để GV điều chỉnh kịp thời phương pháp, cập nhật kiến thức thực tiễn phục vụ tốt hơn công tác giảng dạy.

Trường thường xuyên thực hiện việc lấy ý kiến NHC về việc đánh giá KQHT.

Hoạt động tập huấn phát triển chuyên môn, sinh hoạt chuyên đề về cải tiến PPGD, PPKTĐG đáp ứng CĐR được thực hiện thường xuyên theo từng học kỳ.

3. Điểm tồn tại

Một số học phần, tỷ lệ NH hài lòng về phương pháp dạy học và đánh giá KQHT còn chưa cao.

4. Kế hoạch hành động

4.1. Phát huy điểm mạnh:

Giai đoạn 2024 - 2028, Khoa phối hợp Phòng ĐT tiếp tục cải tiến, hoàn thiện hoạt động đánh giá KQHT của SV đa dạng và linh hoạt hơn nữa nhằm bao quát và đảm bảo

tính chuẩn xác trong quá trình đánh giá.

4.2. Khắc phục tồn tại:

Năm học 2024 - 2025 theo định kỳ cuối mỗi học kỳ (tháng 01 và tháng 6), Khoa sẽ tăng cường tổ chức các buổi trao đổi, thảo luận, đánh giá rút kinh nghiệm đối với các GV để tìm ra phương pháp dạy, học và đánh giá KQHT hiệu quả.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học

1. Mô tả hiện trạng

Xác định hoạt động NCKH là một trong những nhiệm vụ quan trọng góp phần đổi mới nội dung CTDH và phương pháp dạy học, Trường ban hành Quy định chế độ làm việc đối với GV, trong đó bao gồm nhiệm vụ của CB, GV, thời gian giảng dạy, thời gian cho hoạt động NCKH và các hoạt động khác có liên quan. Bên cạnh đó, Quy định về việc quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ có nội dung quy định về kết quả nghiên cứu và sáng tạo. Các đề tài NCKH cấp Trường từ khâu xét duyệt, thực hiện đến khâu nghiệm thu đều yêu cầu kết quả nghiên cứu phải có tính mới, tính sáng tạo và tính ứng dụng trong công tác dạy học [H10.10.04.01]. Hoạt động NCKH của các GV tham gia giảng dạy CTĐT được Trường chú trọng, theo đó, mỗi GV của Trường tối thiểu mỗi năm phải có một công trình khoa học được công bố dưới dạng đề tài NCKH, bài báo khoa học, tham luận hội thảo,... được quy đổi từ 150 đến 250 giờ hoạt động NCKH. Nhờ vào những chính sách đó của Trường, số lượng SV, GV của Khoa CNSH-TP tham gia NCKH ngày càng nhiều. Trong giai đoạn 2018 - 2023, GV Khoa CNSH-TP đã thực hiện 35 đề tài NCKH (đã nghiệm thu) và 01 dự án khoa học công nghệ cấp thành phố liên quan đến dạy học [H10.10.04.02].

Để sử dụng những kết quả NCKH vào việc cải tiến PPDH, Khoa CNSH-TP đã đưa ra quy định định kỳ hàng tháng hoặc hàng quý tiến hành các buổi sinh hoạt chuyên môn, các buổi trao đổi học thuật để cập nhật tài liệu giảng dạy. Trên cơ sở đề tài NCKH đã được nghiệm thu, GV chủ nhiệm đề tài chuyển tải sản phẩm đề tài NCKH thành nội dung bài giảng, chuyên đề, thông qua Khoa và áp dụng vào quá trình dạy học. Các đề tài được chuyển giao và sử dụng để giảng dạy HP: Nghiên cứu quy trình sản xuất enzyme amylase thô từ mầm lúa (*Oryza sativa*) giống IR50404 ứng dụng vào giảng dạy các HP Sinh học đại cương A1, Kỹ thuật phân tích và thiết bị, Enzyme, Enzyme trong Công nghệ thực phẩm, Công nghệ lên men, Công nghệ vi sinh, đề tài Nghiên cứu xây dựng quy trình lên men rượu vang mít Thái Changai (*Artocarpus heterophyllus*) ứng dụng vào HP Công nghệ lên men, Công nghệ vi sinh. Ngoài ra, các sản phẩm NCKH còn được tham gia trưng bày, triển lãm trong các sự kiện quan trọng của thành phố Cần Thơ và Trường: Hoạt động kỷ niệm 20 năm thành phố Cần Thơ trực thuộc trung ương, Ngày

hội khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Techfest Cần Thơ 2023, Đại hội đại biểu Hội Sinh viên Thành phố Cần Thơ, Ngày hội tư vấn tuyển sinh do báo Tuổi trẻ tổ chức tại ĐH Cần Thơ,... Bên cạnh đó, các đề tài NCKH của GV còn đóng vai trò đào tạo SV, sản phẩm NCKH của GV tham gia và đạt giải cao trong Hội thi sáng tạo khoa học kỹ thuật cấp thành phố, top 10 sản phẩm khoa học công nghệ được yêu thích nhất [H10.10.04.03].

Trước mỗi học kỳ, các GV tham gia giảng dạy cùng một HP phải tiến hành họp để thống nhất đề cương, tài liệu giảng dạy [H10.10.04.04]. Hội thảo khoa học cấp Khoa là các hoạt động giới thiệu các kết quả NCKH của GV và SV nhằm tạo môi trường trao đổi học thuật và áp dụng kết quả nghiên cứu. Thông qua các hoạt động sinh hoạt chuyên môn, seminar chuyên đề với chuyên gia trong ngoài nước và hội thảo khoa học cấp khoa hàng tháng, hàng quý, hàng năm đã giúp ích rất nhiều cho GV trong việc cải tiến PPGD, cập nhật tài liệu giảng dạy và hoàn thiện đề cương, bài giảng [H10.10.04.05]. Thông qua các hoạt động KHCN này, SV có cơ hội tham khảo, mở rộng kiến thức ngoài bài giảng, giáo trình và nội dung được học trong thời lượng giới hạn. Tham gia các hoạt động này, SV đã vận dụng các ý tưởng và kết quả đề tài vào khóa luận tốt nghiệp của mình, vận dụng kết quả để hoàn thiện, khắc phục hạn chế trong quá trình học tập nghiên cứu [H10.10.04.06].

2. Điểm mạnh

Trường ban hành văn bản quy định về công tác NCKH của GV và triển khai thực hiện.

Trong giai đoạn 2018 - 2023, GV Khoa CNSH-TP đã thực hiện 35 đề tài NCKH (đã nghiệm thu) và 01 dự án khoa học công nghệ cấp thành phố liên quan đến dạy học.

Trường và Khoa CNSH-TP tổ chức các hội thảo, sáng kiến kinh nghiệm để áp dụng kết quả NCKH, đồng thời có sử dụng các kết quả NCKH để cải tiến hoạt động giảng dạy của GV và hoạt động học tập của SV.

3. Điểm tồn tại

Số lượng bài báo, công trình NCKH của GV còn ít và chưa tương xứng với tiềm năng của GV.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh:

Hàng năm, Khoa và GV tiếp tục đăng ký các giáo trình, tài liệu học tập phục vụ việc dạy và học. Bên cạnh đó, Khoa tiếp tục phối hợp với DN thực hiện các đề tài, đề án có tính ứng dụng cao.

Khắc phục tồn tại:

Theo kế hoạch chung của Trường, năm học 2024 - 2025 có 02 đợt đăng ký các hoạt động khoa học và công nghệ vào tháng 9 năm 2024 và tháng 02 năm 2025, Khoa sẽ đẩy mạnh hoạt động NCKH, khuyến khích GV, SV tham gia NCKH, tích cực viết bài

nghiên cứu, có kế hoạch tổ chức thêm nhiều hội thảo cấp trường có quy mô, mời được các chuyên gia quốc tế.

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, trung tâm phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả hiện trạng

Các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích phục vụ hoạt động dạy và học tại Trường bao gồm thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác. Trường ban hành các văn bản, quy định công tác CVHT, công tác hướng nghiệp và việc làm, quy định về học bổng khuyến khích, quy chế quản lý, sử dụng tài sản của Trường, trong đó có nội dung đánh giá các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác [H10.10.05.01]. Các mục tiêu, chỉ tiêu đầu tư về thư viện và nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT được thể hiện trong Chiến lược phát triển trường giai đoạn 2020 - 2025 định hướng đến năm 2030 và các kế hoạch năm học về CSVC đã được ban hành [H10.10.05.02].

Quy định về khảo sát ý kiến của các BLQ trong công tác ĐBCL của Trường ban hành có nội dung đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác. Căn cứ kế hoạch khảo sát ý kiến phản hồi của các BLQ về hoạt động của Trường đã được ban hành, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL phối hợp với các Khoa thực hiện khảo sát ý kiến của GV, SV về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thực hành, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác của Trường [H10.10.05.03]. Hằng năm, Trường có thực hiện việc đánh giá mức độ hài lòng của SV đối với các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác. Trường khảo sát các BLQ (CB, GV, NH) về mức độ đáp ứng của trang thiết bị dạy học và của hệ thống phòng học, giảng đường, phòng thực hành thí nghiệm, hệ thống CNTT, môi trường sức khỏe, an toàn, thư viện. Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của GV, SV được Phòng TT-PC-KT-ĐBCL gửi đến các đơn vị để có cơ sở áp dụng các biện pháp cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thực hành, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác của Trường [H10.10.05.04]. Trong giai đoạn 2018 - 2023, ý kiến khảo sát của GV và SV thể hiện mức độ hài lòng đối với các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thực hành, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác của Trường. Bên cạnh đó, ý kiến góp ý của GV tại Hội nghị viên chức và người lao động hằng năm và ý kiến của SV tại diễn đàn đối thoại giữa BGH với SV hằng năm thể hiện mức độ hài lòng đối với các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thực hành, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác của Trường.

Kết quả khảo sát và dữ liệu khảo sát là một trong những thông tin đầu vào để giúp các đơn vị trong Trường đánh giá và đưa ra các hoạt động cải tiến thể hiện qua Báo cáo tổng kết năm học và Kế hoạch năm học tiếp theo của Trường và các đơn vị [H10.10.05.05]. Trên cơ sở khảo sát ý kiến của các BLQ và kết quả các cuộc họp tổng kết năm học, các dịch vụ hỗ trợ đã được cải tiến và nâng cao chất lượng phục vụ. Trường đầu tư, nâng cấp hạ tầng CNTT, trong đó có đầu tư phần mềm quản lý giáo dục, thư viện số, phần mềm quản lý thư viện, trên cơ sở đó, Thư viện thực hiện lưu trữ CSDL về nguồn lực học tập và dữ liệu theo dõi, đánh giá hiệu quả sử dụng các nguồn lực học tập như nguồn học liệu, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến [H10.10.05.06]. Nguồn kinh phí của Trường chi cho việc tăng cường, nâng cấp CSVC, cơ sở hạ tầng và trang thiết bị tăng qua từng năm. Trong giai đoạn 2018 - 2023, Trường đã xây dựng mới 02 dãy nhà học 01 trệt 06 lầu, nâng cấp hệ thống wifi, đầu tư bổ sung thiết bị phòng thí nghiệm, đồng thời tiến hành giải phóng mặt bằng Cơ sở II với hơn 5,7 ha trên tổng thể 17,72 [H10.10.05.07].

2. Điểm mạnh

Các văn bản quy định về việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thực hành, hệ thống CNTT ngày càng được hoàn thiện.

Hệ thống CSVC, trang thiết bị dạy, chất lượng các dịch vụ, tiện ích được định kỳ rà soát, đánh giá mức độ đáp ứng và có kế hoạch cải tiến, sửa chữa, cải tạo để nâng cao chất lượng phục vụ cho hoạt động giảng dạy và học tập định kỳ.

Hàng năm, Trường và Khoa CNSH-TP thực hiện khảo sát ý kiến của GV, SV về mức độ đáp ứng của các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác (tư vấn NH, công tác SV, các hoạt động đoàn thể, hoạt động ngoại khóa,...).

Hoạt động rà soát nhằm đánh giá chất lượng của các dịch vụ hỗ trợ ngày càng được chú trọng, được thực hiện một cách thường xuyên và bằng nhiều hình thức đa dạng khác nhau nhằm thu được kết quả phản hồi đáng tin cậy và đúng với thực tế.

Trường thực hiện nhiều cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác nhằm phục vụ tốt hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ.

3. Điểm tồn tại

Thông tin phản hồi về kết quả khảo sát chất lượng các dịch vụ hỗ trợ đến các BLQ được Trường thường xuyên thực hiện. Tuy nhiên, kết quả cải tiến từ các đơn vị trực tiếp phụ trách chưa được phản hồi cụ thể và đầy đủ đến các BLQ.

Một số nhu cầu của NH mặc dù được đáp ứng đầy đủ nhưng đôi khi chưa kịp thời do cần phải chờ kết quả thẩm định từ phòng ban liên quan.

4. Kế hoạch hành động

4.1. Phát huy điểm mạnh:

Hàng năm Trường tiếp tục rà soát nhằm đánh giá chất lượng của các dịch vụ hỗ trợ, đồng thời nâng cao chất lượng dịch vụ hỗ trợ của Thư viện, phòng thực hành, hệ thống CNTT.

4.2. Khắc phục tồn tại:

Năm học 2024 - 2025 vào cuối mỗi học kỳ (tháng 01 và tháng 6) sau khi có kết quả hồi của các BLQ về chất lượng dịch vụ, Trường sẽ tổng hợp và gửi ý kiến đến các đơn vị trực tiếp phụ trách nắm thông tin và thực hiện cải tiến và phản hồi cụ thể hơn đến các BLQ.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả hiện trạng

Trường ban hành văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc, trong đó có phân công Phòng TT-PC-KT-ĐBCL phối hợp các đơn vị triển khai khảo sát ý kiến các BLQ về các hoạt động của Trường [H10.10.06.01]. Quy định hoạt động ĐBCL bên trong của Trường có thể hiện rõ ràng về sự tham gia của các BLQ đối với hoạt động ĐBCL. Bên cạnh đó, Trường ban hành quy định về khảo sát ý kiến của các BLQ trong công tác ĐBCL, trong đó quy định trách nhiệm của đơn vị, cá nhân triển khai công tác khảo sát các BLQ. Theo đó, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL phối hợp các đơn vị xây dựng các biểu mẫu khảo sát, xây dựng kế hoạch khảo sát các BLQ, triển khai, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện của các đơn vị liên quan, hỗ trợ các đơn vị phân tích số liệu khảo sát, lưu trữ toàn bộ kế hoạch, biên bản, các văn bản triển khai thực hiện, phiếu khảo sát, dữ liệu thống kê, các báo cáo, văn bản chỉ đạo, triển khai thực hiện cải tiến chất lượng về công tác khảo sát trong thời hạn 05 năm. Phòng TCHC có trách nhiệm triển khai, thực hiện, theo dõi, kiểm tra, đánh giá cải tiến, báo cáo hoạt động khảo sát ý kiến các BLQ về tầm nhìn sứ mạng, giá trị cốt lõi, TLGD; khảo sát ý kiến của viên chức về môi trường làm việc, chế độ chính sách, nhu cầu học tập, đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Phòng ĐT có trách nhiệm triển khai, thực hiện, theo dõi, kiểm tra, đánh giá cải tiến, báo cáo hoạt động khảo sát ý kiến của SV năm thứ nhất về công tác tuyển sinh, công tác nhập học. Phòng QLKH-HTQT có trách nhiệm triển khai, thực hiện, theo dõi, kiểm tra, đánh giá cải tiến, báo cáo hoạt động khảo sát ý kiến của CB, GV, SV về công tác quản lý khoa học và công nghệ. Phòng CTCT&QLSV có trách nhiệm triển khai, thực hiện, theo dõi, kiểm tra, đánh giá cải tiến, báo cáo hoạt động khảo sát ý kiến của cựu SV về việc làm; khảo sát ý kiến của NTD về chất lượng SV tốt nghiệp. Các khoa có trách nhiệm triển khai, thực hiện, theo dõi, kiểm tra, đánh giá cải tiến, báo cáo hoạt động khảo sát ý kiến của SV về chất lượng học phần đồ án,

tiêu luận, luận văn tốt nghiệp; khảo sát ý kiến SV năm cuối về chất lượng ĐT; khảo sát mở ngành ĐT mới; khảo sát ý kiến về cập nhật CTĐT, CDR; khảo sát ý kiến của SV về chất lượng giảng dạy của GV, hoạt động dạy học và PPKTDG học phần, giáo trình, cơ sở vật chất phục vụ dạy học. Hằng năm, Trường ban hành và triển khai kế hoạch khảo sát ý kiến phản hồi của các BLQ trong công tác ĐBCL của Trường [H10.10.06.02]. Ngoài ra, Nhà trường ban hành Sổ tay chất lượng, trong đó thể hiện rõ sự tham gia của các BLQ trong các hoạt động ĐBCL của Trường [H10.10.06.03].

Bảng 10.6.1. Quy trình thu thập thông tin phản hồi theo hệ thống

STT	Nội dung khảo sát	Thời gian thực hiện	Đơn vị phụ trách chính
1	Ý kiến của cán bộ, viên chức, giảng viên về các lĩnh vực hoạt động của Trường	1 lần/năm	Phòng TT-PC-KT-ĐBCL
2	Ý kiến của sinh viên về các lĩnh vực hoạt động của Trường	1 lần/năm	Phòng TT-PC-KT-ĐBCL
3	Ý kiến của cựu sinh viên về tình hình việc làm và chất lượng đào tạo	1 lần/năm	Phòng TT-PC-KT-ĐBCL
4	Ý kiến của nhà tuyển dụng về nhu cầu việc làm và chất lượng đào tạo	1 lần/năm	Phòng TT-PC-KT-ĐBCL
5	Điều chỉnh CTĐT (dành cho sinh viên)	ít nhất 1 lần / 2 năm	Các khoa
6	Điều chỉnh CTĐT (dành cho cựu SV)	ít nhất 1 lần / 2 năm	Các khoa
7	Điều chỉnh CTĐT (dành cho NTD)	ít nhất 1 lần / 2 năm	Các khoa
8	Ý kiến của sinh viên năm thứ nhất về công tác tuyển sinh, nhập học	1 lần/năm	Các khoa
9	Ý kiến của sinh viên về chất lượng học phần lý thuyết và thực hành	1 lần/học kỳ	Các khoa
10	Ý kiến của sinh viên về chất lượng học phần đồ án, khóa luận	1 lần/học kỳ	Các khoa

Qua Bảng 10.6.1 cho thấy: các BLQ được thực hiện, cơ chế phản hồi về các thông tin tương ứng như về môn học, về toàn khóa học, về dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, về thu nhập, về chất lượng SV tốt nghiệp có văn bản quy định cụ thể và có tính hệ thống.

Cơ chế phản hồi của các BLQ luôn được đánh giá. Hằng năm, Trường và Khoa tổ chức khảo sát toàn diện về môn học, về toàn khóa học, về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ, về tình hình việc làm và thu nhập sau khi ra trường, về chất lượng SV tốt nghiệp. Các

kết quả khảo sát luôn được xem xét và đánh giá. Trường giao nhiệm vụ cho Phòng TT-PC-KT-ĐBCL triển khai rà soát cơ chế phản hồi của các BLQ. Phòng TT-PC-KT-ĐBCL tổ chức họp với các đơn vị để rà soát cơ chế phản hồi của các BLQ trong Quy định khảo sát ý kiến phản hồi của các BLQ. Dựa trên cơ sở tiếp thu ý kiến của các đơn vị, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL xây dựng quy định về khảo sát ý kiến của các BLQ trong công tác ĐBCL được điều chỉnh, trình Hiệu trưởng ký ban hành. Định kỳ hằng năm, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL phối hợp các đơn vị triển khai khảo sát các BLQ về các hoạt động của Trường. Kết quả khảo sát được báo cáo BGH và gửi đến các phòng, khoa, trung tâm tham khảo, sử dụng trong quá trình cải tiến các lĩnh vực hoạt động được phân công phụ trách. Bên cạnh đó, kết quả khảo sát ý kiến của các BLQ được gửi đến các Khoa để tham khảo, sử dụng trong quá trình điều chỉnh CĐR, CTĐT của Khoa [H10.10.06.04].

Cơ chế phản hồi của các BLQ được đánh giá và cải tiến. Trong quy định về khảo sát ý kiến của các BLQ trong công tác ĐBCL của Trường ban hành sau rà soát, Trường bổ sung nội dung về việc Phòng TT-PC-KT-ĐBCL giám sát các đơn vị sử dụng kết quả khảo sát ý kiến của các BLQ để cải tiến các hoạt động nhằm đáp ứng nhu cầu của các BLQ. Quy định về khảo sát ý kiến của các BLQ trong công tác ĐBCL của Trường đã điều chỉnh được gửi đến các đơn vị để thông báo đến GV, SV biết và thực hiện. Trong giai đoạn 2018 - 2023, Trường triển khai thực hiện tốt hoạt động khảo sát ý kiến phản hồi của các BLQ. Kết quả tổng hợp qua các đợt khảo sát lấy ý kiến các BLQ được gửi đến cho các khoa, các đơn vị có liên quan để xem xét, làm cơ sở cho kế hoạch cải tiến chất lượng giảng dạy và chất lượng ĐT [H10.10.06.05].

2. Điểm mạnh.

Trường đã ban hành cụ thể quy định, hướng dẫn thực hiện việc lấy ý kiến các BLQ và giao cho đơn vị chuyên trách thực hiện công tác lấy ý kiến các BLQ.

Quy trình lấy ý kiến các BLQ được rà soát và cập nhật hằng năm phù hợp với tình hình thực tế của Trường.

3. Điểm tồn tại

Việc thiết kế các công cụ khảo sát chưa hoàn toàn hiệu quả và chưa thể đối sánh đầy đủ ý kiến các BLQ.

4. Kế hoạch hành động

4.1. Phát huy điểm mạnh:

Giai đoạn 2024 - 2028, tiếp tục giám sát việc thực hiện cơ chế, quy trình phản hồi của các BLQ. Khoa sẽ phối hợp với đơn vị liên quan xây dựng các biện pháp nhằm tăng cường tính khách quan, liên tục của thông tin thu thập từ ý kiến phản hồi của các BLQ.

4.2. Khắc phục tồn tại:

Tháng 12 năm 2024, Trường sẽ rà soát và ban hành hướng dẫn cụ thể cách thức thực hiện khảo sát và xử lý kết quả khảo sát. Đồng thời, tăng cường công tác tập huấn

về khảo sát, thiết kế công cụ khảo sát.

5. *Tự đánh giá:* Đạt (5/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 10:

Những điểm mạnh nổi bật: Việc phát triển CTDH tuân thủ theo quy định của Trường và Bộ GD&ĐT, có kế hoạch rõ ràng. Mỗi đợt điều chỉnh CTĐT, Khoa đều tổ chức thực hiện lấy ý kiến phản hồi của các BLQ theo đúng quy trình. Hệ thống thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các BLQ được tổ chức và thực hiện tốt. Các ý kiến phản hồi đều được Khoa tổng hợp, phân tích và vận dụng vào quá trình thiết kế, xây dựng, phát triển CTĐT, CTDH của Khoa, đảm bảo đủ cơ sở, có tính khoa học, có tính khách quan và độ tin cậy khi phát triển CTDH. Việc thiết kế, xây dựng, cập nhật và đánh giá CTDH được thực hiện thống nhất trong toàn trường theo quy trình, đảm bảo đúng quy định của Bộ GD&ĐT. Hằng năm, Trường đều thực hiện rà soát, cập nhật lại quy trình xây dựng, thiết kế và quy trình cập nhật, đánh giá CDR, CTĐT, phù hợp với yêu cầu của Bộ GD&ĐT, nhu cầu của các BLQ và với thực tế. Việc dạy và học được quy định cụ thể. Hoạt động giảng dạy được phản ánh kịp thời qua nhiều kênh thông tin làm cơ sở để GV điều chỉnh kịp thời phương pháp, cập nhật kiến thức thực tiễn phục vụ tốt hơn công tác giảng dạy. Trường thường xuyên thực hiện việc lấy ý kiến NH về việc đánh giá KQHT. Hoạt động tập huấn phát triển chuyên môn, sinh hoạt chuyên đề về cải tiến PPGD, PPKTĐG đáp ứng CDR được thực hiện thường xuyên theo từng học kỳ. Trường ban hành văn bản quy định về công tác NCKH của GV và triển khai thực hiện. Trong giai đoạn 2018 - 2023, GV Khoa CNSH-TP đã thực hiện 35 đề tài NCKH (đã nghiệm thu) và 01 dự án khoa học công nghệ cấp thành phố liên quan đến dạy học. Trường và Khoa CNSH-TP tổ chức các hội thảo, sáng kiến kinh nghiệm để áp dụng kết quả NCKH, đồng thời có sử dụng các kết quả NCKH để cải tiến hoạt động giảng dạy của GV và hoạt động học tập của SV. Các văn bản quy định về việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của Thư viện, phòng thực hành, hệ thống CNTT ngày càng được hoàn thiện. Hệ thống CSVC, trang thiết bị dạy, chất lượng các dịch vụ, tiện ích được định kỳ rà soát, đánh giá mức độ đáp ứng và có kế hoạch cải tiến, sửa chữa, cải tạo để nâng cao chất lượng phục vụ cho hoạt động giảng dạy và học tập định kỳ. Hằng năm, Trường và Khoa CNSH-TP thực hiện khảo sát ý kiến của GV, SV về mức độ đáp ứng của các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác (tư vấn người học, công tác SV, các hoạt động đoàn thể, hoạt động ngoại khóa,...). Hoạt động rà soát nhằm đánh giá chất lượng của các dịch vụ hỗ trợ ngày càng được chú trọng, được thực hiện một cách thường xuyên và bằng nhiều hình thức đa dạng khác nhau nhằm thu được kết quả phản hồi đáng tin cậy và đúng với thực tế. Trường thực hiện nhiều cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác nhằm phục vụ tốt hoạt động ĐT, NCKH và PVCD.

Trường đã ban hành cụ thể quy định, hướng dẫn thực hiện việc lấy ý kiến các BLQ và giao cho đơn vị chuyên trách thực hiện công tác lấy ý kiến các BLQ. Quy trình lấy ý kiến các BLQ được rà soát và cập nhật hằng năm phù hợp với tình hình thực tế của Trường.

Những tồn tại cơ bản: Việc đóng góp ý kiến để xây dựng CTDH chỉ mới ở mức độ góp ý mà thiếu sự phân tích chuyên sâu. Ngành CNSH chỉ mới 02 khóa SV tốt nghiệp, do đó khi thực hiện lấy ý kiến của các BLQ thì thiếu ý kiến của cựu SV. Ý kiến đóng góp từ các đơn vị về quy trình thiết kế, xây dựng và quy trình cập nhật, đánh giá CDR, CTĐT chưa nhiều. Về ý kiến đóng góp của các BLQ thì thiếu ý kiến của cựu SV. Một số HP, tỷ lệ NH hài lòng về phương pháp dạy học và đánh giá KQHT còn chưa cao. Số lượng bài báo, công trình NCKH của GV còn ít và chưa tương xứng với tiềm năng của GV. Thông tin phản hồi về kết quả khảo sát chất lượng các dịch vụ hỗ trợ đến các BLQ được Trường thường xuyên thực hiện. Tuy nhiên, kết quả cải tiến từ các đơn vị trực tiếp phụ trách chưa được phản hồi cụ thể và đầy đủ đến các BLQ. Một số nhu cầu của NH mặc dù được đáp ứng đầy đủ nhưng đôi khi chưa kịp thời do cần phải chờ kết quả thẩm định từ phòng ban liên quan. Việc thiết kế các công cụ khảo sát chưa hoàn toàn hiệu quả và chưa thể đối sánh đầy đủ ý kiến các BLQ.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 10: Điểm trung bình của tiêu chuẩn đạt: 4,83 điểm. Số tiêu chí đạt: 6/6. Tỷ lệ số tiêu chí đạt: 100%.

Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

Mở đầu: Đánh giá chất lượng đầu ra có vai trò quan trọng trong hệ thống ĐBCL của Trường. Hằng năm, Khoa CNSH-TP đã tổ chức thống kê tỷ lệ NH tốt nghiệp, thời gian hoàn thành chương trình, tỷ lệ NH thôi học, lượng NH tốt nghiệp xin được việc làm cũng được cập nhật thông qua sự kết nối chặt chẽ với cựu NH. Các hoạt động NCKH cho NH được quy định với trình tự chặt chẽ, đảm bảo phù hợp với CDR của ngành CNSH. Các hướng nghiên cứu ưu tiên của Trường được lên kế hoạch hàng năm và khuyến khích thực hiện. Trường và Khoa CNSH-TP đã xây dựng hệ thống thu thập và phân tích sự hài lòng của các BLQ là cơ sở quan trọng cho việc cải tiến chương trình, hoạt động và chất lượng của hệ thống ĐBCL.

Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp đúng hạn (không kể thời gian kéo dài) được xác lập. Danh sách NH thôi học, tốt nghiệp được cập nhật hằng năm. Thực tế, năm học đầu tiên luôn luôn là năm học có nhiều sự biến động lớn về tỷ lệ thôi học của NH. Chính vì vậy, Khoa CNSH-TP theo dõi tỷ lệ NH đang theo học tại Khoa thông qua các kênh thông tin, số liệu khảo sát của Phòng ĐT, Phòng CTCT&QLSV và báo cáo sinh hoạt lớp của các

CVHT. Hằng năm, trước khi bắt đầu năm học mới, Phòng ĐT xây dựng dự thảo kế hoạch đào tạo năm học và gửi đến các đơn vị trực thuộc để lấy ý kiến góp ý, trong đó yêu cầu các khoa chuyên môn phân tích và dự đoán tỷ lệ SV tốt nghiệp, tỷ lệ SV thôi học của các lớp chuyên ngành do khoa đang quản lý [H11.11.01.01]. Theo đó, đầu mỗi niên khóa, Khoa CNSH-TP phối hợp chặt chẽ với Phòng ĐT, Phòng CTCT&QLSV để theo dõi, giám sát tỷ lệ NH theo học bao gồm số lượng đầu vào của NH, tỷ lệ thôi học của NH [H11.11.01.02]. Tất cả các số liệu trên đều được Phòng ĐT quản lý thông qua phần mềm chuyên dụng với độ tin cậy và tính chính xác cao [H11.11.01.03].

Phòng ĐT và Khoa thường xuyên thống kê và giám sát chặt chẽ tỷ lệ thôi học, tỷ lệ tốt nghiệp của SV ngành CNSH nhằm có sự đối sánh để cải tiến chất lượng ĐT. Phòng CTCT&QLSV chịu trách nhiệm khảo sát ý kiến NH, thống kê tình hình tốt nghiệp, việc làm SV; tổ chức đánh giá nội bộ, giám sát, rà soát việc ĐBCL trong công tác ĐT [H11.11.01.04]. Các chỉ số về tốt nghiệp và thôi học được xác lập như sau:

Bảng 11.1.1 Bảng thống kê các chỉ số về tốt nghiệp và thôi học

TT	Chỉ số hoạt động chính (KPIs)	Công thức tính
1	Tỷ lệ SV tốt nghiệp so với số tuyển vào (tính theo khóa học)	Tổng số SV tốt nghiệp/ Số SV nhập học (%)
2	Tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng tiến độ và sớm tiến độ (tính theo ngành học, khóa học, khoa quản lý ngành)	Tổng số SV tốt nghiệp đúng tiến độ và sớm tiến độ/ Tổng số SV hiện tại (theo ngành học, khóa học, khoa quản lý ngành)
3	Tỷ lệ SV thôi học của từng học kỳ, năm học so với đầu vào (tính theo ngành học, khóa học, khoa quản lý ngành)	Tổng số SV thôi học của từng học kỳ, năm học/ Tổng số SV nhập học đầu vào (tính theo ngành học, khóa học, khoa quản lý ngành)
4	Tỷ lệ SV thôi học của từng học kỳ, năm học so với tổng số SV của học kỳ, năm học liền kề trước	Tổng số SV thôi học của từng học kỳ, năm học/ Tổng số SV của học kỳ, năm học liền kề trước

Trường sử dụng phần mềm Education để lưu trữ dữ liệu SV, kết quả quá trình ĐT, học phí, học bổng, tình hình học tập rèn luyện, theo dõi điểm số của SV, xem xét tỷ lệ đậu rớt, bỏ học, xét tốt nghiệp,... Thông qua phần mềm này giúp SV tra cứu nhanh (trực tuyến) KQHT, lịch học, lịch thi, điểm thi, đăng ký HP và theo dõi, giám sát sự tiến bộ của mình một cách hiệu quả. Bên cạnh đó, Trường còn phát triển một số tính năng trong phần mềm nhằm phục vụ cho công tác tổng hợp thống kê báo cáo, chăm sóc SV, nhằm phục vụ cho công tác quản lý và điều hành của lãnh đạo Trường [H11.11.01.05].

Mỗi học kỳ, tỷ lệ SV tốt nghiệp và thôi học các khoa được xác lập và giám sát chặt chẽ thông qua các báo cáo, phân tích kết quả ĐT theo từng học kỳ, năm học của Phòng ĐT. Cùng với báo cáo phân tích, đánh giá kết quả ĐT và đề xuất cải tiến của Khoa

CNSH-TP.

Bảng 11.1.2. Tỷ lệ SV tốt nghiệp ngành CNSH của 2 khóa (Khóa 2018, khóa 2019)

Khóa học	Số lượng toàn khóa	Người học hoàn thành CTĐT trong thời gian									
		4 năm		4,25 năm		4,5 năm		> 4,5 năm		Tổng	
		SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)
2018	52	35	67,30	02	3,85	0	0	0	0	37	71,15
2019	35	0	0	26	74,29	0	0	0	0	26	74,29

(Nhóm chuyên trách tổng hợp, Số liệu cập nhật đến 31/12/2023)

Qua bảng số liệu về tỷ lệ NH tốt nghiệp ngành CNSH, tính đến thời điểm hiện tại ngành đã có 02 khóa có NH tốt nghiệp, trong đó tỷ lệ NH tốt nghiệp đúng thời hạn chiếm tỷ lệ cao, lần lượt là 67,30% với khóa 2018 và 74,29% với khóa 2019.

Bảng 11.1.3 Tỷ lệ SV thôi học ngành CNSH của 02 khóa theo năm học

Khóa học	Số lượng toàn khóa	NH thôi học									
		2018-2019		2019-2020		2020-2021		2021-2022		2022-2023	
		SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)
2018	52	1	1,92	6	11,54	1	1,92	0	0	0	0
2019	35	-	-	5	14,28	1	2,86	0	0	0	0

(Nhóm chuyên trách tổng hợp, Số liệu cập nhật đến 31/12/2023)

Qua bảng số liệu Bảng 11.1.3 cho thấy tỷ lệ thôi học của NH ở mức độ thấp và số lượng ở 2 năm cuối khóa ổn định. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp của SV được đánh giá, phân tích, giám sát. Nhằm giảm thiểu số lượng NH thôi học từ khóa 2020 trở đi, Ban chủ nhiệm khoa CNSH-TP đã tiến hành rà soát dữ liệu tình hình học tập của từng niên khóa do Khoa cung cấp. Hoạt động quản lý SV thôi học/SV tốt nghiệp được thực hiện qua nhiều cấp độ khác nhau: cấp Khoa và cấp Trường. Khoa là đầu mối thông tin về tình trạng SV, tỷ lệ SV tốt nghiệp, thôi học, đang theo học. Thống kê của Phòng ĐT, Phòng CTCT&QLSV cũng là kết quả quan trọng thể hiện chính xác số liệu trạng thái NH [H11.11.01.05]. Ban chủ nhiệm Khoa cùng các CVHT đánh giá, dự đoán xu thế tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học của NH tham gia CTĐT, từ đó xây dựng các giải pháp phù hợp nhằm giảm thiểu tỷ lệ thôi học và hỗ trợ SV tiếp tục quá trình học tập [H11.11.01.06]. Đối với các trường hợp NH có kết quả thuộc diện cảnh báo buộc thôi học, Phòng ĐT phối hợp Khoa CNSH-TP đề xuất giải pháp thông qua CVHT để trao đổi trực tiếp với NH về vấn đề học vụ; phối hợp với GV phụ trách để hỗ trợ thêm cho SV các phương pháp cải thiện KQHT, hạn chế tình trạng cảnh báo học vụ. Các biện pháp này được triển khai cụ thể tại báo cáo đánh giá dự đoán xu thế tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học của NH tham gia CTĐT

và các biện pháp cải tiến chất lượng phù hợp [H11.11.01.07].

Hàng năm, Khoa CNSH-TP đối sánh về tỷ lệ thôi học, tỷ lệ tốt nghiệp để cải tiến chất lượng CTĐT. Việc đối sánh về tỷ lệ thôi học, tỷ lệ tốt nghiệp được Phòng ĐT thực hiện với các ngành ĐT khác trong phạm vi Trường [H11.11.01.08].

Bảng 11.1.4. Đối sánh tỷ lệ SV tốt nghiệp của 2 khóa giữa ngành CNSH với ngành CNTP

Ngành	Khóa	SL đầu vào	Tốt nghiệp trong thời gian					
			4 năm	4,25 năm	4,5 năm	> 4,5 năm	Tổng	Tỷ lệ (%)
CNSH	2018	52	35	2	0	0	37	71,15
	2019	35	0	26	0	0	26	74,29
CNTP	2018	99	77	2	1	4	84	84,85
	2019	106	0	83	0	0	83	78,30

(Nhóm chuyên trách tổng hợp, Số liệu cập nhật đến 31/12/2023)

Kết quả đối sánh giữa các ngành ĐT trong phạm vi Trường cho thấy tỷ lệ tốt nghiệp của NH ngành CNSH và ngành CNTP tương đối xấp xỉ nhau. Riêng tỷ lệ tốt nghiệp của NH ngành CNSH có xu hướng tăng qua 2 khóa tốt nghiệp từ 71,15% (Khóa 2018) lên 74,29% (khóa 2019).

Bảng 11.1.5. Đối sánh tỷ lệ NH thôi học của 2 khóa giữa ngành CNSH với ngành CNTP

Ngành	Khóa học	Số lượng toàn khóa	NH thôi học	
			Số lượng	Tỷ lệ (%)
CNSH	2018	52	8	15,38
	2019	35	6	17,14
CNTP	2018	99	9	9,09
	2019	106	9	8,49

(Nhóm chuyên trách tổng hợp, Số liệu cập nhật đến 31/12/2023)

Sau mỗi năm học, Phòng ĐT tiến hành đối sánh tỷ lệ SV tốt nghiệp, tỷ lệ SV học lại HP trên thực tế. Phòng CTCT&QLSV tiến hành đối sánh tỷ lệ SV bị buộc thôi học, tỷ lệ SV bị cảnh báo học vụ, phổ điểm kết quả rèn luyện so với dự đoán trong kế hoạch ĐT năm học. Sau mỗi đợt tốt nghiệp, Phòng ĐT tiến hành đối sánh tỷ lệ SV tốt nghiệp so với cùng kỳ các năm trước. Đồng thời sau mỗi học kỳ, Phòng ĐT tiến hành đối sánh tỷ lệ SV học lại, phổ điểm KQHT so với cùng kỳ các năm trước. Ngoài ra, Phòng ĐT đối sánh tỷ lệ SV tốt nghiệp, tỷ lệ SV thôi học, tỷ lệ SV học lại HP của các CTĐT tương ứng với Trường ĐH Cần Thơ. Kết quả đối sánh tỷ lệ SV tốt nghiệp, tỷ lệ SV thôi học, tỷ lệ SV học lại, thi lại HP của Trường được báo cáo BGH Nhà trường và gửi đến các

Khoa. Trong giai đoạn 2018 - 2023, Trường tập trung tăng cường đầu tư CSVC, trang thiết bị đáp ứng nhu cầu dạy và học, rà soát, điều chỉnh CTĐT nhằm phù hợp với yêu cầu XH, đổi mới PPDH, KTĐG, tăng tỷ lệ SV tốt nghiệp, giảm tỷ lệ SV thôi học cũng như giảm tỷ lệ SV học lại, thi lại các HP của Trường [H11.11.01.09], [H11.11.01.10], [H11.11.01.11].

2. Điểm mạnh

Có bộ phận, công cụ để theo dõi, cập nhật danh sách, tỷ lệ NH lệ thôi học, tốt nghiệp. Có tiến hành thống kê danh sách, tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp mỗi khóa ĐT. Có tìm hiểu, phân tích nguyên nhân thôi học.

3. Điểm hạn chế

Tỷ lệ SV tốt nghiệp chưa được cao, do SV thôi học tương đối nhiều.

4. Kế hoạch hành động

4.1. Phát huy điểm mạnh:

Định kỳ hằng năm Trường tăng cường kinh phí nâng cấp phần mềm quản lý giáo dục, trong đó có tăng cường phân công theo dõi, giám sát tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp đúng hạn và danh sách thôi học, tốt nghiệp.

4.2. Khắc phục tồn tại:

Năm học 2024 - 2025 theo định kỳ cuối mỗi học kỳ (tháng 01 và tháng 6), các CVHT của từng lớp giám sát tình hình học tập của NH do mình phụ trách, nắm bắt nguyên nhân của từng trường hợp cụ thể bị chậm tiến độ để có các giải pháp giúp SV tốt nghiệp đúng tiến độ.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Trường ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị, trong đó giao nhiệm vụ cho Phòng ĐT là đơn vị chủ trì phối hợp với Phòng CTCT&QLSV, các Khoa theo dõi, giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình của SV trong các ngành ĐT của Trường. BGH Trường phân công 01 lãnh đạo trường quản lý công tác ĐT, chỉ đạo chung về hệ thống theo dõi, giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình của SV. Thời gian tốt nghiệp trung bình của hình thức ĐT chính quy ngành CNSH được Khoa CNSH-TP tính toán cụ thể. Qua đó, Khoa CNSH-TP tiến hành phân công bộ phận chuyên trách giám sát tốt nghiệp và thiết lập quy trình thực hiện giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình [H11.11.02.01]. Theo quy định của Bộ GD&ĐT và căn cứ vào Quy chế ĐT tín chỉ của Trường, thời gian ĐT trung bình của trình độ ĐH ngành CNSH được xác lập là 4 năm, thời gian ĐT tối đa cho phép là 8 năm áp dụng cho các khóa từ 2018 trở về trước [H11.11.02.02]. Đối với các khóa từ 2019 trở đi, thời gian ĐT trung bình là 4,25 năm,

thời gian ĐT tối đa là 8,5 năm. Thời gian tốt nghiệp trung bình được giám sát thường xuyên thông qua hoạt động của Phòng ĐT và được theo dõi trên hệ thống cơ sở dữ liệu phần mềm ĐT và được báo cáo định kỳ [H11.11.02.03], [H11.11.02.04].

Kết thúc từng học kỳ, Phòng ĐT phối hợp Khoa CNSH-TP tiến hành đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình trên thực tế so với thời gian trung bình được dự đoán trong kế hoạch ĐT năm học. Bên cạnh đó, Phòng ĐT tiến hành đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình trên thực tế so với thời gian tốt nghiệp trung bình của năm học trước. Ngoài ra, Phòng ĐT còn đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình với các CTĐT tương ứng của các trường ĐH trên địa bàn thành phố Cần Thơ và khu vực Đồng bằng sông Cửu Long [11.11.02.05], [11.11.02.06]. Việc thực hiện giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình được thực hiện theo Quy định về đối sánh về CLGD của Trường ban hành [11.11.02.07]. Định kỳ hằng năm, Trường tổ chức hội nghị đối thoại giữa BGH với SV để nắm bắt tâm tư nguyện vọng của SV, đồng thời trao đổi, hướng dẫn, hỗ trợ SV rút ngắn thời gian tốt nghiệp [11.11.02.08].

Căn cứ kết quả theo dõi, giám sát, đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của Trường, Phòng ĐT chủ trì và phối hợp với các Khoa đề xuất các biện pháp cải tiến chất lượng để nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp và rút ngắn thời gian tốt nghiệp của tất cả CTĐT và thể hiện trong kế hoạch năm học của Trường và của các đơn vị [11.11.02.09], [11.11.02.10]. Trong giai đoạn 2018 - 2023, các báo cáo tổng kết năm học của Trường có nội dung điều chỉnh CTĐT hướng đến nâng cao chất lượng, rút ngắn thời gian ĐT [11.11.02.11], [11.11.02.12]. Trường điều chỉnh CDR ngoại ngữ phù hợp với tình hình thực tế của trường [11.11.02.13]. Bên cạnh đó, Trường có chính sách hỗ trợ nhằm tạo điều kiện để SV rút ngắn thời gian tốt nghiệp CTĐT [11.11.02.14]. Trong giai đoạn 2018 - 2023, thời gian tốt nghiệp trung bình ngành CNSH là 4,14 năm.

2. Điểm mạnh

Trường và Khoa có bộ phận, công cụ để theo dõi, thống kê thời gian tốt nghiệp trung bình của NH các khóa học. Có các biện pháp hỗ trợ NH học vượt tiến độ và tìm hiểu nguyên nhân NH tốt nghiệp muộn.

3. Điểm tồn tại

Một số NH chưa biết cách sắp xếp kế hoạch học tập cá nhân hiệu quả, bị ảnh hưởng bởi việc làm thêm nên không theo kịp tiến độ học tập ở những năm cuối.

4. Kế hoạch hành động

4.1. Phát huy điểm mạnh:

Hằng năm, Trường và Khoa CNSH-TP tiếp tục tăng cường các biện pháp cải tiến chất lượng để rút ngắn thời gian tốt nghiệp trung bình của NH.

4.2. Khắc phục tồn tại:

Năm học 2024 - 2025 theo định kỳ cuối mỗi học kỳ (tháng 01 và tháng 6), Khoa

kết hợp với Phòng ĐT định kỳ tổng kết, đánh giá về NH tốt nghiệp trước hạn, đúng hạn, trễ hạn so với thiết kế CTĐT để có những điều chỉnh về CTĐT, hoạt động giảng dạy, đánh giá NH, hoạt động hỗ trợ một cách phù hợp, kịp thời giúp NH tốt nghiệp đúng hạn.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Phòng CTCT&QLSV là đơn vị được Trường giao nhiệm vụ theo dõi, giám sát tỷ lệ có việc làm của NH sau 01 năm tốt nghiệp của tất cả các CTĐT. Phòng CTCT&QLSV phân công 01 Phó trưởng phòng và 01 chuyên viên phụ trách việc theo dõi, giám sát tỷ lệ có việc làm của NH sau 01 năm tốt nghiệp của tất cả các CTĐT của Trường. Hằng năm, Phòng CTCT&QLSV phối hợp với các Khoa để theo dõi, liên hệ với SV tốt nghiệp và hỗ trợ SV tốt nghiệp chưa có việc làm [H11.11.03.01]. Định kỳ hằng năm, Phòng CTCT&QLSV thống kê và gửi kết quả SV có việc làm, vị trí làm việc, mức thu nhập bình quân của SN sau khi tốt nghiệp của tất cả các CTĐT đến các Khoa để tham khảo [H11.11.03.02]. Bên cạnh đó, các báo cáo kết quả khảo sát cựu SV của Trường thể hiện vị trí làm việc, mức thu nhập bình quân của cựu SV [H11.11.03.03].

Giai đoạn 2018 - 2023, Trường ban hành kế hoạch khảo sát các BLQ về các lĩnh vực hoạt động của Trường, trong đó có khảo sát tình hình việc làm của SV tốt nghiệp [H11.11.03.04]. Kết quả khảo sát tình hình việc làm của SV sau 01 năm tốt nghiệp được gửi đến các Khoa chuyên môn [H11.11.03.05]. Qua kết quả khảo sát SV tốt nghiệp của Trường năm 2020 có 641/671 (đạt 95,5%) ý kiến cựu SV trả lời, trong đó có việc làm đúng ngành ĐT 251/641 (đạt 39,16%); liên quan đến ngành ĐT 269/641 (đạt 41,97%); không liên quan đến ngành ĐT 98/641 (đạt 15,29%); tiếp tục học nâng cao trình độ 1/641 (đạt 0,16%); chưa có việc làm 22/641 (đạt 3,43%). Kết quả này không bao gồm ngành CNSH vì ngành CNSH chưa có NH tốt nghiệp năm 2020.

Định kỳ hằng năm, Trường phối hợp các tổ chức xã hội nghề nghiệp, DN và NTD thông qua tổ chức hội thảo, hội nghị việc làm nhằm tư vấn, hỗ trợ SV có việc làm ngay sau khi tốt nghiệp [H11.11.03.06]. Căn cứ kết quả khảo sát tình hình việc làm của SV sau 01 năm tốt nghiệp, Phòng CTCT&QLSV tiến hành đối sánh tỷ lệ SV có việc làm sau 01 năm tốt nghiệp trên thực tế so với tỷ lệ được dự đoán trong kế hoạch ĐT năm học. Bên cạnh đó, Phòng CTCT&QLSV tiến hành đối sánh tỷ lệ SV có việc làm sau 01 năm tốt nghiệp của các CTĐT tương ứng của các trường ĐH trên địa bàn thành phố Cần Thơ [H11.11.03.07].

Năm 2023, số liệu bao gồm ngành CNSH cho thấy số lượng SV có việc làm chiếm 91,67% (tỷ lệ NH tốt nghiệp có việc làm/ tổng số NH phản hồi) và chiếm 89,19% (tỷ lệ

NH tốt nghiệp có việc làm/ tổng số NH tốt nghiệp). Về khu vực làm việc theo các lĩnh vực được cụ thể hóa qua bảng số liệu 11.3.1.

Bảng 11.3.1. Thống kê môi trường làm việc của NH ngành CNSH tốt nghiệp (%)

Năm học	NHTN phản hồi	Môi trường làm việc của NH tốt nghiệp									
		DN tư nhân		DN có vốn đầu tư nước ngoài		Cơ quan nhà nước		Tự làm chủ		Loại hình khác	
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
2022 - 2023	36	21	0,58	0	0	4	0,11	4	0,11	0	0

Đa phần SV tốt nghiệp làm việc ở môi trường DN tư nhân, ở các lĩnh vực khác chiếm tỷ lệ thấp hơn là Cơ quan nhà nước và tự tạo việc làm (tự làm chủ). Căn cứ kết quả theo dõi, giám sát, đối sánh tỷ lệ SV có việc làm sau 01 năm tốt nghiệp, Phòng CTCT&QLSV chủ trì và phối hợp với các Khoa đề xuất các biện pháp hướng nghiệp và hỗ trợ tìm việc làm cho SV để nâng cao tỷ lệ có việc làm và mức độ đáp ứng yêu cầu công việc sau tốt nghiệp của tất cả các CTĐT [H11.11.03.08]. Các biện pháp hướng nghiệp và hỗ trợ tìm việc làm cho SV để nâng cao tỷ lệ có việc làm và mức độ đáp ứng yêu cầu công việc sau tốt nghiệp của tất cả các CTĐT được thông qua cuộc họp giao ban giữa BGH Trường với lãnh đạo các đơn vị và thể hiện trong kết luận cuộc họp với việc phân công cụ thể các đơn vị thực hiện. Hằng năm, Trường dành kinh phí chi cho các hoạt động tư vấn, hỗ trợ việc làm cho SV, tổ chức Ngày hội việc làm đồng thời thông tin kịp thời các thông tin tuyển dụng đến SV [H11.11.03.09], [H11.11.03.10]. Bên cạnh đó, Nhà trường tăng cường đầu tư CSVC, trang thiết bị đáp ứng nhu cầu dạy và học, rà soát, điều chỉnh CTĐT nhằm phù hợp với yêu cầu XH, đổi mới PPDH, KTĐG nhằm nâng cao tỷ lệ có việc làm và mức độ đáp ứng yêu cầu công việc sau tốt nghiệp của tất cả các CTĐT [H11.11.03.11], [H11.11.03.12], [H11.11.03.13]. Tất cả các thông tin tuyển dụng của các DN được Trường đăng đầy đủ trên website của Trường [H11.11.03.14]. Ngoài ra, Trường ký nhiều hợp tác với các cơ sở ĐT, các khu công nghiệp nhằm thúc đẩy hơn việc làm cho SV tốt nghiệp [H11.11.03.15].

2. Điểm mạnh

Khoa có khảo sát NH tốt nghiệp về cải thiện cơ hội việc làm sau tốt nghiệp trong thời gian đánh giá, có số liệu tin cậy về việc làm của NH, có tổ chức thảo luận, phân tích nguyên nhân, đề xuất các biện pháp khắc phục.

Tỷ lệ NH có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập và giám sát. NH được đánh giá năng động, có kỹ năng mềm đáp ứng yêu cầu công việc.

Có sự gắn kết tốt giữa Trường và DN trong hoạt động kiến tập, thực tập của NH cũng như chia sẻ chuyên đề và tuyển dụng.

3. Điểm tồn tại

Hiện nay số lượng cựu NH phản hồi khảo sát về việc làm sau khi tốt nghiệp còn chưa đầy đủ.

4. Kế hoạch hành động

4.1. Phát huy điểm mạnh:

Hàng năm, Trường và Khoa CNSH-TP tăng cường các biện pháp cải tiến tỷ lệ SV có việc làm sau khi tốt nghiệp, tỷ lệ có việc làm và mức độ đáp ứng yêu cầu công việc sau tốt nghiệp của các CTĐT, mức độ hài lòng của các BLQ đối với chất lượng của NH tốt nghiệp của các CTĐT.

4.2. Khắc phục tồn tại:

Năm học 2024 - 2025 vào cuối năm học (tháng 6), Trường phối hợp cùng các Khoa đẩy mạnh hơn nữa các hoạt động gắn kết với cựu SV để đánh giá rõ nét kết quả ĐT của Trường, từ đó tiếp tục đổi mới CTĐT nhằm đáp ứng nhu cầu hiện tại của XH.

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của NH được xác lập. Mục tiêu chính của NCKH ở bậc ĐH là trang bị cho SV các kiến thức, kỹ năng NCKH độc lập để hỗ trợ cho hoạt động học tập, chuẩn bị cho SV hành trang tốt nhất sau khi ra trường. Sản phẩm từ các hoạt động NCKH từ NH là tiêu chí quan trọng thể hiện chất lượng ĐT của Khoa. Với những ý nghĩa quan trọng trên, Trường luôn quan tâm và chú trọng công tác NCKH của SV thông qua việc ban hành Quy định quản lý hoạt động NCKH của SV có nêu rõ nội dung về loại hình, số lượng và chất lượng NCKH mà NH phải thực hiện [H11.11.04.01]. Bên cạnh đó, trong quy chế rèn luyện của SV có điểm thưởng dành cho SV có tham gia NCKH [H11.11.04.02]. Trong Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030; kế hoạch tổ chức các hoạt động KHCN hằng năm, kế hoạch năm học hằng năm của Trường và của các Khoa đều có chỉ tiêu về số lượng và chất lượng NCKH của SV [H11.11.04.03], [H11.11.04.04].

Trường xác định hệ thống theo dõi, giám sát loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu; các hoạt động NCKH của NH, trong đó cấp trường do Phòng QLKH-HTQT thực hiện; cấp Khoa do Khoa và Bộ môn thực hiện. Về chuyên môn có các Hội đồng xét duyệt thuyết minh, Hội đồng nghiệm thu đề tài NCKH của SV. BGH Trường phân công 01 Phó Hiệu trưởng phụ trách hoạt động NCKH của Trường. Trên cơ sở đó, Phòng QLKH-HTQT phân công 01 chuyên viên thực hiện việc theo dõi, giám sát hoạt động NCKH của SV [H11.11.04.05]. Theo đó, hoạt động NCKH của SV ngành CNSH được thực hiện với nhiều loại hình khác nhau như: khóa luận tốt nghiệp, làm đề tài NCKH,

bài kỹ yếu hội thảo khoa học... mang lại những ý nghĩa thiết thực cho SV [H11.11.04.06].

Bảng 11.4.1. Bảng thống kê số lượng và loại hình NCKH của SV qua các năm

Năm học		2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022	2022- 2023	2023- 2024	Tổng
Loại hình NCKH	Bài báo trong nước			3			3
	NCKH cấp cơ sở		2	4	5	10	21
	Ý tưởng khởi nghiệp sáng tạo				1		1
Số NH tham gia NCKH	Bài báo trong nước			15			15
	NCKH cấp cơ sở		6	10	17	32	65
	Ý tưởng khởi nghiệp sáng tạo				3		3

Hàng năm, Phòng QLKH-HTQT tiến hành xây dựng CSDL về kết quả NCKH của SV toàn trường dựa trên báo cáo hằng năm của các Khoa. Bên cạnh đó, các Khoa đồng thời xây dựng CSDL về kết quả thực hiện NCKH của SV của Khoa. Định kỳ từng học kỳ và đặc biệt là cuối mỗi năm học, các Khoa tiến hành báo cáo kết quả thực hiện NCKH của SV về Phòng QLKH-HTQT để cập nhật CSDL cấp trường [H11.11.04.07], [H11.11.04.08], [H11.11.04.09]. Trường phân công nhiệm vụ cho Phòng TT-PC-KT-ĐBCL là đơn vị chủ trì việc thực hiện khảo sát các BLQ về chất lượng nghiên cứu của SV Trường. Trong nội dung khảo sát ý kiến của các BLQ có khảo sát ý kiến phản hồi của GV, SV, các DN sử dụng lao động về chất lượng NCKH của SV Trường. Kết quả khảo sát các BLQ đánh giá chất lượng nghiên cứu của SV Trường ở mức độ Khá [H11.11.04.10].

Hàng năm, Phòng QLKH-HTQT thực hiện đối sánh kết quả NCKH mà SV Trường đạt được so với quy định về loại hình, số lượng và chất lượng NCKH mà SV Trường phải thực hiện. Bên cạnh đó, Phòng QLKH-HTQT tiến hành đối sánh kết quả NCKH của SV đạt được so với các chỉ tiêu về NCKH của SV đã xác định trong kế hoạch năm học. Các Khoa chuyên môn đồng thời đối sánh kết quả NCKH SV của khoa đạt được so với các chỉ tiêu về NCKH của SV được xác định trong kế hoạch năm học của đơn vị. Ngoài ra, hằng năm, Trường thực hiện đối sánh kết quả NCKH của SV với các tiêu chí về NCKH trong tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CSGD do Bộ GD&ĐT ban hành [H11.11.04.11].

Bảng 11.4.2. Bảng đối sánh hoạt động NCKH cơ sở của NH ngành CNSH với ngành CNTP

Năm học	Ngành CNSH			Ngành CNTP		
	Số NH	Tỷ lệ NH tham gia NCKH (%)	Tổng số Đề tài	Số NH	Tỷ lệ NH tham gia NCKH (%)	Tổng số Đề tài
2019-2020						
2020-2021	4	5,06	1	2	0,45	1
2021-2022	6	4,48	3	4	0,85	1
2022-2023	6	3,14	2	11	2,56	3
2023-2024	22	9,78	7	12	3,32	3
Tổng	38		13	29		8

Dựa trên kết quả giám sát, đối sánh kết quả NCKH của SV Trường đạt được hằng năm, BGH Nhà trường hợp với lãnh đạo các đơn vị đề ra soát loại hình và khối lượng nghiên cứu của đội ngũ SV và xác định các biện pháp cải tiến hoạt động NCKH của SV [H11.11.04.12]. Trong kết luận cuộc họp thể hiện các biện pháp cải tiến hoạt động NCKH của SV và phân công cụ thể để các đơn vị thực hiện. Bên cạnh đó, trong kế hoạch năm học của Trường, của Phòng QLKH-HTQT và của các Khoa có các nội dung, biện pháp cải tiến hoạt động NCKH của SV. Ngoài ra, Trường luôn cải tiến các chính sách về tài chính nhằm động viên, khuyến khích SV tham gia NCKH, đầu tư CSVC trang thiết bị phục vụ hoạt động NCKH của SV [H11.11.04.13]. Trong giai đoạn 2018 - 2023, hoạt động NCKH của đội ngũ SV Trường tăng lên qua từng năm về loại hình, số lượng, chất lượng nghiên cứu [H11.11.04.14].

2. Điểm mạnh

Trường có kế hoạch hoạt động NCKH của SV, có hệ thống theo dõi, giám sát loại hình nghiên cứu và các hoạt động NCKH của SV từ Trường tới Khoa. Khoa có sự tổ chức, hỗ trợ tư vấn đề tài nghiên cứu cho SV, các phòng chức năng luôn quan tâm hỗ trợ SV trong quá trình làm đề tài.

3. Điểm tồn tại

Vẫn còn một số SV còn chưa hiểu rõ vai trò của NCKH, chưa hào hứng với hoạt động NCKH.

4. Kế hoạch hành động

4.1. Phát huy điểm mạnh:

Giai đoạn 2024 - 2028, Khoa và Phòng QLKH-HTQT tiếp tục chuẩn hóa quy định NCKH của NH, đẩy mạnh và thường xuyên tổ chức các lớp miễn phí về NCKH cho SV.

4.2. Khắc phục tồn tại:

Theo kế hoạch chung của Trường, năm 2024 - 2025 có 02 đợt đăng ký các hoạt động khoa học và công nghệ vào tháng 09 năm 2024 và tháng 2 năm 2025, Trường đẩy mạnh việc NCKH trong SV bằng việc tăng cường hỗ trợ tài chính cho các đề tài tham gia. Bên cạnh đó, Trường và Khoa sẽ tiếp tục thành lập các hội đồng tư vấn đề tài NCKH cho SV nhằm mục đích định hướng nghiên cứu cho các đề tài triển khai đạt hiệu quả cao. Ngoài ra thông qua Đoàn - Hội, Khoa triển khai mạnh mẽ các hoạt động truyền thông, tư vấn cho SV về vai trò của NCKH trong SV.

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Trường phân công nhiệm vụ cho Phòng TT-PC-KT-ĐBCL là đơn vị xây dựng kế hoạch và phối hợp các phòng, khoa triển khai khảo sát mức độ hài lòng của các BLQ (CB, NV, GV, NH, NH đã tốt nghiệp, NTD) về hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, SV, CSVC,...). Định kỳ hằng năm, căn cứ quy định khảo sát các BLQ của Trường, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL xây dựng kế hoạch khảo sát và triển khai lấy ý kiến phản hồi của các đơn vị trực thuộc về kế hoạch khảo sát mức độ hài lòng của các BLQ về hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, NH, cơ sở vật chất, trình Hiệu trưởng ký ban hành và thông báo đến các đơn vị thực hiện [H11.11.05.01]. Trong kế hoạch khảo sát mức độ hài lòng của các BLQ về hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, SV, CSVC,... có phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị trực thuộc thực hiện và phối hợp thực hiện khảo sát [H11.11.05.02]. Theo đó, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL phối hợp các đơn vị xây dựng các biểu mẫu khảo sát và trình Hiệu trưởng phê duyệt, đồng thời xây dựng kế hoạch khảo sát các BLQ, triển khai, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện của các đơn vị liên quan, hỗ trợ các đơn vị phân tích số liệu khảo sát, lưu trữ toàn bộ kế hoạch, biên bản, các văn bản triển khai thực hiện, phiếu khảo sát, dữ liệu thống kê, các báo cáo, văn bản chỉ đạo, triển khai thực hiện cải tiến chất lượng về công tác khảo sát trong thời hạn 05 năm [H11.11.05.03]. Ngoài ra, Trường kết hợp khảo sát bằng phiếu khảo sát trực tiếp và khảo sát online. Việc thực hiện khảo sát ý kiến của cựu SV, các NTD còn được thực hiện thông qua Ngày hội việc làm, các hội nghị, hội thảo do Trường, Khoa tổ chức hoặc những dịp cựu SV về thăm Trường.

Kế hoạch công tác hằng năm của Trường, của Phòng TT-PC-KT-ĐBCL có nội dung giám sát sự hài lòng của các BLQ về hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, NH, CSVC. Kết quả kiểm tra, giám sát sự hài lòng của các BLQ về hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, NH, CSVC,... được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của Trường và của Phòng TT-PC-KT-ĐBCL, đồng thời thể hiện trong báo cáo tại Hội nghị viên

chức và người lao động hằng năm và trong báo cáo kết quả khảo sát các BLQ [H11.11.05.04], [H11.11.05.05]. Phòng ĐT phối hợp các Khoa thực hiện đối sánh sự hài lòng của các BLQ đối với chất lượng của SV tốt nghiệp của tất cả các CTĐT của Trường đạt được so với các chỉ tiêu về sự hài lòng của các BLQ về chất lượng của SV tốt nghiệp của tất cả các CTĐT của Trường đã xác định trong kế hoạch năm học. Các Khoa đồng thời đối sánh kết quả sự hài lòng của các BLQ đối với chất lượng của SV tốt nghiệp của các CTĐT đạt được so với các chỉ tiêu đã được xác định trong kế hoạch năm học của đơn vị [H11.11.05.06]. Ngoài ra, Trường thực hiện đối sánh sự hài lòng của các BLQ đối với chất lượng của SV tốt nghiệp của các CTĐT mà Trường đạt được so với các tiêu chí về sự hài lòng của các BLQ đối với chất lượng của SV tốt nghiệp của các CTĐT trong tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường ĐH do Bộ GD&ĐT ban hành.

Căn cứ kết quả giám sát, đối sánh, khảo sát ý kiến của các BLQ đối với chất lượng của SV tốt nghiệp của CTĐT ngành CNSH, Phòng ĐT phối hợp với Khoa CNSH-TP đề xuất các biện pháp cải tiến để nâng cao sự hài lòng của các BLQ đối với chất lượng của SV tốt nghiệp của CTĐT, thông qua cuộc họp giao ban giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị trực thuộc và thể hiện trong kết luận cuộc họp với sự phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị thực hiện [H11.11.05.07]. Trong giai đoạn 2018 - 2023, Trường áp dụng nhiều biện pháp cải tiến để nâng cao sự hài lòng của các bên liên quan đối với chất lượng của SV tốt nghiệp của Trường nói chung và của ngành CNSH nói riêng. Kết quả khảo sát ý kiến của cựu SV, các nhà tuyển dụng thể hiện mức độ hài lòng về chất lượng của SV tốt nghiệp CTĐT ngành CNSH.

2. Điểm mạnh

Trường và Khoa có bộ phận, quy trình, công cụ và phương pháp triển khai, tiếp nhận và giám sát sự phản hồi từ các BLQ. Ý kiến của các BLQ được khai thác đầy đủ ở nhiều khía cạnh khác nhau và đều được sử dụng trong cải tiến chất lượng các hoạt động ĐT, hỗ trợ NH và điều chỉnh CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Mức độ hài lòng của các BLQ chưa được rà soát, đánh giá về tính hệ thống để nâng cao hơn chất lượng ĐT và phục vụ.

4. Kế hoạch hành động

4.1. Phát huy điểm mạnh:

Giai đoạn 2024 - 2028, Khoa hoàn thiện CTDH và nâng cao chất lượng ĐT thông qua kết quả khảo sát các BLQ để nâng cao chất lượng ĐT đáp ứng nhu cầu XH.

4.2. Khắc phục tồn tại:

Từ năm học 2024 - 2025, định kỳ tháng 12 hằng năm, Khoa đề xuất Trường triển khai đánh giá tính hệ thống trong rà soát, đánh giá mức độ hài lòng của các BLQ về chất lượng ĐT, phục vụ người học ngày càng được nâng cao.

Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 11:

Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn: Có bộ phận, công cụ để theo dõi, cập nhật danh sách, tỷ lệ NH thôi học, tốt nghiệp. Có tiến hành thống kê danh sách, tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp mỗi khóa ĐT. Có tìm hiểu, phân tích nguyên nhân thôi học. Trường và Khoa có bộ phận, công cụ để theo dõi, thống kê thời gian tốt nghiệp trung bình của NH các khóa học. Có các biện pháp hỗ trợ NH học vượt tiến độ và tìm hiểu nguyên nhân NH tốt nghiệp muộn. Khoa có khảo sát NH tốt nghiệp về cải thiện cơ hội việc làm sau tốt nghiệp trong thời gian đánh giá, có số liệu tin cậy về việc làm của NH, có tổ chức thảo luận, phân tích nguyên nhân, đề xuất các biện pháp khắc phục. Tỷ lệ NH có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập và giám sát. NH được đánh giá năng động, có kỹ năng mềm đáp ứng yêu cầu công việc. Có sự gắn kết tốt giữa Trường và DN trong hoạt động kiến tập, thực tập của NH cũng như chia sẻ chuyên đề và tuyển dụng. Trường có kế hoạch hoạt động NCKH của SV, có hệ thống theo dõi, giám sát loại hình nghiên cứu và các hoạt động NCKH của SV từ Trường tới Khoa. Khoa có sự tổ chức, hỗ trợ tư vấn đề tài nghiên cứu cho SV, các phòng chức năng luôn quan tâm hỗ trợ SV trong quá trình làm đề tài. Trường và Khoa có bộ phận, quy trình, công cụ và phương pháp triển khai, tiếp nhận và giám sát sự phản hồi từ các BLQ. Ý kiến của các BLQ được khai thác đầy đủ ở nhiều khía cạnh khác nhau và đều được sử dụng trong cải tiến chất lượng các hoạt động ĐT, hỗ trợ NH và điều chỉnh CTĐT.

Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn: Tỷ lệ SV tốt nghiệp chưa được cao, do SV thôi học tương đối nhiều. Một số NH chưa biết cách sắp xếp kế hoạch học tập cá nhân hiệu quả, bị ảnh hưởng bởi việc làm thêm nên không theo kịp tiến độ học tập ở những năm cuối. Hiện nay số lượng cựu NH phản hồi khảo sát về việc làm sau khi tốt nghiệp còn chưa đầy đủ. Vẫn còn một số SV còn chưa hiểu rõ vai trò của NCKH, chưa hào hứng với hoạt động NCKH. Mức độ hài lòng của các BLQ chưa được rà soát, đánh giá về tính hệ thống để nâng cao hơn chất lượng ĐT và phục vụ.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn: Điểm trung bình của tiêu chuẩn đạt: 4,60 điểm. Số tiêu chí đạt: 5/5. Tỷ lệ số tiêu chí đạt: 100%.

Phần III. KẾT LUẬN

1. Tóm tắt những điểm mạnh và những điểm cần phát huy của CTĐT

1.1. Về mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT

Mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể của CTĐT ngành CNSH được xác định và xây dựng rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường, sứ mạng và tầm nhìn của Khoa, phù hợp với mục tiêu của GDĐH quy định tại Luật Giáo dục ĐH hiện hành và Khung trình độ quốc gia Việt Nam. Mục tiêu của CTĐT CNSH được rà soát, cập nhật định kỳ và được thông báo, phổ biến đến các BLQ bằng nhiều hình thức khác nhau. CĐR của CTĐT ngành CNSH được xác định rõ ràng, phù hợp với mục tiêu của CTĐT, đảm bảo khối lượng kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm của NH cần đạt sau khi hoàn thành CTĐT; CĐR phản ánh được mục tiêu giáo dục của Khoa, của Trường; mỗi HP đều được xác định có đóng góp vào việc đạt được CĐR của CTĐT; CĐR chỉ rõ được triển vọng việc làm trong tương lai của SV sau khi tốt nghiệp giúp SV định hướng nghề nghiệp; CĐR được xây dựng nghiêm túc, đảm bảo đúng quy định của Bộ GD&ĐT; CĐR được định kỳ rà soát, cập nhật dựa trên kết quả khảo sát các BLQ. CĐR của CTĐT ngành CNSH được định kỳ rà soát, điều chỉnh theo định hướng tích hợp kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành và thái độ nghề nghiệp. Quá trình này có sự tham gia đóng góp ý kiến của các BLQ. CĐR được công bố công khai trên các kênh thông tin của Trường, Khoa, cổng thông tin ĐT và được thể hiện cụ thể trong CTĐT và ĐCCT của từng HP.

1.2. Về bản mô tả chương trình đào tạo

Bản mô tả CTĐT ngành CNSH thể hiện đầy đủ nội dung và thông tin cần thiết theo quy định của tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH do Cục QLCL, Bộ GD&ĐT ban hành. Bản mô tả CTĐT được định kỳ rà soát, điều chỉnh, cập nhật dựa trên kết quả khảo sát ý kiến của các BLQ và tham khảo các CTĐT trong và ngoài nước. Thông tin về bản mô tả CTĐT được công bố công khai trên trang điện tử của Trường và Khoa. ĐCCT các HP có đầy đủ các thông tin được yêu cầu, trong đó thể hiện rõ CĐR môn học gắn kết với CĐR của CTĐT. Các đề cương HP được định kỳ rà soát, bổ sung/điều chỉnh/cập nhật, đặc biệt là cập nhật thông tin về nội dung các HP, danh mục tài liệu tham khảo, đáp ứng xu thế hiện nay về lĩnh vực ngành CNSH. Mọi thông tin liên quan đến HP, cấu trúc, nội dung, PPKTĐG NH của học phần đều được cung cấp đầy đủ để NH đưa ra lựa chọn hợp lý cho lộ trình, kế hoạch học tập của bản thân theo từng học kỳ, từng năm và trong toàn khóa học. Bản mô tả CTĐT và ĐCCT các HP được công bố công khai, đầy đủ với nhiều hình thức khác nhau giúp cho các BLQ dễ dàng tiếp cận, tạo cơ hội tăng cường hợp tác, gắn kết giữa Trường và DN trong ĐT và sử dụng nhân lực, đáp ứng yêu cầu của các BLQ. Bản mô tả CTĐT và ĐCCT các HP dễ dàng tiếp cận giúp cho NH nắm được các HP để xác định đúng kế hoạch học tập,

lộ trình học tập trong cả năm học và cả khóa học.

1.3. Về cấu trúc và nội dung CTDH

CTDH ngành CNSH được thiết kế với cấu trúc phù hợp, cân đối giữa các khối kiến thức giáo dục đại cương, cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành, đảm bảo thực hiện các CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm. Mỗi HP trong CTDH đều được xác định rõ mức độ đạt CĐR. Việc xác định tổ hợp các PPGD, học tập, PPKTĐG KQHT của NH được quy định rõ nhằm hỗ trợ cho việc đạt được CĐR của NH. Đóng góp của mỗi HP trong việc đạt được CĐR là rõ ràng. 100% các HP có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi HP nhằm đạt được CĐR. ĐCCT của mỗi HP trong khối kiến thức đều thể hiện tính gắn kết giữa hoạt động dạy, học và PPKTĐG để đạt được CĐR. Các HP trong CTDH ngành CNSH được xây dựng và điều chỉnh dựa trên việc lấy ý kiến phản hồi của các BLQ. Các HP trong CTDH ngành CNSH được thiết kế có 3 khối kiến thức: khối kiến thức giáo dục đại cương, giáo dục chuyên nghiệp và thực tập tốt nghiệp đảm bảo sự gắn kết và liên mạch tạo thành một khối thống nhất. CTDH được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật ít nhất 2 năm/lần. CTDH khi được điều chỉnh có tham khảo các CTDH tiên tiến trong nước.

1.4. Về phương pháp tiếp cận trong dạy và học

TLGD của trường được xác định rõ ràng thông qua thảo luận và thống nhất để phù hợp và đặc trưng của trường. Bên cạnh đó, TLGD được áp dụng phổ biến đến các BLQ trong và ngoài trường thông qua nhiều hình thức khác nhau. Khoa đã chỉ đạo và phối hợp với Bộ môn và GV để xây dựng và triển khai các hoạt động dạy học phong phú, phù hợp với mục tiêu và TLGD. GV giảng dạy các HP trong CTĐT ngành CNSH xác định rõ hoạt động dạy học, PPGD đa dạng, phù hợp để đạt được CĐR ngành CNSH và thể hiện trong ĐCCT các HP. Các hoạt động dạy và học tạo điều kiện cho NH ngành CNSH rèn luyện các kỹ năng mềm, kỹ năng cần thiết và nâng cao khả năng học tập suốt đời. Môi trường học tập được tổ chức đa dạng khuyến khích tinh thần tự học, tự nghiên cứu của SV. GV sử dụng thành thạo, hiệu quả tổ hợp các PPGD đang áp dụng.

1.5. Về đánh giá kết quả học tập của người học

Ban hành đầy đủ quy định về việc tổ chức thi, kiểm tra nhằm đánh giá KQHT. Kế hoạch thi, kiểm tra được công bố công khai, rộng rãi đến NH ngay từ đầu học kỳ thông qua ĐCCT các HP. GV được tập huấn, hướng dẫn, bồi dưỡng kiến thức về các PPKTĐG. Các quy chế, quy định về KTĐG KQHT của NH được Trường ban hành và triển khai, tiêu chí đánh giá, trọng số, thời gian, hình thức, phương pháp, cơ chế phản hồi của NH và các nội dung liên quan được công bố một cách đầy đủ, rõ ràng. GV, Khoa, Trường công bố công khai tất cả các quy chế, quy định về KTĐG bằng nhiều hình thức khác nhau tới NH vào đầu khóa học và trước mỗi kỳ KTĐG nhằm đảm bảo NH hiểu và nắm rõ các quy chế, quy định này. Khoa sử dụng các phương pháp và hình thức KTĐG

KQHT của NH một cách đa dạng và nghiêm túc, theo đúng quy định và ĐCCT được duyệt. Tiêu chí KTĐG KQHT của NH được xác định rõ và có phân định mức độ đạt/không đạt qua việc đánh giá liên tục của GV. Đồng thời các SV tham dự cùng HP, tham gia kiểm tra cùng thời điểm sẽ được xác định điểm đánh giá cuối bằng một đề thi chung. Việc bố trí 2 cán bộ coi thi nhằm đảm bảo tính công bằng và độ tin cậy về kết quả thi của NH ở tất cả các hình thức thi. Trường đã ban hành Quy chế ĐT, các quy trình liên quan đến các công tác ĐT, trong đó nêu rõ quy định về việc phản hồi kết quả đánh giá của NH. Các quy chế quy định này được công bố công khai trên các phương tiện truyền thông của Khoa/Trường. Các thông tin phản hồi kết quả đánh giá kịp thời đã giúp NH biết để cải thiện việc học tập của mình. NH hài lòng về cách thức, thời gian phản hồi KQHT. Trường có đầy đủ các quy định, quy trình khiếu nại về KQHT và công bố công khai để NH dễ dàng tiếp cận. NH được Khoa, Trường phổ biến đầy đủ các quy định, quy trình khiếu nại về KQHT trước mỗi khóa học, mỗi học kỳ.

1.6. Về đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Trường ban hành đầy đủ quy chế, quy định về phát triển đội ngũ GV và thông báo, phổ biến đến toàn thể GV biết và thực hiện. Trường thực hiện quy hoạch phát triển đội ngũ GV công khai, minh bạch, theo đúng quy định và đáp ứng nhu cầu ĐT, NCKH, PVCD. Đội ngũ GV Khoa CNSH-TP có trình độ chuyên môn cao, đáp ứng các yêu cầu giảng dạy, NCKH và các hoạt động chuyên môn khác. Bộ môn CNSH có đủ GV cơ hữu có trình độ chuyên môn cao, đáp ứng các yêu cầu giảng dạy, NCKH. Công tác quy hoạch, tuyển dụng, bổ nhiệm GV được thực hiện theo kế hoạch, có quy trình và tiêu chuẩn cụ thể, rõ ràng. Khối lượng công việc của đội ngũ GV được đo lường, giám sát cụ thể làm căn cứ để có kế hoạch phân công, giám sát và kiểm tra chuyên môn định kỳ nhằm cải tiến chất lượng hoạt động ĐT, NCKH và các hoạt động PVCD. Việc đánh giá GV có tiêu chí rõ ràng, cụ thể tạo điều kiện để GV có những điều chỉnh phù hợp và tạo được động lực phát triển cho GV. Trường ban hành đầy đủ các tài liệu, văn bản quy định về các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV để bổ nhiệm, điều chuyển. Việc tuyển dụng GV hằng năm được tổ chức đúng theo quy định, nghị định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, NCV bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật để bổ nhiệm, điều chuyển được phổ biến và thông báo công khai thông qua trang thông tin nội bộ, website của Trường và của Phòng TCHC. Năng lực của đội ngũ CB giảng dạy được xác định rõ ràng, nhất quán. Việc đánh giá năng lực GV đa dạng về hình thức và ở nhiều cấp độ khác nhau. Nhu cầu về ĐT và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, NCV được xác định rõ ràng thông qua kế hoạch hằng năm. Các khóa ĐT, bồi dưỡng được triển khai đa dạng, đáp ứng nhu cầu nâng cao năng lực chuyên môn của GV. Trường đã có các quy định rõ ràng về đánh giá kết quả hoàn thành nhiệm vụ, khen thưởng, nâng lương trước thời hạn cho GV, không chỉ giúp tạo ra động lực cho

GV trong giảng dạy và NCKH mà còn giúp quản trị theo kết quả công việc của GV hiệu quả. Các loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của GV Khoa CNSH-TP được cải tiến hàng năm. Hoạt động NCKH của GV đa dạng về nội dung và hình thức, Trường có chính sách để thu hút GV tiếp tục tham gia viết bài trên các tạp chí quốc tế.

1.7. Đội ngũ nhân viên

Đội ngũ NV cấp Trường có trình độ và kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ phù hợp với yêu cầu của từng chức danh và vị trí công việc tại các phòng ban. Mức độ đáp ứng yêu cầu công việc của NV không ngừng được hoàn thiện nhờ công tác tập huấn, ĐTBĐ thường xuyên. Việc giải đáp thắc mắc của SV được thực hiện tích cực bởi đội ngũ NV, giúp SV học tập và rèn luyện tốt hơn. Tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn NV để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định rõ ràng trong quy định, được công bố và phổ biến rộng rãi. Các tiêu chí tuyển dụng NV được điều chỉnh kịp thời, cập nhật thường xuyên để phù hợp với nhu cầu thực tế. Trường đã có quy trình, phương pháp, công cụ, tiêu chí rõ ràng để đánh giá năng lực của đội ngũ NV. Hoạt động đánh giá và phân loại đội ngũ CB hỗ trợ của Khoa đảm bảo chính xác, công bằng, công khai và phù hợp với quy định của Trường. Trường có các kế hoạch để đánh giá nhu cầu về ĐTBĐ và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ NV. Công tác ĐTBĐ NV luôn được Trường đầu tư và quan tâm. Bên cạnh CB hỗ trợ của Khoa, còn có đội ngũ kỹ thuật viên, NV của Trường đảm bảo đủ về số lượng, có năng lực chuyên môn phù hợp, hỗ trợ có hiệu quả cho việc giảng dạy, học tập và NCKH tại trường. Các quy định của Trường về đánh giá, quản lý NV được quy định rõ ràng, công khai và có ghi nhận ý kiến đóng góp của người lao động. NV được tham gia đóng góp ý kiến trong quá trình xây dựng tiêu chí đánh giá của Trường.

1.8. Về người học và hoạt động hỗ trợ người học

Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng. Trường sử dụng nhiều phương thức tuyển sinh giúp cho mọi thí sinh dễ dàng tiếp cận thông tin và có nhiều cơ hội trong việc nâng cao trình độ chuyên môn nhằm hỗ trợ trong quá trình làm việc. Trường xác định tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH rõ ràng, khách quan đảm bảo tuân thủ các quy định của Bộ GD&ĐT. Việc đánh giá tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH được tiến hành định kỳ để có những điều chỉnh nâng cao thế mạnh, đồng thời phù hợp với đặc thù của từng ngành ĐT của Trường. Trường có cơ chế và hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, KQHT, khối lượng học tập của NH. Các đơn vị, cá nhân được phân công cụ thể để hỗ trợ SV. Cơ sở dữ liệu về sự tiến bộ của NH trong học tập và rèn luyện được quản lý đồng bộ thông qua việc áp dụng công nghệ giúp mang lại hiệu quả cao nhất và được sử dụng để cải tiến nâng cao chất lượng hoạt động hỗ trợ. Các biện pháp khắc phục nhằm giảm thiểu tỷ lệ bỏ học, nâng cao KQHT và rèn luyện của SV được áp dụng và điều chỉnh phù hợp. Nhờ đó, tỷ lệ SV chậm tiến độ và thôi học giảm,

tỷ lệ tốt nghiệp của SV được cải thiện. Trường có văn bản quy định các đơn vị, bộ phận chịu trách nhiệm tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác cũng như chịu trách nhiệm tư vấn việc làm cho NH. Trường và Khoa có nhiều hoạt động ngoại khóa mang tính học thuật, phát triển kỹ năng giúp NH tăng trải nghiệm thực tế. Trường và Khoa có mối quan hệ, kết nối với DN tốt, từ đó hỗ trợ hiệu quả NH trong việc kiến tập, thực tập và tăng cơ hội việc làm. Trường đã xây dựng môi trường sư phạm hiện đại, năng động, mô phạm, thân thiện, sạch đẹp và an toàn tạo không khí và tâm lý thoải mái, phục vụ hiệu quả cho hoạt động dạy và học. Khuôn viên Trường có đầy đủ các bảng nội quy, hướng dẫn, các thông điệp mang ý nghĩa tích cực giúp NH thêm năng động, sáng tạo trong học tập và rèn luyện.

1.9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Hệ thống phòng làm việc, phòng học và phòng chức năng có trang bị đầy đủ CSVC, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu các hoạt động ĐT và NCKH. CSVC và trang thiết bị được quản lý, rà soát, nâng cấp thường xuyên, đáp ứng tối đa nhu cầu ĐT thực tế và định hướng phát triển mở rộng trong tương lai. Bộ phận chuyên trách quản lý CSVC và trang thiết bị có chức năng giải quyết, phối hợp giải quyết và có những đề xuất thiết thực giúp cho việc vận hành hoạt động ĐT và triển khai CTĐT được thuận lợi và đạt hiệu quả cao. Nguồn học liệu (giấy và điện tử, CSDL trực tuyến) phù hợp, đầy đủ và được cập nhật, đảm bảo phục vụ các hoạt động ĐT và nghiên cứu của ngành CNSH, định kỳ được bổ sung. Tài liệu học tập và nghiên cứu được cung cấp đầy đủ bao gồm cả nguồn bên ngoài và nội sinh của trường. Thư viện được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để hoạt động, tạo điều kiện thuận lợi cho người sử dụng. Không gian thoáng mát, rộng rãi tạo hứng thú học tập đối với NH. Dữ liệu khảo sát được thực hiện và so sánh qua các năm, từ đó làm cơ sở cho những đề xuất phát triển Thư viện. Trường đầu tư, mua sắm đảm bảo có đủ phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phục vụ ĐT và nghiên cứu của CTĐT ngành CNSH. Phòng thí nghiệm, thực hành của Trường được trang bị đầy đủ các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động ĐT và nghiên cứu. Hằng năm, Trường tiến hành kiểm kê tài sản, rà soát, đánh giá trang thiết bị trong phòng thí nghiệm, phòng thực hành để có kế hoạch duy tu, bảo dưỡng và cập nhật, nâng cấp để đáp ứng nhu cầu về ĐT và nghiên cứu. Trường có phân công cụ thể CB phụ trách phòng thí nghiệm, thực hành và ở mỗi phòng thí nghiệm, thực hành đều có hồ sơ theo dõi, quản lý và đánh giá hiệu quả việc sử dụng các trang thiết bị. Trong giai đoạn 2018 - 2023, hằng năm, Trường đầu tư, nâng cấp, bổ sung trang thiết bị phục vụ hoạt động ĐT và nghiên cứu của các CTĐT nói chung và CTĐT ngành CNSH nói riêng. Hệ thống CNTT phù hợp và được cập nhật, hỗ trợ đắc lực cho hoạt động ĐT và nghiên cứu của người dạy và học ngành CNSH. Hệ thống CNTT được nâng cấp, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về chất lượng ĐT chương trình ngành CNSH. Môi trường sinh thái và môi trường học tập, công tác y tế học đường,

an toàn lao động, PCCC và các điều kiện về CSVC cơ bản cho những người có nhu cầu đặc biệt luôn được Trường quan tâm triển khai. Trường có đánh giá và cải tiến tạo môi trường tự nhiên và XH tốt cho đội ngũ CB-GV-NV và SV trong trường.

1.10. Nâng cao chất lượng

Việc phát triển CTDH tuân thủ theo quy định của Trường và Bộ GD&ĐT, có kế hoạch rõ ràng. Mỗi đợt điều chỉnh CTĐT, Khoa đều tổ chức thực hiện lấy ý kiến phản hồi của các BLQ theo đúng quy trình. Hệ thống thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các BLQ được tổ chức và thực hiện tốt. Các ý kiến phản hồi đều được Khoa tổng hợp, phân tích và vận dụng vào quá trình thiết kế, xây dựng, phát triển CTĐT, CTDH của Khoa, đảm bảo đủ cơ sở, có tính khoa học, có tính khách quan và độ tin cậy khi phát triển CTDH. Việc thiết kế, xây dựng, cập nhật và đánh giá CTDH được thực hiện thống nhất trong toàn trường theo quy trình, đảm bảo đúng quy định của Bộ GD&ĐT. Hằng năm, Trường đều thực hiện rà soát, cập nhật lại quy trình xây dựng, thiết kế và quy trình cập nhật, đánh giá CDR, CTĐT, phù hợp với yêu cầu của Bộ GD&ĐT, nhu cầu của các BLQ và với thực tế. Việc dạy và học được quy định cụ thể. Hoạt động giảng dạy được phản ánh kịp thời qua nhiều kênh thông tin làm cơ sở để GV điều chỉnh kịp thời phương pháp, cập nhật kiến thức thực tiễn phục vụ tốt hơn công tác giảng dạy. Trường thường xuyên thực hiện việc lấy ý kiến NH về việc đánh giá KQHT. Hoạt động tập huấn phát triển chuyên môn, sinh hoạt chuyên đề về cải tiến PPGD, PPKTDG đáp ứng CDR được thực hiện thường xuyên theo từng học kỳ. Trường ban hành văn bản quy định về công tác NCKH của GV và triển khai thực hiện. Trong giai đoạn 2018 - 2023, GV Khoa CNSH-TP đã thực hiện 35 đề tài NCKH (đã nghiệm thu) và 01 dự án khoa học công nghệ cấp thành phố liên quan đến dạy học. Trường và Khoa CNSH-TP tổ chức các hội thảo, sáng kiến kinh nghiệm để áp dụng kết quả NCKH, đồng thời có sử dụng các kết quả NCKH để cải tiến hoạt động giảng dạy của GV và hoạt động học tập của SV. Các văn bản quy định về việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thực hành, hệ thống CNTT ngày càng được hoàn thiện. Hệ thống CSVC, trang thiết bị dạy, chất lượng các dịch vụ, tiện ích được định kỳ rà soát, đánh giá mức độ đáp ứng và có kế hoạch cải tiến, sửa chữa, cải tạo để nâng cao chất lượng phục vụ cho hoạt động giảng dạy và học tập định kỳ. Hằng năm, Trường và Khoa CNSH-TP thực hiện khảo sát ý kiến của GV, SV về mức độ đáp ứng của các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác (tư vấn NH, công tác SV, các hoạt động đoàn thể, hoạt động ngoại khóa,...). Hoạt động rà soát nhằm đánh giá chất lượng của các dịch vụ hỗ trợ ngày càng được chú trọng, được thực hiện một cách thường xuyên và bằng nhiều hình thức đa dạng khác nhau nhằm thu được kết quả phản hồi đáng tin cậy và đúng với thực tế. Trường thực hiện nhiều cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác nhằm phục

vụ tốt hoạt động ĐT, NCKH và PVCD. Trường đã ban hành cụ thể quy định, hướng dẫn thực hiện việc lấy ý kiến các BLQ và giao cho đơn vị chuyên trách thực hiện công tác lấy ý kiến các BLQ. Quy trình lấy ý kiến các BLQ được rà soát và cập nhật hằng năm phù hợp với tình hình thực tế của Trường.

1.11. Kết quả đầu ra

Trường có bộ phận, công cụ để theo dõi, cập nhật danh sách, tỷ lệ NH thôi học, tốt nghiệp. Có tiến hành thống kê danh sách, tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp mỗi khóa ĐT. Có tìm hiểu, phân tích nguyên nhân thôi học. Trường và Khoa có bộ phận, công cụ để theo dõi, thống kê thời gian tốt nghiệp trung bình của NH các khóa học. Có các biện pháp hỗ trợ NH học vượt tiến độ và tìm hiểu nguyên nhân NH tốt nghiệp muộn. Khoa có khảo sát NH tốt nghiệp về cải thiện cơ hội việc làm sau tốt nghiệp trong thời gian đánh giá, có số liệu tin cậy về việc làm của NH, có tổ chức thảo luận, phân tích nguyên nhân, đề xuất các biện pháp khắc phục. Tỷ lệ NH có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập và giám sát. NH được đánh giá năng động, có kỹ năng mềm đáp ứng yêu cầu công việc. Có sự gắn kết tốt giữa Trường và DN trong hoạt động kiến tập, thực tập của NH cũng như chia sẻ chuyên đề và tuyển dụng. Trường có kế hoạch hoạt động NCKH của SV, có hệ thống theo dõi, giám sát loại hình nghiên cứu và các hoạt động NCKH của SV từ Trường tới Khoa. Khoa có sự tổ chức, hỗ trợ tư vấn đề tài nghiên cứu cho SV, các phòng chức năng luôn quan tâm hỗ trợ SV trong quá trình làm đề tài. Trường và Khoa có bộ phận, quy trình, công cụ và phương pháp triển khai, tiếp nhận và giám sát sự phản hồi từ các BLQ. Ý kiến của các BLQ được khai thác đầy đủ ở nhiều khía cạnh khác nhau và đều được sử dụng trong cải tiến chất lượng các hoạt động ĐT, hỗ trợ NH và điều chỉnh CTĐT.

2. Tóm tắt những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của CTĐT

2.1. Về mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mặc dù mục tiêu chung có đề cập việc ứng dụng trong các lĩnh vực nông nghiệp, thực phẩm, môi trường nhưng mục tiêu cụ thể chưa thể hiện rõ nét định hướng ứng dụng trong các lĩnh vực này. Khoa chưa xây dựng hướng dẫn cụ thể cho giảng viên và người học để thực hiện và đạt được CĐR của CTĐT. Việc phổ biến CĐR của CTĐT còn hạn chế cho các BLQ tiếp cận, tìm hiểu. Việc tổ chức lấy ý kiến đóng góp cho quá trình xây dựng CĐR của CTĐT ngành CNSH được thực hiện nhưng số lượng NTD/DN tham gia chưa nhiều và chưa được thực hiện thường xuyên. Do CTĐT ngành CNSH mới có 02 khóa SV ra trường, mạng lưới cựu sinh viên ngành CNSH chưa đủ mạnh.

2.2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Khoa CNSH-TP có tham khảo các CTĐT của các trường đại học trong nước được công bố rộng rãi, nhưng bản mô tả chi tiết của CTĐT của các trường dựa trên điều kiện cụ thể của cơ sở đào tạo đó. Do đó, quá trình cập nhật và điều chỉnh bản mô tả CTĐT

ngành CNSH của Trường chịu ảnh hưởng từ điều kiện hiện tại của cơ sở đào tạo. Tiến trình đào tạo theo bản mô tả CTĐT còn chưa đáp ứng nhu cầu học vượt, học sớm của NH. Một số HP chuyên ngành chưa cập nhật thường xuyên theo nhu cầu xã hội. ĐCCT HP có đề cập nhưng chưa mô tả rõ hoạt động tự học, tự nghiên cứu của NH và chưa thể hiện rõ phương pháp KTĐG cho hoạt động này. Việc công bố công khai bản mô tả CTĐT và ĐCCT ngành CNSH còn chưa đầy đủ đối với nhà tuyển dụng và cựu NH; chưa có cơ chế đánh giá mức độ tiếp cận của các BLQ.

2.3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Khoa chưa xây dựng tài liệu hướng dẫn chi tiết về việc thiết kế các hoạt động dạy - học và KTĐG dựa trên từng CĐR của CTĐT CNSH để đảm bảo các PPGD, học tập, PP KTĐG phù hợp, góp phần đạt được CĐR hiệu quả nhất. Việc lấy ý kiến của các BLQ đối với CTDH chỉ chú trọng nhiều nhất vào NH nên CTDH có thể chưa đáp ứng đầy đủ các yêu cầu từ thực tế tại các doanh nghiệp. Trong bản mô tả CTDH, có khá nhiều HP cùng có đóng góp vào việc đạt được cùng 01 CĐR của CTĐT, có thể gây khó khăn cho GV trong việc định hướng giảng dạy nhằm đạt CĐR. Khoa chưa tổ chức đánh giá một cách khoa học về sự tương thích giữa nội dung và sự đóng góp chi tiết của từng học phần để đạt CĐR của CTĐT. Việc khảo sát ý kiến của các BLQ về nội dung chi tiết của từng học phần để đạt được CĐR còn hạn chế. Việc tham khảo các CTĐT, CTDH tiên tiến ngành CNSH trình độ đại học của các CSGD trong và ngoài nước chủ yếu là đối sánh về khung CTĐT, tên HP, số tín chỉ mà chưa thể hiện rõ việc phân tích đối sánh nội dung của từng HP.

2.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Việc triển khai và phổ biến TLGD đến các BLQ đã được Trường và Khoa thực hiện. Tuy nhiên, do TLGD cần có nhiều thời gian để hiểu và chuyển tải đồng bộ đến các BLQ nên mức độ hiểu và áp dụng TLGD của các BLQ có thể không đồng đều. Đầu mỗi khóa học, trường tổ chức tuần lễ sinh hoạt công dân nhằm phổ biến phương pháp học theo hệ thống tín chỉ cho toàn thể SV thực hiện. Tuy nhiên, vẫn còn một số SV năm thứ nhất chưa thật sự thích nghi với phương pháp học ở bậc ĐH. Chưa triển khai hiệu quả việc hướng dẫn cho NH hiểu đầy đủ về việc sử dụng các phương pháp nghiên cứu, học tập hiệu quả nhằm tăng cường thêm kỹ năng học tập suốt đời, học tập chủ động.

2.5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Một số tiêu chí đánh giá trong quá trình chấm điểm HP vẫn mang tính định tính, tức là sự sáng tạo, khả năng tư duy phê phán hoặc mức độ tham gia vào thảo luận lớp học có thể được đánh giá dựa trên cảm nhận cá nhân của GV, thay vì dựa trên các tiêu chí cụ thể được định nghĩa rõ ràng. Kết quả là, điểm số có thể bị ảnh hưởng bởi yếu tố cảm tính, tạo ra sự không đồng đều trong quá trình đánh giá. Việc đánh giá, kiểm chứng về hiệu quả tổ hợp các PPKTĐG được áp dụng trong CTĐT ngành CNSH chưa có bộ

công cụ thực hiện, các PPKTDG mới chỉ mới đánh giá, kiểm chứng ở mức trao đổi giữa các GV thông qua các buổi họp Khoa, họp tổ bộ môn. Việc KTĐG quá trình của các GV (bao gồm nhiều điểm thành phần: chuyên cần, kiểm tra giữa kỳ, bài tập nhóm, báo cáo nhóm) chưa thực sự mang tính khách quan. NH chưa tiếp cận được đầy đủ các thông tin KTĐG quá trình của từng môn do số buổi lên lớp quá ít. Quy định về việc khiếu nại KQHT của NH còn phân định rõ việc xử lý các trường hợp khiếu nại đúng/sai, chưa phân định rõ trách nhiệm của người chấm khi có sự chênh lệch điểm số trước và sau khiếu nại.

2.6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Kế hoạch phát triển Khoa chưa thể hiện rõ việc quy hoạch đội ngũ GV cho hoạt động PVCD. Việc đo lường các nhiệm vụ PVCD chưa có những tiêu chí cụ thể. Hằng năm, thông báo tuyển dụng được phổ biến, công khai đã đa dạng. CB, GV, NCV có nhận thức về các quy định. Tuy nhiên, số lượng ứng viên nộp hồ sơ ứng tuyển ở các đợt tuyển dụng của Trường vẫn còn hạn chế. Tuy có văn bản đầy đủ nhưng nội hàm trong văn bản chưa quy định đầy đủ các yêu cầu của mốc chuẩn, do đó việc tuyển dụng GV đáp ứng tiêu chí đúng chuyên ngành được ĐT thường gặp khó khăn. Năng lực ngoại ngữ của một số GV Khoa CNSH-TP còn hạn chế nhất định. Việc đánh giá GV có nhiều tiêu chí tương tự đánh giá NV, chưa xây dựng hoàn chỉnh bộ tiêu chí đánh giá đặc thù cho GV. Chưa đánh giá hiệu quả sau mỗi khóa/ đợt tập huấn/ đào tạo hoặc sau mỗi đợt cử người đi tập huấn/ đào tạo. Trường vẫn còn GV kiêm nhiệm làm NCV. Khoa CNSH-TP chưa có nhiều đề tài nghiên cứu cấp thành phố, cấp bộ do khả năng cạnh tranh với các dự án lớn còn hạn chế.

2.7. Đội ngũ nhân viên

Công tác quy hoạch đội ngũ NV tuy đã được triển khai nhưng việc rà soát quy hoạch đội ngũ NV chưa được thực hiện thường xuyên. Tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn NV để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định rõ ràng trong quy định, nhưng chưa cụ thể hóa về số lượng. Hoạt động đánh giá hiệu quả của công tác bổ nhiệm, điều chuyển chưa được thực hiện thường xuyên để kịp thời điều chỉnh. Ngoài ra, chi tiết các quy định về ĐT đối với CB nằm trong quy hoạch chưa được công khai rộng rãi trong toàn bộ viên chức GV. Năng lực chuyên môn, ngoại ngữ, tin học của CB hỗ trợ ở các đơn vị chưa đồng đều. Mức hài lòng chung của toàn trường chưa cao. Chưa khảo sát việc áp dụng các nội dung được tập huấn vào công việc của NV. Lịch công tác hàng tuần của đội ngũ NV chưa cụ thể nên gây khó khăn trong việc giám sát. Chưa có báo cáo công việc hàng tuần để nâng cao hiệu quả công việc.

2.8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Chưa khai thác triệt để thông tin từ các cựu SV và NTD với đối tác thị trường lao động để điều chỉnh các tiêu chuẩn của ngành nghề phù hợp với xu hướng công nghệ,

xây dựng kế hoạch tuyển sinh phù hợp với tình hình thực tế. Trường có tổ chức đánh giá NH, tuy nhiên chưa phân tích sâu mối tương quan giữa các tổ hợp xét tuyển và phương thức xét tuyển với số SV thôi học và chất lượng SV năm thứ nhất để làm cơ sở cho điều chỉnh chính sách và cải tiến công tác tuyển sinh. Trường có tổ chức sinh hoạt lớp hàng tháng tạo điều kiện cho CVHT và SV trao đổi thông tin, giải đáp thắc mắc, khó khăn mà SV đang gặp phải. Tuy nhiên, Hội nghị CVHT chưa được tổ chức ở quy mô cấp trường và tổ chức định kỳ thường xuyên. Các hoạt động ngoại khóa tổ chức cho NH còn gói gọn trong phạm vi Trường, chưa thu hút thêm NH các trường khác tham gia. Một số hoạt động ngoại khóa còn khắc khe trong việc lựa chọn thành viên tham gia nên chưa thật sự thu hút số đông NH của các khóa học trong và ngoài trường. Tuy khoa có thực hiện họp rút kinh nghiệm sau mỗi hoạt động, việc đánh giá, đối chiếu sự hiệu quả của các hoạt động chưa được thực hiện một cách triệt để. Khuôn viên chưa có nhiều cây xanh, thiếu không gian sinh hoạt chung, không gian làm việc mở đôi khi tạo ra sự bất tiện trong công việc (không tập trung, ồn ào).

2.9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Mặc dù có phòng dành cho GV sinh hoạt chung, nhưng còn hạn chế về không gian sinh hoạt chuyên môn cho các bộ môn. Số lượng giáo trình và sách chuyên khảo do GV trong trường biên soạn, đặc biệt là những ấn phẩm đã được xuất bản, còn khá khiêm tốn. Khó khăn về kinh phí nên việc mua sắm mới các trang thiết bị hiện đại còn gặp khó khăn do nhu cầu về trang thiết bị luôn thay đổi theo sự phát triển của ngành. Các phần mềm hiện tại đang sử dụng được mua từ bên ngoài nên Trường còn bị động trong việc khắc phục sự cố cũng như việc nâng cấp phần mềm khi cần thiết. Không gian xanh trong khu vực làm việc, học tập và các khu vực sinh hoạt chung của trường còn hạn chế.

2.10. Nâng cao chất lượng

Việc đóng góp ý kiến để xây dựng CTDH chỉ mới ở mức độ góp ý mà thiếu sự phân tích chuyên sâu. Ngành CNSH chỉ mới 02 khóa SV tốt nghiệp, do đó khi thực hiện lấy ý kiến của các BLQ thì thiếu ý kiến của cựu SV. Ý kiến đóng góp từ các đơn vị về quy trình thiết kế, xây dựng và quy trình cập nhật, đánh giá CDR, CTĐT chưa nhiều. Một số HP, tỷ lệ NH hài lòng về PPDH và đánh giá KQHT còn chưa cao. Số lượng bài báo, công trình NCKH của GV còn ít và chưa tương xứng với tiềm năng của GV. Thông tin phản hồi về kết quả khảo sát chất lượng các dịch vụ hỗ trợ đến các BLQ được Trường thường xuyên thực hiện. Tuy nhiên, kết quả cải tiến từ các đơn vị trực tiếp phụ trách chưa được phản hồi cụ thể và đầy đủ đến các BLQ. Một số nhu cầu của NH mặc dù được đáp ứng đầy đủ nhưng đôi khi chưa kịp thời do cần phải chờ kết quả thẩm định từ phòng ban liên quan. Việc thiết kế các công cụ khảo sát chưa hoàn toàn hiệu quả và chưa thể đối sánh đầy đủ ý kiến các BLQ.

2.11. Kết quả đầu ra

Tỷ lệ SV tốt nghiệp chưa được cao, do SV thôi học tương đối nhiều. Một số NH chưa biết cách sắp xếp kế hoạch học tập cá nhân hiệu quả, bị ảnh hưởng bởi việc làm thêm nên không theo kịp tiến độ học tập ở những năm cuối. Hiện nay số lượng cựu NH phản hồi khảo sát về việc làm sau khi tốt nghiệp còn chưa đầy đủ. Vẫn còn một số SV còn chưa hiểu rõ vai trò của NCKH, chưa hào hứng với hoạt động NCKH. Mức độ hài lòng của các BLQ chưa được rà soát, đánh giá về tính hệ thống để nâng cao hơn chất lượng ĐT và phục vụ.

3. Tóm tắt các kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT

3.1. Về mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Giai đoạn 2024 - 2028 theo định kỳ 02 năm/lần, Khoa CNSH-TP tiếp tục rà soát, cập nhật mục tiêu của CTĐT phù hợp với các quy định của Luật GD ĐH, Khung trình độ quốc gia Việt Nam, phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng của Trường và Khoa; tiếp tục tăng cường phổ biến và đa dạng hóa các hình thức phổ biến mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể của CTĐT CNSH đến các BLQ. Tháng 01 năm 2025 và theo kế hoạch chung của Trường, Khoa tiến hành rà soát, cập nhật mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể để thể hiện rõ định hướng ứng dụng trong các lĩnh vực nông nghiệp, thực phẩm, môi trường.

Giai đoạn 2024 - 2028 theo định kỳ 02 năm/lần, Khoa CNSH-TP tiếp tục rà soát, cải tiến mục tiêu, CĐR, CTĐT ngành CNSH nhằm nâng cao chất lượng ĐT phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng của Trường và Khoa. Tháng 01 năm 2025 và theo kế hoạch chung của Trường, Khoa tiến hành rà soát, cập nhật CĐR của CTĐT, xây dựng hướng dẫn cụ thể cho giảng viên và người học để thực hiện và đạt được CĐR của CTĐT; tăng cường phổ biến CĐR cho các BLQ bằng nhiều hình thức khác nhau.

Giai đoạn 2024 - 2028 theo định kỳ 02 năm/lần, Khoa tiếp tục thực hiện rà soát, cập nhật CĐR của CTĐT theo hướng tiếp cận của BGD&ĐT, đảm bảo CĐR phù hợp với xu hướng phát triển của ngành. Tháng 01 năm 2025, Khoa CNSH-TP tổ chức hội nghị, hội thảo, mở rộng quan hệ hợp tác với các chuyên gia có kinh nghiệm trong quản lý GD, các DN, NTD, xây dựng mạng lưới kết nối cựu NH để tham gia vào việc xây dựng, đánh giá CĐR của CTĐT.

3.2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Giai đoạn 2024 - 2028 theo định kỳ 02 năm/lần, Khoa CNSH-TP, HĐKH&ĐT của Khoa, Bộ môn CNSH tổ chức rà soát, điều chỉnh, bổ sung bản mô tả CTĐT cùng ma trận CĐR theo định kỳ trên cơ sở ý kiến các BLQ và tuân theo quy định của Bộ GD&ĐT. Bản mô tả CTĐT và ma trận CĐR thường xuyên được cập nhật gắn liền với yêu cầu thực tiễn. Tháng 01 năm 2025 và theo kế hoạch chung của Trường, Khoa CNSH-TP mở rộng hợp tác để tìm và tham khảo thêm Bản mô tả CTĐT của các trường ĐH trong và

ngoài nước nhằm điều chỉnh, cập nhật Bản mô tả CTĐT của ngành CNSH phù hợp với xu hướng phát triển của ngành.

Giai đoạn 2024 - 2028 theo định kỳ 02 năm/lần, Khoa CNSH-TP tiếp tục rà soát, điều chỉnh, cập nhật ĐCCT HP phù hợp với mục tiêu của CTĐT và yêu cầu thực tiễn. Tháng 01 năm 2025 và theo kế hoạch chung của Trường, Khoa tiến hành xây dựng các hướng dẫn chi tiết về hoạt động tự học, tự nghiên cứu của NH và phương pháp KTĐG cho hoạt động này để bổ sung vào ĐCCT HP.

Hàng năm Khoa tiếp tục phổ biến Bản mô tả CTĐT và ĐCCT các HP đến NH thông qua nhiều kênh truyền thông khác nhau. Tháng 01 năm 2025 và theo kế hoạch chung của Trường, Khoa CNSH-TP phối hợp với các phòng ban liên quan tăng cường tìm kiếm các kênh để công khai bản mô tả CTĐT, đồng thời xây dựng cơ chế đánh giá mức tiếp cận của các BLQ.

3.3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Giai đoạn 2024 - 2028 theo định kỳ 02 năm/ lần, Khoa tiếp tục rà soát CTDH ngành CNSH để cập nhật cấu trúc và nội dung phù hợp, đảm bảo thực hiện các CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm. Tháng 01 năm 2025 và theo kế hoạch chung của Trường, Khoa tiến hành xây dựng tài liệu hướng dẫn chi tiết về việc thiết kế các hoạt động dạy - học và KTĐG dựa trên từng CĐR của CTĐT CNSH. Khoa tổ chức lấy ý kiến phản hồi của NH về CTDH thông qua nội dung, phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập; đồng thời tổ chức các buổi lấy ý kiến đóng góp từ các nhà tuyển dụng, chuyên gia và GV để điều chỉnh CTDH một cách hợp lý và logic hơn cho phù hợp với CĐR.

Giai đoạn 2024 - 2028, theo định kỳ 02 năm/ lần Khoa tiếp tục rà soát, cập nhật CTDH để thể hiện rõ hơn nữa những đóng góp của từng học phần giúp đáp ứng CĐR của CTĐT. Tháng 01 năm 2025 và theo kế hoạch chung của Trường, Khoa tiến hành rà soát, tổ chức đánh giá sự tương thích và đóng góp của các học phần trong CTDH về nội dung, về phương pháp dạy, học, phương pháp KTĐG vào việc đạt được CĐR của CTĐT. Từ đó Khoa xây dựng hướng dẫn chi tiết giúp cho GV định hướng giảng dạy nhằm đạt CĐR hiệu quả nhất. Đồng thời, Khoa tiến hành khảo sát ý kiến của các BLQ về nội dung chi tiết của từng học phần, về mức độ đạt được CĐR của học phần.

Giai đoạn 2024 - 2028 theo định kỳ 02 năm/ lần, Khoa tiếp tục rà soát, cập nhật cấu trúc, trình tự của CTDH, tiếp tục đổi mới, cải tiến nội dung các học phần đáp ứng CĐR, phù hợp với xu hướng phát triển của ngành. Khoa tăng cường công tác tập huấn chuyên môn nghiệp vụ cho giảng viên về phương pháp dạy học, phương pháp KTĐG. Tháng 1 năm 2025 và theo kế hoạch chung của Trường, Khoa tham khảo thêm về nội dung chi tiết các học phần trong CTĐT của các CSGD trong và ngoài nước nhằm đổi mới, cải tiến nội dung phù hợp với xu hướng chung của ngành CNSH.

3.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Giai đoạn 2024 - 2028, hằng năm Trường và Khoa tiếp tục thực hiện theo đúng những nội dung đã tuyên bố với NH và tăng cường tổ chức các hội thảo, hội nghị, các ngày hội việc làm để tiếp nhận ý kiến của chuyên gia, NTD, cựu SV, GV về TLGD cũng như mục tiêu giáo dục. Tháng 01 năm 2025 và theo kế hoạch rà soát chung của Trường, Khoa CNSH-TP tiếp tục phổ biến TLGD đến các BLQ thông qua các hoạt động cụ thể để các BLQ ngoài trường hiểu rõ hơn về TLGD của Trường. Ngoài ra, Trường và Khoa tiến hành thường xuyên công tác lấy ý kiến phản hồi của các NTD, DN, NH trong việc xây dựng và hoàn thiện hơn TLGD.

Hằng năm, Khoa tăng cường tạo môi trường chia sẻ hoạt động giảng dạy giữa các GV trong và ngoài khoa, ngoài trường thông qua các hội thảo chuyên đề của khoa và mời các chuyên gia, DN tham gia giảng dạy, đánh giá kết quả học tập và khóa luận SV. Từ tháng 01 năm 2025, Trường và Khoa CNSH-TP tăng cường hướng dẫn cho SV, đặc biệt là SV năm nhất về phương pháp học ở bậc ĐH.

Giai đoạn 2024 - 2028, hằng năm Khoa tiếp tục phối hợp với DN, các phòng ĐT, QLKH-HTQT, QTTB cung cấp môi trường học tập sinh hoạt, các hoạt động hỗ trợ đến với NH. Phát huy văn hóa chia sẻ tri thức trong tập thể GV trong Khoa, GV ngoài trường và tăng cường việc mời chuyên gia, DN tham gia hoạt động dạy và học. Tháng 01 năm 2025 và theo kế hoạch thực hiện chung của Trường, Khoa tăng cường các biện pháp phổ biến, hướng dẫn để giúp NH sử dụng các PP nghiên cứu, học tập hiệu quả nhằm tăng cường thêm kỹ năng học tập suốt đời, học tập chủ động.

3.5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Giai đoạn 2024 - 2028, ở từng HP, Khoa xây dựng và thiết kế bộ câu hỏi đánh giá theo từng mức đạt CĐR, chỉ rõ đánh giá yếu tố nào, ở mức độ nào theo CĐR. Tháng 01 năm 2025 và theo định kỳ chung của Trường, Khoa sẽ triển khai đánh giá chất lượng của các đề thi kết thúc HP dưới hình thức đề mở để kịp thời hiệu chỉnh và bổ sung đề tất cả các môn học trong CTĐT đều được đánh giá KQHT của NH được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CĐR.

Giai đoạn 2024 - 2028, mỗi học kỳ ngoài việc tăng cường thêm các PPĐG KQHT của NH, Khoa yêu cầu GV ra đề các HP phải có sự phê duyệt của Bộ môn, Ban lãnh đạo Khoa thống nhất với các GV trong việc ra đề thi, đảm bảo hạn chế việc NH chỉ tái hiện kiến thức, đánh giá cao tiêu chí tăng tính vận dụng, đòi hỏi NH phải tư duy, vận dụng hiểu biết của NH vào làm bài. Tháng 01 năm 2025, theo định kỳ rà soát chung của trường, Khoa thực hiện việc kiểm chứng, đánh giá tổ hợp các PPKTĐG KQHT đang sử dụng nhằm cải tiến ngày một tốt hơn trong việc đo lường CĐR.

Giai đoạn 2024 - 2028, Trường thường xuyên tiếp tục cập nhật, rà soát bổ sung Quy chế thi kết thúc HP theo Quy chế ĐT của Bộ GD&ĐT. Từ tháng 01 năm 2025, giữa

mỗi học kỳ Khoa, Bộ môn họp, rà soát về việc GV để thống nhất đối với mỗi loại điểm thành phần, GV công bố ngay cho NH sau khi có kết quả, còn vào buổi học cuối cùng GV chỉ công bố kết quả chung của điểm quá trình.

Trong giai đoạn 2024 - 2028, cuối mỗi học kỳ Khoa tăng cường phổ biến, nhắc nhở thường xuyên các quy định về khiếu nại KQHT đến NH nhằm giúp cho NH tiếp cận nhanh chóng để đạt được KQHT tích cực và khách quan nhất. Từ tháng 01 năm 2025, hằng năm Khoa CNSH-TP phối hợp với phòng TT-PC-KT-ĐBCL điều chỉnh bổ sung quy định và phân định rõ nghĩa vụ NH trong các trường hợp khiếu nại đúng/sai, trách nhiệm của người chấm khi có sự chênh lệch điểm số trước và sau khiếu nại.

3.6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Tiếp tục đẩy mạnh công tác bồi dưỡng đội ngũ GV, nghiên cứu viên (NCV) của Khoa ngày càng được nâng cao về số lượng và chất lượng, đủ đáp ứng nhu cầu ĐT, NCKH và PVCĐ. Tháng 12 năm 2024, theo chiến lược phát triển và định hướng chung của Trường, Khoa xây dựng đồng bộ kế hoạch dài hạn, trung hạn, ngắn hạn về phát triển đội ngũ GV để đảm bảo tính liên tục theo thời gian, chiến lược phát triển Trường và đội ngũ GV. Phối hợp chặt chẽ với các phòng ban khác trong trường để tổ chức các hoạt động PVCĐ. Tìm kiếm sự hợp tác với các tổ chức XH, chính quyền địa phương để cùng nhau thực hiện các dự án.

Trường tiếp tục đẩy mạnh hoạt động khoa học công nghệ (KH-CN) và PVCĐ hướng theo chiến lược phát triển của Trường giai đoạn đến 2030. Tháng 12 năm 2024, Khoa tiến hành xây dựng các tiêu chí đánh giá mang tính định lượng trong việc thực hiện các nhiệm vụ PVCĐ và nhiệm vụ chuyên môn khác của GV.

Trường tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyển dụng GV được tổ chức nghiêm túc, công khai, đúng quy định, có quy trình tuyển dụng rõ ràng. Tháng 12 năm 2024, Khoa CNSH-TP rà soát, đổi mới các phương thức, hình thức thông báo tuyển dụng nhằm tăng số lượng ứng tuyển. Mặt khác, sẽ cụ thể hóa tiêu chí tuyển dụng GV đảm bảo đúng yêu cầu tuyển dụng về chuyên ngành được đào tạo để đáp ứng ngay được yêu cầu của CTĐT.

Khoa tiếp tục đánh giá năng lực GV đa dạng về hình thức và ở nhiều cấp độ khác nhau. Tháng 12 năm 2024, Trường đang bắt đầu triển khai công tác đánh giá toàn diện nhân sự và Khoa đang tiến hành rà soát, đánh giá lại năng lực của GV. Đồng thời, Khoa sẽ kết hợp nhiều hình thức khảo sát để đạt hiệu quả cao trong việc đánh giá GV.

Trường tiếp tục đẩy mạnh nhu cầu về ĐT và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, NCV được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó. Tháng 01 năm 2025, Khoa CNSH-TP xây dựng kế hoạch dài hạn về nâng cao năng lực thiết kế đề cương học phần, chọn lựa tổ hợp phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá tương thích CDR cho đội ngũ GV. Khoa tiến hành đánh giá hiệu quả sau mỗi khóa/đợt

tập huấn/đào tạo hoặc sau mỗi đợt cử GV đi tập huấn/ đào tạo và sử dụng kết quả này để hoạch định và triển khai kế hoạch tiếp theo.

Trường tiếp tục tăng cường nhiều chính sách khen thưởng, động viên kịp thời, tạo động lực cho GV hoàn thành khối lượng công việc theo quy định. Tháng 12 năm 2024, Khoa chuẩn bị thành lập đội ngũ NCV chuyên trách, có trình độ cao để thực hiện các dự án nghiên cứu.

Trường tiếp tục đẩy mạnh quy chế tính giờ NCKH rõ ràng, chi tiết và minh bạch, ngoài ra việc thống kê tính giờ NCKH được thực hiện nghiêm túc, công bằng hằng năm, góp phần tạo sự hài lòng, phát triển, sự đồng thuận trong toàn đơn vị. Tháng 7 hằng năm, Khoa khuyến khích các GV tham gia nhiều hơn vào các công trình NCKH cấp Bộ, cấp nhà nước và tăng cường đăng tải kết quả các công trình khoa học lên các tạp chí trong nước và quốc tế có chỉ số cao. Đồng thời kiến nghị Trường có thêm các chính sách hỗ trợ cho các GV có nhiều công trình NCKH.

3.7. Đội ngũ nhân viên

Trường tiếp tục đẩy mạnh đội ngũ CB thư viện, CNTT và các bộ phận dịch vụ hỗ trợ NH thành thạo nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu thực hiện CTĐT ngành. Tháng 01 năm 2025, Phòng TCHC phối hợp với các đơn vị đề rà soát đề án vị trí việc làm và thực hiện quy hoạch đội ngũ NV nhằm có những điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phù hợp.

Trường tiếp tục đẩy mạnh công tác phổ biến công khai các tiêu chí tuyển chọn NV để bổ nhiệm, điều chuyển rộng rãi trên các kênh thông tin đại chúng và thời gian đăng tuyển dài hơn. Tháng 04 năm 2025, Trường cần tập trung vào những giải pháp: (1) Trong các văn bản quy định về công tác CB được điều chuyển nên được lượng hóa cụ thể hơn và thường xuyên đánh giá hiệu quả của công tác bổ nhiệm, điều chuyển; (2) Cần công khai những quy định về DT đối với CB nằm trong quy hoạch để những CB còn lại có hướng tiếp cận và DT bản thân phù hợp với yêu cầu luân chuyển, bổ nhiệm.

Hàng năm vào đầu năm học, Trường tiếp tục điều chỉnh, bổ sung đầy đủ các tiêu chuẩn nhằm đánh giá, phân loại đội ngũ CB hỗ trợ, có chế độ khen thưởng CB, NV hoàn thành tốt nhiệm vụ. Chính sách DT, nâng cao năng lực của đội ngũ NV về chuyên môn, ngoại ngữ, tin học để đáp ứng CV hỗ trợ NH tốt hơn. Khoa đề xuất Trường tiếp tục có các hoạt động rà soát, đánh giá năng lực của đội ngũ NV và có chính sách khuyến khích NV tự trau dồi, nâng cao năng lực.

Trường tiếp tục giám sát, đánh giá hiệu quả của các loại hình DTBD và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ, các buổi tập huấn, tọa đàm, chuyên đề, phân tích, đối sánh mức độ tham dự để đánh giá, cải tiến. Tháng 01 năm 2025, Khoa đề xuất Trường có kế hoạch khảo sát việc áp dụng các nội dung tập huấn vào công việc của NV sau các đợt tập huấn.

Trường tiếp tục nâng cao công tác quản lý CB hỗ trợ có sự phân công công việc cụ thể, rõ ràng. Tháng 01 năm 2025 Khoa đề xuất Trường đưa ra các yêu cầu cụ thể hơn

đề lịch công tác hàng tuần của đội ngũ nhân viên rõ ràng và chi tiết hơn, thuận lợi cho công tác giám sát, quản lý.

3.8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Từ năm học 2024 - 2025, Hội đồng tuyển sinh Trường phối hợp với Khoa tăng cường: Quảng bá những hình ảnh về thông tin hoạt động của ngành học đến các đối tượng có liên quan; Liên tục cập nhật bổ sung những thông tin, hình ảnh hoạt động chi tiết của ngành học như hoạt động giảng dạy, sinh hoạt ngoại khóa, thực hành thực tập. Cập nhật, đa dạng hóa các kênh thông tin truyền thông, nhất là qua mạng Internet. Tháng 03 năm 2025, ngoài việc khảo sát nhu cầu nguồn nhân lực của các cựu SV và NTD, Khoa/Trường cần quảng bá rộng rãi thêm thông tin tuyển sinh nhằm tận dụng hiệu quả kênh truyền thông từ các đối tượng này như giới thiệu đầy đủ, chi tiết và tích cực về Khoa. Từ đó, các cựu SV và NTD có sự hiểu biết sâu sắc và ấn tượng tốt về Khoa, chuyên ngành ĐT và họ sẵn sàng truyền thông cho Khoa/Trường.

Hội đồng tuyển sinh, các bộ phận giúp việc, phối hợp với Khoa bám sát quy chế của Bộ GD&ĐT xác định tiêu chí tuyển sinh linh hoạt, đa dạng sao cho việc chọn lựa được NH phù hợp nhất. Tháng 02 năm 2025, bộ phận tư vấn tuyển sinh và Khoa tổ chức khảo sát thêm ý kiến các BLQ khác là học sinh và phụ huynh về công tác tuyển sinh trong các đợt đi tư vấn tuyển sinh. Trường cần có chính sách rõ ràng hơn để thu hút lượng học sinh giỏi, chú trọng phân tích tương quan giữa các tổ hợp xét tuyển và phương thức xét tuyển với số SV thôi học và chất lượng SV năm thứ nhất để làm cơ sở cho điều chỉnh chính sách và cải tiến công tác tuyển sinh.

Phát huy hơn nữa hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, phương pháp và quy trình KTĐG đa dạng sao cho phản ánh đúng sự tiến bộ của NH trong rèn luyện và học tập. Năm học 2024 - 2025 theo định kỳ cuối mỗi học kỳ (tháng 01 và tháng 6), dựa vào kết quả tổng kết học kỳ, Khoa phân tích KQHT của người học một cách cụ thể nhằm giám sát và hỗ trợ người học học tập tốt hơn; Trường định kỳ đánh giá hiệu quả của sự phối hợp giữa các bộ phận và cá nhân trong giám sát quá trình và KQHT, rèn luyện của SV; Khoa phân loại báo cáo KQHT của từng ngành nhằm dễ dàng nắm bắt sự thay đổi.

Phát huy hơn nữa vai trò của CVHT, quản lý đào tạo, Đoàn thanh niên, Hội SV, GV, tăng cường các hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua, hỗ trợ NH, tư vấn hỗ trợ học tập giúp NH nâng cao thành tích học tập, nâng cao kỹ năng mềm, kỹ năng nghề. Tháng 01 năm 2025, Khoa phối hợp cùng phòng CTCT&QLSV nghiên cứu và tổ chức thêm các hoạt động ngoại khóa trực tiếp hoặc online để tạo cơ hội cho SV có thể tham gia nhiều hoạt động và có điều kiện giao lưu, học hỏi với SV các trường bạn. Khoa thực hiện so sánh, đối chiếu hiệu quả của các hoạt động thông qua phân tích kết quả số lượng người tham dự, phản hồi của người tham dự, quy mô tổ chức.

Trường tiến hành bố trí thêm các phòng làm việc để các GV có môi trường làm việc thuận lợi, nâng cao hiệu quả hoạt động tư vấn, hỗ trợ NH. Tháng 12 năm 2024 theo kế hoạch mua sắm, sửa chữa, trang bị cơ sở vật chất của Trường, Khoa đề xuất tăng cường một số chậu cây cảnh tạo thêm không gian xanh, bố trí thêm không gian sinh hoạt chung và không gian riêng yên tĩnh phục vụ cho nhu cầu nghiên cứu dựa trên khảo sát nhu cầu sử dụng của CB-GV-NV.

3.9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Trường tiếp tục đầu tư, nâng cấp mua sắm, sửa chữa CSVC hiện đại, phù hợp trong các hoạt động ĐT và nghiên cứu. Tháng 12 năm 2024 theo kế hoạch mua sắm, sửa chữa, trang bị cơ sở vật chất của Trường, Khoa đề xuất bố trí lại hệ thống văn phòng cho Khoa được khoa học hơn, tạo thêm phòng làm việc nhóm và không gian nghiên cứu riêng phù hợp cho GV và NH.

Hàng năm Thư viện tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các Khoa trong vấn đề bổ sung, cập nhật tài liệu tham khảo về chuyên ngành đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu. Theo kế hoạch chung của Trường, năm 2024 - 2025 có 02 đợt đăng ký các hoạt động khoa học và công nghệ vào tháng 09 năm 2024 và tháng 2 năm 2025, Khoa khuyến khích đội ngũ GV tham gia biên soạn tài liệu học tập, nhất là biên soạn giáo trình, để bổ sung vào nguồn học liệu của Thư viện Trường, đáp ứng tốt hơn nhu cầu ĐT, NCKH và PVCD của CTĐT.

Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và tiếp tục cập nhật để hỗ trợ các hoạt động ĐT và nghiên cứu. Tháng 12 năm 2024 theo kế hoạch chung của Trường, Khoa tổ chức tổng kết, đánh giá hiệu quả sử dụng các trang thiết bị cũng như mức độ đáp ứng về CSVC, trang thiết bị đối với CTĐT ngành CNSH để có cơ sở cho việc đề ra các biện pháp cải tiến, phục vụ tốt hơn các hoạt động ĐT, NCKH và PVCD. Trường tăng cường tích lũy kinh phí và nguồn kinh phí hỗ trợ để mua sắm các trang thiết bị hiện đại phục vụ hoạt động ĐT và nghiên cứu của CTĐT ngành CNSH. Hàng năm Trường cải tiến hệ thống công nghệ thông tin phù hợp và tiếp tục cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

Theo kế hoạch chung của Trường, năm 2024 - 2025 có 02 đợt đăng ký các hoạt động khoa học và công nghệ vào tháng 09 năm 2024 và tháng 2 năm 2025, Khoa khuyến khích đội ngũ GV đăng ký phối hợp với Ban quản trị hệ thống thông tin viết các phần mềm phục vụ hành chính, đào tạo và NCKH để chủ động hơn trong việc khắc phục các sự cố cũng như nâng cấp khi cần thiết. Hàng năm Trường tiếp tục đẩy mạnh đến công tác môi trường, sức khỏe và an toàn cho CB, GV, nhân viên và SV toàn Trường.

Tháng 12 năm 2024 theo kế hoạch mua sắm, sửa chữa, trang bị cơ sở vật chất của Trường, Khoa đề xuất trang bị thêm hệ thống cây xanh ở các khu vực xung quanh văn phòng Khoa và dãy phòng thí nghiệm, tạo môi trường thân thiện, thoải mái phục vụ tốt

cho hoạt động dạy và học. Trường sẽ triển khai đầy đủ các quy định về an toàn, sức khỏe và môi trường đến các BLQ, có lưu ý đến người có nhu cầu đặc biệt.

3.10. Nâng cao chất lượng

Giai đoạn 2024 - 2028, Phòng ĐT phối hợp với Khoa tiếp tục thực hiện khảo sát các BLQ về CTDH theo kế hoạch hằng năm của Khoa. Dựa trên bảng khảo sát các BLQ đã được kiểm chứng, Khoa tiếp tục sử dụng phản hồi của các BLQ làm cơ sở để điều chỉnh CTDH ngày càng phù hợp với nhu cầu thực tế của DN. Tháng 01 năm 2025 và theo kế hoạch chung của Trường, Khoa có kế hoạch tiếp tục đẩy mạnh cải tiến các kênh trực tuyến để lấy ý kiến phản hồi về CTDH. Định kỳ họp chuyên môn để tổng hợp các ý kiến đóng góp về CTDH, chú trọng tổ chức gặp gỡ, trao đổi với người có ý kiến phản hồi để thu thập ý kiến đóng góp chuyên sâu.

Giai đoạn 2024 - 2028, Khoa phối hợp với Phòng ĐT, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL cần mở rộng và tăng cường lấy ý kiến các BLQ khi thiết kế và phát triển CTDH. Tháng 01 năm 2025 và theo kế hoạch chung của Trường, Khoa sẽ phối hợp với Phòng ĐT tổ chức tập huấn kỹ các bước thực hiện quy trình xây dựng cũng như rà soát CTDH nhằm giúp GV hiểu rõ các nội dung để từ đó có những đóng góp điều chỉnh thiết thực hơn.

Giai đoạn 2024 - 2028, Khoa phối hợp Phòng ĐT tiếp tục cải tiến, hoàn thiện hoạt động đánh giá KQHT của SV đa dạng và linh hoạt hơn nữa nhằm bao quát và đảm bảo tính chuẩn xác trong quá trình đánh giá. Năm học 2024 - 2025 theo định kỳ cuối mỗi học kỳ (tháng 01 và tháng 6), Khoa sẽ tăng cường tổ chức các buổi trao đổi, thảo luận, đánh giá rút kinh nghiệm đối với các GV để tìm ra phương pháp dạy, học và đánh giá KQHT hiệu quả.

Hàng năm, Khoa và GV tiếp tục đăng ký các giáo trình, tài liệu học tập phục vụ việc dạy và học. Bên cạnh đó, Khoa tiếp tục phối hợp với DN thực hiện các đề tài, đề án có tính ứng dụng cao. Theo kế hoạch chung của Trường, năm học 2024 - 2025 có 02 đợt đăng ký các hoạt động khoa học và công nghệ vào tháng 9 năm 2024 và tháng 02 năm 2025, Khoa sẽ đẩy mạnh hoạt động NCKH, khuyến khích GV, SV tham gia NCKH, tích cực viết bài nghiên cứu, có kế hoạch tổ chức thêm nhiều hội thảo cấp trường có quy mô, mời được các chuyên gia quốc tế.

Hàng năm Trường tiếp tục rà soát nhằm đánh giá chất lượng của các dịch vụ hỗ trợ, đồng thời nâng cao chất lượng dịch vụ hỗ trợ của Thư viện, phòng thực hành, hệ thống CNTT. Năm học 2024 - 2025 vào cuối mỗi học kỳ (tháng 01 và tháng 6) sau khi có kết quả hỏi của các BLQ về chất lượng dịch vụ, Trường sẽ tổng hợp và gửi ý kiến đến các đơn vị trực tiếp phụ trách nắm thông tin và thực hiện cải tiến và phản hồi cụ thể hơn đến các BLQ.

Giai đoạn 2024 - 2028, tiếp tục giám sát việc thực hiện cơ chế, quy trình phản hồi của các BLQ. Khoa sẽ phối hợp với đơn vị liên quan xây dựng các biện pháp nhằm tăng

cường tính khách quan, liên tục của thông tin thu thập từ ý kiến phản hồi của các BLQ. Tháng 12 năm 2024, Trường sẽ rà soát và ban hành hướng dẫn cụ thể cách thức thực hiện khảo sát và xử lý kết quả khảo sát. Đồng thời, tăng cường công tác tập huấn về khảo sát, thiết kế công cụ khảo sát.

3.11. Kết quả đầu ra

Định kỳ hằng năm Trường tăng cường kinh phí nâng cấp phần mềm quản lý giáo dục, trong đó có tăng cường phân công theo dõi, giám sát tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp đúng hạn và danh sách thôi học, tốt nghiệp. Năm học 2024 - 2025 theo định kỳ cuối mỗi học kỳ (tháng 01 và tháng 6), các CVHT của từng lớp giám sát tình hình học tập của NH do mình phụ trách, nắm bắt nguyên nhân của từng trường hợp cụ thể bị chậm tiến độ để có các giải pháp giúp SV tốt nghiệp đúng tiến độ.

Hằng năm, Trường và Khoa CNSH-TP tiếp tục tăng cường các biện pháp cải tiến chất lượng để rút ngắn thời gian tốt nghiệp trung bình của NH. Năm học 2024 - 2025 theo định kỳ cuối mỗi học kỳ (tháng 01 và tháng 6), Khoa kết hợp với Phòng ĐT định kỳ tổng kết, đánh giá về NH tốt nghiệp trước hạn, đúng hạn, trễ hạn so với thiết kế CTĐT để có những điều chỉnh về CTĐT, hoạt động giảng dạy, đánh giá NH, hoạt động hỗ trợ một cách phù hợp, kịp thời giúp NH tốt nghiệp đúng hạn.

Giai đoạn 2024 - 2028, Khoa và Phòng QLKH-HTQT tiếp tục chuẩn hóa quy định NCKH của NH, đẩy mạnh và thường xuyên tổ chức các lớp miễn phí về NCKH cho SV. Theo kế hoạch chung của Trường, năm 2024 - 2025 có 02 đợt đăng ký các hoạt động khoa học và công nghệ vào tháng 09 năm 2024 và tháng 2 năm 2025, Trường đẩy mạnh việc NCKH trong SV bằng việc tăng cường hỗ trợ tài chính cho các đề tài tham gia. Bên cạnh đó, Trường và Khoa sẽ tiếp tục thành lập các hội đồng tư vấn đề tài NCKH cho SV nhằm mục đích định hướng nghiên cứu cho các đề tài triển khai đạt hiệu quả cao. Ngoài ra thông qua Đoàn - Hội, Khoa triển khai mạnh mẽ các hoạt động truyền thông, tư vấn cho SV về vai trò của NCKH trong SV.

Giai đoạn 2024 - 2028, Khoa hoàn thiện CTDH và nâng cao chất lượng ĐT thông qua kết quả khảo sát các BLQ để nâng cao chất lượng ĐT đáp ứng nhu cầu XH. Từ năm học 2024 - 2025, định kỳ tháng 12 hằng năm, Khoa đề xuất Trường triển khai đánh giá tính hệ thống trong rà soát, đánh giá mức độ hài lòng của các BLQ về chất lượng ĐT, phục vụ người học ngày càng được nâng cao.

4. Tổng hợp kết quả TĐG CTĐT

Tên cơ sở giáo dục: **Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ**

Mã: **KCC**

Tên CTĐT: **CÔNG NGHỆ SINH HỌC**

Mã CTĐT: **7420201**

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼			
<i>Tiêu chuẩn 1</i>								5,00	3	100%
Tiêu chí 1.1					5					
Tiêu chí 1.2					5					
Tiêu chí 1.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 2</i>								5,00	3	100%
Tiêu chí 2.1					5					
Tiêu chí 2.2					5					
Tiêu chí 2.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 3</i>								4,67	3	100%
Tiêu chí 3.1					5					
Tiêu chí 3.2				4						
Tiêu chí 3.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 4</i>								4,67	3	100%
Tiêu chí 4.1					5					
Tiêu chí 4.2					5					
Tiêu chí 4.3				4						
<i>Tiêu chuẩn 5</i>								4,80	5	100%
Tiêu chí 5.1					5					
Tiêu chí 5.2					5					
Tiêu chí 5.3				4						
Tiêu chí 5.4					5					
Tiêu chí 5.5					5					
<i>Tiêu chuẩn 6</i>								5,00	7	100%
Tiêu chí 6.1					5					
Tiêu chí 6.2					5					
Tiêu chí 6.3					5					
Tiêu chí 6.4					5					
Tiêu chí 6.5					5					
Tiêu chí 6.6					5					
Tiêu chí 6.7					5					
<i>Tiêu chuẩn 7</i>					5			5,00	5	100%

Tiêu chí 7.1					5					
Tiêu chí 7.2					5					
Tiêu chí 7.3					5					
Tiêu chí 7.4					5					
Tiêu chí 7.5					5					
Tiêu chuẩn 8								5,00	5	100%
Tiêu chí 8.1					5					
Tiêu chí 8.2					5					
Tiêu chí 8.3					5					
Tiêu chí 8.4					5					
Tiêu chí 8.5					5					
Tiêu chuẩn 9								4,80	5	100%
Tiêu chí 9.1					5					
Tiêu chí 9.2				4						
Tiêu chí 9.3					5					
Tiêu chí 9.4					5					
Tiêu chí 9.5					5					
Tiêu chuẩn 10								4,83	6	100%
Tiêu chí 10.1					5					
Tiêu chí 10.2					5					
Tiêu chí 10.3					5					
Tiêu chí 10.4				4						
Tiêu chí 10.5					5					
Tiêu chí 10.6					5					
Tiêu chuẩn 11								4,60	5	100%
Tiêu chí 11.1					5					
Tiêu chí 11.2					5					
Tiêu chí 11.3				4						
Tiêu chí 11.4				4						
Tiêu chí 11.5					5					
Đánh giá chung CTĐT								4,90	50	100%

Cần Thơ, ngày 05, tháng 09, năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



NGND.PGS.TS. Huỳnh Thanh Nhã

Phần IV. PHỤ LỤC

Phụ lục 1. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng chương trình đào tạo

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 31/12/2023

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)
 - Tiếng Việt: Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ
 - Tiếng Anh: Can Tho University of Technology
2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục
 - Tiếng Việt: ĐHKTCNCT
 - Tiếng Anh: CTUT
3. Tên trước đây: Không
4. Cơ quan/Bộ chủ quản: Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ
5. Địa chỉ: 256 Nguyễn Văn Cừ, P. An Hòa, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
6. Thông tin liên hệ: Điện thoại: 0292 3894050 - Website: <http://ctu.edu.vn>
7. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo quyết định thành lập): 2013
8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 09/2013 (bậc ĐH)
9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I: 10/2017 (Bậc ĐH)
10. Loại hình cơ sở giáo dục:

Công lập ☒ Bán công ☐ Dân lập ☐ Tư thục ☐
11. Loại hình khác: Không

II. Thông tin chung về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)
 - Tiếng Việt: Khoa Công sinh học - Công nghệ hóa học - Công nghệ thực phẩm/
Bộ môn Công nghệ sinh học
 - Tiếng Anh: Faculty of biological, chemical and food technology/ Department of
Biotechnology
13. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:
 - Tiếng Việt: Khoa CNSH-TP/ BM Công nghệ sinh học
 - Tiếng Anh: BCFT/ BT
14. Tên trước đây (nếu có): Không
15. Mã CTĐT: 7420201
16. Tên trước đây của CTĐT: Không
17. Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT: 256 Nguyễn Văn Cừ, P. An Hòa. Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
18. Số điện thoại liên hệ:

E-mail: gkhoacntp@ctu.edu.vn Website: <https://khoacntp.ctuet.edu.vn/>
19. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập): 2013/2021

20. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): 09/2018

21. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 10/2022

III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

22. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT

Khoa CNSH-TP được thành lập theo Quyết định số 66/QĐ-ĐHKTCN ngày 11 tháng 4 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường ĐHKTCNCT. Tổng số CBGV của Khoa tính đến thời điểm tháng 12/2023 là 33 người, trong đó có 08 CBGV nam và 25 CBGV nữ. Cơ cấu tổ chức của Khoa gồm Ban Chủ nhiệm Khoa có 01 CBGV giữ nhiệm vụ Trưởng Khoa, 01 CBGV được giao kiêm nhiệm công tác Trợ lý Khoa. Khoa có 03 Bộ môn là Bộ môn Công nghệ sinh học, Bộ môn Công nghệ thực phẩm và Bộ môn Công nghệ hóa học (theo các quyết định số 281/QĐ-ĐHKTCNCT, 282/QĐ-ĐHKTCNCT, 292/QĐ-ĐHKTCNCT ngày 15 tháng 06 năm 2021 của Trường ĐHKTCNCT). Mỗi bộ môn đều có 01 CBGV giữ nhiệm vụ Trưởng bộ môn. Tổ chức Đoàn Khoa CNSH-TP gồm 01 Chi đoàn CBGV và 12 Chi đoàn sinh viên, 01 Liên chi hội sinh viên Khoa CNSH-TP, 01 Tổ Công đoàn Khoa. Về trình độ chuyên môn: 09 CBGV có trình độ Tiến sĩ (02 Phó giáo sư), 23 CBGV có trình độ Thạc sĩ (07 nghiên cứu sinh); 01 CBGV có trình độ Đại học (đang học cao học). Về cơ sở vật chất, Khoa được trang bị Văn phòng Khoa và các phòng thí nghiệm thực hành đáp ứng yêu cầu công tác giảng dạy và NCKH.

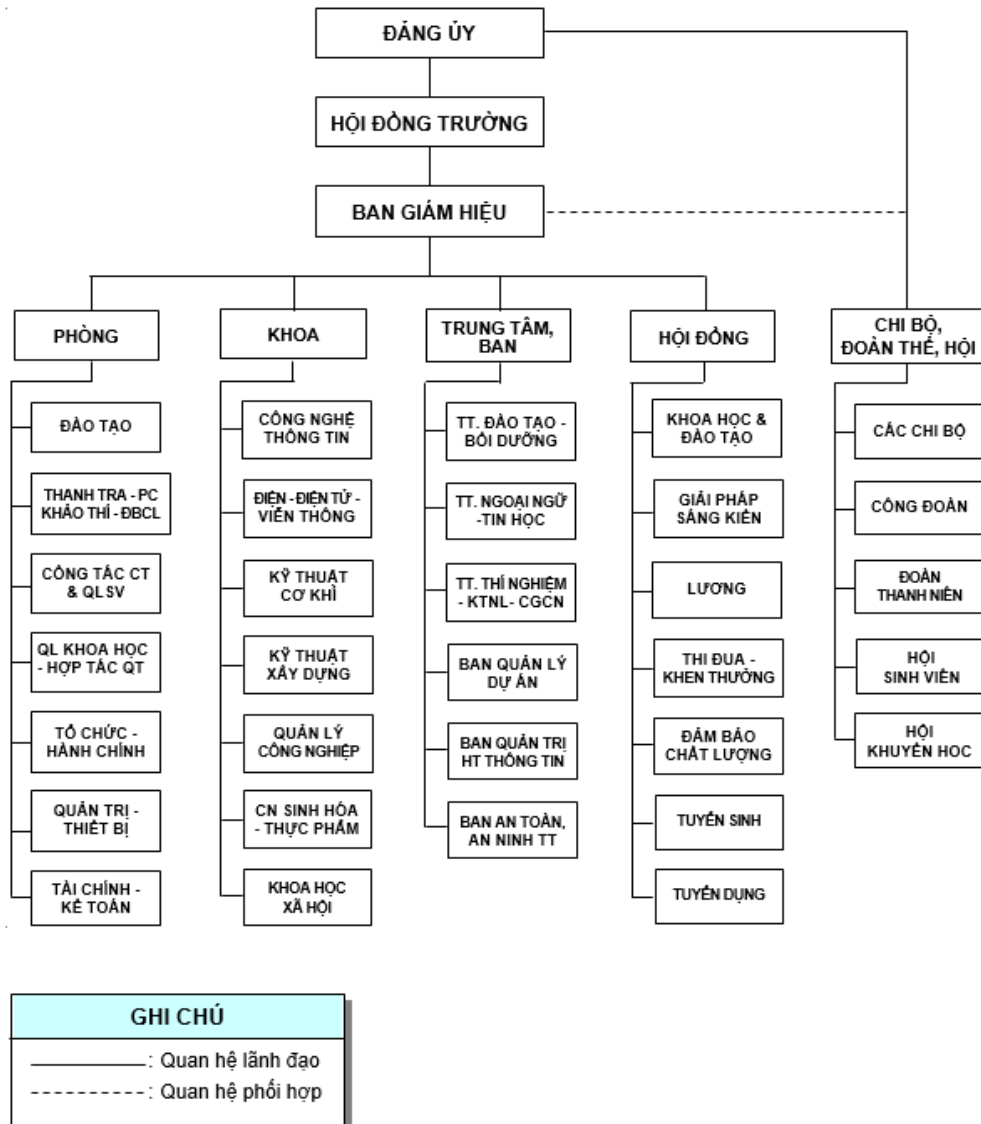
Khoa CNSH-TP đang phụ trách đào tạo 03 ngành trình độ đại học: Công nghệ sinh học, Công nghệ kỹ thuật hóa, Công nghệ thực phẩm và 01 ngành Công nghệ thực phẩm trình độ thạc sĩ. Hiện nay, tổng số quy mô sinh viên của khoa là 738, trong đó có 225 SV ngành Công nghệ sinh học. Thường xuyên thực hiện phương châm “Tất cả vì Sinh viên thân yêu!”, hằng năm Khoa tổ chức cho các sinh viên đi thực tập, thực tế tại các cơ quan, công ty, doanh nghiệp. Năm 2022, Khoa có khoảng 180 sinh viên đi thực tập thực tế trên nhiều cơ quan, doanh nghiệp. Sinh viên của Khoa nhận được sự hài lòng của cơ sở thực tập cả về kiến thức chuyên môn lẫn đạo đức, tác phong trong công việc. Công tác gắn kết doanh nghiệp, giới thiệu việc làm cho sinh viên được đặc biệt quan tâm và có sự phát triển. Trong các buổi Chào đón tân sinh viên hằng năm, Khoa đều mời các doanh nghiệp, các cựu sinh viên đến chia sẻ kinh nghiệm, giới thiệu các xu hướng công nghệ cũng như có những phần thưởng, học bổng nhằm khuyến khích, động viên sinh viên của các ngành đào tạo do Khoa quản lý.

Đến tháng 12/2022, Khoa CNSH-TP đã có 35 sinh viên tốt nghiệp ngành Công nghệ sinh học. Tập thể Khoa luôn hoàn thành tốt công việc được giao, 100% CBGV hoàn thành và vượt định mức giờ chuẩn giảng dạy được giao. Năm học 2019 - 2020, Khoa được tặng danh hiệu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Trong năm học 2020 - 2021, 01 giảng viên của Khoa cũng nhận được danh hiệu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ do UBND thành phố Cần Thơ trao tặng.

23. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT

a. Cơ cấu tổ chức của Trường ĐHKTCNCT

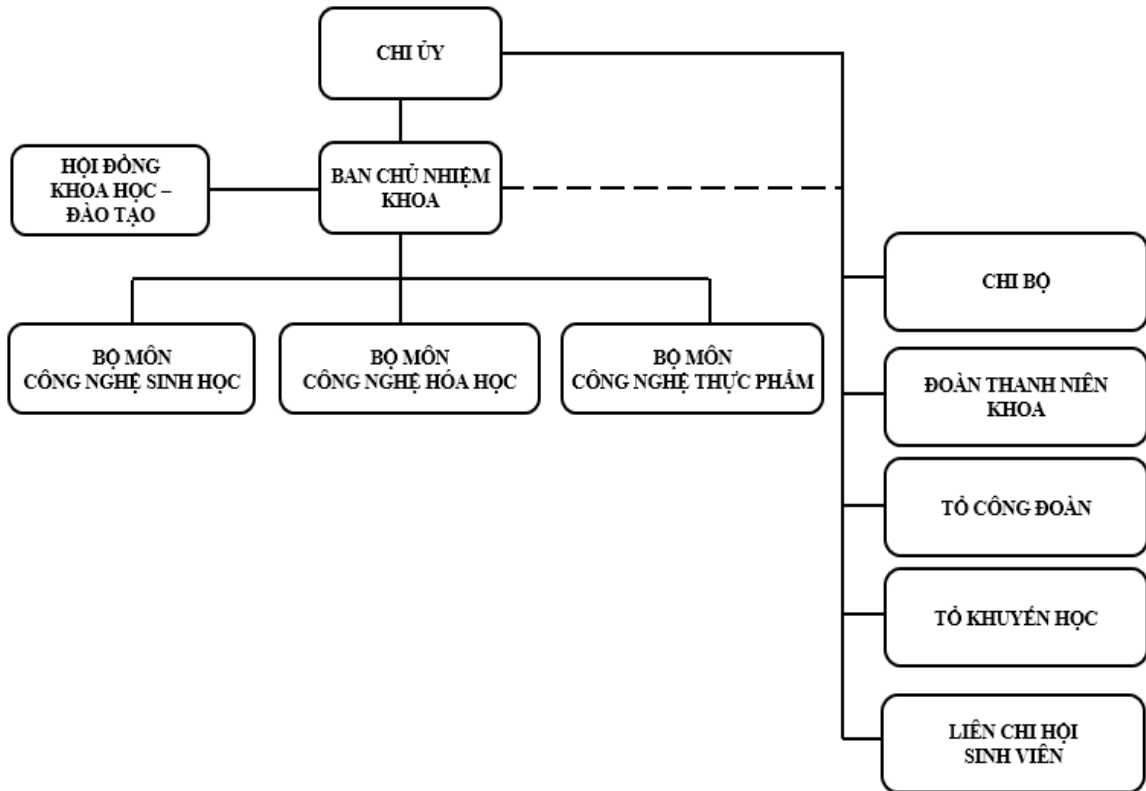
Cơ cấu tổ chức Trường ĐHKTCNCT gồm Hội đồng trường, Ban giám hiệu, 07 phòng (phòng Đào tạo, phòng TT-PC-KT-ĐBCL, phòng Công tác chính trị và Quản lý sinh viên, phòng Tổ chức hành chính, phòng Tài chính kế toán, phòng Quản trị thiết bị, phòng Quản lý khoa học - Hợp tác quốc tế), 07 khoa (Khoa Điện - Điện tử - Viễn Thông, Khoa Khoa học xã hội – nhân văn, Khoa Kinh tế - Quản lý công nghiệp, Khoa Kỹ thuật xây dựng, Khoa Công nghệ thông tin, Khoa CNSH-TP, Khoa Kỹ thuật Cơ khí), 03 trung tâm (trung tâm Ngoại ngữ - Tin học, trung tâm Đào tạo - Bồi dưỡng, trung tâm Thí nghiệm - Kỹ thuật năng lượng - Chuyển giao công nghệ), Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức đoàn thể hội, các Hội đồng tư vấn gồm Hội đồng trường, HĐKH&ĐT, Hội đồng Đảm bảo chất lượng, Hội đồng tuyển dụng, Hội đồng tuyển sinh, Hội đồng Lương, Hội đồng Sáng kiến, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, Hội đồng kiểm tra đánh giá kết thúc học phần.



Hình 1. Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Trường ĐHKTCNCT

b. Cơ cấu tổ chức của Khoa CNSH-TP - Trường ĐHKTCNCT

Cơ cấu tổ chức của Khoa CNSH-TP gồm Ban Chủ nhiệm khoa; HĐKH&ĐT cấp khoa; Trợ lý khoa; các Bộ môn; các tổ chức Đảng, Đoàn thể, Hội gồm Chi bộ Khoa CNSH-TP, Đoàn Thanh niên, Tổ Công Đoàn Khoa, Tổ khuyến học, liên chi hội sinh viên.



Hình 2. Sơ đồ Cơ cấu tổ chức của Khoa CNSH-TP

24. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT.

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục						
1.	Hiệu trưởng	Huỳnh Thanh Nhã	1965	Giảng viên cao cấp, PGS. TS	0919209555	htnha@ctu.edu.vn
2.	Chủ tịch hội đồng Trường	Đỗ Thị Tuyết Nhung	1975	Giảng viên chính, TS	0983006563	dttnhung@ctu.edu.vn
3.	Phó Hiệu trưởng	Trương Minh Nhật Quang	1965	Giảng viên chính, Tiến sĩ	0918192592	tmnquang@ctu.edu.vn

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
4.	Phó Hiệu trưởng	Nguyễn Thị Yên Chi	1974	Giảng viên chính, ThS	0907389111	ntychi@ctu.edu.vn
5.	Phó chủ tịch Hội đồng Trường	Đoàn Thị Kiều Tiên	1979	Giảng viên chính, TS	0919005068	dtktien@ctu.edu.vn
Đơn vị thực hiện CTĐT						
I.	Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị					
1.	Trưởng khoa	Đoàn Thị Kiều Tiên	1979	Giảng viên chính, TS	0919005068	dtktien@ctu.edu.vn
II.	Các tổ chức Đảng, Đoàn thanh niên, Công đoàn, Hội					
1.	Bí thư chi bộ Khoa CNSHTP - KTXD	Đoàn Thị Kiều Tiên	1979	Giảng viên, Tiến sĩ	0919005068	dtktien@ctu.edu.vn
2.	Bí thư Đoàn TNCS Khoa CNSH-TP	Nguyễn Phúc Huy	1992	Giảng viên, Thạc sĩ	0773063970	nphuy@ctu.edu.vn
3.	Công đoàn	Trần Thị Thùy Linh	1987	Giảng viên, Thạc sĩ	0934792199	tttlinh@ctu.edu.vn
III.	Các phòng, ban					
1.	Trưởng Phòng Đào tạo	Nguyễn Minh Tuấn	1971	GV, Tiến sĩ	0913185666	nmtuan@ctu.edu.vn
2.	Trưởng phòng TCHC	Lê Anh Xuân	1980	Giảng viên chính, TS	0919333680	laxuan@ctu.edu.vn
3.	PT Phòng QLKH-	Nguyễn Đăng Hoa	1984	GV, Tiến sĩ	0935611408	ndhngghiem@ctu.edu.vn

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
	HTQT	Nghiêm				
4.	Trưởng phòng CTCT&Q LSV	Nguyễn Chí Hiếu	1976	CV, Thạc sĩ	0931771517	nchieu@ctu.edu.vn
5.	Trưởng phòng QTTB	Võ Khắc Tâm	1970	CVC, Thạc sĩ	0913530530	vktam@ctu.edu.vn
6.	Trưởng phòng TCKT	Trần Long Hải	1978	CV, Thạc sĩ	0983891457	tlhai@ctu.edu.vn
7.	Trưởng Phòng TT-PC-KT-ĐBCL	Lê Anh Tuấn	1967	GV, Thạc sĩ	0918280455	latuan@ctu.edu.vn
IV. Các bộ môn						
1.	Trưởng bộ môn CNTP	Trần Thị Minh Thư	1985	Giảng viên, Tiến sĩ	0829959447	ttmthu@ctu.edu.vn
2.	Trưởng bộ môn CNSH	Lê Vũ Lan Phương	1986	Giảng viên, Tiến sĩ	0903861214	lvlphuong@ctu.edu.vn
3.	Phó Trưởng bộ môn CNHH	Lê Sĩ Thiện	1982	Giảng viên, Tiến sĩ	0961296843	lsthien@ctu.edu.vn

25. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT: Công nghệ sinh học, Công nghệ kỹ thuật hóa học và Công nghệ thực phẩm

26. Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: 00

27. Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: 01

28. Số lượng ngành đào tạo đại học: 03

29. Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: 00

30. Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác: Không

31. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	☒	☐
Không chính quy	☐	☐
Từ xa	☐	☐
Liên kết đào tạo với nước ngoài	☐	☐
Liên kết đào tạo trong nước	☐	☐

Các loại hình đào tạo khác: Không

32. Tổng số các ngành đào tạo: 04

IV. Cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

33. Thống kê số lượng cán bộ quản lý, GV và NV của đơn vị thực hiện CTĐT

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Đội ngũ cơ hữu <i>Trong đó:</i>	08	25	33
I.1	Đội ngũ trong biên chế	06	20	26
I.2	Đội ngũ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	02	05	07
II	Các đối tượng khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng)	01	03	04
	Tổng số	09	28	37

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu về cán bộ của đơn vị, bao gồm cả cơ hữu và hợp đồng ngắn hạn. Từ cơ sở dữ liệu lấy ra các thông tin trên).

34. Thống kê, phân loại GV

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	Giảng viên cơ hữu			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ	-	-	-	-	-	-
2	Phó Giáo sư	02	-	02	-	-	-
3	Tiến sĩ khoa	-	-	-	-	-	-

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	Giảng viên cơ hữu			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	học						
4	Tiến sĩ	10	05	01	01	03	-
5	Thạc sĩ	24	17	04	02	01	-
6	Đại học	01	01	-	-	-	-
7	Cao đẳng	-	-	-	-	-	-
8	Trình độ khác	-	-	-	-	-	-
	Tổng số	37	23	07	03	04	00

(Khi tính số lượng các Tiến sĩ khoa học (TSKH), TS thì không bao gồm những GV vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 33 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 100%.

35. Quy đổi số lượng GV của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định tại khoản 3, Điều 3 Thông tư số 32/2015/TT-BGDĐT ngày 16/12/2015 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT (nếu đơn vị có GV có trình độ TSKH nhưng không có học hàm thì tính ngang với Phó Giáo sư theo thứ tự như cột 3 trong bảng 35).

Số liệu bảng 35 được lấy từ bảng 35 nhân với hệ số quy đổi (Ví dụ đối với cơ sở giáo dục đại học, học viện: áp dụng Thông tư 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28/02/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT).

T T	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư, Viện sĩ	5,0	-	-	-	-	-	-	-
2	Phó Giáo sư	3,0	02	-	02	-	-	-	6,00
3	Tiến sĩ khoa học	3,0	-	-	-	-	-	-	-
4	Tiến sĩ	2,0	10	05	01	01	03	-	13,80
5	Thạc sĩ	1,0	24	17	04	02	01	-	21,80
6	Đại học	0,3	01	01	-	-	-	-	0,30
	Tổng		37	23	07	03	04		41,90

Cách tính: Cột 10 = cột 3*(cột 5 + cột 6 + 0,3*cột 7 + 0,2*cột 8 + 0,2*cột 9)

36. Thống kê, phân loại GV cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

TT	Trình độ / học vị	Số lượng, người	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Phó Giáo sư	02	6,06	02	00	-	-	-	-	02
3	Tiến sĩ khoa học	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4	Tiến sĩ	07	21,21	01	06	-	02	04	-	01
5	Thạc sĩ	23	69,70	04	19	-	17	04	01	01
6	Đại học	01	3,03	01	-	01	-	-	-	-
	Tổng	33	100	08	25	01	19	08	01	04

36.1. Tuổi trung bình của GV cơ hữu: 41,12 tuổi

36.2. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: $7/33=27,21\%$.

36.3. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: $23/33=69,70\%$.

37. Thống kê, phân loại GV cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	0,0	100,0
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	60,0	0,0
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	40,0	0,0
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	0,0	0,0
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	0,0	0,0
	Tổng	100%	100%

V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

38. Người học bao gồm học sinh, SV, học viên cao học và nghiên cứu sinh.

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/thang điểm (30)	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
2018-2019	-	80	-	52	-	-	0
2019-2020	-	83	-	35	18,0	-	0
2020-2021	241 (THPT)	20 (THPT)	1:4,85 (THPT)	10 (THPT)	19,61 (THPT)	19,85 (THPT)	0
	241 (Học bạ)	145 (Học bạ)	1:1,66 (học bạ)	42 (Học bạ)	18,0 (Học bạ)	21,86 (Học bạ)	
2021-2022	85 (THPT)	37 (THPT)	1: 2,3 (THPT)	27 (THPT)	19,95 (THPT)	21,95 (THPT)	0

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/thang điểm (30)	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
	98 (Học bạ)	42 (Học bạ)	1: 2,33 (Học bạ)	33 (Học bạ)	18,00 (Học bạ)	21,73 (Học bạ)	
2022-2023	183 (THPT)	15 (THPT)	1: 12,2 (THPT)	13 (THPT)	22,1 (THPT)	22,54 (THPT)	0
	148 (Học bạ)	51 (Học bạ)	1: 2,9 (Học bạ)	40 (Học bạ)	23,15 (Học bạ)	25,46 (Học bạ)	
	1 ĐGNL	0 ĐGNL		0 ĐGNL	0 ĐGNL	602,5 ĐGNL	

39. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

Các tiêu chí	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
1. Nghiên cứu sinh		-	-	-	-
2. Học viên cao học		-	-	-	-
3. Sinh viên đại học					
Trong đó:	52	86	142	201	198
Hệ chính quy	52	86	142	201	198
Hệ không chính quy		-	-	-	-
4. Sinh viên cao đẳng		-	-	-	-
Trong đó:					
Hệ chính quy		-	-	-	-
Hệ không chính quy		-	-	-	-
5. Học sinh TCCN		-	-	-	-
Trong đó:					
Hệ chính quy		-	-	-	-
Hệ không chính quy		-	-	-	-
6. Khác:		-	-	-	-

40. Số SV quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

	Năm học				
	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
Số lượng (người)	-	-	-	-	-
Tỷ lệ (%) trên tổng số người học	-	-	-	-	-

41. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu

Các tiêu chí	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	-	-	-	-	-
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)	-	-	-	-	-
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)	-	-	-	-	-
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m ² /người)	-	-	-	-	-

42. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia NCKH.

	Năm học				
	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
Số lượng (người)	-	-	4	8	6
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên	-	-	2,82	3,98	3,03

43. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ	-	-	-	-	-
2. Học viên tốt nghiệp cao học	-	-	-	-	-
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học Trong đó:	-	-	-	-	37
Hệ chính quy	-	-	-	-	37
Hệ không chính quy	-	-	-	-	-
4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng	-	-	-	-	-

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
Trong đó:					
Hệ chính quy	-	-	-	-	-
Hệ không chính quy	-	-	-	-	-
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp. Trong đó:	-	-	-	-	-
Hệ chính quy	-	-	-	-	-
Hệ không chính quy	-	-	-	-	-
6. Khác:	-	-	-	-	-

(Tính cả những người học đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng)

44. Tình trạng tốt nghiệp của SV hệ chính quy của CTĐT:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).	-	-	-	-	37
2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%),	-	-	-	-	71,15%
3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:	-	-	-	-	
3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%),	-	-	-	-	66,67%
3.2. Tỷ lệ người học trả lời chỉ học được một phần kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt	-	-	-	-	22,22%

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022	2022- 2023
nghiệp (%),					
3.3. Tỷ lệ người học trả lời không học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp	-	-	-	-	0%
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5 B. Cơ sở giáo dục/ đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%), - Sau 6 tháng tốt nghiệp, - Sau 12 tháng tốt nghiệp,	- -	- -	- -	- -	100% -
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%),	-				44,44%
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm,	-	-	-	-	7,0 triệu
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này, B. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%),	-	-	-	-	55,56%

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%),	-	-	-	-	33,33%
5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).	-	-	-	-	0%

Ghi chú:

- Người học tốt nghiệp là người học có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những người học chưa nhận được bằng tốt nghiệp.
- Người học có việc làm là người học tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm.
- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp.
- Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

45. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2018 - 2019	2019 - 2020	2020 - 2021	2021 - 2022	2022- 2023	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0	-	-	-	-	-	0
2	Đề tài cấp Bộ/Tỉnh*	1,0	-	-	-	-	1	01
3	Đề tài cấp trường	0,5	1	2	2	9	7	10,5
	Tổng		01	02	02	09	08	11,5

Cách tính: Cột 9 = cột 3*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 11,5

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán

bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: $11,5/33 = 0,35$

46. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/người)
1	2018 - 2019	30,6	-	1,02
2	2019 - 2020	6,6	-	0,29
3	2020 - 2021	14,3	-	0,46
4	2021 - 2022	792,2	-	24,0
5	2022 - 2023	760,6	-	23,0

47. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	-	-	21	
Từ 4 đến 6 đề tài	-	-	05	
Trên 6 đề tài	-	-	-	
Tổng số cán bộ tham gia	-	-	26	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

48. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng						Tổng (đã quy đổi)
			2018	2019	2020	2021	2022	2023	
1	Sách chuyên khảo	2,0	00	-	-	-	-	-	-
2	Sách giáo trình	1,5	00	00	01	02	02	01	9,0
3	Sách tham khảo	1,0	-	-	-	-	-		-
4	Sách hướng dẫn	0,5	-	-	-	-	-		-

TT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng						Tổng (đã quy đổi)
			2018	2019	2020	2021	2022	2023	
	Tổng		-	-	01	02	02	01	9,0

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 9,0

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu $9/33 = 0,27$.

49. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	-	08	-	-
Từ 4 đến 6 cuốn sách	-	-	-	-
Trên 6 cuốn sách	-	-	-	-
Tổng số cán bộ tham gia	-	08	-	-

50. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây (tính lại):

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2018	2019	2020	2021	2022	
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	01	02	03	02	02	15
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	-	-	01	09	14	24
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	-	-	-	-	-	
	Tổng		01	02	04	11	16	39

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 39

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 1,2

51. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	01	19	-
Từ 6 đến 10 bài báo	01	02	-
Từ 11 đến 15 bài báo	-		-
Trên 15 bài báo	-		-
Tổng số cán bộ tham gia	02	21	-

52. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2018	2019	2020	2021	2022	
1	Hội thảo quốc tế	1,0	-				-	
2	Hội thảo trong nước	0,5	01			01	-	1,0
3	Hội thảo cấp trường	0,25	-	-	-	-	03	0,75
4	Tổng		01	-	-	01	03	1,75

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 1,75

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,05

53. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	-	02	03
Từ 6 đến 10 báo cáo	-	-	-
Từ 11 đến 15 báo cáo	-	-	-

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Trên 15 báo cáo	-	-	-
Tổng số cán bộ tham gia	-	02	03

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

54. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2018 - 2019	-
2019 - 2020	-
2020 - 2021	-
2021 - 2022	-
2022 - 2023	-

55. Nghiên cứu khoa học của người học

55.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	-	-	38	
Từ 4 đến 6 đề tài	-	-	-	
Trên 6 đề tài	-	-	-	
Tổng số người học tham gia	-	-	38	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

55.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của SV:

(Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	-	-	-	-	-
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	03	05	-	-	-

VII. Cơ sở vật chất, thư viện.

56. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m²): Cơ sở I diện tích 12.521,5 m²

57. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m²): 166,4 m² (Văn phòng khoa), Diện tích PTN khoa quản lý 924 m²

58. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²):

- Nơi làm việc: 3.409,56 m² Nơi học: 11.103 m² Nơi vui chơi giải trí: 7.021 m²

59. Diện tích phòng học (tính bằng m²)

- Tổng diện tích phòng học: 12.167,83 m²

- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 2,6 m²

60. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thông tin – Thư viện: 6.063 đầu sách (thư viện) và 6.058 đầu sách (thư viện số)

Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có): 0

61. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 54 máy

- Dùng cho người học học tập: 320 máy

- Tỷ số số máy tính dùng cho người học/người học chính quy: 0,06

VIII. Tóm tắt một số chỉ báo quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ báo quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên:

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 33

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 100%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 27,21%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 69,70%

2. Người học:

Tổng số người học chính quy (người): 198

Tỷ số người học chính quy trên giảng viên: 198/33=6

Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): 63/198 = 31,8%

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 55,56%

Tỷ lệ người học trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 33,33%

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%): 52,78%

Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%): 47,22%

Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ): 7,0 triệu VNĐ

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): 55,56%

Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): 33,33%

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,35

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu: 23 triệu

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,24

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 1,2

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,05

7. Cơ sở vật chất:

Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: 0,06

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 2,3

Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy: 0,0

Phụ lục 2. Quyết định thành lập Hội đồng TĐG, Ban thư ký và các Nhóm công tác chuyên trách

UBND THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT – CÔNG NGHỆ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 739/QĐ-ĐHKTCN

Cần Thơ, ngày 30 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc điều chỉnh, bổ sung Hội đồng tự đánh giá chương trình
Công nghệ sinh học, trình độ đại học**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT - CÔNG NGHỆ CẦN THƠ

Căn cứ Quyết định số 249/QĐ-TTg ngày 29 tháng 01 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu trình kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Theo đề nghị của Trường khoa Công nghệ sinh học - Công nghệ hóa học - Công nghệ thực phẩm và Trường phòng Thanh tra - Pháp chế - Khảo thí - Đảm bảo chất lượng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung Hội đồng tự đánh giá chương trình Công nghệ sinh học trình độ đại học gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Giúp việc cho Hội đồng có Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá chương trình Công nghệ sinh học theo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ban hành kèm theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài CTĐT của Cục Quản lý chất lượng.

Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên do Chủ tịch Hội đồng phân công. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Trường khoa Công nghệ sinh học - Công nghệ hóa học - Công nghệ thực phẩm, Trường các đơn vị có liên quan và các ông/bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *[Chữ ký]*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT.



Huỳnh Thanh Nhã

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH CÔNG NGHỆ SINH HỌC**
(Kèm theo Quyết định số: 33/QĐ-DHKTCN ngày 30 tháng 12 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Ông Huỳnh Thanh Nhã	PGS. TS, Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	Ông Trương Minh Nhật Quang	TS, Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch
3	Bà Đoàn Thị Kiều Tiên	TS, Trưởng khoa Công nghệ sinh học - Công nghệ hóa học - Công nghệ thực phẩm	Phó Chủ tịch
4	Ông Lê Anh Tuấn	ThS, Trưởng phòng Thanh tra - Pháp chế - Khảo thí - Đảm bảo chất lượng	Thư ký
5	Ông Nguyễn Minh Tuấn	TS, Trưởng phòng Đào tạo	Thành viên
6	Ông Nguyễn Đăng Hoa Nghiêm	TS, Phó Trưởng phòng Quản lý khoa học - Hợp tác quốc tế	Thành viên
7	Ông Nguyễn Chí Hiếu	ThS, Trưởng phòng Công tác chính trị và Quản lý sinh viên	Thành viên
8	Ông Lê Anh Xuân	TS, Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính	Thành viên
9	Ông Võ Khắc Tâm	ThS, Trưởng phòng Quản trị - Thiết bị	Thành viên
10	Ông Trần Long Hải	ThS, Trưởng phòng Tài chính - Kế toán	Thành viên
11	Ông Nguyễn Hoàng Viện	ThS, Thư ký Hội đồng Trường	Thành viên
12	Bà Lê Vũ Lan Phương	TS, Trưởng Bộ môn Công nghệ sinh học	Thành viên
13	Bà Đinh Hoàng Lan Chi	TS, Giảng viên	Thành viên
14	Ông Nguyễn Phúc Huy	ThS, Giảng viên	Thành viên
15	Bà Nguyễn Thị Hồng Xuyên	ThS, Giảng viên	Thành viên
16	Bà Nguyễn Ngọc Trang Thùy	ThS, Giảng viên	Thành viên
17	Bà Nguyễn Xuân Hồng	ThS, Giảng viên	Thành viên
18	Bà Trần Thị Thùy Linh	ThS, Giảng viên	Thành viên
19	Bà Lê Tiểu My	Sinh viên lớp CNSH 2020	Thành viên

(Danh sách gồm có 19 người)

Quê

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ
 (Kèm theo Quyết định số: 339 /QĐ-ĐHKTCN ngày 30 tháng 12 năm 2023
 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Ông Lê Anh Tuấn	ThS, Trưởng phòng Thanh tra - Pháp chế - Khảo thí - Đảm bảo chất lượng	Trưởng ban
2	Bà Trần Thị Thùy Linh	ThS, Giảng viên	Phó trưởng ban
3	Ông Diệp Bình Nguyên	ThS, Phó Trưởng phòng Đào tạo	Thành viên
4	Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh	ThS, Phó Trưởng phòng Quản lý khoa học - Hợp tác quốc tế	Thành viên
5	Bà Nguyễn Thị Mai Khanh	ThS, Phó Trưởng phòng Công tác chính trị - Quản lý	Thành viên
6	Bà Nguyễn Thị Kim Xuân	ThS, Phó Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính	Thành viên
7	Ông Hồ Chí Linh	TS, Phó Trưởng phòng Quản trị - Thiết bị	Thành viên
8	Bà Bùi Thái Bình	ThS, Phó Trưởng phòng Tài chính - Kế toán	Thành viên
9	Ông Lê Trí Ân	ThS, Phó Trưởng phòng Thanh tra - Pháp chế - Khảo thí - Đảm bảo chất lượng	Thành viên
10	Bà Lê Vũ Lan Phương	TS, Trưởng Bộ môn Công nghệ sinh học	Thành viên
11	Bà Đinh Hoàng Lan Chi	TS, Giảng viên	Thành viên
12	Ông Nguyễn Phúc Huy	ThS, Giảng viên	Thành viên
13	Bà Nguyễn Thị Hồng Xuyên	ThS, Giảng viên	Thành viên
14	Bà Nguyễn Ngọc Trang Thùy	ThS, Giảng viên	Thành viên
15	Bà Nguyễn Xuân Hồng	ThS, Giảng viên	Thành viên

(Danh sách gồm có 15 người)

Stu

DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH
(Kèm theo Quyết định số 739/QĐ-ĐHKTCN ngày 20 tháng 12 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
Nhóm 1 (TC 1, 2, 3)	Bà Lê Vũ Lan Phương	TS, Trưởng BM CNSH	Trưởng nhóm
	Ông Nguyễn Phúc Huy	ThS, Giảng viên	Thư ký
	Bà Đoàn Phương Linh	ThS, Giảng viên	Thành viên
	Bà Đinh Hoàng Lan Chi	TS, Giảng viên	Thành viên
	Ông Trần Thanh Tuấn	TS, Giảng viên	Thành viên
	Ông Lư Văn Lil	ThS, Giảng viên	Thành viên
	Ông Diệp Bình Nguyên	ThS, Phó Trưởng phòng ĐT	Thành viên
Nhóm 2 (TC 4, 5)	Bà Nguyễn Thị Hồng Xuyên	ThS, Giảng viên	Trưởng nhóm
	Bà Nguyễn Ngọc Trang Thùy	ThS, Giảng viên	Thư ký
	Bà Nguyễn Xuân Hồng	ThS, Giảng viên	Thành viên
	Bà Trần Thị Thùy Linh	ThS, Giảng viên	Thành viên
	Ông Lê Trí Ân	ThS, Phó Trưởng phòng TT-PC-KT-ĐBCL	Thành viên
Nhóm 3 (TC 6, 7)	Ông Lê Anh Xuân	TS, Trưởng phòng TC-HC	Trưởng nhóm
	Bà Lê Huyền Quyên	TS, Giảng viên	Thư ký
	Bà Nguyễn Thị Kim Xuân	ThS, Phó Trưởng phòng TC-HC	Thành viên
	Ông Nguyễn Anh Tuấn	KS, Chuyên viên	Thành viên
	Bà Bùi Thái Bình	ThS, Phó Trưởng phòng TC-KT	Thành viên
Nhóm 4 (TC 8)	Ông Nguyễn Chí Hiếu	ThS, Trưởng phòng CTCT&QLSV	Trưởng nhóm
	Bà Vi Nhã Trân	ThS, Giảng viên	Thư ký
	Bà Nguyễn Thị Mai Khanh	ThS, Phó Trưởng phòng CTCT&QLSV	Thành viên
	Bà Hoàng Thị Phương Thảo	ThS, Giảng viên	Thành viên
	Ông Lê Huỳnh Nhật Đăng	ThS, Giảng viên	Thành viên
	Bà Nguyễn Hồng Xuân	ThS, Giảng viên	Thành viên
Nhóm 5 (TC 9)	Ông Võ Khắc Tâm	ThS, Trưởng phòng QT-TB	Trưởng nhóm
	Ông Trần Hoàng Hiệp	KS, Giảng viên	Thư ký
	Ông Hồ Chí Linh	TS, Phó Trưởng phòng QT-TB	Thành viên
	Bà Nguyễn Thị Thu Huyền	CN, Kế toán viên	Thành viên
	Bà Ngô Thị Ngọc Tuyết	CN, Thư viện viên	Thành viên
Nhóm 6 (TC 10, 11)	Ông Lê Anh Tuấn	ThS, Trưởng phòng TT-PC-KT-ĐBCL	Trưởng nhóm
	Bà Nguyễn Thị Yến Nhi	ThS, Giảng viên	Thư ký
	Ông Lê Hồng Tuyên	ThS, Phó Trưởng phòng TT-PC-KT-ĐBCL	Thành viên
	Bà Ngô Thị Cẩm Tú	ThS, Giảng viên	Thành viên
	Ông Nguyễn Phan Tú	ThS, Giảng viên	Thành viên
	Ông Lê Huỳnh Nhật Đăng	ThS, Giảng viên	Thành viên
	Bà Nguyễn Thị Như Ý	ThS, Giảng viên	Thành viên
	Bà Lê Thị Thảo	ThS, Giảng viên	Thành viên

(Danh sách gồm có 34 người)

Sub

Phụ lục 3. Kế hoạch tự đánh giá CTĐT

UBND THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT - CÔNG NGHỆ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cần Thơ, ngày 05 tháng 10 năm 2022

Số: 969 /KH - ĐHKTCN

KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ
Chương trình đào tạo: CÔNG NGHỆ SINH HỌC
trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy

I. Mục đích tự đánh giá

Nhằm bảo đảm và nâng cao chất lượng CTĐT và để đăng ký KĐCLGD.

II. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá các hoạt động của đơn vị thực hiện CTĐT theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trong một chu kỳ KĐCLGD.

III. Công cụ tự đánh giá

Công cụ tự đánh giá là Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT gồm 11 tiêu chuẩn và 50 tiêu chí ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các tài liệu hướng dẫn sau:

- Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 về việc thay thế Tài liệu đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDDH ban hành kèm theo Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD

- Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài CTĐT.

- Công văn số 744/QLCL-KĐCLGD ngày 10/6/2021 của Cục Quản lý chất lượng về việc điều chỉnh một số phụ lục Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD.

IV. Hội đồng tự đánh giá**1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá**

Hội đồng tự đánh giá CTĐT Công nghệ sinh học được thành lập theo Quyết định số 711/QĐ-ĐHKTCN ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Trường Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ. Hội đồng gồm có 19 thành viên (Danh sách kèm theo).

Chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng tự đánh giá theo Điều 8, Thông tư 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013.

2. Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách

Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách được thành lập theo Quyết định số 711/QĐ-ĐHKTCN ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ (Danh sách kèm theo).

3. Phân công thực hiện nhiệm vụ

bu

a) Nhóm thư ký

Trưởng, phó ban thư ký: chịu trách nhiệm chung về việc biên tập, tổng hợp các báo cáo từ các nhóm thành bản dự thảo báo cáo và chỉnh sửa theo góp ý để hoàn thiện báo cáo.

Lập kế hoạch hoạt động của Hội đồng theo phân công của Chủ tịch hội đồng; giám sát việc thực hiện kế hoạch của các thành viên trong hội đồng và các nhóm công tác chuyên trách.

b) Các nhóm công tác, cá nhân

Trưởng nhóm điều hành chung, chủ động tổ chức họp nhóm để phân công công việc cụ thể cho các thành viên, cung cấp cách thức tìm thông tin, minh chứng; chịu trách nhiệm về các tiêu chuẩn, kế hoạch thực hiện và báo cáo cuối cùng của tiêu chuẩn được phân công; biên tập các báo cáo của thành viên trong nhóm theo kế hoạch tự đánh giá của Trưởng và gửi cho Trưởng ban thư ký.

Các thành viên nhóm công tác chuyên trách: tìm thông tin, minh chứng, xử lý số liệu, dữ liệu, viết báo cáo theo từng tiêu chí do trưởng nhóm phân công.

TT	Tiêu chuẩn	Nhóm chịu trách nhiệm	Thời gian thu thập thông tin và minh chứng	Ghi chú
1.	Tiêu chuẩn 1, 2, 3	Nhóm 1	Từ 01/10/2022 đến 15/11/2022	
2.	Tiêu chuẩn 4, 5	Nhóm 2		
3.	Tiêu chuẩn 6, 7	Nhóm 3		
4.	Tiêu chuẩn 8	Nhóm 4		
5.	Tiêu chuẩn 9	Nhóm 5		
6.	Tiêu chuẩn 10, 11	Nhóm 6		

V. Tập huấn nghiệp vụ tự đánh giá

1. Thời gian: tháng 10/2022
2. Thành phần: Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký, các nhóm công tác chuyên trách.
3. Nội dung, chương trình tập huấn:
 - Phổ biến các văn bản tự đánh giá CTĐT
 - Quy trình và thủ tục tự đánh giá
 - Hướng dẫn phân tích tiêu chí, tìm thông tin và minh chứng; đánh giá tiêu chí; viết báo cáo tự đánh giá.

VI. Dự kiến các nguồn lực (nhân lực, tài chính, ...) và thời điểm cần huy động / cung cấp

ba

1. Nhân lực

Các thành viên Hội đồng Tự đánh giá, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách (trưởng, phó đơn vị, giảng viên, chuyên viên; các tổ chức đoàn thể: tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên,...)

2. Cơ sở vật chất

Tận dụng cơ sở vật chất sẵn có của Nhà trường và các đơn vị; Có thể mua sắm thêm các dụng cụ văn phòng phẩm cần thiết cho công tác tự đánh giá trên cơ sở lập dự trù mua sắm.

3. Tài chính

Các mức kinh phí chi cho hoạt động tự đánh giá bao gồm: Các phiên họp, xây dựng báo cáo, tìm minh chứng, biên tập, sửa chữa, đánh giá, văn phòng phẩm trên cơ sở lập dự trù kinh phí và xét duyệt của Nhà trường.

VII. Dự kiến thu thập thông tin từ nguồn ngoài cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện chương trình đào tạo (nếu có)

Tùy tình hình thực tế, các nhóm công tác chuyên trách có nhu cầu thu thập thông tin minh chứng từ nguồn ngoài trường theo các đề xuất sau:

- Các lĩnh vực cần khảo sát.
- Các đối tượng/ các bên liên quan cần khảo sát.
- Các thông tin/ dữ liệu cần cho so sánh, đối sánh và so chuẩn.

VIII. Dự kiến thuê chuyên gia tư vấn để giúp Hội đồng triển khai tự đánh giá

Dự kiến tháng 12/2022, Nhà trường mời chuyên gia tư vấn đến tập huấn công tác tự đánh giá với các nội dung về kỹ thuật tìm minh chứng và viết báo cáo tự đánh giá theo từng tiêu chuẩn, chia sẻ những kinh nghiệm trong công tác tự đánh giá và giải quyết những vấn đề phát sinh trong lúc triển khai công tác tự đánh giá.

IX. Lập bảng danh mục mã minh chứng

Sau khi các nhóm công tác, cá nhân thực hiện xác định nội hàm, phân tích tiêu chí tìm minh chứng cho từng tiêu chí; phân loại và mã hoá các minh chứng thu được. Hội đồng TĐG thảo luận các minh chứng cho từng tiêu chí đã thu thập được và lập Bảng danh mục mã minh chứng.

Bảng danh mục mã minh chứng được trình bày bảng theo chiều ngang của khổ A4 (có thể để riêng và để ở phần Phụ lục của báo cáo TĐG).



X. Thời gian và nội dung hoạt động

Thời gian	Các hoạt động
Tuần 1 – 2 (Từ 19/9/2022 đến 02/10/2022)	- Họp Lãnh đạo Trường và lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT để thảo luận mục đích, phạm vi, thời gian biểu và xác định các thành viên của Hội đồng TĐG CTĐT. - Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng TĐG CTĐT. - Họp Hội đồng TĐG CTĐT để: - Công bố quyết định thành lập Hội đồng TĐG - Tập huấn về quy trình TĐG và bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT; - Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng; - Dự thảo kế hoạch TĐG CTĐT.
Tuần 3 – 4 (Từ 03/10/2022 đến 16/10/2022)	- Phổ biến chủ trương triển khai TĐG đến toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên tham gia thực hiện CTĐT. - Tổ chức hội thảo/hội nghị về chuyên môn, nghiệp vụ triển khai TĐG cho đội ngũ chủ chốt liên quan. - Họp Hội đồng TĐG CTĐT để thông qua: - Bản kế hoạch TĐG CTĐT; - Dự thảo đề cương báo cáo TĐG (dựa trên cơ sở tài liệu hướng dẫn của Bộ GDĐT và điều kiện cụ thể của đơn vị thực hiện CTĐT); - Trình Hiệu trưởng đề nghị ban hành kế hoạch TĐG.
Tuần 5 – 8 (Từ 17/10/2022 đến 13/11/2022)	- Công bố kế hoạch TĐG đã được phê duyệt, thông báo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách giúp việc cho Hội đồng. - Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng. - Mã hoá các thông tin và minh chứng thu được. - Mô tả thông tin và minh chứng thu được. - Phân tích, lý giải nội hàm của các minh chứng để xem xét sự phù hợp của minh chứng với các yêu cầu trong từng tiêu chí của tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT.
Tuần 9 - 15 (Từ 14/11/2022 đến 01/01/2023)	- Các nhóm công tác chuyên trách viết các báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết). - Trưởng các nhóm chuyên trách tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết).

Thời gian	Các hoạt động
Tuần 16 (Từ 02/01/2023 đến 08/01/2023)	Hội đồng tự đánh giá CTĐT: - Xem xét các báo cáo của từng tiêu chuẩn, tiêu chí do các nhóm chuyên trách dự thảo; - Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo TĐG; - Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được; - Xác định các thông tin cần thu thập bổ sung; - Thư ký Hội đồng tập hợp các báo cáo tiêu chuẩn thành dự thảo báo cáo tự đánh giá CTĐT.
Tuần 17 - 18 (Từ 09/01/2023 đến 22/01/2023)	- Hội đồng tự đánh giá CTĐT xem xét dự thảo báo cáo tự đánh giá và đề xuất những chỉnh sửa (nếu cần). - Hội đồng TĐG CTĐT họp với các bộ môn, phòng, ban, ... để thảo luận về báo cáo TĐG, xin ý kiến góp ý.
Tuần 19 - 21 (Từ 23/01/2023 đến 12/02/2023)	- Công bố bản báo cáo TĐG (đã chỉnh sửa sau góp ý của các bộ môn, phòng, ban, ...) trong nội bộ Nhà trường và đơn vị thực hiện CTĐT. - Các bộ môn, phòng ban, cán bộ, giảng viên, nhân viên, người học, đóng góp ý kiến phản biện về báo cáo TĐG
Tuần 22 - 23 (Từ 13/02/2023 đến 26/02/2023)	- Hội đồng TĐG CTĐT họp để tiếp tục bổ sung và hoàn thiện báo cáo TĐG theo các ý kiến phản biện; - Hội đồng tự đánh giá CTĐT thông qua báo cáo TĐG lần cuối và nộp báo cáo TĐG cho lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT và Hiệu trưởng để xem xét. - Hoàn thiện báo cáo TĐG
Tuần 24 (Từ 27/02/2023 đến 05/3/2023)	- Nhà trường gửi báo cáo TĐG và công văn cho cơ quan quản lý trực tiếp, Bộ Giáo dục và Đào tạo. - Nhà trường bảo quản báo cáo TĐG, lưu giữ các thông tin minh chứng theo thứ tự mã minh chứng đã ghi trong báo cáo TĐG.

Nơi nhận:

- UBND TPCT (để b/c);
- Hội đồng TĐG (để th/h);
- Các đơn vị trong trường (để th/h);
- Lưu VT, P.TTPCKTĐBCL.



NGND.PGS.TS. Huỳnh Thanh Nhã

Phụ lục 3. Danh mục minh chứng